N° 179 Décembre 1982

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

MỪNG VUA VỀ NƯỚC

Nhân dịp Hoàng-đế hồi-loan, lại đi quan-phong miền Bắc xứ Trung-kỳ vừa rồi, các nơi dâng biểu mừng nhiều lắm, phần nhiều là làm bằng chữ nho, theo lề-lối cũ. Chỉ có một vài bài soạn bằng quốc-ngữ mà thôi. Tựu-trung có bài của ông Tiến-sĩ Nguyễn Mai 阮 梅, ở xã Tiên-điền 仙 田, tổng Phan-xá 潘 舍, huyện Nghi-xuân 宜 春, phủ Đức-thọ 德 壽, tỉnh Hà-tĩnh, chính là cháu nội của cụ Nguyễn Du tác-giả truyện Kiều. *Bài biểu này làm bằng quốc-âm, lại thec thể lục-bát : cháu cụ* Kiều *viết lối văn* Kiều, *tưởng cũng nên sao-lục mà đăng lên báo-chương để công đồng-lãm.*

∴ N. P.

Mừng nay gặp hội hanh-gia,
Mặt trời sáng rọi gấm hoa khắp trời.
Giang-sơn mi-mục vẽ-vời,
Thỏa lòng qui-hoắc lâu rày trông mong.
Nước ta mở tự Lạc-Hồng,
Riêng ngôi Ngưu, Nữ, chung dòng Long-Tiên.
Hồng-Hoang dấu cũ nghe truyền,
Dân-phong thuần-mục, quốc-quyền thong-dong.
Bể-dâu thay đổi mấy vòng,
Trở xây vào cuộc lao-lung Bắc-Triều.
Thiên-nhân yếm-loạn đã nhiều,
Thời-kỳ nhất-trị vừa treo vấn-đề.
Trải Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê,
Nối-noi sáng-thủ, trau-tria trị bình.
Một đời dựng một qui-trình,
Y-quan Hán Tống, miếu-đình Ân Châu.
Quốc-triều mở dấu phiên-hầu,
Dựng nền nam-phục dài lâu vững-vàng.
Lịch truyền đến đức Cao-Hoàng,
Thái-Tây đầu mới mở đường giao-thông.
Đã nhiều tướng-tá đồng lòng,
Lại nhờ Qui-quốc ra công tán-thành.
Bể non nước ngọt gió lành,
Lòng trời trợ-thuận, hiển-linh rõ-ràng.
Dân đua rước Võ đón Thang,
Khúc nam-phong hát tiếng vang trong ngoài.
Tấn-dương phơi-phới rồng bay,
Tháng năm Nhâm-tuất mồng hai chính ngày.
Thần truyền Thánh kế nối đời,
Sáng soi đuốc ngọc, tròn xây vò vàng.
Dựng học-xá, mở khoa-trường,
Trị nhân, trị pháp, đôi đường nhắc cân.
Xe loan rọi bóng hồng-vân.
Minh-Mạng, Thiệu-Trị, đôi lần quan-phong.
Có thơ huấn-sắc thần-công,
Có điều huấn-dụ khắp đồng thứ-dân.
Đòi phen ân-xá mưa nhuần,
Đòi phen dẹp loạn, sấm rền uy-thanh.
Bang-giao người nhớ cựu-tình,
Khí-thuyền vượt bể Thái-bình lần sang.
Máy thiêng cũng có thương-thương,
Muốn cho giúp sức cựu-bang tân-đồ.
Ngọn cờ Bảo-hộ càng tô,
Công-an công-ích bàn lo càng nhiều.
Gió mưa có lúc phiêu-diêu,
Mây tan vừa thấy bóng cao vầng hồng.
Tiên-Hoàng rất bậc Thánh-thông,
Lại từng Thánh-học dốc lòng thảo-luận

Mười năm tiêu-cán ưu-cần,
Nam-tuần. bắc-hạnh, quan-dân mấy kỳ.
Mục-lân lại buổi như Tây,
Du-quan có tập Ngự-thi ấn-hành.
Nghĩ đường khai-hóa nhiệt-thành,
Lâu nay người vẫn giúp mình vẻ-vang.
Vận trời ngày lại mở-mang,
Trí dân ngày lại toan đường phổ-thông.
Năm châu bề học mênh-mông,
Di-mưu tính trước đến dòng sâu-xa.
Những chuyên lối học xưa ta,
Hoàn-cầu so lại, chưa ra thích thời.
Ngô-Hoàng vâng lĩnh ý trời,
Từng phen phó-thác những lời đinh-ninh.
Thần-hôn chẳng mến thường-tình,
Thê-hàng chẳng quản công-trình xa khơi.
Ba-thành trú-tất tiện nơi,
Có thầy tốt có bạn hay phụ-thành.
Khi nghiên-cứu, khi giảng-minh,
Lại khi du-lãm, xây quanh các miền.
Nào hải-cảng, nào thị-triền,
Xem qua công-xưởng, dạo liền thôn-quê.
Bao-la mắt thấy tai nghe,
Thêm đường thần-trí, giúp bề thánh-công.
Trong khi núi lặng suối trong,
Đại-thành vẫn dã thủy chung vẹn-tuyền.
Xa xa gửi điện tâu xin,
Xét soi trong nước tấm nguyền vọng-quân.
Giã-từ tỏ ý cảm ân,
Ân nhờ Qui-quốc chu-chuân đào-thành.
Kể từ lưu-trú Pháp-kinh,
Lại qua hai độ tập-tành bảy niên.
Khứ-lưu mỗi nỗi cần-quyền,
Đặm nồng chén tiễn, lời khuyên tỏ tình.
Đại-thần vừa tới cung-nghinh,
Loan-nghi soạn-sửa, hồi-trình ung-dung.
Đường qua non trắng bể hồng,
Phong-quang thu góp vào trong họa-đồ.
Loan-dư về đến Kinh-đô,
Đầy đường cổ-vũ, hoan-hô tưng-bừng.
Tôn-cung vui-vẻ khôn chừng,
Bách-quan triều-hạ, đua dâng tấc thành.
Sông Hương-giang, núi Ngự-bình,
Thanh-cao in sẵn bức tranh hiến-phủ.
Chính đầu mới tỏ qui-mô,
Lược cho thần-lễ, gia cho dân-quyền.
Ngọc vàng tiếng đức bố-tuyên,
Khắp đều trung ngoại thông truyền văn tri.
Bản nguyên nhớ-lại tiền-kỳ,
Lời xưa cách-miếu, còn ghi hiếu-hành.
Phiên-phương nghĩ đến bạ-tình,
Lề xưa tuần-thú, rõ-rành nhân-minh.
Thành-qui một thể cử-hành,
So xưa văn-vật thanh-danh khác gì.
Thái-bình lại thấy uy-nghi,
Mừng thầm xiết kể đồng-ti vân vân.
Từng khi giáp-cốc phù-luân,
Gẫm cơ tán-trợ, thiên nhân một lòng.
Đại-dương xa cách mấy trùng,
Đi về thuyền ngự, lặng không phong-đào.
Năm qua trong nước ổn ào,
Giẹp yên trước đã ra vào êm vui.
Trông ra cảnh-tượng đòi nơi,
Thực là phụ-đức, lòng trời chẳng xa.
Bấy lâu ngọc-thể yên-hòa,
Trông nom được có ông bà Sa-lê.
Trước sau tình-nghĩ đề-huề,
Có quan Sa-lộ rất bề hẳn-hoi.
Trông vào nhật-báo những lời,
Thực là mộ-đức, lòng người cảng thân.
Bởi là trên bậc Thánh Thần,
Thông-minh nết đất, từ-nhân tính trời.
Nguyên-lương khi mới định ngôi,
Dưỡng-tâm trước đã trau giồi Sử Kinh.
Lại nhờ Thượng-quốc văn-minh,
Thể cùng đức-trí dưỡng-thành vừa cân.
Ngoài hình-thức, trong tinh-thần,
Có phần hàm-dưỡng, có phần khuếch-sung.
Tấm lòng thể-đạo khiêm-xung,
Trời yêu ý cũng theo lòng người yêu.
Tưởng khi giá-trú Tây-giao,
Từng suy nghĩ tới hồi-triều ngày nay.
Kính vâng Thánh-huấn tỏ bày,
Cựu-chương để lại muôn đời lẫm-tuân.
Kính Thiên, pháp tổ, ái dân,
Mục tộc, thủ hiền, thể thần trạch nhân.

Ngàn xưa các bậc anh-quân,
Gồm điều mục ấy, đủ phần trị-an.
Vần xây dương buổi thời-gian,
Dực-phù may được có quan Toàn-quyền.
Theo thời châm-chước cán-toàn,
Có quan Khâm-sứ thương bàn lượng-cân.
Có quan Phụ-chánh thân-thần,
Dẫu êm tĩnh-dưỡng cũng cần hiến-trung.
Có quan Võ-hiền Quận-công,
Rõ tay dương-quốc, dốc lòng trí-quân.
Các quan Cơ-mật đại-thần,
Cùng hàng bách-chấp, có thân có hiền,
Trong bật-lạng, ngoài thừa-tuyên,
Thủy-chung ưu-ái kết-liên tấm thành.
Thể theo Thượng-ý tuân-hành,
Thói hay phục-cổ, phép lành tác tân.
Hữu-vi vững có minh-quân;
Vừa thiên-ý hợp, lại nhân-tâm hò.
Bốn ngàn năm lẻ sơn hà,
Ba trăm năm lẻ, bang-gia vững bền.
Thỏa lòng Tiên-đế di-truyền,
Thỏa lòng Thượng-quốc mấy phen chuân-cần.
Hóa thành mong đặng nhờ ân,
Thảo-mao nào phải điều trần chi-chi.
Những riêng ý-tưởng từng khi,
Thói xưa thuần-mĩ, còn ghi sử truyền.
Mới từ tây-ngự xa miền,
Phong-triều đâu bỗng mon men tạt vào.
Nhộn lên một trận ba-đào,
Phân-phân lũ kiến ngao-ngao đoàn hồng.
May nhờ hồng-phúc cửu-trùng,
Thần-kỳ đều thể ra công cán-hồi.
Cũng nhờ ân-trạch nối đời,
Dân-bào nhiều được số người chiêm-y.
Chiêm-bao đã tỉnh hồn si,
Khỏi vòng đồ-thán, lên ngay xuân-đài.
Vẫn đành phiến-động từ ngoài,
Mà trong chừng có một vài nguyên-nhân.
Trải qua nạn cũ phong-trần,
Kể phần vì sĩ vì dân cũng nhiều.
Từ khi tân-học mở đều,
Thiếu-niên ai cũng dật-dìu đua nhau.
Tinh-vi chưa thấu đâu đâu,
Đã truyền bình-đẳng đã cầu tự-do.
Những câu luân-lý nhà nho,
Cho làm hủ-lậu chuyện-trò xem khinh.
Bỏ quên trật-tự phân-minh,
Hương-thôn trưởng-thượng, gia-đình phụ-huynh.
Học chẳng tinh, hạnh chẳng thành,
Trở về dang-dở mưu-sinh hẹp đường.
Đã quen tính-chất ngang-ngang,
Những lời phiến-động dễ mang vào mình.
Dắt nhau sinh sự, sự sinh,
Thông-minh lại mắc thông-minh làm nhầm.
Nước nhà giáo-dục sĩ-lâm,
Hễ nơi phong-tục nhân-tâm rất cần.
Sao cho đức-trí đều cân,
Cũng nhờ giáo-pháp nhiều phần phạm-vi.
Còn như sĩ-tử qua Tây,
Đã trong học-hội càng ngày khuếch-trương.
Tứ-dân sĩ đứng đầu hàng,
Sĩ nên luyện-tập, dân càng trông mong.
Trung-kỳ dân-số vẫn đông,
Mấy nhà tư-bản, tiêu-dùng vừa sang.
Xét chung hiện-trạng thôn-hương,
Trong vòng thập-thất ra đường cửu-không.
Gia-tình cực nỗi bần-cùng,
Nghe lời biền-hoặc dễ lòng say-mê.
Sá đâu lành chữ dữ-dè,
Vẽ nên thảm-trạng mọi bề ngổn-ngang.
Nghĩ ra sinh-lý mọi đàng,
Công-thương so sánh còn đang kém nhiều.
Nông điền nghề thạo bấy nhiêu.
Có chăng phương-tiện là điều khẩn-hoang.
Quang-minh ngọn đuốc Quân-vương,
Muôn trông soi khắp đào-vong các miền.
Tuyển người nông-nghiệp đã quen,
Đặt ra các xứ đinh-điền-sứ nha.
Việc quan như thể việc nhà,
Thân đi khám sát gần xa mọi đường.
Bảo cho hào-lý các làng,

Bao nhiêu thất-nghiệp khai tường tính danh.

Hoang-điền so với cùng-đinh,
Chia phần quản-nhận khẩn-canh cho vừa.
Di-dân thể ý người xưa,
Chẳng cho tình-nguyện đợi chờ lôi-thôi.

Bởi là biếng-nhác nhiều người,
Chỉ ham lưu-luyến, ít vui lao-cần.

Dân-sinh mạnh chế hồ quân,
Nỡ nào để nó khó-khăn cho đành.

Khi đầu bàn sự kinh-dinh,
Vẫn ngờ cự-phí thi-hành lấy đâu.

Những xem kinh-hoạch bấy lâu,
Có kỳ trái-phiếu, có điều khuyến-quyên.

Người làm quí được công-nhiên,
Đừng điều tạ-nhiễu xách-phiền là hay.

Hẳn rồi tựu-hiệu có ngày,
Điền nhiều bạc thuế, đinh nhiều bạc sưu.

Lợi-quyền có phát có thâu,
Sức dân của nước về sau dồi-dào.

Còn như điêm tửu những điều,
Đã từng dân-nghị xin kêu mọi lần.

Chữ rằng: « Lợi kiến đại-nhân »,
Dâng mừng muốn gửi lời gần nỉ-non.

Tôn-thân khắp mặt tôi, con,
Đầu đen trăm họ, lòng son một đường.

Chúng tôi học-thức tầm-thường,
Thi-thư dòng cũ, từ-chương lối lầm.

Bất-tài đành phận viên-lâm,
Từng sung tư-vấn ba năm một lần.

Năm xưa gặp lễ tứ-tuần,
Được theo xu bái trước sân miếu-đường.

Trộm bày kỷ-sự ca-chương,
Lòng cần giựa bút phiên-tường tâu lên.

Móc mưa muôn đội ơn trên,
Chuẩn cho hàm thưởng ban truyền chỉ khen.

Cao dày chưa chút báo đền,
Đỉnh-hồ thăm thẳm, cách miền trùng-vân.

May sao gặp hội nhất-ân,
Một phen gọi dậy tinh-thần một phen.

Trông lên mĩ-chất thịnh-niên,
Nối dòng nhân-hậu lưu-truyền đã lâu.

Trải từng thánh-vực ưu-du,
Dựng nền Khổng-giáo, điểm màu Âu-văn.

Chúc-từ mọi lẽ ân-cần,
Quan Toàn-quyền vẫn nhiều phần khuyên trông.

Ắt là chỉnh-đốn trị-công,
Để cho không phụ tấc lòng quốc dân.

Sớm khuya đốc ý ưu-cần,
Chữ minh, chữ đoán, chữ nhân đều dùng.

Dân nhờ trời cũng chiều lòng,
Bốn phương cam-vũ hòa-phong khắp đều.

Năm canh giấc mộng quân-thiều,
Ước ao được thấy Thuấn, Nghiêu mấy lần.

Nay vâng Ngự-giá bắc-tuần,
Phụng-tiên nối đến cần-dân rõ ràng.

Hồng, Lam rọi bóng thiên-quang,
Xu-thương lại được chen hàng Khanh-phu.

Chúc mừng nối tiếng tung-hô,
Thánh-cung vạn tuế, hoàng-đồ thiên thu!

Ngô-Hoàng nhất dự nhất du,
Quốc-âm dâng khúc ca-âu thái-bình.

NGUYỄN MAI

Hoàng-Thượng ngự miền Bắc Trung-kỳ
Yết lăng Triệu-tường (Thanh-hóa)

Hoàng-Thượng ngự miền Bắc Trung-kỳ
Tại đình Qui-hương (Thanh-hóa)

Kinh ảnh Ng.-h.-Tiểu

Hoàng-Thượng ngự miền Bắc Trung-kỳ
Tại hành-cung (Thanh-hóa)

Hoàng-Thượng ngự miền Bắc Trung-kỳ
Bến đò Hầu (Quảng-bình)

Kinh ảnh Ng.-h.-Tiễu

NGHỀ HÀNG-KHÔNG HIỆN NAY

Hiện nay người ta đã bay qua các đại-dương và các núi cao được rồi; thân nhẹ lên mau, thật không kém gì loài chim. Đó là nhờ ở cái hiệu-lực rất tiến-bộ và các tân kỳ của khoa-học-giới đã ứng-dụng các thứ máy-móc: là sự-nghiệp hàng-không vậy. Sự chinh-phục thời-gian và không-gian ở thế-kỷ thứ 20 này, là kết-quả của các nước gần đây đối với việc hàng-không đã cạnh-tranh để mưu tiến-bộ và nỗ-lực nghiên-cứu. Ai cũng biết rằng sự-nghiệp hàng-không ngày nay, là nhờ ở ý-tưởng tinh-thâm và sự thí-nghiệm mạo-hiểm của các nhà khoa-học trong mấy thế-kỷ, cho nên mới có sự thành-công vĩ-đại như bây giờ.

Từ năm 1843, một người Anh tên là Henson, đã nghĩ dùng thứ phát-động-cơ bằng hơi nước (*moteur à vapeur*) làm một chiếc máy bay. Chiếc máy bay này vì bị trọng-lượng quá chừng, nên chỉ bay được rất thấp mà thôi. Kỳ-văn ấy truyền qua đời sau; kế có một người Pháp tên là Ader, theo cách-thức của Henson, chế ra một chiếc máy bay khác, lấy tên *L'Ole*. Đến ngày 9 tháng 10 năm 1890, ông mới đem ra thí-nghiệm ở đất *Armanvilliers* (thuộc Pháp). Lần này là lần thứ nhất mà người ta trông thấy sự thành-công trong việc hàng-không; là lần đầu trong thế-giới có một chiếc máy bay bay cao lên không-trung được 15 thước và bay xa được 200 thước, rồi bay trở xuống được. Vì Ader không lúc nào là không nỗ-lực chuyên tâm nghiên-cứu về nghề bay, lại được người đời hammộ cái công của người, nên chi người Pháp mới tặng cho người cái danh-hiệu xứng-đáng, là « tổ-sư máy bay ». Lần về sau, chưa bao lâu thì lại có người Mĩ, cũng gia-tâm khảo-cứu về nghề bay. Đến năm 1903, đã có nhiều nhà đem các thứ máy bay ra thí-nghiệm; đến nay trong lịch-sử hàng-không mới được một trang quang-vinh.

Sự-nghiệp hàng-không của thế-giới bắt đầu từ cuộc thí-nghiệm máy bay lần thứ nhất của Ader đã thành-công; đến nay, kể đã ngoài 40 năm. Trong 40 năm ấy, nghề bay đều có tiến-bộ; nhưng sự thực thì chỉ trong 20 năm gần đây, nhất là 10 năm sau khi Âu-chiến phát-sinh, sự tiến-bộ lại rất mau. Trong 20 năm trước, nghề bay không được phát-đạt như 20 năm sau, là vì bấy giờ lý-luận về phi-hành chưa được rõ-rệt; lại vì bấy giờ cách-thức làm máy bay cũng cần phải cải-tiến, cho nên còn đương ở vào thời-kỳ thí-nghiệm. Đương-thời, trừ những nhà khoa-học chuyên-môn nghiên-cứu về nghề hàng-không, đối với vấn-đề tiền-đồ của sự-nghiệp phi-hành lúc nào cũng lưu-tâm, còn sĩ-nhân các nước và các Chính-phủ cũng không hay chú-ý đến. Việc dùng máy bay trong việc quân, cũng không có. Cho nên, lúc bấy giờ người thường cũng ít nghe ai nói gì đến việc phi-hành. Mãi đến mấy mươi năm về sau, cái ý-tưởng của người ta đối với việc bay mới rộn-rực, nhất là ở phương Tây. Nhưng lịch-sử của lý-tưởng phi-hành khởi-nguyên thế nào và sự-tích có ý-vị thế nào, lại không phải là mục-đích của bài này. Chủ-ý của người viết bài này là nói đại-khái về cái lực-lượng của nghề phi-hành từ trước và sau Âu-chiến, và cái hiệu-năng của sự ứng-dụng máy bay trong thời-kỳ Âu-chiến, cốt đưa độc-giả đến chỗ trọng-yếu của nghề hàng-không.

.·.

Sự-nghiệp phi-hành trước Âu-chiến

Trước năm 1910, cái hàng-lực của các thứ máy bay rất còn bạc-nhược; đủ biết cái trình-độ nghề phi-hành lúc bấy giờ hãy còn thấp kém lắm. Bấy giờ trong một phút đồng-hồ, chỉ bay được một ki-lô-mét, là nhờ có gió xuôi thế thuận mới có được cái tốc-lực ấy. Muốn rõ sự thực hơn nữa, xin lấy việc sau này làm chứng. Năm 1907 có một bá-tước người Pháp tên là LAMBERT (comte de Lambert), bay từ *Jusivy* thẳng đến *Paris*; hàng-trình không hơn 49 ki-lô-mét, mà bay đến nơi phải mất 49 phút và 39 giây đồng-hồ nữa. Đủ biết cái tốc-độ của máy bay bấy giờ chưa hơn được tốc-độ của xe lửa. Ấy thế mà đương-thời người Pháp rất xưng-tụng và chúc mừng cuộc bay ấy. Lúc bấy giờ bay cao nhất chỉ được 300 thước, và ở trên không cực lâu thì được 3 giờ đồng-hồ.

Nhưng, từ đó về sau, nhân-sĩ các nước và các chính-phủ đối với nghề bay mới lần lần chú-ý. Thường có các nhà cự-thương hay các phú-ông bỏ tiền riêng ra để tưởng-lệ các nhà phi-hành. Thời bấy giờ ở nước Anh có tờ báo *Daily Mail* chịu bỏ ra đến 250.000 quan tiền tây, để thưởng cho người thứ nhất nào bay được từ *Londres* đến *Manchester*, mà thành-công hoàn-toàn. Hàng-trình cuộc bay này tất cả là 290 ki-lô-mét; hạn bay 24 giờ và cho nghỉ hai lần. Kịp đến ngày 27 tháng 4 năm 1910, người Pháp tên là LOUIS PAULHAN được lĩnh phần thưởng danh-dự ấy. Cũng trong năm ấy, qua tháng 8 có 6 nhà phi-hành Pháp dự định một cuộc bay từ *Paris*, bay qua *Troyes*, qua *Mézières*, qua *Douai Amiens* và các tỉnh phía bắc nước Pháp; hạn trong một tuần nhật (7 ngày) thì bay trở về đến *Paris*. Kết-quả cuộc bay này, nhà phi-hành LEBLANC giật giải nhất, bay được 860 ki-lô-mét trong 12 giờ đồng-hồ. Đối với cuộc bay của bá tước LAMBERT trước kia, mỗi phút đồng-hồ bay được 1 ki-lô-mét, thì thấy nghề hàng-không đã tiến-bộ một cách lạ thường.

Trước Âu-chiến, nhiều người đã nghe đến tên nhà phi-công ROLAND GARROS của nước Pháp, mà người Pháp đã tặng cho cái danh-hiệu là « phi-nhân » (người bay = *homme volant*): đủ thấy nghề bay của người đã cao-diệu đến đâu. Người ta sùng-vọng GARROS như thế, không phải là không đáng đâu: trong hàng-không-giới nước Pháp lúc bấy giờ, GARROS là người có công hơn cả, không kể nguy-hiểm, đã đứng ra khởi-xướng làm bao nhiêu việc rất có ích-lợi cho nghề bay. Đến nay các máy bay dùng về việc buôn đã phát-đạt khắp châu Âu, là nhờ ở sự mạo-tử của GARROS, chịu bao nhiêu khó-nhọc mới tìm được nhiều hàng-tuyến (đường bay). Các đường bay *Paris-Madrid* (kinh-đô nước Tây-ban-nha), *Paris-Rome*, *Paris-Berlin*, khắp châu Âu và trên Địa-trung-hải, bay qua mà không phải nghỉ, bắt đầu từ năm 1911 đến 1914; đó đều do ở công-phu của GARROS đã tạo-thành trước nhất. Đồng-thời GARROS lại còn tìm được rất nhiều lối bay cao. Từ năm 1910 cho đến tháng 8 năm 1911, trong thế-giới ai bay cao nhất, không ngoài 3.200 thước. Nhưng qua tháng 9 ngày 4 năm ấy, GARROS chuẩn-bị một cuộc bay cực cao: quả-nhiên người bay cao được 3.900 thước. Qua ngày 6 tháng 9 năm sau (1912) GARROS lại bay cao đến 4.900 thước. Bấy giờ cái tốc-lực của máy bay đã tăng-gia lên nhiều rồi: cái tốc-độ mỗi một giờ có thể bay được từ 120 đến 150 ki-lô-mét. Đến mấy tháng sau, GARROS lại bay cao hơn nữa, lên đến 5.610 thước. Sau rốt, đến năm 1913, người lại bay cao được 6.120 thước. Nghề hàng-không của GARROS kể đã tinh-thông lắm rồi.

Trong năm 1914, sau khi chiến-tranh phát-sinh, nước Pháp rất nhờ công-nghiệp hàng-không của GARROS; người là một vị rất có công lớn trong đội không-quân của nước Pháp lúc bấy giờ; người đã gia công bồi-dưỡng và huấn-luyện cho đội không-quân ấy. Anh-hùng đoản-mệnh, trọn đời cũng không khỏi chết trong viên đạn của quân-địch: đến ngày 7 tháng 10 năm 1918, — Một ngày trước sinh-nhật 30 tuổi của tiên-sinh. — GARROS một mình ngồi một chiếc máy bay ra giao-chiến trên không-trung với ba chiếc phi-cơ của quân Đức; một mình không địch lại số đông, bị đạn trên máy bay của quân-địch bắn qua, người rơi xuống chết. Toàn-quân nước Pháp rất thống-thiết. GARROS không những là một nhà không-chiến tướng-sĩ của nước Pháp, mà lại là một nhà phi-hành có công với cả thế-giới. Cái tên « phi-nhân » người Pháp đã tặng cho GARROS, thật là xứng-đáng vậy.

Cái đời phi-hành của GARROS như trên vừa thuật qua, hoặc-giả có chỗ không đúng lắm; nhưng nếu có, bất-quá cũng là đại-đồng tiểu-dị mà thôi. Đến như việc thuật lại cái « đời bay » của người, là cốt cho độc-giả thấy rõ nghề bay ở Âu-châu trước khi Âu-chiến thế nào mà thôi.

⁂

Cái hiệu-lực của việc ứng-dụng máy bay trong thời-kỳ Âu-chiến

Từ ngày phát-sinh chiến-tranh, các nhà hàng-không các nước hết sức lo chuẩn bị việc đánh trên không, và cố lo nghiên-cứu các phép phòng-vệ máy bay và cái thuật tác-chiến cho được lâu dài trên không-trung. Cho nên trong thời-kỳ đại-chiến, từ năm 1914 đến 1919, các nước rất tranh-đấu nhau về hàng-lực, tìm ra được nhiều thứ máy bay kiểu mới. Trong thời-kỳ chiến-tranh, vì chiến-thuật trên không-trung, mà sự tiến-bộ của máy bay ngày càng tinh-linh, và số máy bay cũng ngày càng tăng-gia.

Việc dùng máy bay vào chiến-tranh, bắt đầu từ năm 1912, do ở trận *Balkans* (Ba-nhĩ-cán) dùng trước. Bấy giờ cái trình-độ tham-chiến của máy bay, bất-quá chỉ dùng bay qua bay lại trên trận chiến của địch-quân, để thám-thính quân-tâm và trận-tình mà thôi; thật chưa có năng-lực ra trận được. Bấy giờ chưa nghe thấy máy bay nào ra trận bắn súng cối xay và ném tạc-đạn xuống để phá thành-trì của địch-quân. Lúc Âu-chiến mới bắt đầu khởi sự, cả nước Anh và nước Pháp cũng đều chưa có quân-đội không-trung huấn-luyện được tương-đương. Tuy rằng quân Đức rất hùng-dũng trang-nghiêm, nhưng cũng chưa đủ khiến cho liên-quân Anh Pháp một thấy mà sợ-sệt vứt cả khí-giáp bỏ chạy đâu. Mấy tháng sau, quân Đức mới bắt đầu dùng phi-đĩnh *Zeppelin* và máy bay (phi-cơ) bay đi ném tạc-đạn thành *Paris* và *Londres*, khiến cho dân hai thành-phố ấy, vì không chuẩn-bị gì cả, nên rất kinh-hoàng, ngày đêm không ăn ở yên. Các nhà đương cục Anh và Pháp lúc bấy giờ thấy rằng lục-hải-quân của mình không thể đem ra chống cự với không-quân của Đức, sợ rằng sự nguy-cấp cho nước nhà sẽ đến nơi chăng, nên cũng lo tổ-chức đội không-quân để phục-thù. Nhân vì trên bờ sông *Rhin* về địa-phận nước Đức là nơi trọng-trấn của các công-nghiệp Đức, mà trên khoảng không-trung gần đó lại là một nơi tiện việc đánh nhau bằng máy bay, và cũng có thể thả tạc-đạn vào kinh-thành *Berlin* được, cho nên từ đội không-quân của liên-quân Anh Pháp tổ-chức thành, liền mạo-tử bay thẳng đến địa-phương ấy, cầu đánh phá được thành *Berlin*. Cái thâm-mưu của Anh Pháp tuy không thành, nhưng cũng nhân đó mới thấy

cái kết-quả tự-nhiên của cuộc cạnh-tranh bằng không-quân. Rồi việc dùng máy bay vào chiến-tranh ngày càng khoáng-đại. Đồng-thời số phi-cơ của nước Pháp cũng ngày càng làm thêm rất nhiều, mà nghề hàng-không cũng từ đó phát-đạt một cách mau chóng lạ thường.

Riêng một nước Pháp, kể từ khi chiến-tranh phát-khởi cho đến khi xong chiến-tranh, việc phát-đạt về nghề hàng-không và số máy bay thấy cũng đã sợ rồi. Lúc bấy giờ, đương khi nước Pháp đánh với Đức, số máy bay của toàn nước Pháp tổng-cộng chỉ có 272 chiếc, mà các nhà phi-hành bấy giờ cũng chưa có cái năng-lực chiến đấu như không-quân của Đức, và việc huấn-luyện cũng chưa được hoàn-mĩ. Cho nên mấy lần đại-cử không-công (đánh nhau trên không-trung) với Đức, không-quân của Pháp đều không được thắng-lợi. Đến đầu năm 1915, sau khi đã đặc-biệt huấn-luyện, nước Pháp bèn thả ra đến 4.342 nhà phi-hành chuyên-môn. Số máy bay chế-tạo trong nước đến ngày ấy cũng đã nhiều : mỗi ngày làm xong đến 10 chiếc máy bay mới, đều cho bay ra trước mặt trận, xông-pha với địch-quân. Qua năm sau (1916) về không-quân nước Pháp đã đủ : quân-đoàn-cơ 100 trung-đội, chiến-đấu-cơ 50 trung-đội, pháo-kích-cơ 71 trung-đội, khu-trục-cơ 40 trung-đội và 68 chiếc máy bay chỉ chuyên chở tạc-đạn ; tổng-cộng số máy bay ước chừng 3000 chiếc vừa trong ngoài ; tướng-sĩ không-chiến cũng đến 40.080 ; kinh-phí mỗi năm về máy bay đến 770 triệu quan. Số kinh-phí này đến năm 1917 lại tăng-gia lên đến 1.000 triệu quan. Đến năm đình-chiến, là năm 1918, sau khi ký hòa-ước rồi, số chi-phí về không-quân của nước Pháp lại cấp-tăng lên đến 1.500 triệu quan. Bấy giờ số máy bay trong toàn-quốc đã được ngoài 6.000 chiếc ; mà 350 chiếc đã được ứng-dụng ngoài mặt trận rồi. Việc chế-tạo máy bay đột-nhiên lại ngày càng thêm lên : Mỗi ngày có thể làm được 130 chiếc máy bay mới, là chưa nói đến số máy bay cũ và hư-hỏng phải chữa lại. Các nhà phi-hành và không-chiến tướng-sĩ bấy giờ tổng-cộng đã được 88.000 người rồi. Thật là lợi-hại ! Đương thời chiến-tranh, về phần nước Đức, vì thấy số không-quân hùng-cường của Pháp như thế, tưởng-tượng đến sự thất-bại, cũng cấp-cấp tổ-chức đội không-quân của họ ; nhưng vì tình-thế trong nước bắt buộc, không tổ-chức kịp bằng, nên phải sớm lo cầu hòa.

Lại, trong thời-kỳ đại-chiến, xem số công-nhân trong các chế-tạo-xưởng của nước Pháp, về việc máy bay, thấy cũng đã đáng ghê rồi : trong năm 1915, mỗi ngày đến 12.650 công-nhân trong chế-tạo-xưởng ; năm 1916 mỗi tháng đến 30.960 người làm ; qua năm sau, cũng mỗi tháng số công-nhân đến 69.920 ; đến năm 1918 trong tháng đầu thì 131.550 người làm, mà vào khoảng tháng 11 số công-nhân đã lên đến 186.300. Xem thế, đủ biết rõ-ràng rằng nửa kỳ sau Âu-chiến, các nước chỉ toàn tranh-thắng trên không-trung ; mà Chính-phủ Pháp đối với việc nỗ lực về không-quân, đã được cái oai-dự làm bá-chủ trên không-trung rồi : há phải là một việc ngẫu-nhiên !

Nửa kỳ sau Âu-chiến, chiến-thuật và chiến-cụ của lục-hải-quân đã tiến-bộ và phát-đạt đến cực-điểm rồi, cơ hồ như không còn phép gì mà biến-hóa hay là có cái tân-thức nào hơn nữa ; mà cũng không cần phải biến-hóa hay tìm cái mới hơn làm gì. Hình như nhiều người mộng-cảm rằng trong các nước đánh nhau đó, về sau chắc không nước nào khuếch-trương nghề hàng-không hay là gia-luyện không-quân làm gì nữa, vì không-quân đã tiến-bộ đến như thế, tưởng cũng khó lòng thua

được nước khác. Nhưng cứ xem số phi hành-gia của nước Pháp trong thời-kỳ chiến-tranh và sau khi đã giảng-hòa, thì thấy rằng bao giờ cũng có gia-luyện. Kinh-phí về nghề hàng-không mỗi năm mỗi tăng-gia ; số máy bay ngày càng làm thêm nhiều ; công-nhân và hàng-không công-xưởng ngày cũng thêm lên và mở rộng ra mãi. Tóm lại, thu-hiệu và sự phát-đạt về nghề hàng-không của nước Pháp từ sau khi đình-chiến, ngày ngày rất là vĩ-liệt !

Lại như các nước khác : Anh, Mĩ, Đức, Ý, Áo, Hung, trong thời-kỳ chiến-tranh không-quân đã tăng gia, mà sau chiến-tranh lại càng tăng lên, mãi cho đến ngày nay. Số máy bay, số công-nhân và công-xưởng hàng-không, đột-nhiên cũng gia lên rất nhiều ; phí-dụng về không-quân mỗi năm cũng đều cao dần lên, tuy chưa kịp bằng nước Pháp, chớ cũng đã phát-đạt và tiến-bộ thần-tốc lắm rồi.

⁂

Sự tiến-bộ của nghề hàng-không sau Âu-chiến

Từ đã trải qua trận chiến-tranh rất thảm-thống trong 4 năm rưỡi trời ấy, các nước nào đã có mặt giữa chiến-trường, đã no say những việc « cùng khói lên mây, theo máu ra bể » ; nhưng họ vẫn xem là thường...

Bao nhiêu trận giao - chiến trên không-trung lúc bấy giờ, phần nhiều bị thất-bại. Nghĩ đến chỗ ấy, nay các nhà quân-sự đương-cục của các nước, đối với việc phát-siển trên không-trung, đã nhiều giác-ngộ. Cho nên, xưa thì đánh nhau trên mặt bể, mà nay lại cạnh-tranh nhau trên không - trung. Hiện nay cứ xem ở các việc dự-bị của liệt-cường Âu Mĩ, thấy họ đã lo thao-luyện về cuộc chiến-tranh vị-lai rồi, và đã tưởng-tượng đến sự thắng-lợi sau này. Lại xem ở một nước mà không-bị (dự bị về không-quân) đã hoàn - toàn, thì biết ngay rằng cái sứ-mệnh của máy bay trong cuộc chiến-tranh tương-lai rất là trọng-đại. Một lúc, việc chiến-tranh đã xong xuôi rồi, chính - phủ các nước mới phấn-phát đứng ra đề-xướng việc kiến-thiết hàng-không, cũng là khuếch-trương quân-bị phi-hành. Vì thế cho nên sau chiến-tranh, đột-nhiên thấy nghề hàng-không tiến-bộ rất mau. Các đoàn-thể phi-hành của các nước, nhân sự kết-quả về các cách cổ-lệ của các chính-phủ, cho nên việc dùng máy bay trong thương-nghiệp của dân-gian trước Âu-chiến chưa có gì, mà trong 10 năm sau chiến-tranh thì đã phát-đạt rất nhiều. Đó là nhờ ở sự-nghiệp vĩ-đại của các nhà mạo-hiểm đã bay thám từ trước ; lại cũng có nhờ các Chính-phủ, các công-ty hoặc các đoàn-thể, các nhà cự-thương và các phú-ông đã đặc-biệt cổ-lệ và trí-thưởng, khiến cho lịch-sử phi-hành của nhân-loại đã được chói-lọi. Trong mấy năm gần đây, việc bay thám ở Nam-cực và Bắc-cực cũng đã thành-hiệu và được vẻ-vang. Sau Âu-chiến, bao-nhiêu cuộc bay xa, bay cao rất trọng-yếu đã thành-công ; lại sự tăng-tiến của các hàng-lực như trên đã nói, đủ chứng-minh rằng trong 10 năm gần đây nghề hàng-không đã tiến-bộ biết bao, mà trước kia chưa từng thấy. Theo đó mà xét thì chưa biết nghề hàng-không sau này sẽ phát-siển đến đâu.

Dưới đây xin lược-kê các hàng-tuyến đã bay qua trong mấy năm gần đây :

1. — *Luân-đôn — Úc-châu.* — Năm 1919 nước Anh có bỏ ra 250.000 quan dự-định thưởng cho người thứ nhất nào thành-công được cuộc bay từ Luân-đôn (*Londres*) đến châu Úc. Cuộc bay này hạn-định 30 ngày. Vài tháng

sau khi đã tuyên-bố cuộc thưởng ấy, một người Áo tên là Ross-Smith được lĩnh. Không những được phần thưởng ấy mà thôi, vua nước Anh lại còn tặng cho một chức quan là « dũng-sĩ », để chúc mừng người Áo ấy đã thành-công rực-rỡ trong cuộc bay xa đến 18.000 ki-lô-mét. Người khởi bay từ Luân-đôn ngày 12 tháng 11 về buổi sáng. Cùng ngồi trên máy bay với người, có 3 người nữa, một người em tên Keith Smith, còn hai người kia là Bennett và Shiers. Bay theo đường: qua Pháp, Ý, Hi-lạp, Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tư, Ấn-độ, Tân-gia-ba, rồi qua quần-đảo Nam-dương. Đến 10 tháng 12 vừa bay đến hải-khẩu Darwin châu Úc. Người bay tất cả chỉ có 28 ngày; mỗi ngày bình-quân theo hàng-lý bay được 643 ki-lô-mét.

2.— *Paris—Đông-kinh.* — Năm 1924 nhà phi-hành nước Pháp là Doisy và nhà thợ máy Kessin, khởi-hành từ *Paris* vào lúc mờ sáng ngày 24 tháng 4, ngồi chiếc máy bay *Bréguet* 19, bay qua *Constantinople*, *Bagdad*, *Karachi*, rồi qua Việt-Nam ta, Quảng-đông, Thượng-hải, Từ-châu, Tế-nam, Bắc-bình, Phụng-thiên, Cao-ly, đến Đông-kinh (Nhật). Đường bay hấy giờ, vì mưa gió không thường, khó bay luôn được, nên phải nghỉ. Mãi cho đến ngày 9 tháng 6 mới đến Đông-kinh. Đường bay ấy dài đến 20.400 ki-lô-mét; bay tất cả hết 124 giờ đồng-hồ; bình-quân bay được 164 ki-lô-mét mỗi giờ. Lúc bấy giờ bay đến trường bay Thượng-hải, máy bay bị hỏng, nhưng cả hai nhà phi-hành không việc gì. Sau Doisy phải tin về Pháp lấy một chiếc máy bay khác tốt và chắc hơn đến 300 mã-lực, để bay cho xong cuộc bay *Paris* Đông-kinh.

3.— *Rome-Melbourne— Đông-kinh — Rome.* — Trong năm 1925 người nước Ý đã thành-công trong cuộc bay này. Lúc bấy giờ các cuộc bay xa tăng-quang không ít; đủ thấy rằng cái tiền-đồ của nghề hàng-không nước Ý cũng không vừa. Bay từ La-mã (*Rome*) đến Tân-kim-sơn (*Melbourne*) xa đến 23.000 ki-lô-mét, mà mất có 180 giờ. Lại trong 100 giờ bay từ Tân-kim-sơn đến Đông-kinh, đường dài 14.000 ki-lô-mét. Rồi từ Đông-kinh bay về La-mã 18.000 ki-lô-mét trong 110 giờ. Tổng-kê là 390 giờ bay được tất cả 55.000 ki-lô-mét, dài hơn bề dài của trái đất đến 13.400 ki-lô-mét. Người nước Ý đã bay qua được đường bay dài này là Marquis de Pinedo với nhà thợ máy Campanelli.

4. — *Paris — Bắc-bình.* — Cuộc bay này cũng do nhà phi-hành Pháp Doisy với nhà kỹ-sư Carol. Năm 1924 người đã bay đường *Paris*—Đông-kinh; lần này (1926) lại bay qua Tây-bá-lị-á, không phải bay theo đường cũ; chỉ bay hết một tuần-lễ, bay được 9.730 ki-lô-mét.

* * *

Sự tiến-bộ của các cuộc bay xa không nghỉ trong 3 năm gần đây.— Tháng 5 năm 1927, ngày 20 đến 21, người Mĩ là Lâm Bạch (Lindberg) đã thành-công trong cuộc bay qua Đại-tây-dương: bay từ Nữu-ước thẳng qua *Paris*, làm cho người đời rất chú-ý. Đường bay thẳng không nghỉ này xa đến 5.809 ki-lô-mét, mà bay hết 33 giờ rưỡi; thế là hoàn-thành cuộc bay Âu-Mĩ; hai thành-phố lớn nhất, bay từ thành này qua thành kia, bay luôn không nghỉ. Thật là cái vĩ-cử trong lịch-sử hàng-không vậy. Sự thành-công của Lâm-Bạch này đánh đổ được cuộc bay xa 5.396 ki-lô mét không nghỉ của hai nhà phi-hành Pháp là Costes và Rignot không thành trong

năm 1926. Cũng trong ngày 20-21 tháng 5 ấy, hai nhà phi-hành Anh là CARR và GILMAN cũng bay thẳng 5.500 ki-lô-mét trong 34 giờ rưỡi không nghỉ. Một tuần-nhật sau, lại cũng có hai người Mĩ là CHAMBERLIN và LEVINE dùng chiếc máy bay động-cơ WRIGHT 220 mã-lực, bay từ Nữu-ước đến *Helfta*, dài được 6.294 ki-lô-mét, bay hết 41 giờ 56 phút. Hai người Mĩ này chiếm được giải quán-quân trong năm 1927 về các cuộc bay thẳng xa nhất mà không nghỉ. Giải này qua năm sau (1928) lại bị hai nhà phi-hành Ý là FERRARIN và DELPRETE đánh đổ: hai người này bay được những 7.188 ki-lô-mét không nghỉ. Qua đến năm kia (1930) đây, vào khoảng tháng 9 nhà phi-công COSTES bay từ *Paris* thẳng đến Tề-tề-cáp-nhĩ (Tàu) không nghỉ, đường dài đến 7.800 ki-lô-mét, mà bay trong 51 giờ; thế là COSTES lại giật được giải nhất trong thế-giới hiện-cận về các cuộc bay rất xa không nghỉ. Cuộc bay này làm thành đường hàng-tuyến thẳng Âu-Á, mà trước nay các nhà phi-hành khác chưa từng bay qua bao giờ.

⁂

Cuộc tranh-thắng tiến-bộ của hai nước Anh Ý về tốc-lực của thủy-phi-cơ trong 5 năm về sau. — Nước Anh là một nước do quần-đảo lập-thành; nước Ý cũng là một nước bán-đảo; cả hai đều có quan-hệ với hải-ngạn. Cho nên việc ứng-dụng thủy-phi-cơ của hai nước ấy đối với nước khác rất trọng-yếu đặc-biệt; mà đồng-thời việc thiết-bị thủy-phi-cơ cũng cần phải phát-triển và tiến-bộ. Chắc trong 5 năm về sau đây người ta sẽ kinh-sợ về sự mãnh-tiến của tốc-lực thủy-phi-cơ hai nước ấy. Cứ xem ngay cái tốc-lực của thủy-phi-cơ nước Anh trong năm 1925, mỗi một giờ đã bay được 365 ki-lô-mét; qua năm sau (1926) thủy-phi-cơ của Ý lại bay được những 416 ki-lô-mét một giờ; đến năm 1927 lại tăng lên đến 479, qua năm 1928 đã bay được 512 ki-lô-mét. Cũng trong năm này nước Anh tiến-bộ không kém gì, lại còn có phần hơn nước Ý: mỗi giờ bay được 514 ki-lô-mét. Mãi cho đến năm 1930 nước Ý mới theo kịp nước Anh vào khoảng năm 1928, bay cũng được 514 ki-lô-mét một giờ vậy, thì nước Anh lại tiến-bộ lên một tầng nữa: tốc-lực của thủy-phi-cơ trong mỗi giờ bay đến 593 ki-lô-mét rưỡi. Cứ theo cái tốc-lực này suy tính thì trong 70 giờ đồng-hồ thủy-phi-cơ của Anh có thể bay vòng được hoàn-cầu.

Còn về lục-phi-cơ, cái tốc-lực của nó tăng tiến cũng không vừa; nhất là phi-cơ của hai nước Pháp và Mĩ trong năm 1921 lục-phi-cơ của nước Pháp đã bay được 335 ki-lô-mét một giờ rồi. Trong hai năm 1922 và 1923 phi-cơ của Mĩ cũng đã bay được từ 358 ki-lô-mét và 825 thước cho đến 429 ki-lô-mét 25 thước trong một giờ rồi. Mãi đến ngày nay, cả các nước trên thế-giới thật chưa có một nước nào bay nhanh hơn nước Pháp trong năm 1924; bấy giờ tốc-lực của máy bay nước Pháp mỗi giờ bay được những 448 ki-lô-mét 172 thước. Cái tốc-lực của máy bay tưởng đến thế là cực-độ rồi; nhưng về cái tự-động-cơ của máy bay, đến nay quả chưa thấy tiến-hóa gì hơn, còn về phương-diện các nhà phi-hành thì đã có tăng-tiến: tự họ có thể làm tăng gia cái tốc-lực của lục-phi-cơ trong khi họ coi lái. Nói rõ về cái tài-năng của các nhà phi-hành có thể làm tăng-gia cái tốc-lực của máy bay trong khi họ coi lái, lại là phần việc ở ngoài cái phạm-vi bài này.

Sự tiến bộ của các cuộc bay cao từ sau Âu-chiến. — Trước Âu-chiến nhà phi-hành trứ-danh của nước Pháp là ROLAND GARROS đã bay được cao 6.120

thước. Trong thời chiến-tranh, các nhà phi-hành các nước đã hết sức nghiên-cứu về chiến-thuật và các cách chuẩn-bị giao-chiến trên không; cho nên họ đã cố công bay thám và tìm đường bay cao. Từ đó không ai còn nghĩ-ngợi gì đến việc bay cao hơn nữa. Nhưng sau chiến-tranh, thấy các nhà phi-hành các nước lại càng dùng công-phu nghiên-cứu về nghề bay, họ nỗ-lực cạnh-tranh bay thám trên không để tìm đường bay cao hơn; cho nên sau chiến-tranh chưa bao lâu, họ đã tiến-bộ về các cuộc bay cao. Trong năm 1920 người Mĩ tên là SCHROEDER đã bay cao được 10.093 thước. Qua năm sau (1921), cũng người Mĩ tên là READY, lại bay cao hơn, được những 10.518 thước. Đến năm 1923 nhà phi-hành Pháp SADI LECOINTE lại bay cao được 10 741 thước. Rồi đến 3 năm sau, vào năm 1927, lại cũng người Mĩ CHAMPION đánh đổ được tất cả các nhà bay cao trước: Ngày 1 tháng 7, người bay thử cả hai thứ (trước dùng thủy-phi-cơ, sau đến lục-phi-cơ), lục-phi-cơ bay lên được 11.710 thước, còn thủy-phi-cơ bay cao được 11.581 thước. Đối với tân-sự-nghiệp hàng-không, về sự tiến-bộ và đoạt-hùng tranh-thắng, người Mĩ lại càng đáng kinh-sợ! Cũng trong năm 1927 ấy, nhà phi-hành nước Ý tên là DONATI, tưởng đã đánh đổ được cái cao-độ phi-hành của CHAMPION: bay cao được 11.754 thước. Không ngờ, đến ngày 10 tháng 6 năm ngoái đây (1931) nhà phi-công quân-sự của nước Mĩ tên APPOLON SAUCEK, dùng một chiếc thủy-phi-cơ, bay cao được những 43.166 thước Anh (từ trên đến đây nói *thước* trống-hồng là nói thước Pháp, tức là *mètre*). Bay cao như thế, từ xưa nay thật chưa có người nước nào dùng máy bay mà bay cao hơn. (Đây chỉ nói về phi-cơ là máy bay, chớ không nói đến khinh-khí-cầu là *ballon*; nếu nói bay bằng khinh-khí-cầu thì còn có nhiều người bay cao hơn). Thế là người Mĩ SAUCEK đã giật giải quán-quân về độ bay cao gần đây và hiện nay vậy.

Các cuộc bay lâu của nước Mĩ trong 2 năm 1929 và 1930. — Vào khoảng tháng 6 năm 1928, hai nhà phi-hành quân-sự nước Tỷ là CROOY và GROENEN, bay ở luôn trên không-trung được 60 giờ 7 phút. Cũng trong năm ấy, từ ngày 5 đến 7 tháng 7, hai nhà phi-hành Đức là RIZTICS và ZIMMERMAN, lại bay ở trên không lâu hơn hai người Tỷ: bay luôn trên không đến 65 giờ 25 phút mới hạ máy bay xuống. Rồi từ năm 1929 đến nay chỉ có người Mĩ là bay ở luôn trên không lâu hơn hết. 7 giờ rưỡi sáng ngày 1 tháng 1 năm 1929 có 5 người Mĩ là thiếu-hiệu tư-lệnh SPATZ, hai trung-úy HALEVERSON và EAKER, thượng-úy QUESADA và nhà thợ máy HOVE, lên máy bay bay cho đến 2 giờ rưỡi chiều ngày 7 mới xuống; ở luôn trên không được những 6 ngày đêm, 6 giờ 46 phút; làm cho cả thế-giới lúc bấy giờ rất chú-ý đến cuộc bay lâu ở trên không của người Mĩ. Trong máy bay họ đem theo đủ các vật-thực và các đồ dùng hàng ngày. Cứ mỗi buổi sáng là họ thả rơi xuống một tập giấy họ đã chép rõ sự thấy và biết trong ngày hôm trước; trong có dặn kỹ hễ ai bắt được thì giao lại cho các nhà báo, để đăng tin tức ấy cho công chúng xem. Từ có cuộc bay ở trên không luôn đến 150 giờ đó, các nhà phi-hành Mĩ kế-khởi rất đông; mỗi mỗi tuy chưa được toàn-công, chớ đã thấy có tiến-bộ. Vào khoảng cuối năm 1929 đầu năm 1930, hai nhà phi-hành Mĩ là O'BRIEN và JACKSON đã dự-bị thực-vật, ẩm-liệu và dầu «săng» đem theo, trông thấy đã nhiều hơn của năm nhà quân-nhân vừa nói trên, là định bay ở trên không

lâu hơn. Về sau lại còn nhiều nhà phi-hành Mĩ khác cũng đã bay ở trên không lâu hơn năm nhà quân-nhân kia; xin lược thuật như sau:

Kế tiếp ở nhà phi-hành quân-sự kia, có O'Brien và Jackson đã bay ở luôn trên không được những 420 giờ 25 phút, nghĩa là gần được 18 ngày đêm. Hai người này mới thật là «phi-nhân», đã chiếm được giải quán-quân về các cuộc bay ở lâu nhất trên không từ xưa nay. Tháng 7 năm 1930 cũng đã có hai nhà kỹ-sư Kelly và Robbins bay ở luôn trên không được 172 giờ 34 phút. Tháng 8 năm ấy hai nhà phi-hành Newcomb và Mitchell bay ở luôn trên không được 177 giờ 6 phút. Tháng 6 năm 1930, hai anh em Kenueth và John Hunter, bay ở luôn trên không những 23 ngày đêm, làm rung động cả các nước đương chú-ý về nghề hàng-không. Trước khi có cuộc bay của hai anh em nhà phi-hành Kenueth, thật chưa ai mộng-tưởng đến việc ở luôn trên không-trung những hơn 3 tuần-nhật như thế bao giờ. Ấy thế mà Kenueth còn định dự-bị một cuộc bay nữa, ở trên không lâu hơn cuộc bay vừa rồi.

Bay lâu, bay mau, bay xa, bay cao, người Mĩ đều đã đạt đến mục-đích rồi. Từ khi cuộc bay 553 giờ 41 phút của hai anh em Kenueth thành-công về sau, hai nhà bay lâu ở trên không trước kia là O'Brien và Jackson nghe được tin, tưởng rằng hai anh em Kenueth định ở sinh-hoạt luôn trên không-trung, chớ không muốn ở dưới trần với người đời. Trong năm 1929 thấy hai nhà phi-hành O'Brien và Jackson bay ở được trên không đến 18 ngày đêm, thiên-hạ đều cho là lâu nhất rồi, vì chính hai người ấy là hai người đã ở trên không lâu hơn hết trước nhất. Không ngờ qua năm sau lại bị hai anh em Kenueth đánh đổ giải quán-quân ấy; nên hai người kia sinh lòng cạnh-tranh chức anh-hùng trên không. Quả-nhiên, đúng 7 giờ sáng ngày 22 tháng 7 năm 1930 (một tháng sau cuộc bay của anh em Kenueth) O'Brien và Jackson lên máy bay từ trường bay Saint-Louis, định cướp giải quán-quân của anh em Kenneth. Trước khi lên máy bay, hai nhà phi-hành ấy có nói: « Lần này, nếu máy chúng tôi không có điều gì trở-ngại, chúng tôi bay luôn trên 23 ngày đêm trên không-trung không xuống » Nghe câu nói này đủ thấy tấm nhiệt-tâm cạnh-tranh của hai người đến đâu! Thật không sai: lần này hai nhà phi-hành Jackson và O'Brien sinh-nhai trên không-trung đến 27 ngày đêm; đúng 6 giờ sáng ngày 18 tháng 8 chiếc máy bay và hai người đã từ-từ hạ xuống, an-toàn không việc gì. Nếu tính theo giờ, thì lần này hai người bay được những 647 giờ 28 phút ở luôn trên không. Bấy giờ người thế-giới đã tặng cho hai nhà phi-hành bay lâu hơn hết đó là « ông vua nhất trong các « Vua bay ». » Cái tốc-độ của máy bay lần này, bay bình-quân được 150 dặm; cộng tất cả được 100.000 công-lý. Cho nên, đồng thời hai người ấy cũng là quán-quân của thế-giới về cuộc bay xa. Tính theo số ấy thì được hai lần vòng quanh địa-cầu. Chiếc phi-đĩnh *Zeppelins* của người Đức, bay luôn ở trên không lâu nhất cũng chỉ được 118 giờ; nay phi-cơ của người Mĩ bay luôn ở trên không-trung đến mấy lần lâu hơn. Thật là cái công-phu vĩ-đại của người Đức đã dùng phi-đĩnh trước kia đến mấy lần chưa theo kịp vậy. Đủ thấy rằng sau Âu-chiến chừng mươi năm, đối với sự-nghiệp hàng-không, người Mĩ đã bao nhiêu nỗ-lực mưu-tiến; mà sau này rồi chưa biết phát-siển đến đâu! Phi-cơ mà đã bay ở lâu trên không được đến thế, thời cái thâu-hiệu thần-tốc của nó trong cuộc chiến-tranh tương-lai, tưởng đến mấy vạn lần hơn phi-đĩnh vậy.

∴

Mấy cuộc bay qua bể có danh trong lịch-sử hàng-không và ảnh-hưởng của nó

1. — *Cái vĩ-tích lần đầu của nghề hàng-không người Pháp.* — Tháng 7 năm 1909, nhà phi-hành Pháp LOUIS BLÉRIOT thừa một lúc trời tốt, từ *Calais* bay được 38 ki-lô-mét trên bể *Manche* rồi đến *Douvres* nước Anh. Lần này là lần trước nhất mà người ta đã bay qua bể, đã được ghi chép vào lịch-sử hàng-không. Tháng 7 năm 1931 tức ngày kỷ-niệm 20 chu-niên cuộc bay thành-công qua bể *Manche* của BLÉRIOT ba nước Anh, Pháp, Tỷ, luôn trong hai ngày 27 và 28 đều mở hội vui vẻ ở *Calais*, để khánh-chúc nhà anh-hùng bể *Manche* (*héros de la Manche*), và diễn-thuyết dự bàn về sự tiến-bộ của nghề bay hai-mươi năm về sau. Bốn năm về sau, tuy có GARROS bay được 760 ki-lô-mét qua Địa-trung-hải, nhưng cái vĩ-tích lần đầu vẫn là của BLÉRIOT. Trước chiến-tranh thì người Pháp rất nổi danh trong nghề hàng-không ; nhưng sau chiến-tranh thì cái danh-vị ấy lại vào tay người Mĩ.

2. — *Kế người Pháp, có người Mĩ thành-công lần đầu trong cuộc bay qua Đại-tây-dương.* — Sau chiến-tranh, sự-nghiệp vĩ-đại của nghề hàng-không lại vào tay người Mĩ. Tháng 5 năm 1919, nhà phi-hành kiện-tướng nước Mĩ là hải-quân đại-úy A. C. READ, dùng chiếc thủy-phi-cơ « *Naoy-Curtiss* n° 4 » (thường gọi là N. C. 4) bay qua Đại-tây-dương. Lúc bấy giờ cùng bay với READ có hai chiếc thủy-phi-cơ nữa số 1 và 3 ; nhưng giữa bể thì hai chiếc kia đều bị nạn. Chỉ có một mình đại-úy READ bay đến *Plymouth*, là thành-công cuộc bay ngang qua Đại-tây-dương. Trong cuộc bay này READ nghỉ 5 lần. Trên mặt Đại-tây-dương, cứ cách 80 Ki-lô-mét thì người Mĩ có làm một chỗ cho các máy bay nghỉ, hoặc gặp nạn hạ xuống đó. Trên toàn mặt Đại-tây-dương được 60 nơi như thế. Đủ biết rằng người Mĩ đối với sự-nghiệp hàng-không nhiệt-tâm bao nhiêu.

3. — *Tráng-cử của Lindbergt (Lâm-Bạch).* — Tháng 5 năm 1927 người Mĩ là Lâm-Bạch cũng bay qua Đại-tây-dương. Lần bay này làm cho cả người thế-giới đều chú-ý. Đến năm sau, người Pháp cũng thành-công được cuộc bay qua Đại-tây-dương. Lại năm trước đây 3 nhà phi-hành ASSOLANT, LEFÉVRE và COTTI, cũng bay từ Mĩ sang Âu. Lại năm kia đây (1930) hai phi-công COSTES và BELLONTE cũng bay từ Ba-lê thẳng đến Nữu-ước. Tuy-nhiên tựu-trung hình như cũng chưa kịp được LINDBERGH.

Trước khi Lâm-Bạch thành-công trong các cuộc bay lừng-lẫy, tất cả người Mĩ ai cũng bảo rằng cái thanh-danh của người sẽ được chép vào lịch-sử hàng-không, và thế nào người cũng gặp nhiều nguy-hiểm trong các cuộc thí-nghiệm, hơn là hy-vọng thành-công. Chưa bao lâu Lâm-Bạch đã làm thành chiếc máy bay theo ý-định của người, tên là « *Spirit of Saint Louis* » (*esprit de St Louis*), đến 220 mã-lực. Bắt đầu Lâm-Bạch đem chiếc máy bay riêng của mình ra thí-nghiệm ; bay từ tây-nam nước Mĩ thẳng đến phía đông thành *Saint Louis* ; ở luôn trên không-trung được 14 giờ rưỡi (luôn đêm). Sáng hôm sau hạ xuống. Bay được gần 20 dặm. Trong lúc bay gian-nan lắm, vì bay trên bao nhiêu núi cao đến mấy nghìn thước. Thấy bay luôn đêm trên núi cao như thế, mà xuống được bình yên, cả sĩ-nhân nước Mĩ đều ca-tụng cái dũng-khí của người về nghề bay.

Bay thẳng từ Tây-bộ đến Đông-bộ như thế, trong lịch-sử phi-hành nước Mĩ mới có lần đầu. Rồi Lâm-Bạch bay luôn từ *Saint-Louis* đến Nữu-ước, hết 7 giờ 20 phút nữa. Kể cả trước sau kỳ bay này là 21 giờ 50 phút, mà máy bay của người vẫn tốt như thường, bộ máy không việc gì.

Sáng ngày 20 tháng 5 năm 1927, trời mưa to gió lớn, chung-quanh thành Nữu-ước bùn lầy đầy dẫy ; khí trời ở trường bay *Curtiss* gần Nữu-ước cũng khó chịu. Nhưng cứ theo tin đài thiên-văn báo-cáo, thì ngoài bể lại gió bình sóng tĩnh, có thể qua được. Lâm-Bạch định bay từ ngày hôm ấy. Về máy móc đã xem-xét kỹ lưỡng ; đồ cần dùng, vật-thực, dầu, v. v. đều dự-bị sẵn-sàng. Trong lịch-sử phi-hành nước Mĩ, người đã có tên trước nhất là CHAMBERLIN ; nay tại trường bay *Curtiss*, người ta lại hoan-tống và dự-chúc cuộc thành-công của một vị nữa. Hôm ấy, tuy trời vẫn mưa, nhưng cái chí anh-hùng khí-khái của Lâm-Bạch giục người phải quyết-tâm thương-không : bay qua Đại-tây-dương !

Trong lúc muôn người đương hoan-tống, Lâm-Bạch vừa đưa tay lên từ-giã, thì con chim máy kia đã cùng người trông thấy Đại-tây-dương. Đến như việc phải trải qua sương tuyết gió mưa, trong cuộc bay này, thì người đã dự thấy từ lâu rồi, 3 giờ chiều ngày hôm sau đã có tin Lâm-Bạch bay đến gần Ái-nhĩ lan (*Irlande*) rồi. Còn bay đến Luân-đôn và bờ bể nước Pháp, đó là mục-đích của người đã định từ trước. Vào đến địa-giới nước Pháp, muôn ức người đều hoan-hô cuộc bay của Lâm-Bạch thành-công.

Qua ngày hôm sau, trong các trường chớp bóng ở *Paris* đều có chớp phim ảnh cuộc bay hiện-tại quá Đại-tây-dương của vị anh-hùng Lâm-Bạch đã bay từ Nữu-ước đến Ba-lê. Bao nhiêu nhật-báo lớn ở *Paris* đều đầy mấy cột về tin tức cuộc bay ấy đã thành công. Bao nhiêu cuộc hoan-nghinh, chiêu-đãi, và điện chúc mừng các nước đánh đến ! Trẻ con bán báo ở *Paris* hôm ấy đều cao-rao « Lâm-Bạch chuyên-hiện ! » (số báo đặc-biệt nói về Lâm-Bạch) (*le n° spécial de Lindbergh*). Cái tên Lâm-Bạch đến bây giờ ở *Paris* ngày nghe không biết mấy nghìn lần. Không những chỉ ở *Paris*, mà cả trong các thành-thị lớn cả Âu-Mĩ, các báo-chí đều ca-tụng ; tranh nhau đăng tin-tức và phê-bình cuộc bay qua Đại-tây-dương của Lâm-Bạch. Bấy giờ Lâm-Bạch sang nước Tỷ, được vua và hoàng-hậu nước ấy đích-thân ra đón ; đến nước Anh, được người Anh hoan-nghinh đặc-biệt : như là Lâm-Bạch đi đến đâu là đem sự vinh-diệu đến đấy cho người ta vậy. Từ đây cái tin LINDBERGH mới nghe khắp trên thế-giới.

Tóm lại, ta không luận đến cái danh-dự của Lâm-Bạch ; nhưng ta không thể không qui-công cho Lâm-Bạch về cuộc bay vĩ-đại của người qua Đại-tây-dương đã thành-công rực-rỡ ; người lại đứng tiên-khu về con đường bay mới này. Bấy giờ khoa-học hàng-không chưa được tiến-bộ lắm ; từ có cuộc thành-công mạo-hiểm của Lâm-Bạch ; người đời lại càng chăm-chú vào nghề bay. Giá bấy giờ Lâm-Bạch bị thất-bại chắc đối với sự tiến-bộ của khoa-học hàng-không đã có nhiều chướng-ngại. Nay cuộc bay qua Đại-tây-dương đã thành-công, thật là một bước tiến-bộ dài của sự-nghiệp hàng-không trên thế-giới vậy.

Từ *New-York* bay đến *Paris*, hành-trình 5.809 ki-lô-mét, mà Lâm-Bạch bay có 34 giờ rưỡi đồng-hồ, thật là đã mở một kỷ-nguyên mới trên lịch-sử

hàng-không vậy. Rất khó, mà đáng quí thay ! Các tầu lớn của Âu-Mĩ đi lại, ít nhất cũng phải 7 ngày đêm ; mà nay chỉ bay có hơn một ngày đêm. Không quái người đương-thời đã kêu lên «chinh-phục được không-gian với thời-gian là Lâm-Bạch vậy » !

4. - *Cái vinh-dự của người Pháp trên Đại-tây-dương gần đây.* — Cùng ngày 20 tháng 5 năm 1927, cũng có hai người Pháp là COLI và NUNGESSER dùng chiếc phi-cơ một lớp cánh, bay từ *Paris* định vượt qua Đại-tây dương. Nhưng bay nửa đường thì mất tích. Về sau cũng không được tin gì mới. Từ sau Âu-chiến, người Pháp có ý xưng-hùng về nghề hàng-không ; nhưng từ có cuộc bay Lâm-Bạch thành-công và cuộc bay COTI và NUNGESSER thất-bại, người Pháp cũng lấy làm thất-vọng. Vài năm sau, cả Chính-phủ và sĩ-nhân trong nước rất lưu ý đến và không ngày nào không dùng thực-lực mà cổ-lệ nghề bay ; đặt phần thưởng cho các nhà phi-hành có danh và thề-đạt cho đến cái mục-đích Lâm-Bạch, không thì mất thề-diện của nước. Bởi vậy các nhà phi hành mới nỗ-lực lo tranh-hùng giải Đại-tây-dương. Quả-nhiên, đến năm 1929 đây, ba nhà phi-hành LEFÈVRE LOTTI, ASSOLLANT, ngày 13 tháng 6 đúng 3 giờ chiều, ngồi chiếc máy bay « *Oiseau Jaune* », bay từ Mĩ, vượt qua Đại-tây-dương ; 8 giờ tối hôm sau thì đã đến *Cornillas* (thuộc nước *Espagne*). Vì hỏng máy, nên không đạt được hoàn-toàn mục-đích, lại bay thẳng về *Paris* ; nhưng người Pháp cũng đã hoan-nghênh và khánh-chúc một cách đặc-biệt. Lần này là lần đầu mà người Pháp đã thành-công trong cuộc bay qua Đại-tây-dương. Hàng-trình 5.000 ki-lô-mét, bay hết 20 giờ rưỡi.

Từ có cuộc bay Lâm-Bạch thành-công, vài năm sau, trong lịch-sử hàng-không nước Pháp cũng đã có cái thịnh-danh của COSTES. Người cũng đã có tâm dự-nguyện bay từ *Paris* qua *New-York*; nhưng tiếc vì người không làm nổi chiếc máy bay theo ý-định. Có một người Pháp FRANÇOIS COTY, là vua nước-hoa đã nổi tiếng giàu có, có ý thưởng-lệ và phụ-trợ cho sự-nghiệp hàng-không; cho nên đã định giúp COSTES thực-hiện cái tráng-chí của người cho sớm thành công. COTY có nói với COSTES rằng : « Tôi cực-nguyện dự-bị giúp tiên-sinh; tiên-sinh có đủ dũng-khí bay từ *Paris* qua Đại-tây-dương thẳng đến *New-York* chăng ? » COSTES đáp : « Được, như quả tiên-sinh giúp thực-lực, tôi xin thi-nghiệm ngay ; hẹn đạt cho đến dự-nguyện ; tôi rất cảm-tạ cái thịnh-ý của tiên-sinh ! COTY tiên-sinh ạ... »

Mùa thu năm 1929, chiếc máy bay của vua nước-hoa COTY bỏ 2.000.000 quan ra làm, đã xong cả rồi ; bèn lấy tên « *Point d'interrogation* » ; máy đến 750 mã-lực. Mùa thu năm trước tuy COSTES không bay được qua Đại-tây-dương, vì trời xấu, nhưng cũng đã cùng bạn BELLONTE bay thẳng từ *Paris* qua Tề-tề-cáp-nhĩ, được kết-quả hoàn-toàn: đủ thấy cái chỗ tinh-diệu trong việc máy-móc của người rồi.

Qua mùa thu năm 1930, thấy thiên-văn-đài báo tin trời tốt trên mặt Đại-tây-dương, COSTES và BELLONTE định lên máy bay. Vài tối, trước ngày lên máy bay COSTES phu-nhân và BELLONTE phu-nhân, thống-khốc không biết mấy lần, nhiệt-lệ ái-tình chảy đầm-đìa, trông thấy tiền-đồ của mệnh-vận chồng mình không bao lâu nữa thì sẽ... Thành-bại vinh-nhục, chưa biết nó sẽ biến hóa đến đâu ! Cả hai người « hiền-phụ », này lúc nào hình như cũng tưởng-tượng đến hai vị phi-hành trước đây đã mất tung-tích trên Đại-tây-dương, mà tự nghĩ rằng thế-giới này hạnh lắm mới được

một Lâm-Bạch mà thôi! Nhưng hai nhà mạo-hiểm kia quyết không để cho giọt lệ ái-tình nó che lấp cái dũng-khí của mình, cao-hô ngay lên rằng: « Nam-nhi nước Pháp phải tạo quang-vinh cho nước pháp! » Thế mới biết cái tinh-thần hi-sinh và nỗ-lực của người Pháp đối với nghề hàng-không!

Đúng 10 giờ 50 phút buổi sáng ngày 1 tháng 9, COSTES và BELLONTE lên ngồi trên chiếc máy bay « ? » tại trường bay *Bourget* bên Pháp. Trong hàng vạn người đương hoan-tống hai nhà phi-hành mạo-hiểm, thì thấy bóng hai người đàn-bà đưa khăn tay ra ngoắt, vừa đúng lúc con chim máy cất cánh bổng lên. Bấy giờ ở dưới này ai cũng đều nghe « *Au revoir votre cher Paris!* » (Sẽ tái-kiến Ba-lê thân-ái của ta!) Trên phi-cơ đã có đem máy vô-tuyến-điện theo; đi đến đâu đều truyền được tin ra các nơi. Lúc vừa vào đến địa giới nước Mĩ, lại gặp một cơn mưa đen nghịt cả trời đất, không thấy đường mà bay tới nữa; rất là nguy-hiểm! Nhưng may sao, một chốc thì bay qua khỏi chỗ mưa ấy. Đúng 12 giờ 13 phút giữa đêm thì vừa đến trường bay *Curtiss* ở *New-York*. Cũng như cuộc bay của Lâm-Bạch trong năm trước, cả người Âu-Mĩ đều hoan-nghinh hai phi-công một cách đặc-biệt.

5. — *Cuộc dự bị của nghề hàng-không sau này trên Đại-tây-dương.* — Từ khi hai người Pháp BLÉRIOT bay qua bể *Manche* và GARROS bay qua Địa-trung-hải, đã có người mộng-tưởng đến các cuộc bay *Paris — New-York* vượt qua Đại-tây-dương rồi. Đến nay thì cái mộng-tưởng ấy đã thành rồi. Hiện nay trên không-trung mặt bể *Manche*, đã có máy bay dùng về việc buôn-bán, bay từ các nước Pháp, Đức, Tỷ bay qua Luân-đôn nước Anh; rồi từ Luân-đôn bay trở lại *Paris*, *Berlin*, kinh-đô nước Tỷ, nước Hà-lan, và bay qua các thành-thị lớn khác, mỗi ngày đến 7, 8 chuyến bay chở hành-khách. Còn việc bay chở khách qua Địa-trung-hải, bay từ nước Pháp nước Ý qua các thực-dân-địa của họ, người ta cũng dự-định mỗi ngày là vài kỳ bay chở hành-khách và hàng-hóa rồi. Cứ trông theo cái hiện-trạng của nghề bay trên bể *Manche* và Địa-trung-hải, thì thấy rằng cuộc dự-bị bay chở hành-khách và hàng-hóa qua Đại-tây-dương, từ *Paris — New-York*, *New-York — Paris* không phải là mộng-tưởng vậy. Không bao lâu nữa tất người ta sẽ đạt đến cái mục-đích tối-đại ấy. Ngay bây giờ cứ xem công trình của người Mĩ đã làm trên mặt Đại-tây-dương (các nơi để cho máy bay nghỉ, để chứa săng, để máy bay nào có lâm-nạn thì hạ xuống, và bao nhiêu việc khác đương làm), theo con mắt quan-sát của các đại-gia phi-hành đối với cái kế-hoạch của người Mĩ đương thi-hành trên mặt bể, người ta đã dự-ước trong năm năm nữa sẽ có mỗi tuần mấy chuyến bay chở hành-khách và hàng-hóa qua Đại-tây-dương, đường bay *Paris — New York* và *New-York — Paris* sẽ hi-vọng định kỳ.

NGUYỄN TƯỜNG *thuật*

MỘT NHÀ CAO-SĨ NƯỚC TÀU

Ông Đào Uyên-Minh 陶淵明 (1)

1. — *Lời tổng-luận*

Cái phong danh-tiết nghĩa-hiệp không đời nào thịnh bằng đời Đông-Hán, chư-hiền bị vạ đảng-cố mà vẫn coi cái chết như không, hăng-hái biết chừng nào! Từ khi họ Tào dắc-chí chuyên-quyền, ghét bọn chư-hiền không theo mình, mới trăm kế làm cho tỏa-chiết đi, sĩ-khí từ đó mới suy. Xem như tờ thư của Chu-tử đáp Lưu Tử-Trừng nói rằng: « Từ năm Kiến-an trở về sau, kẻ sĩ-phu chốn trung-châu, chỉ biết có họ Tào mà thôi, chứ không còn biết có nhà Hán nữa. Xem ngay như một nhà họ Tuân, Tuân Thục ở đời họ Lương chuyên-quyền thì hay chính-ngôn bất-khuất; mà đến đời con là Tuân Sảng đã theo gót đứng ở triều Đồng Trác; đến đời cháu là Tuân Hoắc thì đã đi làm rể anh Đường Hành, làm tôi chú Tào Tháo, mà không biết là nhục. Đó là bởi cái khí-tiết cương-trực phương chính, bị tỏa-chiết về tay hung-ngược đã nhụt đi mất cả, nên chỉ liệu chiều theo gió mà tìm lấy cái kế toàn-thân, không tự biết rằng đắm-đuối đến như thế ». Họ Tư-Mã lấy là kẻ trọng-thần của họ Tào, rồi ngầm cướp lấy nước, kẻ sĩ-phu đời Tào Ngụy lại giở giáo mà theo về họ Tư-Mã, không còn ai thủ-tiết với họ Tào nữa. Tuy rằng thiên-đạo hiếu-hoàn, mà cũng bởi cái phong danh-tiết nghĩa-hiệp đã mất hết cả đi vậy.

Đời Tấn (họ Tư-Mã) mới dựng nước, khi khai-cơ vốn không có cái đạo trung-hậu, nhưng mà có cái nhã-hóa chấn-tác phong-tục, thừa cái phong-thói của Hà Yến, Vương Bật đời Ngụy, tổ-thuật thuyết Lão, Trang, nhã-thượng thói thanh-đàm, sùng-thượng hư-phù, chẳng tuân lễ-phép. Những lũ Vương Diễn, Nhạc Quảng đều phóng-khoáng chẳng thiết gì đến công-nghiệp, mà lại có danh-giá trọng ở đời, thiên-hạ đều bắt-chước, suốt ngày chỉ phe-phẩy cái đuôi chủ, ngồi ghế tréo mà bàn suông, tự-xưng là bậc danh-sĩ; kẻ học-giả thì lấy thuyết Lão, Trang làm tôn-trọng, mà truất bỏ đạo sáu kinh; kẻ luận-giả thì lấy thuyết hư-vô làm biện bác, mà khinh rẻ điều hạnh-kiểm; cách cư-xử thì lấy phóng-đãng hỗn-trọc làm thông-thời, mà cho sự tín-nghĩa tiết hạnh làm hẹp; kẻ sĩ-tiến thì lấy tạm-bợ may được làm qui-giá, mà coi người giữ-gìn chính-đáng làm khinh; người làm quan thì lấy danh-vọng hão-huyền làm cao, mà cười những người siêng-năng cẩn-thận; trong triều ngoài đã đua nhau thành thói quen; kẻ thức-giả không đợi đến khi Thạch Lặc nổi binh, Lưu Dụ cướp ngôi, mà đã biết trước rằng họ Hán đã suy, mà nhà Tấn tất đến mất nước vậy.

Đương cái cuộc đời quần-chúng mơ-màng, toàn-quốc lão-nhão, mà không có một người nào đứng ra dựng phong-tiết, tỏ đại-nghĩa, làm cái cỏ cứng đương cơn gió mạnh, làm cây thông già ngất giữa trời đông; thì ngọn dồi-ba trôi nổi biết đến đâu là cùng-cực! Ví như lúc đêm trường mờ-mịt, biết bao giờ sáng, đạo trời đất có khi đến tuyệt-diệt, chẳng nguy lắm thay!

(1) Dịch theo sách *Thiếu-niên tùng-thư*.

Thế mới biết loài người ta phải nhờ có những bậc hiếu-tử trung-thần, hiền-nhân cao-sĩ, lại cần hơn là nước lửa thóc gạo, không thể một ngày nào thiếu được!

Đời đến cực-loạn, kẻ nhân-tài mới ra, những người xuất-thân ra giúp đời, làm đến ngôi Khanh-tướng, xoay trời chuyển đất, dựng nên công-nghiệp lẫy-lừng, đã đành là hay lưu ơn-trạch cho một đời vậy. Lại còn kẻ đào-danh tị-thế, chỉ sợ đời nhơ-nhuốc không chịu ra, cái nết cao-khiết khác đời ấy, thiên-hạ ai cũng ngóng; cái lòng đau-đớn khó dãi bày kia, thiên-hạ ai cũng tin; cái tung-tích người ấy càng ẩn, thì cái phong-khái người ấy lại càng hiển; dưới trăm đời nghe cái phong người ấy, còn hay khiến kẻ ngoan-phu hóa ra liêm-khiết, kẻ nọa-phu biết lập chí-khí; tuy rằng lúc đương-thời không bằng cái công-trạng lạ-lùng của những kẻ danh-tướng danh-khanh; nhưng người ấy đủ làm điển-hình cho một đời, hay duy-trì được cương-thường đến vạn-cổ; thì không phải những hạng người trong miếu-đường hay kịp được một phần trong muôn phần vậy.

Cuối đời Đông-Tấn có ông Đào Uyên-minh, đời đều khen là người ẩn-dật, luận về cái tung-tích ông ấy thì vẫn cố-nhiên như thế vậy. Nhưng nay xem những bài thơ khi ông uống rượu mà thuật về thú rượu, thì biết ông giả-thác cái cảnh ma men, trốn lẩn trong làng say tít, có phải như lũ Nguyễn Tịch ngông-cuồng say-sưa đâu. Ông vốn là con cháu dòng-dõi nhà quan tể-phụ, đương đời vua Cung-đế, Lưu Dụ bách vua phải nhường ngôi, rồi liền phế làm Linh-lăng-vương, chửa được bao lâu ngầm đem giết đi. Ông thấy việc đời trái ngược, bèn cao bước lánh xa, không chịu được sự phân-nhiễu ở đời; đến nỗi phải đi cày cuốc lấy cho đủ ăn, xem thế cũng đủ biết cái lòng trung-nghĩa của ông vậy. Những bài thơ khi ông về hưu phần nhiều là lời cảm-khái thương nước thương đời, nhiều kẻ không biết lại ví như bọn trúc-lâm cuồng-sĩ (1), luận cổ-nhân như thế thì sao đáng!

Ông Khuất Nguyên nước Sở, ông Trương Lương nước Hàn, ông Gia-Cát đời Hán, ông Đào Tiềm đời Tấn, bốn người quân-tử ấy tuy rằng tiết-hạnh khác nhau, gặp thời-vận cũng khác nhau, nhưng mà cái tâm thì là một, là đều sáng về cái nghĩa vua tôi vậy. Ông Trương Lương muốn vì nước Hàn mà giết họ Lã diệt nhà Tần; ông Gia-Cát muốn vì nhà Hán mà giết họ Tào diệt nước Ngụy; tuy rằng chửa làm được như sở-nguyện, nhưng cũng đã hơi thỏa cái chí mình. Còn như ông Khuất Nguyên mắt trông thấy kẻ sàm-nịnh nó làm mất nước, ông Đào Tiềm ngồi nhìn kẻ cường-thần nó tiếm mất ngôi, mà đều không thể làm sao được. Hai ông trên kia được hơi thỏa chí mình thì sự-nghiệp các ông ấy đã tỏ ra đời. Còn hai ông sau chẳng thể làm sao được, thì suốt đời còn ai biết đến nữa; nên phải ký-thác ra lời văn-thơ để tỏ lòng trung-phẫn, khiến cho người đời sau mỗi khi đọc đến từ họ Khuất thơ ông Đào mà phải đến thở dài giỏ nước mắt! Than ôi! ông Đào không gặp được vua Chiêu-liệt khá giúp để lo toan, lại không gặp được vua Hán-tổ khá nhờ để phục-thù, nên mới phải trọn đời ẩn-độn, thương thay!

2.— *Ngũ-liễu tiên-sinh*

Ông Đào Tiềm 陶潛 tên tự là Uyên-minh, hoặc tự là Nguyên-lượng, thụy

(1) Đời Tấn có Kê-Khang cùng chơi với Nguyễn Tịch, Sơn Đào, Hướng Tú, Lưu Linh, Nguyễn Hàm, Vương Nhung, cả thảy bảy người cùng kết bạn rượu, gọi là Trúc-lâm thất-hiền.

là Tĩnh-tiết tiên-sinh 靖節先生, người làng Sài-tang đất Tầm-dương, sinh về đời vua Ai-đế nhà Tấn hiệu Hưng-ninh thứ ba năm ất-sửu (1547 trước kỷ-nguyên Dân-quốc). Xét chỗ ông Đào ở có ba nơi : một là ở huyện Tân-xương cách ngoài phía đông hai-mươi-nhăm dặm. Trong Đồ-kinh có nói rằng : «Ông Đào khi trước ở đất Nghi-phong, sau dời đến làng Sài-tang.» Xét đất Nghi-phong là huyện Tân-xương bây giờ. Hai là ở phủ Nam-khang núi Ngọc-kinh cách phía thành tây bảy dặm ; nhất-danh là đất Thượng-kinh ; nên thơ ông có câu rằng : « Xưa ở đất Thượng-kinh» là nơi ấy vậy. Người ta lại gọi là Nam-thôn, đất ấy gần một cái hồ lớn, ngọn núi chon-von, đông tây giáp đất Bành-lãi vài trăm dặm, núi mây khói nước man-mác vòng quanh lắm thú kỳ-tuyệt, không thể bình-trạng ra được. Năm mậu-thân đời vua An-đế, về hồi tháng sáu gặp cơn hỏa-tai, qua năm sau, nhà ông Đào bèn dời đi nơi khác. Ba là ở núi Sài-tang đất Cửu-giang ngoài phía tây-nam chín-mươi dặm, tên làng là Lật-lý. Nay qua chơi đất Tầm-dương còn có hòn đá nhẵn như đá mài là chỗ khi xưa ông Đào say rượu nằm khềnh ra đó. Lại có chùa Thế-ẩn là nơi nhà cũ của Ngũ-liễu tiên-sinh tức là ông Đào vậy.

Xưa có quan Đại-tư-mã là Đào Khản 陶侃 vốn là bậc danh-thần nhà Tấn, phong là Trường-sa quận-công, tên thụy là Hoàn, là tổ ông Đào vậy. Lúc Đào Khản làm quan vô-sự, buổi sớm thường khuân trăm hòn gạch ra nhà ngoài, chiều lại khuân vào nhà trong, người ta hỏi sao lại làm như thế? Ông đáp rằng : « Ta đương cố hết sức lo việc trung-nguyên, nếu mà cứ ăn không ngồi rồi quá, sợ không kham nổi được việc.» Sách sử đã khen ông Đào Khản là người cần-cù chăm-chỉ việc nước.

Khi ông Khản mất rồi, thế-tử là Hạ được tập-tước. Lại giết mất người em là Mân, Dữu-Lượng mới tâu vua truất bỏ tước người Hạ, nhưng biểu chưa dâng đến nơi thì Hạ đã chết. Vua xuống chiếu lấy cháu người Hạ tên là Hoằng nối tước ông Khản. Hoằng mất, con là Xước-Chi được nối tước; Xước-Chi mất con là Diên-Thọ lại được nối tước. Ông Đào đối với Diên-Thọ là hàng chú, khi ấy nhà Tấn đã suy đồi, các nhà thế-gia cũng sút kém ; duy còn có nền-nếp là cố-gia kiều-mộc, vẫn giữ được cái phong-thói nhà thanh-môn cựu-đức mà thôi.

Đào-công khi nhỏ vốn có chí cao thượng, học rộng, khéo làm văn, nhưng tính thích-thảng bất-cơ, chân-suất vô tâm, làng xóm ai cũng biết tiếng, bên cạnh nhà có giồng năm cây liễu, nhân thế mới lấy hiệu là Ngũ-liễu tiên-sinh. Có làm ra một bài truyện để tự-thuật như sau :

— Tiên-sinh không biết là người thế nào mà cũng không rõ họ tên, nhân bên cạnh nhà có năm cây liễu, nên mới hiệu là Ngũ-liễu tiên-sinh. Tiên-sinh nhàn-tĩnh ít nói, không hám vinh lợi, hay đọc sách, nhưng không cần hiểu lắm, mỗi khi có câu gì hội-ý, thì vui quên cả ăn. Tính thích rượu, nhà nghèo, không hay thường có rượu, người thân-cựu biết như thế, có khi làm rượu để mời ông đến uống, uống cho kỳ đến say, đã say thì về, khứ hay lưu chẳng có dụng tình chi cả. Nhà chỗng bốn vách, chẳng đủ che nắng gió ; áo đụp thất nút, nồi bầu thường suông, mà vẫn coi như không. Hay làm văn-chương để tự vui và tỏ chí mình, quên cả sự đắc-thất, suốt đời tự-nhiên như vậy. Tán rằng : Ông Kiềm Lâu (1) có nói : « Chẳng ấy-náy về cảnh bần-tiện, chẳng chớm hớp vị

(1) Người cao-sĩ nước Lỗ.

mời phú quí. » *Gẫm lời nói ấy, ta cũng là bọn người ấy chăng? Đánh chén làm thơ để vui chí mình, là dân đời Vô-hoài (1) đấy dư! Dân đời Cát-thiên (2) đấy dư!*

Bài văn trên này xuất-cảo ra nhiều người truyền-tụng, thực là một bài thực lục về đời ông Đào vậy.

Ông Đào vui thú cao-thượng xuất-tự thiên-tính, có lòng nào lại chán bần-tiện mà ham phú-quí đâu. Chỉ vì gia-thế thanh-bần, cơm rau nước lã vẫn thường không đủ; cổ nhân có kẻ vì cha già nhà nghèo, mà phải ra làm quan. Ông có làm quan tế-tửu ở một châu, ôi lấy ông là người khâm-hoài cao-khiết, xưa nay vẫn chửa từng tiếp-xúc với duyên nợ trên đời, mà khi ra làm quan đã phải bận rộn về những việc tiền thóc hình-danh lặt-vặt, ngày cùng làm duyên với mấy bác tơ-lại, thì ông hẳn là uất-ức bất-đắc-chí, ở lâu sao được, chửa bao lâu liền bỏ chức về.

Quan đương-đạo muốn vời ông làm chức chủ-bạ, ông đã răn về việc trước từ chối không ra, ở nhà cày ruộng tự làm lấy ăn; khi nhớ bạn thì đọc câu thơ đình-vân, khi cảm-thời thì vịnh bài thơ vinh-mộc, nhàn-thích thú-vị biết là chừng nào.

Phê-bình. *Sách* Khổn-học kỷ-văn *nói rằng các tiền-hiền đề vịnh làng Lật-lý chỗ ông Đào ở cũng nhiều, duy có một bài thơ của Nhan Lỗ-công đời Đường, có lời cảm-khái, thơ rằng:*

« Trương (3) nghĩ báo ân Hàn,
張 良 思 報 韓
Cung (4) thẹn thờ Ngụy-Tấn;
龔 勝 恥 事 新
Giết giặc không xong việc,
狙 擊 苦 不 就
Liều chết thương tần-ngần;
含 生 悲 捱 紳
Than ôi! Đào Uyên-Minh,
嗚 呼 陶 淵 明
Dõi đời làm Tấn-thần;
奕 葉 爲 晉 臣
Nghĩ mình nhà thế-gia,
自 以 公 相 後
Thương nước gặp hồi truân;
每 憫 宗 國 屯
Niên-hiệu đề canh-tí,
朝 詩 庚 子 歲
Hi-Hoàng khềnh cái thân;
自 謂 羲 皇 人
Tay cầm quyển sách cổ,
手 持 山 海 經
Đầu đội một chiếc khăn;
頭 戴 漉 酒 巾
Hứng cùng mây xa tít,
興 與 孤 雲 遠
Nghỉ theo chim về dần.
辨 隨 還 鳥 沉

Bài thơ này chép ở trong Lưu-sơn ký, *chứ trong tập Lỗ-công không thấy.*

Chu-Tử có đề sau bài thơ Lỗ-công rằng: « Bài thơ Lật-lý của Nhan Lỗ-công thấy chép ở trong Lưu-sơn-ký, không đủ được cả toàn thiên, tuy vậy, nhưng đọc mấy câu trên đó cũng đủ biết được tâm hai ông, tỏ về nghĩa quân-thần vậy. Làng Lật-lý ở về phía tây bắc đất Nam-khang năm-mươi dặm, trong hang có hòn đá lớn, truyền là chỗ ông Đào khi say nằm ngủ, ta thường qua chơi đó mà cảm thương, có làm một cái quán Qui-khứ-lai ở gần đó, mỗi khi mùa màng đi thăm xem thì lại đến nơi đó, ngửa cúi suối rừng, mở rượu mời khách, thường vẫn ngâm đọc bài thơ Lật-lý trên kia. »

Trong tập Tĩnh-tiết *có bốn bài thơ tặng Trường-sa-công, có bài tựa rằng:*

(1-2) Hai đời vua thái-cổ bên Tàu.
(3) Là Trương Lương, gia-thế làm quan nước Hàn.
(4) Là Cung Thắng, không chịu thờ nhà Ngụy-Tấn là Vương Mãng.

Trường-sa-công với ta là họ, tổ cùng là họ Đại Tư Mã. Có bản chép không có chữ tổ, mà trong sách Tống-thư *và truyện* Chiêu-minh *thì đều cho Đào-Khản là tằng-tổ. Sách* Nam-sử *lại nói rõ rằng Đào-Tiềm là tằng-tôn quan Đại Tư-Mã nhà Tấn là Đào-Khản. Sách* Tấn-thư *truyện Đào-Khản nói ông Khản có đằng-thiếp vạn-mươi người, gia-đồng hơn nghìn người, trân-kỳ của báu giàu hơn kho nhà vua. Đến khi mất, các con không hòa-hiếp nhau, cùng giết lẫn nhau; truyền đến hai đời nhà bèn sa-sút; bài thơ tặng Trường-sa-công có nói rằng : « Đời chiếu mục đã xa, coi nhau như người ngoài đường » Câu ấy là thương đau nạn nhà không nỡ nói ra vậy. Xem thế thì biết những họ người trong nhà cầm giáo giết nhau, thì dẫu nhà cực-thịnh rồi cũng đến suy sút.*

Thân-phụ ông Đào trong Sử *không nói rõ, Lý Công-Hoán có chua ở bài thơ bảo con, dẫn lời gia-phả nhà ông Đào Mộng-Lân đời Tống nói rằng : Tên thân-phụ ông Đào-Tiềm là Dật 逸 làm quan thái-thú đất Tư-thành, sinh ra năm con ; mẹ là họ Mạnh, con gái Mạnh-Gia.*

Người đời nay thường dùng tích năm cây liễu mà cho là điển-tích huyện lệnh thì sai. Ông Đào làm quan lệnh đất Bành-trạch, cách quê nhà đến trăm dặm, đất Bành-trạch hà-tằng có năm cây liễu.

3 – *Làm quan huyện Bành-trạch*

Đào-công thể-chất vốn yếu, lấy sự cày ruộng làm khó nhọc, sau ra làm quan, có làm chức tham-quân thuộc về Trấn-quân Kiến-võ, thường phụng mệnh tướng Kiến-uy đi đến đất kinh-đô. Song bổng-lộc chức tham-quân không được là mấy, ông có bảo người bạn thân rằng: « Ta muốn mượn thú đàn hát để thêm giúp về việc tư-dùng trong nhà nên chăng? » Khi ấy ông có người chú là Quỳ làm chức Thái-thường, mới nói với quan chấp-sự, cử cho làm quan lệnh đất Bành-trạch.

Khi ông phó-nhậm, được lộc công-điền bao nhiêu đều cho giồng một thứ lúa nếp, định để nấu rượu, có nói rằng: « Ta thường được say-sưa luôn vì rượu là thú lắm ! » Vợ con cố xin giồng thêm thứ lúa cảnh, ông mới chia ra hai khoảnh ruộng, một phần năm-mươi mẫu giồng lúa nếp, còn năm-mươi mẫu giồng lúa cảnh.

Khi ông tại chức quan vốn là người giản-ước tự trọng, không có đến yết riêng quan trên. Chợt một hôm trên quận sai kẻ đốc bưu đến, để-lại bắm phải bận cân đai ra yết-kiến. Ông than rằng: « Ta không thể vì năm đấu gạo lương, mà phải chịu uốn lưng trước kẻ tiểu-nhân chốn hương-lý ! » Lập tức ngày hôm ấy cởi giải dây ấn bỏ chức mà đi về. Ông thường nói rằng : « Ta tưởng cái lợi công-điền kia đủ giồng lúa để nấu rượu, nên mới cầu ra làm quan. » Thế thì ông ra làm quan chỉ thiết vì chén rượu, mong được gặt mấy thửa lúa nếp kia đem về để nấu lọc lấy rượu uống cho say là đủ thích chí rồi. Nhưng làm quan mới từ tháng tám đến tháng mười độ hơn tám mươi ngày, mà lập-tức lại trở về Lật-lý ngay, thế thì năm mươi mẫu lúa nếp kia, đã được hột nào để chén đâu, thương thay !

Khi ấy từ huyện Bành-trạch về, có làm bài *Qui-khứ lai-từ* để tỏ ý. Lời từ dịch như sau :

Qui-khứ-lai từ
歸去來辭

歸去來兮。
田園將蕪胡不歸。

Ta về sao chẳng đi về,
Bỏ quên cái thú nhà quê sao đành!

既以心爲形役。
奚惆悵而獨悲。

Cái tâm làm tớ cái hình,
Cớ chi mình xót-xa mình lắm thay!

悟已往之不諫。
知來者之可追。
實迷途其未遠。
覺今是而昨非。

Trước sau minh ngẫm minh hay,
Xưa kia minh đại từ rầy minh khôn.

舟搖搖以輕颺。
風飄飄而吹衣。

Thuyền bồng một lá con con,
Áo bay phơi-phới phất cơn gió về.

問征夫以前路。
恨晨光之熹微。

Trời đông chưa rạng bến mê,
Hỏi ai thấp-thoáng đường kia lối nào?

乃瞻衡宇。載欣載奔。
僮僕歡迎。稚子候門。

Hành-môn thẳng nẻo đi vào,
Tớ reo thầy khỏe, cháu reo ông về.

三徑就荒。
松菊猶存。

Ngõ ba bề cỏ rậm rì,
Cúc kia vẫn cúc, thông kia vẫn thông.

攜幼入室。有酒盈樽。
引壺觴以自酌。眄庭柯以怡顏。

Năm ba hồ rượu còn không?
Mắt trông cành biếc tay bồng trẻ thơ.

倚南窗以寄傲。
審容膝之易安。

Cùng lưng mỏi gối khi xưa,
Nam-song ngất-ngưởng bây giờ là đây!

園日涉以成趣。
門雖設而常關。

Vườn hoa ta dạo tháng ngày,
Then hoa ta khép cánh mây gọi là.

策扶杖以流憩。
時矯首而遐(1)觀。

Người già nhưng thú chưa già,
Mắt xa còn tỏ, bước xa chưa chồn.

雲無心以出岫。
鳥倦飛而知還。

Mây tuôn tựa núi tron-von,
Chim bay mỏi cánh đã khôn tìm về.

景翳翳以將入。
撫孤松而盤桓。

Mặt trời sắp gác non tè,
Gốc tùng quanh-quẩn còn mê chửa dời.

歸去來兮。請息交以絕游。
世與我而相違。(2)復駕言兮焉求。

Ta về ta khỏi chiều đời,
Ta khôn ta khéo với ai bây giờ.

悅親戚之情話。
樂琴書以消憂。

Cung đàn quyển sách sớm trưa,
Họ hàng quanh-quẩn chuyện trò đâu xa.

農人告余以春及。
將有事於西疇。

Thợ cày nó mách bảo ta,
Xuân về rồi đó sắp ra xem cày.

或命巾車。或掉孤舟。
既窈窕以尋壑。復崎嶇而經邱。

Gò cao suối mát xinh thay,
Xe nay ta dạo, thuyền nay ta chèo.

木欣欣而向榮。
泉涓涓而始流。

Trông cây trông suối mọi chiều,
Cây sao xanh ngắt, suối sao sạch lừ!

羨萬物之得時。
感吾生之行休。

Xem mầu muôn vật mà ưa,
Nghĩ cơn thân-thế mà ngơ-ngẩn lòng!

已矣乎。寓形宇內復幾時。
曷不委心任去留。

Mảnh hình không có có không,
Khứ-lưu lòng để bận lòng nữa chi!

胡爲乎遑遑欲何之。
富貴非吾願。帝鄉不可期。

Đi đâu sắm-nắm mà đi,
Giàu sang chẳng muốn, tiên thì khó mong.

懷良辰以孤往。
或植杖而耘耔。

Ta quay về nghệ canh-nông,
Cỏ vơ cho kỹ là công việc mình.

登東皋以舒嘯。
臨清流而賦詩。

Có khi gò đống dạo quanh,
Ngắm dòng nước biếc gửi tình-tình thơ.

聊乘化以歸盡。
樂乎天命復奚疑。

Trăm năm phó mặc hóa-cơ,
Đã vui chữ mệnh còn ngờ nỗi chi.

TÙNG-VĂN dịch

(1) Văn-tuyển là 遊. (2) Văn-tuyển là 還.

Hựu thề

Đi về sao chẳng về đi,
Ruộng hoang vườn rậm còn chi không
Đem tâm để hình kia sai khiến, [về.
Còn ngậm-ngùi than-vãn với ai;
Ăn-năn thì sự đã rồi,
Từ đây nghĩ lại biết thôi mới là.
Lối đi lạc chửa xa là mấy,
Nay khôn rồi chẳng dại như xưa.
Con thuyền thuận nẻo gió đưa,
Gió hây-hẩy áo, thuyền lơ-lửng chèo.
Hỏi hành-khách lối nào đi tới,
Bóng mập-mờ trời mới rạng đông;
Miền quê nẻo trước xa trông,
Chân hăm-hở bước dường mong tới nhà.
Chạy đón chủ năm ba bảy tớ,
Đứng chờ ông mấy đứa trẻ con;
Rậm-rì ba khóm con con,
Mấy cây tùng-cúc hãy còn như xưa.
Tay dắt trẻ vào nhà mừng rỡ,
Rượu đâu đà sẵn chửa đầy vò;
Thoạt ngồi tay đã nghiêng hồ,
Cười nom sân trước thấp-tho mấy cành.
Ngồi riễu cợt một mình trước sổ,
Khéo cũng hay vừa chỗ rung đùi;
Thăm vườn dạo thú hôm mai,
Cửa dù có, vẫn then cài như không.
Chống gậy dạo quanh vòng lại nghỉ,
Ngắm cảnh trời khi ghé trông lên;
Mây đùn mấy đám tự-nhiên,
Chim bay mỏi cánh đã quen lối về.
Bóng chiều ngả bốn bề bát-ngát,
Quanh gốc tùng tựa mát thanh-thơi;
Từ đây về thực về rồi,
Thôi xin từ-tuyệt với người vãng-lai.
Vì ta đã với đời chẳng hiệp,
Cầu chi mà giao-thiệp với ai;
Chuyện trò thân-thích mấy người,
Bạn cùng đàn sách khi vui đỡ buồn.
Người làm ruộng ôn-tồn hỏi chuyện,
Tới xuân rồi sắp đến việc ta;
Hoặc truyền sắm sửa cần-xa,
Hoặc khi đủng-đỉnh thuyền ra coi đồng.
Dưới khe nọ nước vòng uốn-éo,
Bên đường kia gò kéo gập-ghềnh;
Cỏ cây mơn-mởn mầu xanh,
Suối tuôn róc-rách bên ghềnh chảy ra.
Ngẫm muôn vật đương mùa tươi-tốt,
Ngán cho ta thôi trót già rồi;
Thôi còn mấy nỗi ở đời,
Khứ-lưu sao chẳng phóng-hoài tự-nhiên.
Cớ chi nghĩ thêm phiền tấc dạ,
Đi đâu mà tất-tả vội chi;
Giàu sang đã chẳng thiết gì,
Cung tiên chưa dễ hẹn kỳ lên chơi.
Chi bằng lúc chiều trời êm-ả,
Việc điền-viên vất-vả mà vui;
Lên cao hát một tiếng dài,
Xuống dòng nước chảy ngâm vài bốn câu.
Hình-thể này mặc dầu tạo hóa,
Tới lúc nào hết cả thì thôi;
Lòng ta phó với mệnh trời,
Đừng ngờ chi nữa cứ vui-vẻ hoài.

TỪ-LONG *dịch*

Nay ở huyện Hồ-khẩu phía đông ba-mươi dặm, còn có đài Ngoạn-nguyệt, truyền rằng khi ông Đào làm quan lệnh, sai đắp cái đài ấy để ngoạn-nguyệt. Phía nam đài ấy có Tẩy-mặc-trì, tự ông khai ra để làm ao rửa nghiên; phía nam huyện lại có Cửu-khúc-trì, cũng tự ông khai ra trước để làm chốn giảng sách, cùng với ông Lục Tu-Tĩnh, Châu Tục-Tri cùng tụ họp. Phía đông sau huyện có một khu trồng cúc là chỗ ông Đào để làm vườn cúc. Phía nam huyện An-phúc bốn-mươi dặm có gò Thư-cương, là chỗ ông Đào đọc sách. Ông làm quan có trong tám-mươi ngày mà thắng-tích còn lưu lại như kia, thực để mối di-tư cho thiên-cổ vậy.

Phê-bình. — *Bài* Qui-khứ-lai-từ *có lời tựa rằng: « Chú ta nghĩ ta nghèo-khổ, mới cử cho ra trị một huyện-ấp nhỏ, vì khi ấy cơn phong-ba còn chửa tĩnh, lòng ta nản đi xa, nghĩ rằng huyện Bành-trạch cách nhà độ trăm dặm, lại sẵn có lộc công-điền đó đủ lấy thóc để nấu rượu, nên mới ra nhận chức. Được ít ngày thì đã buồn-bực có ý muốn về; bởi sao vậy? Đó là bởi cái tính-chất tự-*

nhiên, không thể tiêu-cưỡng làm theo được ; tuy rằng đói rét thiết-thân, nhưng trái ý mình lại càng thêm ốm ; phải làm việc theo người, đều là bị miếng khẩu-phúc nó sai khiến ; bởi thế ta mới buồn bực khẳng-khái, thẹn với cái chí bình-sinh của mình ; làm được một vài tháng liền cuốn gói trốn về, đi thăm tang em là Trình-thị ở Võ-xương, tình thực như thế, nên phải bỏ chức mà đi, kể từ tháng tám đến tháng mười, làm quan mới được hơn tám mươi ngày ».

Tô Đông-Pha nói rằng : Tục truyền có kẻ thư-sinh vào xem sở công-khố thấy tiền mà không biết là gì. Có kẻ lấy làm lạ mà hỏi, anh thư-sinh nói rằng : Tôi vẫn biết nó là tiền, nhưng chỉ lạ rằng nó sao không đựng trong cái túi giấy ! Nay ta đọc bài Qui-khứ-lai-từ của Uyên-Minh rằng : « Trẻ con đầy nhà, trong bình không chứa gạo ». Mới biết rằng lời tục-truyền là có chứng-thực ; nếu đựng gạo vào cái bình thì có được là mấy ; thế ra ông kia bình-sinh chỉ thấy đựng gạo vào trong bình đấy chăng.

Tâm-tích ông Đào xem thế thì đã rõ lắm ông đã nói rằng « Phải làm việc theo người, đều là bị miếng khẩu-phúc nó sai khiến ». Ông đã biết thế sao không hay vong-tình chừa quách rượu đi. Nhưng phải biết rằng người ta ở đời phải có một cái gì ký-thác ; ký-thác vào một vật gì cũng là hay cả, lụy bậc cao-nhân cũng không tránh khỏi được. Cái công-phu trị mình có phải dễ đâu !

Truyền rằng ông Đào vì kẻ đốc-bưu ở quận đến, lập tức ngày hôm ấy cởi trả ấn đi về. Nhưng xét trong lời tựa của ông thì lại nói rằng vì có tang em là Trình-thị nên phải bỏ đi đến Võ-xương để thăm, vì thế mới bỏ chức. Ta xét ra hai việc đó đều là nói thác ra cả ; vì ông Đào làm quan ở khi đời Tấn sắp mất, thế-đạo nhân-tâm không còn muốn hỏi đến nữa ; nữa là khí-tiết học-vấn, còn ai biết đâu mà dùng ; làm lắm cũng chỉ nhọc mà vô-ích. Cái thuyết phải uốn lưng vì năm đấu gạo lương cũng là nói thác ra đó để mà trốn đấy thôi ; cũng như Trương Hãn nhân cảm gió thu mà nhớ mùi thuần-hoắc quê nhà, liền bỏ quan về, đều là hạng người biết tiên-cơ mà bỏ đi trước vậy. Xem như trong lời từ có nói rằng : « Bóng chiều ngả bốn bề bát-ngát, quanh gốc tùng tựa mát thảnh-thơi. » Lại câu : « Giàu sang đã chẳng thiết gì, cung tiên chưa dễ hẹn kỳ lên chơi. » Gẫm như những câu ấy thì ý ông khá biết vậy.

4 — *Tết Trùng-cửu say vì cúc*

Đào-công đã về đến quê nhà, quyết chí không ra nữa. Cuối năm Nghĩa-hi có vời ông vào kinh, muốn cho làm quan Trước-tác-lang, ông không chịu nhận.

Trước kia có quan Thứ-sử Giang-châu là Đàn Đạo-Tế, vốn mộ tiếng ông Đào đã lâu, mới đi đến yết-kiến, thấy nhà cửa tiêu-điều, nằm quèo nhịn đói đã hai ba ngày. Đạo-Tế bảo rằng : « Kẻ hiền-giả ở đời, gặp khi thiên-hạ vô-đạo thì ẩn, gặp khi hữu-đạo thì ra. Nay nhà thầy sinh ở đời văn-minh sao lại chịu khổ như thế ! » Ông thưa rằng : « Tiềm này dám đâu mong bằng người hiền, chỉ hãy còn kém lắm ». Đạo-Tế sai đem cho gạo thịt, ông xua tay đuổi ra.

Đến khi từ-chối chức quan huyện Bành-trạch trở về thì lại càng lánh người không muốn tiếp ai. Khi ấy có quan thứ-sử Giang-châu là Vương Hoằng mộ tiếng ông là bậc cao-minh, muốn cầu tương-thức, nhưng không thể mời đến được. Gặp khi ấy ông Đào sắp đến Lư-sơn chơi, Vương Hoằng mới hẹn riêng với người cố-nhân ông Đào là Bàng-Thông, đem rượu đón ở nửa đường gần làng Lật-lý. Ông Đào vì có cước-tật không đi được, mới sai một kẻ môn-sinh và hai đứa trẻ khiêng đá cho ông đi, đến nơi vui-vẻ cùng

mở rượu uống, một chốc Vương Hoằng cũng lại chơi, đôi bên không có điều gì trái ý cả.

Ông Đào vốn rất mộ cái danh tết Trùng-cửu, gặp khi mồng chín tháng chín, thu-cúc nở đầy vườn, mà rượu thì không có, đương ngẩn-ngơ trông đợi, có làm bài thơ rằng:

Đời ngắn, lo thường nhiều,
世短意常多
Ngày vui được bao nhiêu!
斯人樂久生
Tháng ngày vi-vụt tới,
日月依時至
Tết này ai cũng yêu;
舉俗愛其名
Móc lạnh gió hây-hẩy,
露凄晴風息
Trong suốt buổi trời chiều;
氣澈天象明
Yến bay mù tịt bóng,
往燕無遺影
Nhạn tới văng-vẳng kêu;
來雁有餘聲
Rượu rửa trăm lo sạch,
酒能祛百慮
Cúc vui cảnh già nhiều;
菊解制頹齡
Ngán cho bác đồ kiết,
如何蓬廬士
Ngồi ngẩm vận nước xiêu!
空覩時運傾
Rượu cạn bầu mốc-meo,
壺罄恥虛囊
Hoa tốt hương đưa vèo;
寒華徒自榮
Một mình ngồi hát ngao,
欲襟獨閒謠
Tình buồn cảnh vắng teo!
緬焉起深情
Thảnh-thơi vẫn là thú,
栖遲固多娛
Há lẽ chịu nằm quèo.
淹留豈無成

Vừa ngâm bài thơ xong, thì chợt thấy Vương Hoằng sai tên áo trắng đưa rượu đến, ông liền rót uống, say tít rồi trở về. Nay ở phía tây-nam đất Cửu-giang chín-mươi dặm còn có chỗ gọi là Vương-Hoằng-cương, truyền là một cái gò khi Vương Hoằng cho người đưa rượu đến đó.

Trước kia Nhan Diên-Chi có làm chức Công-tào ở hậu-quân Lưu Liễu, có từng ở đất Tầm dương, cùng với ông Đào chơi thân, sau trở về An-quận, qua làng Lật-lý, thường hằng ngày đến chơi với ông Đào; khi nào đến chơi tất là uống rượu rất say khi trở về có lưu lại hai vạn đồng tiền đưa cho ông Đào, ông Đào liền đưa cho anh hàng rượu tất cả, để thỉnh-thoảng lấy rượu uống. Vương Hoằng thường muốn đón Nhan Diên-Chi qua chơi, Diên-Chi không thèm đến, thà rằng lưu-liên chơi ở nhà một bác bần-sĩ. Chí-khí ông ấy cũng khác hẳn người, nên mới hay cùng ông Đào cùng thưởng-thức ở ngoài phong-trần vậy.

Ông Đào không hiểu biết âm-luật, nhưng vẫn có một cái đàn không dây, mỗi khi chén say, thì liền cầm lấy vỗ chơi để thác ý, thực là được thú riêng trong đàn, chứ có cần chi tiếng trên dây, không kỳ kẻ sang người hèn đến chơi hễ có rượu thì bày ra uống, nếu ông say trước, thì bảo khách rằng: «Ta say rồi buồn ngủ, bác hãy về!» Tính-khí ông chân-suất thực-thà như thế.

Đào-công thích về rượu thực là thần-tình khế-hợp, trong tập văn ông có nhiều bài thơ uống rượu; nhưng vì nhà nghèo lại không hay thường có rượu, lại không thường được rượu ngon, ông thường kết bạn uống rượu với những kẻ ngư-tiều điền-dã, ngồi ngay ở khoảng rừng cây mà uống, hễ hứng-thú đến, tự-biệt có thú vui chứ chẳng nệ chi cả. Ông thường nói rằng: «Ta nhàn-cư không lấy gì làm vui, gặp lúc

đêm thu canh dài, nếu được rượu ngon thì không đêm nào chẳng uống, một mình một bóng, không biết rằng say; sau khi say rồi thì lại ngâm đề vài câu đề làm vui, nên có nhiều bài văn thơ chẳng cứ sắp đặt thứ-tự gì cả, hoặc gặp người cố-nhân mượn viết ra đề mua cười làm vui mà thôi ». Nay xem có đến hai mươi bài thơ uống rượu, hoặc bàn tách danh-lý, hoặc cảm-khái thời-sự, ý-tứ hồi-hoàn, ký-thác sâu-xa, há phải là người say làm được đâu; những kẻ say ở trên đời vẫn tự nghĩ mình là tỉnh; mà người tỉnh kia bất-đắc-dĩ lại mượn đến tiếng say, ở vào cái khổ-cảnh ấy, xưa nay có phải một ông Đào Uyên-Minh đâu!

Ông Đào có những bài thơ ẩm-tửu, lại có bài thơ chỉ-tửu nữa, thơ rằng:

Ở chỉ quen thú quê,
居止次城邑
Chơi chỉ ưa nhàn-tịch;
逍遙自閒止
Ngồi chỉ dưới bóng cao,
坐止高蔭下
Đi chỉ trong cửa sạch;
步止篳門理
Ngon chỉ thích rau vườn,
好味止園葵
Vui chỉ vui con nít;
大歡止稚子
Duy chẳng chỉ được rượu,
平生不止酒
Chỉ rượu còn gì thích;
止酒情無喜
Tối chỉ ngủ chẳng yên,
暮止不安寢
Sớm chỉ dậy chẳng được;
晨止不能起
Muốn hằng ngày chỉ luôn,
日日欲止之
Ngây-dại chỉ thêm mệt;
營衛止不理
Chỉ đi nghĩ buồn tênh,
徒知止不樂
Nào hay chỉ có ích;
未知止利已
Nếu biết chỉ là hơn,
如覺止爲善
Sớm nay ta chỉ quách!
今朝眞止矣
Đã chỉ hẳn được rồi,
從此一止之
Cõi tiên chỉ bay tít;
將止扶桑涘
Chỉ trẻ lại dung-nhan,
清顏止宿容
Há chỉ muôn năm lịch.
奚止千萬祀

Bài thơ trên này ý bảo rằng mọi việc đều hay cấm-chỉ được cả, duy việc rượu thì không thể nào chỉ được. Nếu hay hóa cánh bay lên tiên lìa hẳn cõi đời, thì mới có thể chỉ được rượu mà thôi. Thế thì đầu đề tuy là chỉ-tửu, mà kỳ-thực là khuyến-tửu vậy.

Phê-bình. -- *Bài thơ chỉ-tửu sáu câu trên nói rằng: Ngồi chỉ dưới bóng cây, thì có cần gì nhà cao cửa rộng. Đi chỉ trong cửa sạch, thì có hám gì những điều danh-lợi ở chốn thị-triều. Ngon chỉ thích rau vườn, thì có thèm gì miếng đỉnh-chung. Vui chỉ vui con nít, thì có thích gì múa khéo hát hay. Như thế thì ông đã chỉ hết được mọi điều, duy không hay chỉ được rượu mà thôi. Còn từ câu: « Nếu biết chỉ là hơn » trở xuống sáu câu, trước kia giải nghĩa cho là ông hay chừa rượu, nhưng kỳ-thực là ông nói khôi-hài, giọng văn mê-li phiếu-diêu, vẫn không phải là chừa rượu. Nếu giải nghĩa theo chính ý cho là chỉ-tửu, thì bị ông Đào nói lừa vậy.*

Ông Đào sinh đương buổi biến-cách, súc-mục buồn-rầu, đối cảnh thở-than, không thể làm thế nào được, mới thác lần vào làng say; nhưng sớm hôm vẫn thức nhắp đau lòng, chẳng dám trễ-biếng, cái tỉnh của ông không thể kịp được, mà cái say của ông cũng chẳng thể

kịp được, hồ-dễ đã bắt-chước được đâu. Mã-Viện nói rằng: « Bắt-chước vẽ hồ không thành, không khéo lại giống con chó » Hán Võ-đế nói rằng: « Chửa ăn gan ngựa, chửa biết được đến mùi ngon ». Muốn bắt-chước cổ-nhân thì trong tâm mình phải có cân-nhắc mới được.

5. — Thác ý truyện Đào-nguyên

Ông Đào thấy vương-nghiệp đời nhà Tống thịnh dần lên mãi, không muốn ra làm quan; hễ có làm bài văn-chương nào về trước năm Nghĩa-hi (niên-hiệu vua An-đế nhà Tấn), thì viết rõ niên-hiệu nhà Tấn; còn từ năm Vĩnh-sơ (niên-hiệu Võ-đế nhà Tống) trở về sau, chỉ viết hai chữ can-chi giáp-tí mà thôi, chứ không đề niên-hiệu nhà Tống. Cũng như là Trần Hàm đời Hán không chịu thần-phục Vương Mãng, mà tiết chạp vẫn cứ theo lịch nhà Hán. Kẻ trung-thần nghĩa-sĩ gặp đời tiếm-loạn, không thể làm thế nào được, mới phải dùng cách ấy để tỏ chí mình, ôi, cũng đáng thương thay!

Ông Đào có làm bài *Đào-nguyên-ký*, chừng vào hồi sau khi nhà Tấn đã mất rồi chăng, không thể thì lời văn sao mà tỏ ra ý chán đời lắm vậy? Lời nguyên-văn rằng:

« Trong khoảng năm Thái-nguyên (niên-hiệu Tấn Võ-đế) nhà Tấn, có người đất Võ-lăng vốn làm nghề-nghiệp đánh cá, thả chài theo ngòi nước bơi đi, quên mất không biết đi gần hay xa, chợt trông thấy rừng hoa đào, giáp đôi bên bờ, quá vào trong rừng và trăm bước, không có cây gì khác, cỏ thơm ngào-ngạt, hoa đào rụng tơi-bời. Ngư-phủ lấy làm lạ, lại đi lên, muốn đi hết cánh rừng đào xem sao, hết cánh rừng thì có ngòi nước, lại có một trái núi, sườn núi có một cái cửa hang nhỏ, thấp-thoáng hình như có bóng sáng, Ngư-phủ mới bỏ thuyền theo cửa hang đi vào; lúc mới vào thì cửa hang rất hẹp, chỉ vừa người đi lọt, đi độ vài mươi bước, thì thấy khai ra rộng-rãi sáng-sủa, có một khoảng đất bằng-phẳng không-khoáng, nhà cửa san-sát, có ruộng đẹp ao sâu, có trồng các thứ cây tre cây dâu, đường lối giao-thông liền nhau, tiếng gà tiếng chó nghe văng-vẳng. Những người trai gái ở trong ấy đi lại làm ăn trồng-trọt, lối áo mặc cũng giống hệt như người ngoài, ông già trẻ con vui vẻ tự-đắc. Thấy chàng Ngư-phủ vào cả lấy làm kinh-dị, hỏi lai-lịch tự đâu mà vào, Ngư-phủ kể lại đầu đuôi, bèn mời về nhà, giết gà làm rượu thết đãi. Người trong thôn ấy nghe có khách lại chơi, đều đến hỏi han. Họ tự nói rằng vì tiên-thế khi xưa gặp phải đời loạn nhà Tần, mới đem vợ con và người làng đi tị-loạn, vào lánh ẩn ở nơi tuyệt-cảnh này, không ra chi nữa, cách-biệt hẳn với người ngoài; đời này là đời nào, không biết rằng có đời Hán, còn biết đâu là có đời Tấn đời Ngụy nữa. Ngư-phủ đều kể lại cho nghe, ai nấy đều than-thở; rồi mọi người đều mời đến nhà chơi, bày rượu thết đãi. Ngư-phủ lưu ở chơi và ngày, rồi cáo-từ ra về. Người trong đồng dặn rằng: « Chẳng có gì nên nói cho người ngoài biết. » Ngư-phủ đi ra, lại tìm lấy thuyền, theo đường bơi ra, qua những đâu đều để ý ghi nhớ. Khi về đến phủ, vào thuật chuyện cho quan Thái-thú biết. Quan Thái-thú lập-tức sai người theo đi dò đường cũ mà vào, nhưng quên mất đường. Ông Lưu Tử-Ký ở Nam-dương là người cao-thượng, nghe chuyện, hân-nhiên muốn đi đến tận nơi; song chửa kịp đi thì mất. Từ đó về sau không ai hỏi thăm đến nơi cả ».

Núi Lư-sơn cảnh-trí đẹp nhất, những người tị-thế hay về ẩn ở đó. Làng Lật-lý nơi ông Đào ở thì gần ngay ở chân núi ấy; mà đồng-thời lại có ông Lưu Di-dân (tên Trình-Chi người Bành-thành), Châu Tồ-đạo (tên Tục-Chi người Quảng-võ), đều giữ cái tiết-tháo

cao thượng, ông Đào cũng thời-thường cùng với các ông ấy đi lại tặng-đáp thơ-từ, người đời xưng là Tầm-dương tam-ẩn 潯陽三隱.

Huệ Viễn 惠遠 là một vị sư ở núi Lư-sơn, người đời vẫn gọi là Viễn-công, tu ở chùa Đông-lâm, có lập ra Liên-xã 蓮社, chúng vào hội đến một trăm hai-mươi ba người. Lưu Di-dân với Châu Đạo-tổ cũng dự vào hội xã ấy. Nghe tiếng ông Đào là người cao-thượng khoáng-đật, muốn mời vào hội. Viễn-công có viết thủ thư mời ông Đào. Ông Đào trả lời rằng: « Cho ta uống rượu thì xin vâng ». Sư Viễn cũng ừ, ông bèn đến dự hội, chửa được bao lâu phải cau mày mà lui về.

Đời Lục-triều nhiều người tôn-chuộng đạo Phật đạo Lão, những kẻ sĩ cao-minh lại hay đào-Thiền (1), mà người đời cũng không ai chê-bác gì cả. Duy ông Đào thì không thế, nên mới không dự vào Liên-xã của sư Viễn, thác lấy cái cớ uống rượu mà lui ra, cũng là bịa dối ra vậy. Cái lý-tưởng bình-sinh của ông thấy ngụ-ý ở bài thơ *Hình ảnh tương tặng* với bài thơ *Thần thích*, đại-ý cho rằng người đời chỉ mê-hoặc tham-tiếc về sự sống, nên mới tả rõ cái cảnh khổ của hình với ảnh ra, mà lại lấy lời thần tự-nhiên giải-thích ra cho biết. Lời hình tặng ảnh rằng: « *Xin bác nghe lời tôi* 願君取吾言。 *được rượu chớ có từ* 得酒莫苟辭。» Ảnh đáp lại hình rằng: « *Làm thiện để tiếng lâu* 立善有遺愛。 *sao chẳng cố hết sức?* 胡爲不自竭。» Đó là cái hình phải lụy về nuôi mồm mà muốn uống rượu; mà cái ảnh thì lại ham về danh mà muốn cầu lấy tiếng khen; đều là tham tiếc về sự sống cả. Vậy nên lại mượn lời thần mà giải-thích ra rằng: « *Say quá hoặc quên đi* 日醉或能忘。 *chửa phải là giảm thọ* 將非促齡具。» Đó là giải rõ rằng chăm về dưỡng-hình cũng là lụy. Lại rằng: « *Làm thiện vẫn là vui* 立善常所欣。 *nhưng ai khen cho mày* 誰當爲汝譽。» Đó là giải rõ rằng vướng về cái danh cũng là bận-bịu. Tuy giải-thích ra như thế cũng phải; nhưng còn phải để ý nghĩ đến sự giảm-thọ và sợ không tiếng khen; không biết rằng uống rượu mà cầu được thọ, làm thiện mà cầu cho người khen, thì cái thần mình cũng vất-vả theo đuổi mãi biết đến bao giờ cho cùng được. Lại phải giải cao lên một bậc nữa mà rằng: « *Phóng túng trong bầu trời,* 縱浪大化中。 *chẳng mừng cũng chẳng sợ;* 不喜亦不懼。 *Số tận thì cùng tận:* 應盡便須盡。 *cần chi mà tư lự* 無復獨多慮。» Đó mới thực là không vì sự sống chết họa-phúc động được đến tâm mình, chỉ thái-nhiên hòa-thuận, để cho thần mình được tự-nhiên, thực là hay đạt được lẽ sinh mà vượt ra ngoài đời vậy. Há phải những bọn sư-mô trong Liên-xã suốt ngày niệm A-di-đà-Phật để cầu siêu-sinh tĩnh-thổ, hay biết được cái lẽ siêu-tuyệt ấy đâu!

Phê-bình.— *Các nhà Thi-nhân đời sau, thấy ông Đào có bài* Đào-hoa nguyên-ký, *lại làm ra bài* Đào-nguyên-hành, *nhận ngay chốn Đào-nguyên là cõi tiên, mà khen tán mãi cảnh nhà tiên vui-thú. Duy có ông Hàn Xương-Lê nói rằng:* « Có không mờ mịt truyện thần tiên, hoang-đường khéo bịa thuyết Đào-nguyên; chân ngụy nào ai hay biết được, Võ-lăng người ấy nay còn truyền. » *Nhưng cũng không bằng cái ý ông Đào sở-dĩ làm bài ký. Nay xét xem trong truyện Đào-nguyên, chỉ cốt là đi tránh loạn nhà Tần, không biết đâu là có đời Tấn đời Ngụy, đó là ngụ-ý trỏ vào đời Lưu Dụ, mà nói thác ra đời Tần đó vậy.*

Nếu hiểu được lẽ như trên thì mới biết được cái ý ông Đào sở-dĩ làm bài

(1) Ham-mê lánh về cõi Phật.

ký, thực là rõ-ràng lắm. Đời sau lại nhận cái núi Đào-nguyên ở cách phía nam huyện Đào-nguyên (thuộc Hồ-nam) mười dặm, bảo rằng phía tây-bắc núi ấy là dòng sông Nguyên-thủy, phía nam có núi Chướng-sơn, phía đông vòng khe Sao-la, chu-hồi ba-mươi-hai dặm, tức là Đào-hoa-nguyên. Lại bảo rằng người Ngư-phủ ấy họ Hoàng 黃, tên là Đạo-Chân 道 眞; quan Thái-thú khi ấy tên là Lưu-Hâm 劉 歆, (Lưu Hâm người đời Tấn, khác với Lưu Hâm đời Hán là con Lưu-Hướng.) Nói như thế là muốn tìm cho đích nơi Đào-nguyên và có tên họ người đích-thực, thực là xuyên-tạc phụ-hội đáng buồn cười!

Sách Tống-thư Nam-sử *chưa nghĩa các bài văn-tuyển bảo rằng những bài thơ ông Đào làm về hồi đời Tống, có ghi năm chỉ đề giáp-tí mà thôi. Nay những bài thơ của ông làm mà có đề can chi giáp-tí, thì từ năm canh tí đến năm bính-thìn, trong khoảng mười-bảy năm chỉ có chín bài thơ mà thôi, mà đều làm từ đời vua An-đế nhà Tấn. Tựa-trung có năm ất-tị hồi tháng ba, ông có làm Kiến-uy tham-quân đi vào sứ kinh-đô, khi qua Tiền-khê có làm một bài thơ; mùa thu năm ấy thì ông làm quan lệnh Bành-trạch, làm quan được hơn tám-mươi ngày thì cởi trả dây ấn về; sau mười-sáu năm là năm canh-thân, nhà Tấn phải truyền ngôi, thì mới chính là đời vua Tống Cung-đế, năm Nguyên-hi thứ hai. Lẽ nào trước khi nhà Tấn chửa truyền ngôi cho nhà Tống trong hai-mươi năm, đã có điều gì là thẹn thờ hai đời vua, mà ông có làm bài thơ nào chỉ đề can-chi giáp-tí để tự-lập-dị ra đâu. Những nhà làm Sử như là Thẩm Ước, Lý Diên-Thọ, Lý Thiện mọi người đều không xét rõ cái ý ấy.*

Châu Tục-Chi khi ấy cũng xưng là bậc cao-ẩn; nhưng lúc vua Cao-tổ đi đánh phương bắc, vị thế-tử lưu Kinh cư-thủ, có đón Tục-chi đến ở chùa An-lạc, giảng lễ đến hơn một tháng; khi Cao-tổ lên ngôi, cho vời ông ấy đến ở ngoài Đông-quách. Xem thế thì vẫn chửa tạ-tuyệt được hết thế-lợi, sao đã gọi là cao được.

Lưu Trình-Chi thường làm quan Lệnh Sài-tang, trong tập thơ ông Đào vẫn gọi là: « Lưu Sài-tang » chính là ông ấy. Tạ An, Lưu Dụ khen là người hiền, cùng tiến-cử lên, mà ông đều cố từ chối. Dụ cho là người không chịu khuất, mới tính-biếm ở cửa nhà ông ấy gọi là bậc « Di-dân ». Nhân-phẩm vốn là cao hơn họ Châu. Nhưng tiếc lại đam về đạo Phật quá.

6.— *Dạy con*

Ông Đào dạy con rất là thân-thiết, soi với cái lòng phóng-khoáng khi ngày thường, hình như thể hai người. Xem đó thì biết ông Đào mà làm ra phóng-khoáng, là bởi gặp phải cái cảnh nó xui nên thế, chứ không phải là bản-tâm vậy. Khi ông làm quan ở Bành-trạch, không có mang con cái đi theo, lại cho một tên Lục ở lại nhà giúp con, có tờ thư dặn rằng: « Công việc phi-tổn khi sớm hôm, các con tự làm lấy cũng khó-nhọc; ta cho tên Lục trở lại giúp việc củi nước khó-nhọc cho các con đấy, nó cũng là con người ta, nên đãi nó tử-tế ». Lòng ông từ-thiện dễ-dàng, ở dưới nghìn năm còn có thể biết được, xem như lời ông dạy con thì ý-tứ thật là sâu-xa.

Khi ông ba-mươi tuổi thì người vợ cả mất, người vợ kế là họ Địch 翟, cũng đồng một chí-thú như ông, hay an-tâm khổ-tiết, chồng cày đi trước, thì vợ bừa theo sau, cùng chịu khó làm ăn, có năm người con: 1° Thư-Nghiễm 舒 儼, 2° Tuyên-Sĩ 宣 俟, 3° Ung-Phần 雍 份, 4° Đoan-Dật 端 逸, 5° Thông-Đông 通 佟. Gọi tắt là: Nghiễm

(tên tự là Cầu-tư), Sĩ, Phần, Dật, Đông. Nghiễm là con người vợ trước. Còn Sĩ trở xuống đều là bà Địch-thị sinh ra.

Những bài thơ dạy con, là khi ông Đào ba-mươi tuổi trở về trước làm ra, chuyên để dạy tên Nghiễm, có câu rằng: «*Bói được ngày tốt, xem được giờ lành; tên con là Nghiễm, tên tự Cầu-tư; kính răn sớm tối, nghĩ đó chớ dời; học đòi Khổng Cấp, may mới kịp người*».

Lại có bài thơ trách con rằng:

Tóc bạc rủ hai chòm,
白髮被兩鬢
Da-thịt đã chẳng chắc;
肌膚不復實
Tay có năm con trai,
雖有五男兒
Đều chẳng ham giấy bút;
總不好紙筆
Thằng Thư đã hai tám,
阿舒已二八
Lười-biếng chẳng ai kịp;
懶惰故無匹
Thằng Tuyên tuổi mười lăm,
阿宣行志學
Học-thuật cũng chẳng thiết;
而不愛文術
Ung, Đoan tuổi mười ba,
雍端年十三
Chẳng biết chữ lục thất;
不識六與七
Thằng Thông vừa chín tuổi,
通子垂九齡
Chỉ tranh lê và lật;
但覓梨與栗
Vận trời xui nên thế,
天運苟如此
Thôi ta chén say tuý!
且進杯中物

Hoàng Sơn-Cốc bàn rằng: «Xem bài thơ của ông Đào như trên thì biết ông là người hiền-lành mà hay có tính hi-hước. Thế-tục lại bảo rằng ông buồn về các con đều bất-tiếu, nên mới than thở ra lời thơ như thế vậy». Song phải biết rằng ông Đào là người khâm-hoài khoáng-đạt, vượt ra ngoài cõi trần; các con đại-khái là hạng người tư-chất trung-thường, ông có ý kỳ-vọng thâm-thiết, đối với con có điều gì bất-mãn-ý, thì ông làm ra lời biếm-trách để răn đó thôi. Chứ như Ung, Đoan mới mười ba tuổi, Thông mới lên chín tuổi, được nghe lời giáo-dục trong gia-đình còn thiền, sao đã vội cho là bất-tiếu được.

Lại còn một cái thư răn dạy lũ con là Nghiễm, để làm lời di-huấn rằng:

«*Bảo cho Nghiễm, Sĩ, Phần, Dật, Đông: Trời đất phú-mệnh cho con người ta, sống phải có chết; xưa nay thánh hiền không ai tránh khỏi được. Tử-Hạ có nói: «Chết sống có mệnh, phú-quí ở trời». Bốn người bạn (1) trong cửa Khổng, ai cũng nghe lời dạy như thế; nay phát ra lời nói ấy, chẳng phải là coi sự cùng đạt, thọ yểu, vốn là tự-nhiên, không phải cầu-cạnh ở ngoài đấy ư? Ta tuổi quá năm mươi, khi nhỏ vốn cùng-khổ; vì cảnh nhà nghèo phải bôn-tẩu đông tây; song vì tính cương, tài vụng, hay trái ý người, tự-lượng mình như thế, không khỏi mắc hoạn-nạn, nên mới từ chối việc đời, khiến cho lũ chúng con khi nhỏ phải chịu đói rét.*

---

(1) Bốn người bạn là thầy Hồi, thầy Tứ, thầy Sư, thầy Do, không có thầy Tử-Hạ. Nhưng thầy Tử-Hạ cũng đồng một hàng ấy.

Ta thường nhớ đến lời người vợ hiền của Nho-Trọng (1) mà ta cảm-động, đành chịu nghèo ôm cái chăn nát, chứ cũng chẳng thẹn vì lũ con, việc ấy thôi đã đành rồi. Chỉ giận rằng gần không có láng-diềng tốt như Nhị-Trọng (2) trong không được người vợ hiền như Lai-phụ (3), ôm cái khổ-tâm ấy, tự lấy làm hổ-thẹn!

Ta khi xưa học đàn đọc sách, vốn yêu nhàn-tĩnh, mỗi khi xem sách được câu thú-vị, thì vui thích quên cả ăn. Lại khi trông thấy bóng cây rườm-rà, các thứ chim đến mùa thay đổi nhau hót, ta cũng hớn-hở vui mừng. Thường khi tháng năm tháng sáu, nằm khểnh dưới cửa sổ phía bắc, chợt gặp cơn gió mát đưa lại, thì tưởng chừng như mình là người đời Hy-Hoàng trở về trước. Ý-thức nông hẹp, ta vẫn tưởng cái thú ấy giữ được lâu. Nào ngờ ngày tháng vụt qua, cuộc đời cơ-xảo khác thường, hồi nghĩ lại thủa trước, bâng-khuâng biết chừng nào!

Từ khi ta yếu đau đến giờ, cũng suy kém dần; kẻ thân-cố vẫn không bỏ quên ta, thường đem cho thuốc-thang để cứu chữa; song ta tự nghĩ phận-mệnh vốn có chừng vậy. Lũ các con trẻ dại, nhà nghèo, thường phải phục-dịch khó-nhọc về việc củi nước, bao giờ cho tránh khỏi được; trong tâm lúc nào nghĩ đến, chẳng biết nói sao!

Lũ các con tuy không cùng một mẹ, nhưng phải biết cái nghĩa bốn về đều là anh em. Bão-Thúc, Quản-Trọng khi xưa, cùng chia của cho nhau mà không ganh-tị; Qui-Sinh với Ngũ-Cử bạn thân, gặp nhau cùng ngồi bãi cỏ nói chuyện cũ; vì biết thân-yêu nhau, nên mới hay nhân lúc tảng-bại mà lập thành công-nghiệp. Người ngoài ở với nhau còn như thế, huống-chi đều là con cùng một cha sinh ra. Xưa kia Hàn Nguyên-Trưởng người đất Dĩnh-trường, là kẻ danh-sĩ cuối đời Hán, mình ở chức Khanh-tá, tám-mươi tuổi mới mất, mà anh em vẫn đồng-cư đến suốt đời. Kỷ Trĩ-Xuân người đời Tấn, là người có tháo-hạnh ở đất Tế-bắc, bảy đời đồng-tài cùng ở với nhau, mà không có điều gì oán-giận. Kinh Thi rằng:

---

(1) *Hán-thư:* Vương Bá tên tự là Nho-Trọng, vốn giữ tiết cao-ẩn, dời vua Quang-Vũ vời ra làm quan, không chịu ra. Nho-Trọng có bạn với người đồng-quận là Lệnh-Hồ Tử-Bá. Sau Tử-Bá làm tướng nước Sở, mà con thì làm chức công-tào ở quận. Tử-Bá có sai con đem thư cho Nho-Trọng. Khi ra về rồi, Nho-Trọng ra dáng buồn rầu, nằm mãi không trở dậy. Vợ mới hỏi cớ sao? Nho-Trọng nói: « Ta vừa thấy con anh Lệnh-Hồ ăn mặc lịch-sự, cử-chỉ đứng-đắn; mà trông lại con mình thì đầu bù răng hở, chẳng biết phép-tắc gì cả, làm cho mình thẹn mặt, phụ-tử ân-thâm, nghĩ càng thêm buồn! » Vợ nói rằng: « Ông vẫn giữ lấy thanh-tiết, chẳng thèm gì vinh-lộc; nay bác Tử-Bá quan sang, có bằng cái cao-tiết của ông không? Ông tự mình chịu cần-khổ, thì con nó phải đi cày để phụng-dưỡng; đã cần-lao thì phải chịu đầu bù răng hếch có can chi; sao ông vội quên cái chí-khí khi xưa, mà thẹn vì lũ con trẻ! » Nho-Trọng nghe nói đứng phắt dậy cười mà rằng: « À thế ư! » Hai vợ chồng cùng nhau đi ẩn-độn suốt đời.

(2) Nhị-Trọng là Cầu-Trọng, Dương-Trọng hai người cao-sĩ.

(3) *Liệt-nữ truyện*: Ông Lão-Lai nước Sở cùng vợ đi ẩn, cày ruộng ở phía nam núi Mông-sơn. Vua nước Sở muốn đón ra trao cho giữ quốc-chính. Vợ nói rằng: «Thiếp tôi nghe rằng: Người ta khá cho mình rượu thịt, thì khá liền cho mình roi vọt; khá ban cho mình quan-lộc, thì khá trị tội mình bằng búa rìu. Nay tiên-sinh nếu nhận rượu thịt của người, chịu quan-lộc của người, thì người ta hay kiềm-chế mình được. Ở đời loạn mà bị người ta kiềm-chế, thì có tránh khỏi tai-vạ không? » Lão-Lai bèn cùng vợ đi đến đất Giang-nam cùng ẩn.

« Núi cao ngửa đó mà trông, đường thênh-thang đó nẻo thông đi về ». Tuy không hay kịp bằng người trước, nhưng vẫn chí-tâm mong mỏi. Các con nên cần-thận đó, ta chẳng phải nói lắm. »

Phê-bình.— *Xem cái tờ di-huấn của ông Đào dạy con như trên, thì thực là một bài thực lục, tỏ ra cái thực-lực học-vấn suốt đời ông vậy. Phàm cảnh cùng đạt, thọ yểu, ông đều coi như không; nên hay cư-xử một cách nhiệm-chân, đều là thiên cơ lưu-lộ cả. Đoạn cuối ông khuyên miễn lấy cách xử với anh em cho khéo, cũng là cái chí-tình không thể im đi được. Đọc lời văn ấy thực là chân-khí chứa-chan!*

Ông Đào là người cao-đạo giữ lấy sạch mình, chí-thú siêu-khoáng, coi việc đời không thèm để bận đến lòng. Duy có đối với các con thì ông lại dạy dỗ cần-quyền, thế thì ông cũng vốn là người trong lý-học vậy. Ông đã hay hậu-tích ở mình, mà đời đối-đãi lại thì bạc, chắc là con cháu ngày sau cũng có người phát-đạt. Xem như Lương-Thư *có nói: An-thành-vương Tú khi làm Thứ-sử Giang-châu. Quan Thứ-sử trước có lấy một người tằng-tôn ông Đào cho làm chức Lý-tư. Ông Tú than rằng: « Đức ông Đào như thế, lẽ nào lại không còn để đến đời sau! » Lập tức ngày hôm ấy cho ngay tằng-tôn ông Đào làm chức Tây-tào-duyện. Người Viên-giao ông Cam Trạch-Đao nói rằng: « Đào Nghiễn cũng là con cháu sau ông Đào, năm Khai-nguyên có làm nhà ở núi Côn-sơn ».*

Thơ Đỗ-Phủ rằng: « Đào Tiềm tránh cõi tục, mà cũng chưa đạt đạo; xem như những bài thơ, có ý giận khô-cảo; đạt-sinh há cần gì, sao không hay sớm hiểu; con nó hiền hay ngu, can gì bận hoài-bão ». *Ông Đỗ cho ông Đào dạy con là bất-đạt, không phải lời chí-luận vậy.*

7. — *Bài văn tự viếng mình*

Sách sử *Cương-mục*, ông Chu-tử về năm Nguyên-gia thứ tư, đời vua Tống Văn-đế, có đặc-cách chép rằng: « Tấn trưng-sĩ Đào Tiềm tốt 晉徵士陶潛卒 ». Thư-pháp nói rằng: Ông Tiềm mất ở đời nhà Tống, sao lại chép là đời nhà Tấn? Nhưng không biết ông Tiềm thủy chung vẫn là người nhà Tấn, suốt trong sách *Cương-mục* chỉ có một người ấy mà thôi. Nhà Tống sắp vời ông ra, mà ông Đào liền mất, đó là trời cũng muốn để ông trọn vẹn làm bậc hoàn-nhân vậy.

Ông Đào khi sáu-mươi-ba tuổi, tự biết mình chẳng dậy được nữa, có làm sẵn bài vãn-ca, và bài văn tự tế mình. Thế thì ông đã đạt về cái lẽ sống chết nó như thế nào vậy. Lời văn rằng:

« Duy, năm đinh-mão, (Nguyên-gia năm thứ tư), đúng luật Vô-dịch (tháng chín), trời rét, đêm dài, phong-khí xờ-xạc; hồng nhạn vần-vơ, cỏ cây lác-đác; Đào-tử sắp từ-bỏ nơi nghịch-lữ, trở về nơi bản-trạch. Cố nhân đều xót-thương đêm nay cùng tiễn-biệt; bày thức rau ngon, rót chén rượu sạch; đợi khi tắt nghỉ, nghe hơi đã tịch; thôi ôi thương thay!

« Mông-mênh khối đất, lộng-lẫy bầu trời, sinh ra muôn vật, ta được làm người; ta sinh làm người, nghèo kiết cả đời; rá không bầu cạn, áo rách lả-tơi; rượu suông nước lã, hát ngao đi cày; cửa sài hẻo-lánh, vui ta đêm ngày.

« Xuân-thu thay đổi, chăm việc canh-nông; trồng cây đắp nấm, tươi tốt những mong; sách vui thú sẵn, đàn vỗ dịp không; đông hong bóng nắng, hè tắm suối trong; cần-lao chẳng quản, nhàn rỗi chơi ngông; vui trời yên phận, trăm năm là cùng.

« Trăm năm cõi đời, ai cũng ham chơi; sợ không thành-nghiệp, bỏ phí đời người; trân-trọng tham tiếc, chết còn hối ôi! Song ta chẳng thế, khác

hẳn mọi người; vinh ta cũng mặc, nhuốc ta chẳng rây; ngất-ngưởng xó nhà, thơ rượu tít say.

« Đã hay vận-mệnh, ai chẳng luyến-quyến; ta nay thác đi, đành không ân-hận; thọ gần trăm tuổi, thân vốn ẩn-độn; già rồi chết đi, nào có tham luyến.

« Rét nắng thay đổi, chết khác lúc còn; họ hàng thương viếng, bè bạn thăm nom; chôn ra giữa đồng, để yên cái hồn; ta đi yên giấc, cửa mộ tối om; dơ nết xa-xỉ, quách đá đem chôn (1); bỉ thói kiệm quá, táng trần Vương-Tôn (2).

« Thôi đã tích-diệt, cõi đời đã xa; chẳng cây chẳng nấm, ngày lụn tháng qua; danh-dự chẳng thiết, thiết gì văn-ca; kiếp sinh khó thật, kiếp tử sao mà? Than ôi thương thay!»

Nhan Diên-Chi 顏延之 là người cố-nhân với ông Đào, tương-tri với nhau thâm-thiết lắm, không vì sự sống chết mà thay đổi tiết-tháo. Ông Nhan có làm bài lỗi-văn cho ông Đào trưng-sĩ; đặt tên thụy cho ông Đào gọi là: Tĩnh-tiết trưng-sĩ 靖節徵士. Tâm-sự ông Đào từ bấy giờ mới bộc-bạch về đời sau. Nay lục bài văn tựa, dịch ra như sau này:

« Kia như: Ngọc kia tốt thật, nhưng không phải cái của báu ở chốn ao-chuôm; quế kia thơm thật, nhưng không phải cái giống thường ở trong vườn-tược; há phải là vui-thích gì thú cao-xa đâu, chỉ vì cái bản-tính nó khác đó thôi. Cho nên những vật gì không chân mà theo đến là vật thừa; những người nào nối gót mà theo sau là người hèn vậy. Còn như nết cao như ông Sào ông Do, tiết-tháo như Bá-Di, Tử-hiệu, thực là bậc cha vua Nghiêu vua Vũ, coi nhỏ nhà Hán nhà Châu; nhưng vì đời đời càng xa, tiên-linh vắng tiếng, để đến nỗi tinh hoa mai-một, dòng thơm tuyệt dứt, chẳng đáng tiếc lắm ru! Tuy rằng sau này cũng có nhiều người hay theo lực-lượng mình mà khởi lên; nhưng phần nhiều buổi đầu vẫn theo tục, hoặc nửa đường lại khác lối, há hay tỏ bóng sáng lưu sóng thừa về sau được đâu.

« Nay có nhà trưng-sĩ đời Tấn, người Tầm-dương tên là Đào Uyên-Minh, là một nhà u-cư ở cõi Nam-nhạc; khi nhỏ chẳng ham chơi, khi lớn vốn thực-thà, học chẳng cứ thầy nào, văn chỉ cốt đạt-ý, ở trong đám đông càng tỏ mình là hiếm có, đương trong lúc nói càng thấy mình là nín-lặng. Xử cảnh nghèo-khổ, nhà không đầy tớ; gánh nước giã gạo, kham lấy không nổi, canh rau cơm đậu, vẫn không đủ dùng; mẹ già con dại, nuôi nấng túng-thiếu; sực nghĩ đến cái nghĩa kịp nuôi đấng thân của ông Điền-sinh, lại chạnh đến cái lòng mừng phụng tờ hịch của ông Mao-tử; trước kia còn từ chối mệnh-lệnh các quan Châu-phủ vời ra, sau mới ra làm quan lệnh huyện Bành-trạch. Song vì đạo không hợp đời, theo ý muốn mình liền bỏ quan về. Từ đó rũ sạch bụi trần, thỏa lòng ngoài cõi, ẩn thân giấu tích, lánh ra nơi xa; tưới vườn trồng rau, đủ để cung-dưỡng; tết gianh hái cỏ, đủ để tiêu-sài; lòng ham xem dị-thư, tính ưa vui tửu-đức; bỏ hết những sự phiền, nên thành ra khoáng-đật; thực là coi phẩm tước cũng chẳng qui, vui cảnh nhà mà quên cả nghèo đấy dư! Sau có tờ chiếu vời vào làm chức Trước tác-lang, ông cáo bệnh không đi. Thọ 63

(1) Ngươi Hoàn-Khôi nước Tống sai làm cái quan-quách bằng đá, làm đến ba năm mà vẫn chưa xong. Khổng-tử chê là xa-xỉ.

(2) Sách *Hán-thư* chép truyện Dương Vương-Tôn khi sắp mất, dặn con chôn trần để giữ lấy bản-chân của mình, bảo làm cái túi vải cho thây xác vào, đưa đút xuống cái hang đất sâu bảy thước, rồi tự đàng chân rút cái túi ra để táng trần.

tuổi, năm Nguyên-gia thứ tư, ngày... tháng... ông mất ở làng Sài-tang, huyện Tầm-dương; kẻ gần đau xót, kẻ xa thương-tình; u-minh ứng-phúc, thương thay thục-trinh! Ôi, nết thực vì lời lỗi mà thêm hoa, cái danh bởi chữ thụy mà thêm cao; nếu xứng với đức-nghĩa thì có kể gì quí với tiện. Còn như cái nết tốt khoan-hòa lệnh-chung, cái tiết-tháo hiếu-liêm khắc-kỷ, hay hợp với thụy-điển, mà không trái chi trước, các bạn đều nói nên đặt thụy ông là: « Tĩnh-tiết trưng-sĩ 靖節徵士 ».

Mộ ông ở phía bắc huyện Tĩnh-tử hai-mươi-nhăm dặm, đời Minh năm Chính-đức thứ mười, có quan Đề-học là Lý Mộng-Dương 李夢陽 kính-mộ cái cao-phong của ông, có sửa-sang lại phần-mộ ông, lại lập ra nơi Tĩnh-tiết thư-viện.

Ông có thi-văn-tập tám quyển, là do Chiêu-minh thái-tử nhà Lương tên là Tiêu-Thống 蕭統 biên-lục lại, có đề tựa rằng: « Vốn yêu văn ông không mấy khi dời tay, tưởng-vọng đức ông, tiếc rằng không sinh đồng-thời ». Đó lại là một người tri-kỷ của ông Đào ở về đời Lương vậy. Người đời lại còn truyền một quyển *Ngũ-hiếu-truyện*, hai quyển *Thánh-hiền quần-phụ-lục* (nhất-danh là *Tứ-bát mục*, mười quyển *Hậu-sưu-thần ký*, cũng là của ông Đào làm ra, nhưng không phải, đó là tự người đời sau giả-thác ra vậy.

Phê-bình.— *Trong bài văn tế trên kia, ông có nói:* « Đúng luật Vô-dịch ». *Bài văn-ca có nói:* « Sương-nghiêm dương tháng chín, đưa ta ra cõi xa ». *Xem thế thì biết ông mất về tháng chín. Nhan Diên-Chi làm bài thơ có câu rằng:* « Đau chúng sốt rét, coi chết như không ». *Thế thì biết ông bị chứng sốt rét lâu ngày mà mất vậy.*

Trong tập Tứ-khố toàn-thư *có biên lục* Đào-Uyên-minh-tập *tám quyển. Sách* Đề-yếu *nói rằng: Đời Bắc-Tề ông Dương Hữu-Chi* 陽休之 *có biên-lục sách ông Đào Tiềm truyền lại có ba bản: Một bản tám quyển, không có bài tựa; một bản chín quyển, có bài tựa, nhưng biên chép lẫn lộn, lại có chỗ khuyết-thiếu; một bản nữa là do Tiêu-Thống biên-soạn cũng có tám quyển; mà không có* Ngũ-hiếu-truyện *và* Tứ-bát-mục. *Hữu-Chi mới hợp cả ba bản lại định làm mười quyển, thì không phải như bản cũ do Chiêu-minh soạn-tập ra nữa rồi. Đời Tống có ông Tống-Tường* 宋庠 *tìm được bản cũ ở Giang-tả, thứ-đệ rất là quán-thông, đời nay truyền lại tức là bản cũ Giang-tả mà ông Tường tìm ra vậy. Nhưng xét ra Chiêu-minh thái-tử cách đời ông Tiềm còn gần, mà đã không thấy có* Ngũ-hiếu-truyện, Tứ-bát-mục, *nên Chiêu-minh không để vào tập văn ông Đào. Dương Hữu-Chi bởi đâu mà tục thêm vào đó? Tuy có dẫn chứng sách Thượng-thư, nhưng cũng mâu-thuẫn khác nhau, quyết không phải là một tay làm ra, đó hẳn là văn giả-thác làm bịa ra, Hữu-chi lầm mà tin làm thực, mới tăng vào tập văn ông Đào.*

Đào-tập, *nay có bản chú của ông Thang Hán* 湯漢 *(người Phiên-dương Giang tây) đời Tống, bốn quyển có thơ mà không có văn (khắc vào trong tập* Bái-kinh-lâu tùng-thư*); bản tiên-chú của ông Lý Công-Hoán* 李公煥 *(người Lư lăng đời Nguyên) mười quyển; bản chú của Hà Mạnh-Xuân* 何孟春*; bản chú Cấp-cổ-các của Mao Tấn* 毛晉*, (phụ-lục Ngô Nhân-Kiệt niên-phổ); bản của Tiêu Huyền* 焦竑 *(không có* Tứ-bát-mục*); bản chữ nhỏ của Mạc Hữu-chi* 莫友芝*; bản chữ nhỏ của Hãn Tuyền-lâu* 翰選樓*; (đều mười quyển mà có phụ cả* Ngũ-hiếu-truyện *và* Tứ-bát-mục*); bản Hán Ngụy bách-tam danh-gia của Trương Phổ* 張溥 *(một quyển); bản của Trương Toàn-công* 張泉公*; bản Lục-quân-đình* 綠君亭 *(cũng là*

Cấp-cổ-các khắc ra, chính-tập ba quyển). Lại còn bản tích-nghĩa của Hoàng Văn-Hoán 黃文煥; bản vựng chú của Ngô Chiêm-Thái 吳瞻泰; các nhà chú-thích đều biên vựng ra thành một pho, mà đều có sở-trường cả; nhưng vẫn không tinh-thiên bằng bản Tĩnh-tiết tiên-sinh-tập *của Đào Văn-nghị Công-Chú 陶文毅公澍 ở Yên-hóa biên-soạn lại.*

Các nhà văn thơ đời Lục triều biên thành-tập truyền lại đến nay, cũng không còn mấy nhà. Duy có tập văn thơ ông Đào truyền đến nay đã khắc đi khắc lại mãi, không thể bỏ mất đi được, đó là văn-thơ mà cũng qui-trọng lại phẩm người vậy. Những người không biết chuộng lấy đức-hạnh mà chỉ cầu khéo về câu văn thơ, tuy rằng râu ngâm đứt hết, cốt thơ gầy còm, nghĩ năn lấy câu thơ cho hay, cũng chỉ tự khổ mà thôi, chứ sao đủ truyền được.

Sách Sưu-thần hậu-ký, *đời Minh có bản khắc; trong tập* Tứ-khố *cũng có biên-lục. Nay xét ông Đào mất về năm Nguyên-gia thứ tư đời Tống, mà trong sách* Sưu-thần *lại nói đến những việc năm Nguyên-gia thứ 14-16 xem thế thì đích là giả-ngụy không cần phải biện-bác nữa.*

NGUYỄN HỮU-TIẾN *biên-thuật*

VIỆT-NAM DÂN CHÍNH LUẬN

Nghĩa chữ chính-trị là phải kiêm cả quốc-chính với dân-chính. Quốc-chính là phần thống-trị, dân-chính là phần phân-trị. Thống-trị với phân-trị đều là việc quan-hệ mật-thiết đến cuộc sinh-hoạt lâu dài của nhân-dân trong một nước cả. Ví như xây nhà, quốc-chính là nóc và thân của cái nhà, mà dân-chính là nền và móng của cái nhà vậy. Thế cho nên nói về cách xây nhà thì lấy quốc-chính làm trọng, mà nói về cách hạ thủ xây nhà thì lấy dân-chính làm gốc. Thuyết-giả nói: Vẫn biết việc dưới không tốt thì việc trên không vững, nhưng việc trên chưa có chút tài-liệu qui-mô gì thì đã nói chi đến việc dưới. Bởi vậy xưa nay bàn về vấn-đề chính-trị ai cũng chú-ý về quốc-chính trước đã. Cũng là lý-thế tất-nhiên

Tuy-nhiên, theo đường thẳng của lý-tưởng thì vẫn như thế, song theo tình-trạng của thực-tế thì nhiều khi lại trái nhau. Nghĩa là quốc-chính có khi thịnh có khi suy, có khi trị có khi loạn, có khi thái có khi bĩ, thời-thế lợi đã cố-nhiên không phải nói, mà thời-thế không lợi thì còn phải tốn công quay chuyển, phí thì-giờ mong đợi, không phải việc chốc-lát mà nên. Đến như dân-chính thì không lúc nào là không có thời-thế. Vì dân-chính nó là tư-cách phổ-thông tư-cách căn-bản, tuy thuộc phạm-vi chính-trị, nhưng là chính-trị về cuộc sinh-hoạt của địa-phương của đoàn-thể bình-dân, lại hằng phải đứng về địa-vị phục-tùng, chịu giám-đốc. Cho nên dễ làm mà làm không có nguy-hiểm gì. Vậy lại lấy sự xây nhà mà ví thêm cho rộng thì dân-chính lại như là khu đất nữa. Trong cái khi đã dự-bị hay là còn ước muốn có một cái nhà như ý sở cầu thì hẳng bồi-bổ sửa-sang, chặt gai cắt cỏ, cắm mốc giồng cây trước đi, được việc nào là khỏi được cái cảnh-tượng hoang-tế đổi-bại hôi-hám cho khu đất đó chút ấy, há có phải là việc mất công đâu

Địa-vị dân-chính như trên đã nói tường, nay bàn đến chính-nghĩa của nó.

Nguyên-chất của dân-chính tức là hương-chính, nói rõ là « việc làng » đó mà thôi. Song chỉ vì hai chữ «việc làng» ở ta nó bị cái nghĩa hủ bại, thôn-ổ lậu tục che lấp đi đã lâu ngày, nó ở trong những cái dặng tre xanh mà bay ra. Nghe thấy hai tiếng « việc làng » thì người ta yên-chí ngay là việc hưng-bái, thịt xôi, vị-thứ, một khoét và kiện cáo. Nghe thấy hai tiếng « việc làng » thì người ta yên-chí ngay là việc phi ông mũ cánh chuồn thì ông bố-tứ con cò, nào đứng chiếu dọc, bước chữ đinh, lên xuống chữ ả ; nào ngồi trung-đình, đã cỗ dựa lại cỗ ăn. Chứ chẳng còn có việc gì khác nữa. Bởi thế cho nên hai chữ « việc làng » mới phải bị xấu lây đeo cái tiếng nhạo-báng ở giữa đời văn-minh đến ngày nay chưa trừ bỏ được. Thực thì « việc làng » chính là cái cùng với quốc-chính phân địa-vị mà đứng đối-trĩ với nhau trong trường chính-trị đó.

Muốn biết cái nghĩa quan-trọng ấy nên hiểu cái nghĩa chữ « làng » mới của ngày nay. Làng, tiếng Pháp gọi là « *Commun* ». Theo phép « tự-trị chế » thì « *Commun* » gồm có ba thứ làng là : « *Ville* » ta gọi là thành-phố ; Nhật gọi là « *thị* 市 ». « *Faubourg* » ta gọi là phố, Nhật gọi là « *đinh* 町 ». « *Village* » ta gọi là xã-thôn, Nhật gọi là « *thôn* 村 ». « *Ville* » là cái làng ở nơi đô-hội lớn, nghề công thương thịnh-vượng, đứng riêng làm một bộ-phận tự-trị, trực-tiếp chịu quyền giám-đốc của quốc-gia, chứ không thuộc về huyện-hạt. « *Faubourg* » là cái làng chuyên nghề công thương ở ngoài thành-phố thuộc về quyền giám-đốc của huyện-hạt, chứ không thuộc về thành-phố. « *Village* » là cái làng chuyên nghề canh-nông thuộc quyền giám-đốc của huyện-hạt,

Thế thì thành-phố, phố, xã-thôn tuy sinh-hoạt khác nhau, lớn nhỏ khác nhau, cách tổ-chức chính-trị có phiền-giản khác nhau, mà địa-vị đối với quốc-gia thì là một. Nghĩa là cùng là bậc rất thấp trong tự-trị chế, cùng là những cơ-thể đan-thuần của nhà nước vậy.

Thế nào là cơ-thể đan-thuần của nhà nước. — Mỗi làng là một khu-vực nhỏ, có thổ-địa và nhân-dân, dân-cư thì ở liền vào với nhau một phần trong khu-vực đó. Hợp làng thành tổng, hợp tổng thành huyện, hợp huyện thành tỉnh, hợp tỉnh thành xứ (kỳ), hợp xứ thành nước. Tổng huyện tỉnh xứ đều có thể theo ý-kiến của quốc-gia mà thay đổi khu-vực đi được. Chớ như làng không có thể biến-thiên chỗ dân-cư đi mà thay đổi khu-vực được. Vậy làng đối với nước tức như một cái tai cái mũi hay là một cái xương, một bắp thịt trong thân-thể người ta, cho nên gọi làng là những cơ-thể đan-thuần của nhà-nước.

Theo lối chính-trị ngày xưa thì xã-thôn đối với nước là cái nghĩa bộ-lạc đối với triều-đình, chứ không phải là cái nghĩa địa-phương đối với trung-ương quốc-gia. Bộ-lạc là những khu-vũ nhỏ của thổ-dân sinh-tụ thuộc quyền thổ-hào chế-ngự mà chưa biết có chính-trị tổ-chức là gì. Triều-đình là nơi ủy-nhiệm của nhà vua, mà nhà vua là nhà hùng-trưởng thống-ngự cả một nước. Triều-đình đối với bộ-lạc cũng coi như đối với các phiên-thuộc bị chinh-phục mà thôi. Cho nên triều-đình chỉ trách-cứ các bộ-lạc phải tuân theo mệnh-lệnh, phải đủ cung-đốn binh-lương mà thôi, Còn việc nội-trị của các bộ-lạc, triều-đình phó mặc mà không hỏi đến. Bởi vậy kẻ thổ-hào càng dễ hoành-hành, kẻ bộ-dân càng bị uất-ức. Tục-lệ nhân đó càng đồi-bại, sinh-hoạt nhân đó càng cằn-cỗi ; mỗi làng là một chính-lệnh, một phong-tục, mỗi làng là một cái nước nhỏ biền-tiểu bần-tiện hủ-lậu

ở trong một cái thiên-hạ cỏn con dưới góc trời. Cái tư-tưởng của người trong làng chỉ nghĩ tới vệ tre vòng quanh làng là hết. Có công-danh phú-quí cũng chỉ công-danh phú-quí với làng, có sự-nghiệp công-đức cũng chỉ sự-nghiệp công-đức với làng mà thôi. Bởi thế mà thành ra có những câu « *Lệnh làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ* ». « *Miếng giữa làng bằng sàng xó bếp* » ; thậm-chí đến « *Khôn-ngoan ở đất làng bay, dù che ngựa cưỡi tới đây nên hèn* ». Ôi trong một nước với nhau mà dù che ngựa cưỡi, khác làng nên hèn, thực không biết nghĩa quốc-thổ, quốc-dân là gì, thì còn biết gì đến quốc-gia nữa.

Sở-dĩ gây nên cái tư-tưởng như trên ấy là bởi cái chế-độ bộ-lạc đối với triều-đình mà ra. Các nước ngày xưa đâu đấy cũng đại-loại như thế, mà ở Việt-Nam ta, thì lại càng tệ hơn. Còn như chế-độ địa-phương đối với trung-ương quốc-gia thì đến các nước Thái-tây thế-kỷ gần đây mới thực được hoàn-toàn. Đó tức gọi là « chế-độ địa-phương tự-trị » vậy.

Chế-độ địa-phương tự-trị tức là cái cơ-sở lối chính-trị cộng-chủ, hóa triều-đình ra làm quốc-gia, tiến bộ-lạc lên làm địa-phương cho được đối với quốc-gia mà trực-tiếp nhận lấy quyền-lợi nghĩa-vụ. Chế-độ địa-phương tự-trị lại chính là cái bản-thể của phép chính-trị lập-hiến nữa. Vô-luận là nước quân-chủ hay là nước dân-chủ, là nước đan-nhất hay là nước liên-bang, phàm đã lập-hiến đều phải qui-định ra hai cái quyền chủ-trị là trung-ương tập-quyền với địa-phương phân-quyền. Trung-ương tập-quyền là quốc-gia thống-trị và giám-đốc đến khắp các khu-hạt lớn, đến các làng. Địa-phương phân-quyền là các khu-hạt, các làng, được quốc-gia ủy-nhiệm cho những quyền tự-trị cho trong địa-hạt mình được thịnh-vượng, như những việc vệ-sinh, giáo-dục, cảnh-sát cùng các việc sinh-hoạt khác của đoàn-thể.

Thế cho nên làng chính là một địa-phương cơn-bản thấp nhất mà quan-hệ đến sự thịnh-suy của nước. Ở Việt-Nam hiện nay những hạng « làng thành-phố » thì còn thuộc quyền chính-phủ Bảo-hộ chủ-trương, duy có những hạng « làng phố » với « làng xã-thôn » là thuộc về hạt dân cai-quản. Song công-thương của nhân-dân chưa có gì là phát-đạt, những hạng « làng phố » không những mới thành-lập mà cũng chưa có được là bao nhiêu. Vậy chỉ có những hạng « làng xã-thôn » là thuộc đại-đa-số, là cái bản-thể lập quốc của ta, là cái căn-bản phát-sinh của nhân-dân ta vậy.

Lấy pháp-lý mà luận thì các làng xã-thôn ở Việt-Nam ta từ cổ tới nay, từ tín-ngưỡng, khoán-ước, cách tổ-chức chính-trị, cách chia xóm ở, đặt đường đi cùng mọi sự sinh-hoạt chung, nhất-thiết cái gì cũng đều do bốn chữ « nhân-tuần cầu-thả » mà gây dựng nên. Nhưng lấy tình-niệm mà bàn thì ở trong thực có nhiều cái phong-tục ở ăn với nhau do cái lòng thuần-hậu, chất phác mà ra. Ấy cũng vì đó mà cố-kết nhân-tâm được tràng-cửu mãi. Duy từ buổi cuộc đời biến-đổi, vận nước chuân-kiển, hơn nửa thế-kỷ tới nay. Nóc đã dột thì tường vách khỏi sao không nghiêng đổ, lẽ tất nhiên như vậy.

Loạn-lạc lao tao một hồi, đến khi yên thì quyền thay, chính-lệnh đổi, đạo-đức suy, phong-tục bại, cảnh-sát vắng, kẻ cắp ra, việc làng thôi còn gì mà đáng hỏi đến nữa. Trên ấy tôi đã nói việc gì trong làng cũng do nhân-tuần cầu-thả mà gây nên, mà chính đến những khoản công-sản, công-chi cùng khoán-ước cũng vậy, không cái gì có minh-văn ký-chú tường-tận rõ-ràng. Song trước kia sở-dĩ duy-trì được vô-

tệ hoặc ít tệ, là nhờ ở cái nhân-tâm tốt của hạng người sống về hoàn-cảnh bình-an xưa. Đến khi hoàn-cảnh đổi khác, sinh-hoạt gian-nan, cố-lão thì điêu-linh hết, mà việc công lại không cái gì có bằng-chứng, bọn hào-đố bấy giờ thừa-cơ được dịp tha-hồ ra mà những-nhiễu, lấy việc công mưu lợi riêng. Các làng xã-thôn từ đó lại càng đồ nát.

Nhân-dân đóng góp thuế-khóa cho nước đã ngày thêm nặng-nề, mà kẻ hào-lý lại càng phù-thu lạm-bổ, thời-đại kim-tiền, dân làng nào quật-cường mà có đem tố-cáo với cửa công, thì nên bạc đâm toạc tờ giấy, bọn cùng-đinh cũng chỉ càng tăng thêm cái quẫn-bách. Ấy tình-trạng chốn xã-thôn gần nay đều như thế.

Bỗng năm 1922, chính-phủ Bảo-hộ Bắc kỳ, nhân viện Dân-biểu thỉnh-cầu, ban-hành một bản Nghị-định « Cải-lương hương-chính », cho các làng, từ làng-phố cho đến các làng xã-thôn. Trong Nghị-định phần chủ cốt là tổ-chức nên tòa Hội-đồng hương-chính mới để cách-trừ cái tệ hào-cường chuyên-chế đi. Lập ra sổ dự-toán để biết số thu chi trong một năm thực-hiện thế nào. Phải kê khai những công-sản điền-địa hoa-lợi chung cho minh-bạch. Phải định lấy hương-ước hương-tục lại. Nhất-thiết những tục-lệ bắt nhau phải làm cỗ-bàn nợ miệng đều tha cho mà lấy một số tiền chiết-can rất nhẹ để sung quĩ mà công chi. Việc công-ích thì chỉ-định ra cho rõ ràng: Giám-đốc việc bổ thu sưu-thuế, hòa-giải tố-tụng và các việc kiến-trúc, giáo-dục, vệ-sinh. Những việc này sẽ tùy trình-độ tài-chính của làng mà tiến-hành dần dần. Quốc-gia giữ quyền giám-đốc, làng được quyền thực-hành. Thực là một chính-sách hợp-thời, là một cuộc chính-trị có thể tạo-phúc cho các làng và dự-bị cho cuộc cải-cách lớn cho quốc-chính.

Tuy đem so-sánh với những chế-độ địa-phương tự-trị của các nước văn-minh, thì bản nghị-định cải-lương hương-chính đó chưa phải là hoàn-toàn thực, nhưng nói về những cái đại-thể của hình-thức thì cũng đã lược-bị rồi. Phải biết, lấy một cái địa-vị dân ta, một cái trình-độ, một cái lũy-khối hủ-bại tích-tệ của dân ta mà thực-hành được như trong bản nghị-định đó cũng đã là một sự hạnh-phúc lớn rồi. Vả việc đời có nhỏ mới có to, từ gần mới đến xa, bao giờ mà không phải thế.

Lúc nghị-định đem ra thi-hành, quan Thống-sứ là ông MONGUILLOT là vị sáng-lập và chủ-trương rất sốt-sắng. Chính trong nghị-định thì làng năm trăm suất đinh mới được cải-lương lập sổ chi-thu, nhưng quan lấy rằng một nhà còn nên có sổ chi-thu, nữa là một làng, bèn cho các làng nhỏ cũng phải lập sổ chi-thu cho sự chi-tiêu được minh-bạch. Trước thí-nghiệm ở một vài làng Hà-đông, rồi thi-hành khắp các tỉnh. Mỗi tỉnh mở một trường Thư ký hương-hội dạy làm sổ sách việc làng. Ảnh-hưởng của cuộc dân-chính mới làm kích-thích lòng người, lác-đác có những kẻ nho-học, tây-học, hưu-quan và phú-thương ở thành-phố về làng làm Chánh-hội để giúp việc cải-lương cho dân. Các làng lục-tục xây nhà hội-đồng, dựng trường học, đắp đường đi, làng to lập được cả nhà hộ-sinh, giếng nước ăn, ấu-trĩ-viên. Có làng lại đào được cả ngòi khuyến-nông, dựng được cả máy nước làm ruộng.

Một lối chính-trị mới-mẻ tinh-tế đem thi-hành vào trong một cái chỗ quen tính cẩu-thả, mà trong vài ba năm đã được như thế, không phải là không chóng. Dù việc hoặc bởi người làng họ

muốn tự-trị thực mà làm, hoặc vì cưỡng-bách, hoặc vì cầu danh mà làm, song buổi mới thì việc gì mà không như thế, mà cốt là có làm thì là được. Cái hi-vọng của các làng đang như măng mới mọc. Ngờ đâu được vài năm đó rồi thấy người-lạnh dần đi. Chính-phủ Bảo-hộ cho bãi bớt số làng cải-lương bất-cập-cách đi, rồi cũng ít đôn-đốc đến cả những làng cập-cách. Thế là cuộc dân-chính mới bèn thất-bại. Bọn hào-đố lại trung-hưng. Nhà hội-đồng bỏ mốc, nền ấu-trĩ-viện vỡ ra cấy lúa. Đục nước dễ béo cò, lại lợi-dụng hội-đồng mà làm bậy, ở hương-thôn nay có câu « ăn cắp có bè », là chỉ vào bọn hội-đồng hiện giờ đó. Ôi đáng tiếc thay !

Cứ lý ra thì cái tội đó là phải kết vào cho người ở các làng. Coi đó biết họ không đủ tư cách tự-trị, không có tri-thức mới về dân-chính quốc-chính tương-liên. Ôi, họ đã không phát-tâm lên thang thì ai còn dắt lên được, chính như lời một nhà vua tiền-bạc bên Âu-châu đã nói

Tuy-nhiên, ta khoan lại mà xét, lấy tình mà lượng cho họ. Phàm một cái nghệ-thuật gì mới có mà tinh-mật thì ai cũng phải học-tập mới làm được. « Trăm hay không bằng tay quen » là nghĩa thế. Cho nên nhất-đán đem khẩu súng đưa cho anh nông-phu không từng sờ đến súng bao giờ mà bảo cứ bắn đi, thì trách làm sao anh ấy khỏi lúng túng ngượng-nghịu. Cuộc « cải-lương hương-chính » đối với người Việt-Nam chưa từng lược biết đến những lối tân-chính-trị Thái-tây, mà có lẽ đến hầu hết mọi người, thì có khác gì chú nông-phu chỉ quen có một cái cày mà bỗng đưa súng cho bắt bắn ngay không.

Như thế nghi-hồ, trong khi chăm đôn-đốc thì được một vài việc, đến khi nghỉ đôn-đốc thì lại nhãng-bỏ cả đi. Phương-chi trong một làng tuy nhỏ mà trạng-thái của quần-chúng cũng không khác gì như trong một nước. Có đảng duy-tân, có đảng thủ-cựu, lại có đảng chẳng cần tân mà cũng chẳng cần cựu, chỉ quí-hồ lợi cho mình thì theo, không thì phá. Cho nên trong khi những người ra làm việc hội-đồng ở các làng buổi ban đầu, mà kiên-thiết được một đôi việc, không phải là dễ. Nào đối-kháng với hủ-tục, với hào-đố, nào trù-liệu đồng tiền, đều là việc khó cả. Thế mà làm đi được là nhờ dựa vào cái uy-lệnh của quan trên bênh-vực. Nếu không bênh-vực nữa thì dù kẻ có tâm tốt cũng đành phải thúc-thủ.

Xem thế thì biết cái cớ thất bại của cuộc hương-chính ấy, tại dân đã cố-nhiên mà cũng tại Chính-phủ một phần. Có ba cớ : Một là có lệnh mà không huấn, hai là trường dạy Thư-ký không thực-hành rèn-tập, ba là các quan phủ huyện không hết sức.

Về cớ thứ một. — Dân đã chưa từng được nghe dạy bảo về những cách chính-trị mới, mà nhất-đán ban-hành cho, thì thế tất phải vừa thi-hành vừa tìm cách cổ động diễn-giải khai-đạo những ý-nghĩa ở trong ấy một hồi cực-lực, cho thực cảm sâu vào lòng người, thì mới là thực-tâm. Mà các Triều-đình ngày xưa, các Quốc-gia ngày nay, khi muốn canh-cải một cái cựu-tục ra một cái tân-chế nào cũng đều phải thế cả. Bởi vì đại-đa-số của nhân-dân vô-luận đông-tây kim-cổ, bao giờ cũng việc thành rồi mới hay, chớ lúc đầu thì không hiểu. Ở nước Anh ngày xưa có việc chính-trị lợi cho dân mà thi-hành mãi dân cũng không chịu thực-hành, sau phải làm ra sách giáo-khoa phát về các trường tiểu-học giảng dạy mãi mới hóa được. Nay ở đây ngoài bản nghị-định ra không có một cơ-quan nào để giải-thích truyền-bá ý-nghĩa cho dân biết cả. Tôi còn nhớ hồi ấy từ các quan phủ huyện đến các hương-chức có học-thức, tuy cũng hơi hiểu rằng

làm được thì hay đấy, nhưng hỏi đến duyên-do của cái hay thì chẳng ai hiểu ra sao cả. Cái đó không lấy gì làm lạ, họ chưa được đọc những sách hiến-pháp, sách địa-phương tự-trị chế-độ đó mà thôi.

Về cớ thứ hai.—Công-việc giấy mực ở hội-đồng quan-hệ ở Thư-ký. Lúc mới thi-hành, mỗi tỉnh mở một lớp dạy làm Thư-ký cho các làng. Thầy dạy thì lấy viên Tham-tá ở tòa Sứ hoặc một viên Trợ-tá ở tòa Thượng ra sung vào. Thầy vốn chỉ ở đường danh-lợi, chứ có cái tư-tưởng gì về dân-chính đâu. Nay phải tạm lĩnh việc dạy học thực không thú gì. Cho nên sự đối-đãi, tuy thầy trò mà thực là quan dân. Sự học vì đó không có thực-hiệu. Cái bằng cấp chỉ là chuốc bằng tiền mà thôi. Cho nên đến lúc Thư-ký đỗ về, sổ sách chẳng làm được việc gì, lại phải thuê tịch-sĩ. Trong chỗ hội-đồng trơ ra mấy anh nhà quê, chẳng hiểu nghĩa-lý dân-chính là gì, mà sổ sách phiền, thuê mượn tốn-phí, vì đó mà họ sinh chán.

Về cớ thứ ba. — Công-việc cải-lương hương-chính cốt nhờ ở các quan phủ huyện. Trên kia đã nói cái khó ở trong làng buổi ban đầu, mà không nhờ được quan trên bênh-vực thì dân không thi-hành được. Thế mà việc hương-chính lại là việc thực-hành, nào khám xét sổ sách, tiền nong, nào điều-đình những sự đảng phái, nào chỉ bảo những việc kiến-thiết cho từng làng, quan sở-tại đều không thân-hành để ý đến không xong. Việc chỉ quấy-nhiễu mà lợi-lộc lại ít, tưởng quan mà không có nhiệt-thành với dân với nước thì không sao chịu nổi. Vì đó mà việc hư-ứng hiện ra bầu khắp cả.

Bởi những cớ trên đó, vật-luận chỉ nghị sôi nổi, có câu : « *Cải-lương mà ra cải-ác* » Chính-phủ xét lại không thấy được thực-hiệu gì, bèn ngã lòng mà nhạt dần đi. Còn bỏ lại cho mỗi làng một đám hội-đồng « ăn cắp có bè ».

« Trăm tội đồ cho nhà oản », chỉ tại dân mà thôi. Dân chưa có cái trí-thức thông-thường về chính-trị, chưa có cái nguyện-vọng về địa-phương tự-trị, cái trình-độ của dân như vậy, biết làm thế nào. Đó là ý-kiến của nhiều người. Còn về ý tôi thì tôi nghĩ rằng trình-độ của dân là do ở nhà-nước dìu-dắt cho, chứ dân nước nào cũng không bao giờ tự có trình-độ được. Cái tình-trạng sa-sút, đồi-bại của các làng xã thôn ngày nay thế nào thì ai cũng đã rõ, dân đã không tự làm cho có trình-độ được, cuộc kinh-tế cạnh-tranh của thời-thế cứ khốc-liệt mãi như kia, chắc sự sinh-hoạt của các làng không thể nào đứng vững mà còn sụt xuống chưa biết đến chừng nào.

Cho được vãn-hồi cái sinh-khí lại cho các làng, tôi tin rằng chỉ có một phép là thực-hành lại cuộc cải-lương hương-chính mà thôi. Sự thực-hành cải-lương hương-chính, không những quan-hệ mật-thiết cho vận-mệnh sinh-hoạt, vận-mệnh kinh-tế của các làng, mà chính quan-hệ mật-thiết cho vận-mệnh sinh-hoạt và kinh-tế của cả các làng với quốc-gia tương-can với nhau đó.

Cho nên thực-hành cải-lương hương-chính được, không những quốc-gia với nhân-dân thu-hoạch được cái lợi về chính-trị, mà chính thu hoạch được cái lợi lớn về kinh-tế vậy. Cái lợi lớn ấy như sau này.

Các làng xã-thôn Việt-Nam nhiễm sâu phải cái bệnh của buổi bình-an thịnh-vượng ngày xưa còn sót lại, việc làng chỉ biết có tế-bái với cỗ bàn mà thôi. Nay sinh-nhai khốn-đốn mà mê-chấp không dám tự trừ bỏ. Vì việc tang-tế, việc đình-đám mà thường giàu phải nghèo, nghèo phải khốn. Từ ngày cải-lương nhiều xã hư-ứng vừa lấy lệ chiết-

can tiền vừa bắt làm cỗ, lại càng thêm nặng. Nay nếu thực-hành cải bỏ được thì dân sẽ thu được một điều đó. Tòa hội-đồng có tư-cách thì tự trừ được cái tệ cường-hào tham-nhũng, ngăn-cấm được lý-dịch lạm thu sưu-thuế, bao nhiêu công-sản bị xâm-ngư đều được thu vào công-quĩ. Cá-nhân khỏi thiệt-hại mà đoàn-thể có lợi, sẽ nhân đó mà trù-mưu được những việc công-an công-ích, gánh đỡ lấy cho quốc-gia. Tức như việc giáo-dục sơ-học nay mai quốc-gia sẽ giao về cho các làng, nếu làng không có cái khoản sẵn thì lấy đâu mà làm.

Phàm những cái lợi cho quĩ làng đó là đều thu-hồi được ở những sự phù-phí hoặc những-lạm mất đi mà nay lấy lại cả. Làng lớn sẽ làm được những việc kiến-thiết to, làng nhỏ thì cũng làm được những việc bé. Làng đã có hằng-sản chung, đã biết trù-liệu chung, thì sẽ ảnh-hưởng được đến cả những việc canh-nông, kỹ-nghệ.

Việc canh-nông của các làng ở về hai xứ Trung Bắc thuộc về chế-độ tiểu-nông. Nếu không có một cơ-quan ra thay mặt cho cả làng thì không thể nào cải-lương nghề cày cấy được. Phải có hoặc một hoặc nhiều những cơ-quan hương-hội lân-cận hợp-lực nhau mà làm những việc như khai ngòi, đặt máy nước, chọn hạt giống, cải chất đất, v. v. Kỹ-nghệ thì các làng thường có những nghề tổ-truyền, cũng nhân đó mà mưu tiến-bộ. Lại như mấy làng mới cải-lương vừa rồi tự tìm lấy nghề thủ-công mới về cho con em làm.

Không những các làng tự mưu được lợi-ích cho bản-thân tức là gánh đỡ được cái gánh trách-nhiệm chăn-nuôi giáo-hóa cho quốc-gia, mà đến cái khoản sưu-thuế chính-cung cũng nhờ đó mà dễ lo liệu. Không những thế, đến những việc phúc việc nghĩa đối với bản xứ với nước như cứu-tế, quốc-trái, giáo-dục bản-hạt, cũng có khoản sẵn mà dễ ứng-dụng.

Lại như nhân-dân trong làng sẽ được nhân đó mà học chính-trị bằng cách thực-hành. Làm nổi người tộc-biểu, xét được cái sổ chi-thu của làng, tức làm được hội-viên hàng tỉnh, nghị-viên hàng xứ. Trí-thức phổ-thông về chính-trị, nhờ đó mà gây nên.

Dân-chính đã chỉnh-đốn, dân-lực tất tăng-tiến, mọi việc công-thương của người Nam người Pháp sẽ nhờ đó mà phát-đạt. Phàm những sự đó không phải là toàn-lợi dư ? Nhưng không thực-hành cải-lương hương-chính không có được.

Hiện nay cái vạ kinh tế khủng hoảng, khiến cho việc công việc tư, việc dân việc nước đều bị ảnh-hưởng lớn. Mà nó liên-can với cả thế-giới không phải như những cái nạn thiên-tai như nắng như lụt một vài huyện-hạt mà dễ cứu-vãn. Nó lại liên-miên chưa biết bao giờ là hết. Nhân-dân trong toàn-quốc, đâu đấy đều đang lắng-lặng ngóng đợi cái ơn-huệ về một cuộc cải-cách lớn mà đức Việt-Nam Hoàng-đế cùng Chính-phủ Bảo-hộ đã hứa và đang dự-bị. Cuộc cải-cách lớn sau đây ấy tức là thực-hành lại điều-ước Bảo-hộ năm 1884 và ban-hành hiến-pháp cho trong nước.

Chúng tôi thiết-nghĩ dân-chính là cơ-sở của quốc-chính. Quốc-chính tuy hay mà dân-chính không chỉnh-đốn cũng không thi-hành vào đâu được. Vậy đồng-thời hoặc trước khi ban hiến-pháp xin chỉnh-đốn lại cuộc cải-lương hương-chính cho, xin thực-hành cho khắp cả trong nước mà hạn-định cho tất thành-công

Nay đã biết cái cớ thất-bại trước là bởi ba điều. Có lệnh mà không có huấn thì nay tìm cách dạy bảo giảng-diễn cho đến cảm-hóa, thư-ký không thực-hành thì tìm cách rèn-tập cho tốt

được. Còn như các quan sở-tại thì nếu thấy Chính-phủ nhiệt-thành tất phải theo mà làm hết sức.

Chúng tôi thiết-tưởng không gì bằng Trung-kỳ cũng như Bắc-kỳ, mỗi xứ phải đặt riêng ra một tòa chuyên-nhiệm về việc ấy. Tòa ấy giữ việc đốc-suất thi-hành, giảng-diễn bằng sách-vở, báo-chí và đi kiểm tra. Nhân-viên trong tòa đó ai nấy đều phải am-hiểu những chính-sách địa-phương và ý-nghĩa bản nghị-định cải-lương Hương-chính của Nhà-nước. Việc dạy thư-ký các làng cũng thuộc về tòa ấy mà đặt hẳn làm chức giáo-sư vĩnh-viễn chứ không nên cho quan-lại tòa khác tạm kiêm.

Xem như việc Địa-chính ở Bắc-kỳ cũng làm giống như thế thì thấy chóng có thực-hiệu lắm. Lúc mới quan cai-trị các tỉnh đôn-đốc cho các làng tư đạc và họa lấy địa-đồ, tốn hại bao nhiêu mà không thành việc gì. Sau đặt sở Địa-chính chuyên-nhiệm thì được việc ngay. Sở Địa-chính cũng lại lấy ngay người nhà quê trong tỉnh vào tập đo vẽ, vài tháng thì thành thợ khéo, tự đi đo vẽ được. Còn dạy Thư-ký Địa-bạ thì hoặc ở tỉnh hoặc ở các phủ huyện, sở cử người về dạy. Tùy tiện mượn ở đình-chùa nào làm trường cũng được. Cứ hai huyện giao một nhân-viên của sở về, vừa dạy vừa đi xét sổ hoặc khám đạc lại, tùy lệnh quan Địa-chính ở tỉnh truyền bảo luôn. Có một điều khôn-khéo là Thư-ký Địa-bạ học tốt-nghiệp không phát bằng đỗ. Mỗi kỳ học một vài tháng, làm được thì thôi, chưa làm được kỳ khác lại học lại. Việc Thư-ký Địa-chính còn khó hơn Thư-ký Hương chính, thế mà nay trong mười người đã có tới bảy tám người làm khá.

Trong đạo nghị-định cải-lương hương-chính Bắc-kỳ hồi đầu quan Thống-sứ đã khen là người Việt-Nam có khiếu chóng biết làm việc về chính-trị. Vậy nay tham với cách tổ-chức sở Địa-chính mà đôn-đốc thì tất thế nào cũng thành.

Vả cái bệnh « Nhân-tuần cẩu-thả » của người thôn-quê Việt-Nam nó di-truyền đã lâu. Kẻ chân-tâm vì việc làng thì ít mà có cũng vẫn trù-trừ quan-vọng, phương-chi kẻ hào-đố chỉ muốn phá để kiếm lợi riêng thì nhiều. Thế mà việc huấn-giáo, việc thăng-thúc trễ nải thì họ còn muốn làm việc gì. Chúng tôi thiết-tưởng hai Chính-phủ mà quả có chân-tâm về nền dân-chính, về nền kinh-tế sinh-hoạt của dân, thì việc cải-lương hương-chính cũng phải dùng một cái uy-lệnh rất nghiêm-ngặt mới được. Đối với quan-lại giám-đốc phải nghiêm-ngặt, phàm hư-ứng trì-trệ là can tội lỗi ngay. Một tên tử đệ lười biếng, không có phụ sư nghiêm-khắc không bao giờ thành thân được. Cái tính-tình người thôn-quê Việt-Nam ngày nay thực như thế. Chỉ sợ không thực có được đấng phụ-sư nghiêm-ngặt mà thôi.

Người thôn-quê Việt-Nam vốn chất-thực trung-hậu, biết nhớ lâu những ơn huệ đã thấm-thía thực. Người thôn-quê Việt-Nam tuy có tư-cách mà chót quen tính cẩu-an. Ví thử già nửa thế-kỷ về trước mà có được đấng phụ-huynh hiền-minh, biết theo thời-thế mà đưa dẫn thúc-bách thì cũng có thể bước lên con đường tiến-hóa mới được. Nhưng dịp ấy đã không may rồi. Nay trách-nhiệm ấy không trông cậy ở hai Chính-phủ thì ở đâu.

Thế mà đến buổi nì, thì sa-sút quá lắm rồi. Một bài nói về hưu-trí quan-lại Tây Nam của ông Chủ-bút người Pháp ở Pháp-Việt tạp-chí đã làm chứng về tình-cảnh khốn-nghèo của chốn thôn-quê xứ này.

Chúng tôi không thể không công-nhận cái sự-nghiệp khai-hóa mới ở nước này. Nhưng xin thú thực chỉ mới thấy ở các làng thành-phố, các

làng phố mà thôi. Còn các làng xã-thôn thì vật-chất cũng như tinh-thần, Trung-kỳ cũng như Bắc-kỳ, trừ một vài làng có nghề buôn bán, quan lại, thủ-nghệ ra, đâu đấy đều thấy bần-bách cả ngay từ trước cuộc kinh-tế khủng-hoảng này rồi.

Dân-chính là nền quốc-chính. Nền có chắc-chắn, lâu dài mới vững bền, dân-chính có chỉnh-đốn, quốc-biến mới có chỗ mà thi-hành. Lẽ phải tương-y tương-trợ cho nhau như thế. Không thì cũng chỉ là câu chuyện mơ mộng mà thôi.

Ngoài lặng đón những cái tin dự-báo về sóng gió ở quanh bể Thái-bình, trong kịp xét kỹ từng con ván của cái thân thuyền Việt-Nam, xin các bậc chèo lái cầm vận-mệnh cho nước cho dân lưu-ý.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

BÀN VỀ NHÂN-VẬT TƯỞNG GIỚI-THẠCH

Nước ta là nước láng-diềng với Trung hoa. Khoảng 30 năm về trước, Trung-hoa có một nhân-vật cả ảnh-hưởng với cuộc đời xuất-hiện là Lý Hồng-Chương; người nước ta phần nhiều người cho rằng Lý là một nhân-vật đã đủ làm đại-biểu cho cả nước Trung-hoa. Thậm-chí có một hạng người cho Lý là kẻ quyền-thần mà gọi Lý là Tần Cối, nhưng kỳ-thực thì không phải thế. Hồi Dân-quốc mới bắt đầu, trong thời-kỳ một hai năm, Trung-hoa lại có một nhân-vật cả ảnh-hưởng với cuộc đời xuất-hiện là Lê Nguyên-Hồng; người nước ta phần nhiều người cho rằng Lê là một nhân-vật đã đủ làm đại-biểu cho cả nước Trung-hoa, thậm-chí có một hạng người cho Lê là bậc đại-vĩ-nhân mà gọi Lê là Hoa-Thịnh-Đốn, nhưng kỳ-thực lại không phải thế. Về khoảng ngót mười năm gần đây, Trung-hoa lại có một nhân-vật cả ảnh-hưởng với cuộc đời xuất-hiện là Tưởng Giới-Thạch; người nước ta phần nhiều người cho rằng Tưởng là một nhân-vật đã đủ làm đại-biểu cho cả nước Trung-hoa, thậm-chí có một hạng người cho Tưởng là một bậc đại-anh-hùng mà gọi Tưởng là Tất Sĩ-Mạch, nhưng kỳ-thực lại không phải thế. Thời-kỳ họ Lý họ Lê là thời-kỳ ký-vãng, nhân-vật họ Lý họ Lê thiên-hạ đã có công-luận, nay ăn cơm mới, chẳng muốn giở-dói truyện cũ làm gì nữa, có chăng chỉ nhân-vật họ Tưởng ngày nay là nên bàn ra nói vào một chút, khiến cho vui truyện mà thôi.

Người ta bảo rằng người đã chết rồi sau nết hãy còn, chứ Tưởng Giới-Thạch là người hiện-thời, đương sống mà làm việc đời, công-cuộc thành-bại cho đến dấu-vết thiện-ác còn chưa rõ-ràng, những tiếng thị-phi cũng không lấy gì làm bằng-cứ. Một nhân-vật suốt cả đời chê, chưa tất đã không phải là kẻ vĩ-nhân; một nhân-vật suốt cả đời khen, chưa tất đã không phải là kẻ tầm-thường, vậy thì nhân-vật Tưởng Giới-Thạch cũng không có thể đã vội đoán-định được. Tuy vậy người quân-tử đối với cuộc đời cũng nên có công-phu nghiên-cứu, để cầu lấy cái chân-lý trong một thời-kỳ, hay là cái chân-tướng của một nhân-vật, để quan-sát dần dần, ngõ-hầu mới có ích, tưởng không nên học những thói lười biếng, đối với cuộc đời không chịu quan-sát một cách thành-thực sâu xa, biết nửa chưa biết cả, biết một chưa

biết mười, phê-phán một cách ngông-cuồng ba-hoa, không khỏi là lối người lùn xem đám.

Cái thói lười biếng ấy có hại gì không? Thưa rằng không phải là không có hại. Một là hại về đường ngôn-luận mất câu truyện chính-đáng, hai là hại về đường tâm-thuật không khỏi có điều thiên-lệch, ba là hại về đường trí-tuệ không khỏi có điều chướng-ngại. Thí-dụ chê người ấy như bùn mà cái hay của người ấy làm mất đi, hay hoặc khen người ấy như trời mà cái dở của người ấy lại không biết; phàm những thói ấy đều có hại cho sự học-vấn.

Luận-ngữ có câu rằng: « *Tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư yên, trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi* 三人同行必有我師焉。擇其善者而從之。其不善者而改之 ». Nghĩa là trong ba người cùng đi, tất có thầy ta ở đó, ta nên đủ có mắt sáng trí khôn để quan-sát, rồi chọn người thiện mà theo, biết người bất-thiện mà răn đổi, thì người thiện và người bất-thiện đều là thầy ta cả, ấy là cái phép học-vấn của ông Khổng vậy. Phương-chi một nhân-vật kia đồng-thời với ta, ta hằng ngày được xem lịch-sử người ấy, hằng ngày được nghe hành-vi người ấy, ta lại chẳng nên đủ có mắt sáng trí khôn quan-sát để giúp cho sự học-vấn của ta hay sao?

Trung-hoa là một nước có văn-minh cổ, vốn rực-rỡ ở phương Đông, chẳng may gặp lúc suy-bĩ, bọn quân-phiệt mỗi người cát-cứ một địa-phương, sự chiến-tranh hồ như cơm bữa. Gần mấy năm nay thì sự bị người ngoài lấn khinh lại càng tệ lắm. Người thức-giả trong thế-giới quan-sát cuộc đời, đối với thời-cục Trung-hoa ai là chẳng vì Trung-hoa mong cho có nhân-vật khá xuất-hiện, ngõ-hầu Trung-hoa mới có cơ-hội thống-nhất, hi-vọng trị-bình, ấy cũng là cái lòng tốt và cái lòng chung của nhân-loại. Cho nên gần mới đây đối Tưởng Giới-Thạch ai nấy đều có để mắt ít nhiều, cũng không phải là không có cớ. Duy nhân-vật Tưởng Giới-Thạch thế nào thì cũng chưa có thể vội-vàng đoán-định được, tức như trên kia đã nói. Chỉ có thể kể ra những điều ưu-điểm và mấy điều liệt-điểm của họ Tưởng, theo sự thực bàn ra, tuy có lời so-sánh phê-phán, nhưng cũng là một mớ tài-liệu cho phương-diện quan-sát mà thôi, xin duyệt-giả cũng hiểu cho ý ấy.

Tưởng Giới-Thạch là một vai đệ-tử thân-thiết quan-hệ của Tôn Dật-Tiên. Tôn Dật-Tiên đối với Tưởng Giới-Thạch cũng như Chư-Cát Vũ-Hầu đối với Khương Bá-Ước, Tăng Quốc-Phiên đối với Lý Hồng-Chương. Họ Khương, họ Lý, họ Tưởng đều là người nối theo chí thầy mà gánh vác việc đời, thật là thiên-cổ thầy ấy, thiên-cổ trò ấy. Tưởng là người cương-nghị nhẫn-nại và có cơ-mưu, theo đòi nghề cách-mệnh đã lâu năm, thực là đã lịch-duyệt gian-nan, không phải là nhân-vật mấy năm nay mới xuất-hiện. Tưởng là một nhà quân-sự và chính-trị, nhất là về đường quân-sự giáo-dục thì căn-cứ ở trường học Hoàng-phố để gây luyện nhân-tài. Cho nên trong quân Tưởng Giới-Thạch từ quân-quan cho đến binh-lính phần nhiều có căn-bản giáo-dục hẳn-hoi, không như kẻ quân-phiệt khác lâm-thời triệu-mộ những quân ô-hợp.

Tưởng lại từng khuyên-bảo các tướng trong bộ-hạ nên đọc sách Vương Dương-Minh và sách Tăng Quốc-Phiên để làm khuôn-mẫu cho kẻ quân-nhân. Ông Vương ông Tăng đều là hai vị danh-nho danh-tướng triều Minh Thanh, cái hoài-bão của Tưởng cũng khá biết. Tưởng cũng cơ-hồ là một ông tướng nhà nho, không phải toàn là lối mới cả. Nhân-vật Tưởng cũng là nhân-vật thích-hợp về buổi tân-cựu giao-thời. Trước cờ Tưởng ở đất Trung-

hoa trong mấy năm nay, không kẻ nào dám tranh-cường, cũng không phải là không có cớ.

Tôn Dật-Tiên khi mất có di-chúc đem toàn-thể công việc cách-mệnh giao cả cho Tưởng, vai Tưởng tướng-quân mới vén màn ra sân-khấu, thanh-danh họ Tưởng từ đấy mới lừng-lẫy. Bắt đầu tiến quân mặt đông-giang phá Trần Quỳnh-Minh, thống-nhất được toàn tỉnh Quảng đông, đó là công-danh họ Tưởng lần thứ nhất. Rồi tiến quân lên Hồ-bắc đánh Ngô Bội-Phu, thu được hình-thế thượng-lưu sông Tràng-giang, đó là công-danh họ Tưởng lần thứ hai. Liền thuận dòng xuôi gió tiến phá Nam-kinh, đuổi Tôn Truyền-Phương, tổ-chức Nam-kinh chính-phủ, đó là công-danh họ Tưởng lần thứ ba. Đề-huề với Diêm, Phùng, tiến đánh Trương Tác-Lâm, khiến cho Bắc-kinh là chỗ sào-huyệt của bọn quân-phiệt bấy lâu, đã phải khuất-phục ở dưới bóng cờ thanh-thiên bạch-nhật, đó là công-danh họ Tưởng lần thứ tư. Ruổi ngựa lên Từ-châu, một tay phá đổ hai kẻ quật-cường phản-đối là Diêm Tích-Sơn với Phùng Ngọc-Tường, làm cho bọn quân-phiệt cũ hết thói hung-hăng, đó là công-danh họ Tưởng lần thứ năm.

Tưởng có ba lần từ chức, lần thứ nhất ngao-du nước Nhật-bản, lần thứ hai tiêu-dao ở chùa Kim chùa Tiêu, lần thứ ba về quê ở Phụng-hóa. Nên biết rằng những kẻ quyền-mưu họ từ chức, phần nhiều là cái danh từ đấy mà thôi, chứ thế-lực họ vẫn căn-cứ vững-vàng, chứa khi nào họ đã chịu nêm hẳn con dao sát-sinh, đứng yên đấy mà thành Phật. Nhưng dù thế nào mặc lòng, xem ra thì Tưởng cũng là người biết nuôi cái khí hiệu-nhiên, khi tiến khi thoái lúc nào cũng thong-dong, mà đối với việc thiên-hạ lúc nào cũng dư-dụ, không như những hạng người bề ngoài mạnh-giỏi bề trong khô-khan, như Viên Thế-Khải, Đoàn Kỳ-Thụy, hạng ấy đều bất-cập Tưởng vậy.

Trung-hoa từ hồi Dân quốc xuất-hiện, khoảng 20 năm, trừ một thời-kỳ Viên Thế-Khải ra không kể, còn thì cơ-hồ hãm vào địa-vị vô-chính-phủ. Tự khi Nam-kinh chính-phủ thành-lập về sau, đối-nội thì cuộc thống-nhất đã có cơ hi-vọng, đối-ngoại thì bạn liệt-quốc đã có nền giao-thiệp. Trung-hoa đương cái thời-kỳ cơ-hồ vô-chính-phủ mà làm ra cái thời-kỳ có chính-phủ ấy, cái công ở ai? Chắc ai cũng phải bảo rằng công Tưởng là đứng đầu.

Những điều kể ra như trên, ai bảo rằng không phải là những điều ưu-điểm của họ Tưởng.

Tuy vậy, hiện nay thì thanh-thế Nam-kinh cũng chưa lấy gì làm tôn-nghiêm, cơ-sở Nam-kinh cũng chưa lấy gì làm vững-vàng cho lắm, mà thế lực Tưởng trừ chín tỉnh là phạm-vi của Tưởng ra không kể, còn thì cũng có nhiều nơi chưa chịu hợp tác với Nam-kinh mà nghe mệnh-lệnh Tưởng. Gần mấy năm nay những cuộc đảo Tưởng thường thấy xuất-hiện luôn luôn, mà những kẻ bất-phục Tưởng càng ngày càng thấy nhiều hơn lên, cái chí thống-nhất Trung-hoa của Tưởng, biết đâu sau này lại khéo chỉ là giấc mộng mà thôi. Gia-dĩ Trung-hoa trong mấy năm nay xảy ra những việc biến-cố tầy trời, nào là Nhật-bản gây sự ở Mãn-châu Thượng-hải, nào là đảng Cộng-sản quấy rối ở miền nam bắc sông Tràng-giang. Những sự biến ấy xảy ra, chỉ đủ làm khốn-quẫn cái thủ-đoạn cho Tưởng, và làm khổ-tâm cho Tưởng, mà cái tiếng thị-phi trên cuộc đời của Tưởng lại càng thấy om-xòm. Tức như những câu truyện mới rồi, người thì đem việc bảo-toàn được Thượng-hải qui-công cho Tưởng, người thì trách Tưởng không hết lòng cứu giúp Thập-cửu-lộ quân mà thóa-

mạ Tưởng là Tần Cối ; người thì chê Tưởng là dung-túng cộng-sản, người thì khen Tưởng là đảng quốc can-thành, mà ví Tưởng với Khương Tử-Nha. Những lời thị phi trên cuộc đời ấy, người thâm-thức cũng nên gác để ngoài tai, vì những lời khen chê ấy cũng không lấy gì làm chắc bằng, mà lịch-sử họ Tưởng tương-lai còn xuất-hiện chửa cùng, sao đã có thể kết-luận được. Ngày nay chỉ có thể xét những điều hành-vi thuộc về trên bản-thân của Tưởng, mà bàn ra điều này là ưu-điểm, điều này là liệt-điểm mà thôi.

Câu rằng : « *Bắc phương hữu giai-nhân, tuyệt thế nhi độc lập, giả đã nên nhất-tiếu khuynh thành. Khen cho tài mà lại tiếc cho tình, còn chen-chúc cuộc đời chi mãi tả ?* », đem câu ấy mà phê-phán vào thân-thế họ Tưởng ngày nay thì thực cũng là đúng quá. Cho nên kể về những điều ưu-điểm của họ Tưởng thì thực cũng khá khen, mà kể về những điều liệt-điểm thì thực cũng khá tiếc. Nhất là điều bỏ vợ cũ mà lấy vợ mới. Ai ôi ! có từng đọc Hán-sử đấy không? Đời Đông-Hán bà Hồ-Dương công-chúa là chị vua Quang-vũ, người đẹp mà mới hóa chồng, đầu còn xanh tuổi còn trẻ, vua có hỏi công-chúa rằng : « Chị xem các quan văn-vũ trong triều ai là người xứng-ý chị, thì chị nói cho trẫm biết để trẫm sẽ vì chị đứng giữa làm kẻ băng-nhân ? » Công-chúa có ngỏ ý rằng : « Tôi xem có tước Tống-công dung-mạo uy-nghi đức-hạnh thịnh tốt, các bề-tôi trong triều không ai kịp cả ». Thế là công-chúa đã ưng-ý với Tống Hoằng lắm, mà cái phú-quí của Tống Hoằng nay mai có lẽ một đã rực-rỡ lên mười.

Một hôm vua triệu Tống Hoằng vào triều để nói chuyện, mà công-chúa thì đứng náu ở sau bức bình-phong để nghe chuyện. Bắt đầu vua ướm hỏi Tống Hoằng rằng : « Lúc giàu thì đổi bạn, lúc sang thì đổi vợ, cái đó cũng là cái thường-tình của người ta đấy phải không ? » Hay đâu Tống Hoằng liền tỏ ra lời nghiêm-chính mà tâu lại rằng : « *Bần tiện chi giao bất khả vong, tao khang chi thê bất khả hạ đường* 貧賤之交不可忘。糟糠之妻不可下堂 ». Nghĩa là người bạn chơi với nhau từ lúc nghèo hèn, đến lúc phú-quí chẳng nên quên nhau. Người vợ lấy nhau từ thuở tấm cám, đến lúc hiển-vinh chẳng nên bỏ nhau. Vua Quang-vũ thấy lời đoan-chính không dám ép nài, mới đoái lại bức bình-phong bảo công-chúa rằng : « Việc chẳng xong vậy ».

Lời Tống Hoằng nói đó chẳng những là điều thịnh-đức nhất-thời mà lại là điều danh-ngôn thiên-cổ, chẳng những là thích-hợp về luân-lý của Đông-phương mà lại là thích-hợp cả luân-lý của thế-giới nữa. Người trong thế-giới dù thánh hiền thế nào, cũng không thể qua điều ấy mà lập nên phẩm-cách được. Họ Tưởng thì lại chẳng thế. Tưởng đã có người vợ họ Diêu lấy nhau từ thuở gian-nan, đã có hai con trai, người con lớn là Tưởng Kinh-Quốc tuổi đã ngót 20. Khi Tưởng đã đánh được Nam-kinh tổ-chức chính-phủ, thân làm chủ-tịch, thanh-danh lừng lẫy, có người con gái họ Tống tên là Mĩ-Linh ngỏ lời ao-ước muốn lấy được người chồng anh-hùng như Tưởng Giới-Thạch. Lạ gì cái thói con gái nhà giàu xưa nay, gặp buổi thiên-hạ thái-bình thì ao-ước những ông nghè ông cống mới đỗ, gặp buổi thiên-hạ loạn thì ao ước những vị tướng-quân mới ra đời, cũng là cái thói mua chồng của các ả, chẳng lạ gì cả. Tưởng liền cùng với Diêu-thị chính-thức li-hôn, rước Tống Mĩ-Linh về làm vợ, rồi nàng Diêu-thị dắt người con trai bé đi ra ở chùa làm vị nữ-ni. Sau này quốc-gia của họ Tưởng, xã-hội của họ Tưởng thế nào chửa khá biết, hiện nay thì gia-đình của họ Tưởng đã khá biết vậy.

Tưởng Giới-Thạch mà là bạng nhân-vật văn-minh, thì Tống Hoằng tất nhiên là nhân-vật hủ bại. Nay muốn chê Tống Hoằng là hủ-bại chẳng biết công-luận của nghìn thu, công-luận của thế-giới có dung không? Hoặc có kẻ bảo rằng Tưởng đối với họ Tống vì sắc thì ít, vị của thì nhiều. Nhưng không biết Tưởng nếu đã ra tay cứu vớt thiên-hạ thì của đồng-bào tức là của mình, hà-tất có của họ Tống mới cứu vớt được thiên-hạ. Kinh *Dịch* có câu rằng: «*Kiến kim phu bất hữu cung* 見金夫不有躬», nghĩa là thấy kẻ nhiều vàng thì chẳng biết có mình nữa, đó là lời chê những kẻ làm nô-lệ cho thói vàng vậy.

Tưởng tự hồi bỏ vợ về sau, những bạn thân với Tưởng như là Đường Sinh Trí; Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hi, Trương Phát-Khuê, kế tiếp nhau hành-động việc phản Tưởng, bề ngoài thì là thời-cục, bề trong thì là tâm-lý, điều đó cũng chửa mấy người xét ra. Người danh-nho nhà Minh là ông Phương Chính-Học có câu thơ rằng: «*Tao khang chi thê thượng như thử, bằn-tiện chi giao khả tri hĩ* 糟糠之妻尚如此·貧賤之交可知矣» Nghĩa là vợ anh như ngọc như ngà, anh còn ruồng-rẫy nữa là thân tôi.» Nhân-tâm chán họ Tưởng, há chẳng phải vì thế. Sẽ biết rằng việc tu-thân tề-gia, cũng có quan-hệ với việc trị-quốc bình-thiên-hạ vậy.

Lại như điều bỏ giáo cũ mà theo giáo mới. Ai ôi, có từng đọc Minh-sử đấy không? Hồi Minh-mạt nhà Thanh đã chiếm-cứ Bắc-kinh, nhà Minh còn giữ được bờ cõi Giang-nam, có một viên tướng nhà Minh là Lý Thành-Đống đã từng đem thân bách-chiến vào sinh ra tử chống với nhà Thanh. Lý có một người vợ thường ở trong quân, kỳ-thủy xui Lý đi hàng nhà Thanh, Lý tức khắc cuốn cờ bỏ giáp đi hàng nhà Thanh. Nhà Thanh lại dùng Lý làm tướng đi đánh nhà Minh. Được ít lâu người vợ lại tỏ ý ngậm-ngùi, hỏi ra thì nói rằng: «Trước kia tướng-quân đội mũ trụ, mặc áo kim-giáp, đeo ấn hổ-phù, theo phục-chế nhà Minh, râu hùm hàm én, đường-đường là một đấng trượng-phu. Ngày nay tướng-quân theo lối nhà Thanh, cạo đầu róc tóc, áo cộc quần đùi, mày râu nhẵn cắc, thiếp tôi trông xấu lắm, vì thế nên buồn rầu». Lý lại tức khắc phản nhà Thanh về với nhà Minh. Chẳng bao lâu nhà Minh mất, Lý cũng chẳng ai biết là đi đâu. Chao ôi! Người quân-tử cũng không dám lấy sự thành bại mà luận kẻ anh-hùng. Nhưng chỉ trách Lý là người khi tới khi bỏ sao khinh-dị như vậy. Chẳng hay Lý trong lòng có tín-ngưỡng gì không? hay là chỉ theo ý một người vợ đấy thôi. Xem vậy thì Lý thuở bình-sinh không tín-ngưỡng gì cả, há Tưởng mà lại cũng như thế dư?!

Tưởng từng khuyên bảo chư-tướng đọc sách Vương Dương-Minh, Tăng Quốc-Phiên, Tưởng đối với hai vị danh-nho ấy há không có lòng tín-ngưỡng đấy dư? Tưởng khi ở Nam-kinh thì thường tiêu-dao lắng kệ ở chùa Kim chùa Tiêu, khi lên Bắc-bình thì nằm nghe kinh ở chùa Bích-vân mà không tiếp truyện ai cả. Người ngoại-quốc khi ấy đã có lời phẩm-bình rằng: «Trung-hoa đồng-thời có ba người tướng giỏi mà theo ba tôn-giáo: Phùng Ngọc-Tường theo đạo Cơ-đốc, Bạch Sùng-Hi theo đạo Hồi, Tưởng Giới-Thạch theo đạo Phật, cũng là một sự kỳ» Tưởng khi ấy đối với Di-đà Bồ-tát lại chẳng có lòng tín-ngưỡng đấy dư? Nhất-đản chính-thức theo ngay đạo Cơ-đốc, chừng cũng là vì cớ họ Tưởng đã làm rể họ Tống đấy chăng?

Phàm bắt đầu đi theo tôn-giáo, tất phải đứng trước thần-vị giáo chủ mà phát-thệ rằng: «Tòng-tiền tội ác của tôi, tôi xin cải-hối đi hết. Từ rày trở

đi, tôi xin giốc một lòng theo một đạo, làm hi-sinh trong bản-giáo ». Như thế mới là chính-thức theo giáo. Họ Tưởng tuổi không phải là còn ít, lịch-duyệt không phải là còn chửa thâm, học-thức không phải là còn chửa có, công-danh sự-nghiệp không phải là còn bé nhỏ, thế mà nhất-đán đã đem cái tinh-thần và cái thân-thế rũ sạch lâng-lâng, thì ra họ Tưởng thuở bình-sinh cũng không tín-ngưỡng gì cả. Vì khiến một ngày kia, Tưởng lại lấy được người vợ nữa, giàu hơn đẹp hơn Tống Mĩ-Linh, mà nhà người vợ ấy lại theo đạo Hồi, thì khi ấy Tưởng xử-trí làm sao, điều đó thì may cũng dự biết được vậy. Nói đây không phải là có ý cho tôn-giáo nào là hơn, tôn-giáo nào là kém, chỉ khuyên người đã theo tôn-giáo thì nên có lòng tín-ngưỡng mà thôi. Hoặc lại có người bảo rằng việc tín-giáo là việc tự-do; nhưng không biết rằng ai tin về giáo nào thì có quyền hành-động trong giáo ấy, không được xâm-phạm lẫn nhau, thế mới là tín-giáo tự-do. Nếu nay theo giáo này, mai theo giáo khác, coi sự theo giáo như trở bàn tay thì là phường giả-dối, trước là dối thượng-đế, dối giáo-chủ, dối thiên-hạ, sau là dối mình, không phải là tín-giáo tự-do vậy. Há Tưởng mà lại hiểu lầm chữ tự-do?

Lại như điều bỏ tù bạn đồng-chí, tức như việc bắt giam Lý Tế-Thâm và Hồ Hán-Dân. Lý Tế-Thâm vốn là người bạn thân rất đắc-lực của Tưởng. Khi tưởng đi bắc-phạt thì Lý tọa-trấn Quảng-đông, Lý lại có công tiễu-trừ nạn Cộng-sản thu-phục thành Quảng-đông, Lý cũng là một nhân-vật trụ-thạnh cho đảng-quốc. Khi phái Vũ Hán và phái Nam-kinh có cơ xung-đột với nhau, thời-cục rất là nghiêm trọng, khi ấy Lý tự Quảng-đông thân-hành đến Nam-kinh đứng giữa làm kẻ điều-đình. Thế là Lý đã có lòng tin Tưởng, hay đâu Tưởng lại đem lòng ngờ Lý, một mặt thì Tưởng tự đốc quân đi đánh Vũ Hán, một mặt thì sai quân bắt Lý giam lại ở Thang-sơn, không hỏi phải trái gì cả. Lý tự phen bị nhục về sau, đã mất cả nghĩa-vụ làm việc nước, lại mất cả quyền tự-do. Từ đấy bọn quân-nhân các phái đối với Tưởng dường như đã mất cả lòng tin. Phùng Ngọc-Tường đã tuyên-bố ra miệng cho rằng việc giam bắt Lý Tế-Thâm thực là một bài học hay cho bọn quân-nhân lĩnh-tụ ở miền bắc. Kẻ xem cuộc đời chỉ tiếc thay cho Diêm Tích-Sơn bấy lâu vẫn là kẻ nhân-nhượng, nếu không có việc bắt giam Lý Tế-Thâm, thì Diêm chửa tất khi nào đã đề-huề với Phùng mà gây nên cuộc « Diêm-Phùng đảo Tưởng » động-địa kinh-thiên năm nọ. Tưởng đối với Lý lần ấy đã là quá lầm rồi, ngờ đâu lại đến lần sau đối với Hồ Hán-Dân nữa.

Hồ thuộc về phái nguyên-lão trong dân-đảng, đối với Tôn Dật-Tiên là bạn chí-thân, đối với Tưởng là bậc tiền-bối. Hồ tuy không phải là vũ-nhân, nhưng sự-nghiệp công-lao cũng là một vai Tôn Dật-Tiên thứ hai trong dân-đảng. Uông Tinh-Vệ còn thuộc về phái tả, đối với Tưởng còn nhiều phen tỏ ý bất-hiệp-tác; đến như Hồ thì tự thủy chí chung, nhất-thiết đều trợ-lực trung-ương mà tán-thành cho Tưởng. Chỉ vì một phen hội-nghị ý-kiến bất-hợp, Tưởng thì cho rằng thời-kỳ huấn-chính đã qua, muốn cho quốc-dân tham-dự chính quyền. Hồ thì cho rằng thời-kỳ còn sớm quá, hẳng nên giữ cái chế-độ lấy đảng trị nước. Tưởng khi ấy chẳng tỏ ý điều-đình gì cả, tức-khắc đem quân-đội vây nhà Hồ, cướp hẳn cái quyền tự-do của Hồ. Tưởng đối với một vai nguyên-lão trong đảng-quốc, mà thi-hành cái thủ-đoạn bất-cận-nhân-tình như vậy, chẳng là vụng lắm ru! Quả-nhiên những vai yếu-nhân trong Nam-kinh như là Tôn Khoa, Cổ Ứng Phần, các người xưa nay vẫn tán-thành cho

Tưởng, đến khi ấy chạy cả về Quảng-đông, mới thành ra cuộc Quảng-đông độc-lập, đến nay vẫn còn giải-quyết chưa xong.

Tưởng làm như vậy, thực cũng không ích gì cho Tưởng, chỉ đủ làm lan-chan vỡ-lở cho thời-cục mà thôi. Cổ-ngữ có câu rằng: « *Thiên-hạ bản vô sự, dung-nhân tự nhiễu chi* 天下本無事庸人自擾之 », nghĩa là thiên-hạ vốn yên lặng không việc, tự kẻ tầm-thường làm rối loạn ra, lời ấy thật là đúng quá. Vả chăng, tự xưa đến nay kẻ anh-hùng làm việc thiên-hạ, không ai có làm cái thủ-đoạn ấy bao giờ. Thủ-đoạn ấy thi-hành với người khác cũng còn là không nên, nữa là thi-hành với bạn đồng-chí, thì cái lỗi lại càng to lắm.

Chẳng xem Tào Tháo đối với Quan-công, Quan-công vốn không phải là kẻ đồng-chí gì với Tào Tháo, nhưng Tào Tháo yêu kẻ có tài cho nên khi Quan-công ở thì Tào Tháo hết lòng chiều đãi; Tào Tháo lại kính kẻ có chí, cho nên khi Quan-công đi Tào Tháo không hạ lệnh đuổi bắt, dường như vẫn tôn-trọng cái quyền tự-do của Quan-công, điều ấy thì Tào Tháo độ-lượng dường nào.

Lại chẳng xem Tào Tháo đối với Nễ Hành, Nễ Hành là một vai tuyệt-đối trái-ngược với Tào Tháo, thường mắng mỏ Tào Tháo một cách nhục-nhằn, Tào Tháo muốn trừ tuyệt Nễ Hành, nhưng lại nghĩ rằng người ấy hơi có danh-vọng, sợ thiên-hạ lại bảo ta chẳng bao-dung được kẻ hiền-tài, mới đem Nễ Hành tặng cho Lưu Biểu. Lưu Biểu lại đem Nễ Hành tặng cho Hoàng-Tổ. Hoàng-Tổ tính nóng, Nễ-Hành tính điên, chẳng bao lâu Nễ Hành chết ở tay Hoàng-Tổ, mà Tào Tháo vẫn tránh khỏi được tính ác, điều ấy thì Tào Tháo khôn khéo dường nào. Đó là kể về cái thủ-đoạn kẻ gian-hùng đấy mà thôi, song le xem cho kỹ ra thì Tưởng cũng còn chửi được là kẻ gian-hùng.

Lại như điều khiến cả nước thờ Tôn Văn. Tôn Dật-Tiên là một bậc vĩ-nhân Trung-hoa hồi Dân-quốc này đấy thật, nhưng chỉ là một vai thủ-lĩnh cách-mệnh phong-vân nhất-thời mà thôi, không phải là bậc thánh-triết như ông Khổng-tử, Thích-ca, đã làm lợi cho thiên-hạ vạn-thế gì. Người Trung-hoa ghi nhớ Tôn-Văn sùng-bái Tôn-Văn là phải, chứ khiến cả nước ai nấy đều phải thờ Tôn-Văn như một vị giáo-chủ thì chửa tất đã phải. Họ Tưởng đối với Tôn-Văn, chỉ nên như lũ Dương Nghi, Khương Bá-Ước đối với Chư-Cát Vũ-Hầu mà tuân theo cái cẩm-nang di-kế, như thế cũng đủ xứng-đáng nghĩa thầy trò, vẻ vang với thiên-cổ, hà tất cưỡng-bách người nước ai ai cũng phải thờ. Nên biết rằng sự thờ là sự người ta bằng lòng cảm-phục, không đợi phải cưỡng-bách, tức như ông Khổng-tử ông Thích-ca, nào phải cưỡng-bách ai, mà ai ai cũng thờ.

Tôn Dật-Tiên khi mất có để lại một cuốn sách, trong nói về chủ-nghĩa tam dân, là dân-quyền, dân-trí, dân-sinh, và hiến-pháp ngũ-quyền, là lập-pháp-quyền, tư-pháp-quyền, hành-chính-quyền, giám-sát-quyền, khảo-thí-quyền. Cuốn sách ấy hay dở thế nào, không hề phải bàn, chỉ biết rằng cuốn sách ấy tức là cái di-sách của Tôn-Văn, cũng như cái cẩm-nang di-kế của Chư-Cát Vũ-hầu mà thôi, nên gọi là Tôn-Văn di-sách thì phải, chứ gọi là Tôn-Văn học-thuyết thì chửa tất đã phải. Nên biết rằng hai chữ học-thuyết to lắm, phi những bậc thánh-triết không đương nổi. Tôn-Văn có phải là Khổng-tử, Lão-tử, Quản-tử, Mặc-tử đấy không, mà khoe học-thuyết của mình. Họ Tưởng có phải là Hữu-tử, Tăng-tử, Nhan-tử, Mạnh-tử đấy không, mà phô học-thuyết của thầy, điều đó đã có công-luận.

Tóm lại họ Tưởng đã phải là bậc vĩ-nhân hay chưa, điều đó cũng chửa

dám đoán-định. Vì lịch-sử họ Tưởng tương-lai xuất-hiện chửa cùng, tức như trên kia đã nói. Duy chỉ biết rằng vĩ-nhân Trung-hoa, vĩ-nhân thế-giới tự xưa đến nay đều không phạm vào những điều liệt-điểm của họ Tưởng cả, thế thì nhân-vật họ Tưởng há chẳng có thể đoán-định được quá nửa rồi đấy ư?

Nhân khi thanh-nhàn khảo-sát đến nhân-vật Trung-hoa ngày nay, đem lịch-sử họ Tưởng bàn ra để làm câu chuyện mua vui và làm bài học có ích.

TÙNG-VÂN

VIỆT-NAM ĐỊA-DƯ NGŨ NGÔN THI (1)

越南地輿五言詩

II

TIẾT THỨ XIII

Nhân-vật

Trời ta là trời báu,
Đất ta là đất linh;
Núi non nung tú-khí,
Sông biển đúc tinh-anh.

Anh-hùng không thiếu kẻ,
Anh-thư cũng lắm người;
Đời đời thường xuất-hiện,
Nay tạm kể một hai.

Thiên-thần-vương Phù-đổng,
Ba tuổi địch muôn người;
Gươm vàng mài dưới nguyệt,
Ngựa sắt thét trong mây.

Dân Nam cùng tụng đức,
Giặc Bắc vẫn kinh tài;
Non Linh ghi thánh-tích,
Sông Đức dẫy thần-oai.

Lý Ông-Trọng Thụy-hương,
Hai trượng cao nhất đời;
Thành dài muôn dặm đất,
Tiếng khét bốn phương trời.

Tần-hoàng ghê dũng-lực,
Hồ-tặc khiếp uy-linh;
Tượng đồng còn để dấu,
Bia đá vẫn lưu-danh.

Đường-lâm Ngô-vương Quyền,
Tri-dũng thật khác thường;
Chông sắt phá Nam-Hán,
Im lặng sóng Đằng-giang.

Sơn-nam Trần Hưng-đạo,
Văn-vũ tài vô-địch;
Gươm thần phá Hồ-Nguyên,
Vang rung non Dược-lĩnh.

Đinh Tiên-hoàng Hoa-lư,
Cờ lau ra dẹp loạn;
Mười hai quan Sứ-quân,
Mây bay và tuyết tán.

Lê Thái-tổ Lam-sơn,
Thần-kiếm ra trừ tàn;
Vạn quân Minh-khấu,
Ngói trụt và giá tan.

Thanh-trì Chu Văn-An,
Là một bậc nho-thuần;
Tờ sớ « thất-trảm » dâng,
Tư-văn động quỉ-thần.

Mộ-trạch Lê Cảnh-Tuân,
Là một nhà trung-liệt;
Tờ thư « Vạn-ngôn » ghi,
Trung-trinh treo nhật-nguyệt.

Xét trong vài người đó,
Lỗi-lạc trong bọn trai;
Phỏng đem mà nói hết,
Hàng xe chở chẳng đầy.

Nhị Trưng đất Mi-linh,
Khăn yếm mà cờ trống;
Nhẹ-nhàng vó ngựa bay,
Đuổi Hán coi hùng-dũng.

(1) Xem *Nam-Phong* số 177.

Sức kéo xoay lại đất,
Tài ngang bậc vá trời ;
Ba thu lên tự-chủ.
Bốn bề động hùng-oai.

Triệu Âu người Thanh-hóa,
Kim chỉ mà cung-đao ;
Đủng-đỉnh đầu voi cưỡi,
Đánh Ngô chí cũng hào.

Non Nam tài nữ-kiệt,
Bề Lệ tiếng Bà-vương ;
Nghìn thu bia đề dấu,
Muôn thuở sử treo gương.

Bắc-ninh Đoàn Thị-Điểm,
Tài văn hay lạ-lùng ;
Giá kén vào đình-đối,
Danh cao chốn bảng rồng.

Bình-định Trần Thị-Quyên,
Nữ-nhi mà hiếu-mộ;
Vì mẹ kể chi mình,
Dám xông đánh mãnh-hổ

Nguyễn Thị-Hai Đông-ngạc,
Không chịu để thân nhục ;
Tiếng mắng quân giặc tàn,
Còn vang cả cồn sóng.

Yên-mô Phạm Thị-Công,
Là bậc biết kinh-quyền ;
Gặp vua khi tránh nạn,
Hiến dây để kéo thuyền.

Phan Thị-Thuấn Thúy-ái,
Đành mình chịu thác trong ;
Tuẫn-tiết cùng phu-tướng,
Lòng trinh in giữa dòng

Hà-tiên Nguyễn Thị-Dung,
Là người tài thao-lược ;
Gặp khi động biên-thùy,
Hộ lương để đánh giặc.

Xét trong vài người này.
Trác-lạc trong bọn gái ;
Phỏng đem mà tính ra,
Đấu lường cũng còn khối.

Khảo-cứu trong kim-cổ,
Đã biết các danh-nhân ;
Phải nên suy cho rộng,
Xem chính-thể quân-dân.

TIẾT THỨ XIV

Quân-chính quan-chế

Đất có nước nghìn muôn,
Trời sinh dân ức triệu ;
Phải đặt ra vua quan,
Thi-hành cách chính-giáo.

Xét chính-thể nước ta,
Vốn là nước quân-chủ ;
Mỗi triều một kỷ-cương,
Mỗi đời một chế-độ.

Phàm muôn công-việc làm,
Đều tự vua xử-trí ;
Cùng trăm hàng quan tư,
Giúp đỡ việc chính-trị.

Kể tự vua Hùng-vương,
Ban đầu ra khai-sáng ;
Tướng văn là Lạc-hầu,
Tướng vũ là Lạc-tướng.

Hữu-tư là Bồ-chính,
Thế truyền là Phụ-đạo ;
Trăm hàng quan từ đây,
Mới tỏ rõ danh-hiệu.

Trải qua khi Bắc-thuộc,
Đô-hộ được bao lâu ;
Thứ-sử tiếng quan Hán,
Úy Lệnh tiếng quan Tàu.

Đô-hộ và Tiết-độ,
Đều là tướng quan trường ;
Xem sử Tàu cai-trị,
Trong dạ nghĩ sầu thương.

Ngô-vương tự-lập lên,
Chính bách-quan điều-qui ;
Vẻ vang mùi phục-sắc,
Thực thiên-tử uy-nghi.

Đinh-hoàng nhất-thống lên,
Định ra phẩm văn vũ ;
Rực-rỡ vẻ uy-nghi,
Thực đế vương pháp-độ.

Lê triều khi trị vì,
Quan-chế theo triều Tống ;
Trần-triều khi đắc-quốc,
Định bách-quan lương-bổng.

Trong Tam-thái Tam-thiếu,
Ngoài Tri-phán Tri-châu ;
Các hàm quan-chế ấy,
Là quan thuở Lý-triều.

Trong Lục-khoa Lục-bộ,
Ngoài Đô-ti Thừa-ti ;
Các phẩm quan-chế ấy,
Là quan thuở Lê-thì.

Hoàng Nguyễn nay long-hưng,
Quan-chế rất tinh-mật ;
Kể từ nhất chí cửu,
Mỗi phẩm là hai trật.

Như chánh nhất tùng nhất,
Như chánh nhị tùng nhị ;
Dưới tam cho đến cửu,
Chánh tùng đều như thế.

Kể về hàng kinh-quan,
Trên nhất có tứ-điện ;
Cần-chính và Văn-minh,
Đông-các và Vũ-hiền.

Là quan đầu hàng văn,
Tức gọi là tứ-trụ ;
Bàn quân-quốc trọng-sự,
Hội thành Phụ-chính-phủ.

Nội-các chầu tả-hữu,
Ra vào bẩm mệnh vua ;
Cơ-mật giúp quân-quốc,
Chủ-thủ việc binh-cơ.

Lại có tòa Tam-pháp,
Cứu xét người bị oan ;
Cùng ngăn-gián quân-thượng,
Và dân-hặc bách-quan.

Lại có tòa Lục-bộ,
Kén bổ quan văn vũ ;
Coi giữ việc binh-lương,
Thi-hành các sự-vụ.

Sử-quán tu quốc-sử,
Có chánh phó tổng-tài ;
Biên-tu và Toản-tu,
Đều phải có sử-tài.

Quốc-học là quốc-giám,
Có Tế-tửu Tư-nghiệp :
Dạy cử tú ấm-sinh,
Đều có lương bổng cấp.

Ngũ quân Chánh Đô-thống,
Chư dinh Phó Đô-thống ;
Chư-dinh Đại Thống-chế,
Kinh-thành Đại Đề-đốc.

Là quan đầu hàng vũ,
Chủ-thủ việc hành-binh ;
Cùng với Cẩm-y-vệ,
Phòng-thủ chốn hoàng-thành.

Phò-mã Đô-úy-quan,
Theo hầu xe ngự giá ;
Thiên-tử thị-vệ-quân,
Chầu chực khi nhật dạ.

Kể về hàng ngoại-quan,
Tỉnh có ba quan lớn ;
Thủ-hiến là Tổng-đốc,
Bố-chính cùng Án-sát.

Gọi là Phiên Niết-ty,
Có Thông Kinh bát cửu ;
Kinh-lý trong tỉnh hạt,
Tư-vấn và thông-báo.

Đề-đốc và Lĩnh-binh,
Quản-cơ và Hiệp-quản ;
Đốc-suất các cơ-binh,
Phòng-thủ trong tỉnh-hạt.

Phủ có quan Tri-phủ,
Huyện có quan Tri-huyện ;
Kiêm-lý trong phủ huyện,
Thừa-hành trên tỉnh-hiến.

Có Thông-lại Đề-lại,
Có trú-binh lệ-binh ;
Trông coi trong địa-hạt,
Tư-vấn và tuần-hành.

Tổng có chánh phó-tổng,
Coi việc trong tổng-nội ;
Xã có lý phó-trưởng,
Trông việc trong xã-nội.

Đó là các quan trưởng,
Nói về bên chính-trị ;
Còn về phần giáo-ban,
Cũng lại càng quan-hệ.

Tỉnh có quan Đốc-học,
Phủ huyện có Huấn, Giáo ;
Trông coi việc dạy học,
Và mọi việc hạch-khảo.

Các chức ở trên đó,
Đều là thường-thiết đây ;
Còn các chức quyền-thiết,
Kể ra như sau này :

Phụng-mệnh đi kinh-lý,
Là Kinh-lược Khâm-sai ;
Quyền-hành rất long-trọng,
Chấn-phủ cả trong ngoài.

Phụng-mệnh đi hành-chính,
Tổng-thống đứng làm chủ;
Thứ Tham-tán Tán-lý,
Thứ Tán-tương Tiểu-phủ.

Phụng-mệnh đi khám-sát,
Là Khâm-phái Thanh-tra;
Cùng Đại-dinh-điền-nha,
Và Hà-đê-chính-nha.

Cùng với Thương-biện tỉnh,
Và Bang-biện phủ huyện;
Hữu-sự quyền lập ra,
Vô-sự thì đình-thiết.

Ôi trời sinh ra vua,
Là vì dân định vị;
Ôi vua đặt trăm quan,
Là giúp nước cùng trị.

Vua chính lòng người thuận,
Quan liêm dân nước yên;
Sự liêm là sự tốt,
Cổ-ngữ vẫn ghi truyền.

Nhà Tây-triết thường nói,
Nghe ra cũng lạ-lùng;
Rằng: « Quan là công-bộc »,
Mà « dân là chủ-ông ».

Nếu quan là quan tốt,
Cờ biển đón vui thay;
Nếu quan là quan xấu,
Trống còi rúc đuổi ngay.

Lời thánh-nhân lưu-truyền,
Xem ra sáng vằng-vặc;
Rằng: « Quan là thay dân,
Lại là bày tôi nước. »

Nếu quan làm lợi dân,
Thì dân tranh hát múa;
Nếu quan làm hại dân,
Thì dân tranh nguyền rủa.

Ướm hỏi nhà quan-lại,
Các ngài tính nghĩ sao?
Làm hại hay làm lợi,
Để dưới dân trông vào.

Thanh-liêm cần-thận cần,
Ba chữ tỏ như gương;
Công khoan tín mẫn huệ,
Năm chữ ghi biển vàng.

Khoảng bốn mươi năm nay,
Quan Tây sang bảo-hộ;
Áo xiêm khác cựu-triều,
Nhà cửa đều tân-chủ.

Văn có quan Toàn-quyền,
Là đầu hàng cai-trị;
Thay mặt quan Giám-quốc,
Trông coi nơi thuộc-địa.

Thống-hạt cả ba kỳ,
Quyền ấy rất long-trọng;
Thứ đến quan Khâm-sứ,
Thống-đốc và Thống-sứ.

Cùng các tỉnh Công-sứ,
Và Tham-biện Đại-lý:
Đều là các văn-quan
Thi-hành việc văn-sự.

Vũ có quan Bảy-khuyên,
Là đầu tòa việc binh;
Thay mặt thuộc-địa-bộ,
Chủ thủ các đồn dinh.

Thống cả thủy-bộ-binh,
Chức ấy rất cao tột;
Thứ đến sáu năm tư,
Thứ đến ba hai một.

Và các quan quản-đạo,
Coi lính khố đỏ xanh;
Phò-trương việc vũ-bị,
Giữ nước và phòng thành.

Nghị-viện có hai tòa,
Làm đại-biểu cả nước;
Thượng-viện là quan-thân,
Hạ-viện là hào-trưởng.

Hội-đồng đem ý-kiến,
Bàn-bạc lẽ xa gần;
Trên mưu trù lợi nước,
Dưới nghĩ tính ích dân.

Hình-viện có bốn tòa,
Xét án Tây Tàu Nam;
Nam ở phòng đệ-tứ,
Ngoại-quốc phòng đệ-tam.
Tây ở phòng đệ-nhất,
Tàu ở phòng đệ-nhị;
Quan Tây và quan Nam,
Xét án và trừng-trị.

Học-chính đặt Pháp-Việt,
Dạy về lối Pháp-tự;

Kiêm dụng cả Hán-văn,
Cần nhất là quốc-ngữ.

Thương-chính và thương-tòa,
Thu các ngoại-ngạch-thuế ;
Như thuốc-phiện rượu muối,
Và các thứ hàng hóa.

Công-chính có công-tòa,
Sửa-sang các đường sá ;
Khoi đắp các sông đê,
Tu sửa các dinh thự.

Điện-báo có Điện-sở,
Coi điện-báo công-tư ;
Cùng ngân-hàng thương-mại,
Và bưu-ký văn-thư.

Các tòa ở trên này,
Đều có quan Thủ-hiến ;
Coi qui-chế thi-hành,
Tính pháp-môn phương-tiện.

Còn về phần người Nam,
Tòng-sự trong các sở ;
Ký-lục dịch văn-thư,
Thông-ngôn thông ngôn-ngữ.

Quan-chính và quan-chế,
Đã hơi biết phân-minh ;
Cũng nên suy cho rộng,
Xét xem đến việc binh.

TIẾT THỨ XV

Binh-chính

Binh dùng để giữ nước,
Nước mạnh bởi nghề binh ;
Muốn dùng ra dẹp loạn,
Cần nên giảng lúc bình.

Nước ta hồi khởi-sáng,
Trước tự đức Hùng-vương ;
Lạc-tướng tuy có hiệu,
Quân-danh chẳng được tường.

Trải qua khi Bắc-thuộc,
Chủ quyền về Bắc-nhân ;
Quận huyện cả thổ-địa,
Tử-đệ cả nhân-dân.

Đinh-hoàng lên nhất-thống,
Việc binh cũng rất cần ;
Kén quân làm thập-đạo,
Binh mười hai sứ-quân.

Lê Đại-hành nối lên,
Việc binh cũng rất trọng ;
Phân định quân thập-đạo,
Lui được quân Bắc-Tống.

Lý-hoàng lên trị vì,
Việc binh không phải dụng ;
Quảng-vũ thường tập rèn,
Cả đánh được quân Tống.

Trần xưa lên ngự-vị,
Việc binh tuy chẳng phiền ;
Tứ thiên thường thao-luyện,
Hai thứ phá quân Nguyên.

Lê-triều khi sáng-nghiệp,
Binh-cơ vượt Lý, Trần ;
Thiết-đột và Thánh-dực,
Hùng-oai dẫy tứ-lân.

Lui được quân Minh-khấu,
Bình được cướp Chiêm-thành ;
Uy-phục cả Chân-lạp,
Mở-mang cõi Trấn-ninh.

Đến khi Lê mạt-vận,
Quân ba phủ tung-hoành ;
Đốt nhà quan thừa-tướng,
Huyên-náo chốn triều-đình.

Giết người ở giữa chợ,
Cướp của ở bên đường ;
Không ai ngăn cản nổi,
Lê-triều phải diệt-vong.

Ôi binh là việc trọng,
Có nước chẳng nên khinh ;
Một dùng ngăn địch-quốc,
Hai dùng giữ quốc-thành.

Khéo dùng thì trị-bình,
Vụng dùng thì thành loạn ;
Khéo xử thì phục-tòng,
Vụng xử thì phản-bạn.

Hoàng Nguyễn khi khải-vận,
Binh-chế dùng Tây-dương ;
Dẹp Nam và yên Bắc,
Hùng-oai dậy bốn phương.

Chính-sách việc binh-lính,
Đã biết đại-lược rồi ;
Lại suy ra thêm rộng,
Xét xem việc lý-tài.

(Còn nữa)

Nguyễn Thế-Xương

LUẬN-NGỮ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

論語國文解釋

VIII

VII

誨 嘗 吾 以 束 自 子
焉。 無 未 上。 修 行 曰。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Tự hành thúc-tu dĩ thường, ngô vị thường vô hối yên ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Tự kẻ làm lễ nhập-môn bằng bó nem đến xin học, ta chửa từng chẳng dạy vậy ».

Chú-giải.— Tu = Nem, *thúc* = Bó, *Thúc-tu* = Mười thỏi nem là một thúc-tu. Khi xưa vào nhập-môn học thầy có lễ chí-kiến. Đây là nói một lễ rất thanh-bạc. *Thường* = Lên, đến học, như nói thường học.

Đây là nói cái ý dạy người chẳng mỏi của mình, mà mong cho người ta lại học.

VIII

也。 則 三 隅。 發。 不 憤 子
不 隅 不 舉 悱 不 曰。
復 反。 以 一 不 啓。 不

Dịch-âm.— *Tử viết : « Bất phẫn bất khải, bất phị bất phát, cử nhất ngung, bất dĩ tam ngung phản, tắc bất phục dã ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Người nào mà trong tâm chẳng tấm-tức cầu thông thì chẳng mở bảo cái ý cho được ; cửa miệng chẳng ấm-ức muốn nói thì chẳng dẫn-đạt cái lời cho được. Nhắc bảo cho một góc này mà chẳng biết đem ba góc kia đối-chứng lại, thì ta chẳng bảo nữa vậy ».

Chú-giải. — Phẫn = Bực-tức, trong tâm tấm-tức muốn cầu thông-hiểu đạo-lý mà chửa hiểu được. *Khải* = Mở bảo cho cái ý. *Phị* = Ấm-ức muốn nói ra, trong miệng ấm-ức muốn giảng-giải đạo-lý mà chửa giải được. *Phát* = Thông-đạt lời nói cho hoạt. *Ngung* = Góc. Vật có bốn góc, dẫn bảo cho góc này suy ra biết được ba góc kia. *Phản* = Trở lại, đem ra đối-chứng lại.

Đây là nói kẻ học-giả phải có chốn thụ-giáo thì mới có thể dạy được. Nếu tự mình không cố sức cầu học cho thông, không biết dẫn chứng hỏi lại, thì không có thể dạy được, để khuyên người học phải trước cố gắng tự mình, thì thầy mới khải-phát cho được.

IX

則 是 嘗 之 有 子
不 日 子 飽 側。 喪 食
歌。 哭。 於 也。 未 者 於

Dịch-âm.— *Tử thực ư hữu tang giả chi trắc, vị thường bão dã.*

Tử ư thị nhật khốc, tắc bất ca.

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng có khi gần bên người có tang, ăn chửa từng no vậy.

Đức Khổng ở trong ngày ấy mà đã đi viếng khóc, thì chẳng thể vịnh hát được nữa.

Chú-giải. — Hai tiết trên này là nói thánh-nhân lấy cái chân-tâm thương xót đối với việc tang, một là làm việc tang thương-cảm mà ăn chẳng được ngon, hai là dư-ai hãy còn, mà chẳng thể gượng làm vui được.

X

子謂顏淵曰。用之則行。舍之則藏。惟我與爾有是夫。子路曰。子行三軍則誰與。子曰。暴虎馮河。死而無悔者。吾不與也。必也臨事而懼。好謀而成者也。

Dịch-âm.— *Tử vị Nhan-Uyên viết*: « *Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù* ».

Tử-Lộ viết: « *Tử hành tam quân tắc thùy dữ?* »

Tử viết: « *Bạo hồ bằng hà, tử nhi vô hối giả, ngô bất dữ dã. Tất dã lâm sự nhi cụ, hiếu mưu nhi thành giả dã* ».

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng bảo thầy Nhan-Uyên rằng: « Khi đời dùng ta thì ra mà hành-đạo, bỏ ta thì lui về mà ẩn-tàng; hành tàng đều an sở-ngộ, chỉ ta với ngươi có như thế đấy chăng! ».

Thầy Tử-Lộ hỏi rằng: « Nhà thầy nếu đem ba quân đi thì cùng với ai? »

Đức Khổng nói rằng: « Những người bắt hổ tay không, lội sông tay không, chết mà cũng chẳng hối-hận, ta chẳng cùng với người ấy vậy. Ta tất là cùng với những người lâm-sự mà kính-cẩn, hay bày mưu-kế mà thành được đấy chăng ».

Chú-giải. — *Hành* = Làm, thi-thố ra; hành-đạo ra giúp đời, nói về cái thời nên xuất thì xuất. *Tàng* = Lui về ở ẩn, tàng-thân cao-ẩn, nói về cái thời nên xử thì xử. *Tam-quân* = Ba quân, quân-chế đời xưa một vạn hai nghìn năm trăm người là một quân. Ba quân là việc hành-quân của nước lớn. Thầy Tử-Lộ hỏi việc đem quân đi là ý cậy mình là dũng có thể đương được. *Bạo-hổ* = Táo-tợn bắt hổ bằng tay không, chẳng dùng khí-giới. *Bằng-hà* = Liều-lĩnh lội sông tay không, chẳng dùng thuyền bè. *Cụ* = Lo sợ kính-cẩn. *Thành* = Lập nên được mưu-mô.

Chương này trước là khen thầy Nhan Ủyên hay tùy thời xuất-xử mà không có lòng ý-tất. Sau là ức thầy Tử-Lộ, không nên chỉ cậy cái dũng khí-huyết, phải nên đưỡng lấy cái dũng nghĩa-lý mới được.

XI

吾可之。吾鞭也。而子所求。如亦之難可曰。好。從不爲士。執求富

Dịch-âm.— *Tử viết*: « *Phú nhi khả cầu dã, tuy chấp tiên chi sĩ, ngô diệc vi chi; như bất khả cầu, tùng ngô sở hiếu* ».

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Sự giàu nếu có thể lấy sức người mà cầu được, thì dẫu làm cái kẻ cầm roi ta cũng làm. Nếu là bởi mệnh trời chẳng thể cầu được, thì chỉ nên theo cái điều sở-hiếu của ta ».

Chú-giải. — *Chấp tiên* = Cầm roi đi hầu người, là cái việc người hèn-hạ. *Sở hiếu* = Trỏ về điều nghĩa-lý của tâm mình ham thích.

Đây là tỉnh-thức cho người đời chỉ ham mê cầu-cạnh lấy giàu sang, mà không biết rằng không thể tham cầu được. Gì bằng yên theo về điều nghĩa-lý, cho tránh khỏi sự nhục.

XII

子所齊。戰。疾。之慎。

Dịch-âm.— *Tử chi sở thận*: *Trai, chiến, tật*.

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng càng lấy làm cẩn thận, về những việc trai, việc chiến, việc tật.

Chú-giải. — *Trai* = Trai-khiết, sắp sửa tế-tự mà trai-giới cho thanh-khiết để đối với thần-minh. *Chiến* = chiến-đấu, có quan-hệ về sự tồn-vong của quốc-gia và mệnh sinh tử của dân-chúng. *Tật* = Tật bệnh, có quan-hệ về đường sống chết của thân mình.

XIII

於樂不肉月聞子
斯之圖味。不韶。在
也。至爲曰。知三齊

Dịch-âm.—*Tử tại Tề văn Thiều, tam nguyệt bất tri nhục vị. Viết : « Bất đồ vi nhạc chi chí ư tư dã ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng khi ở nước Tề nghe diễn nhạc Thiều, ba tháng chẳng biết mùi thịt, có than khen rằng : « Chẳng ngờ làm nhạc mà hay đến như thế vậy ! ».

Chú-giải. — *Thiều* = Tên một thứ nhạc diễn ra cái công-đức vua Ngu Thuấn. *Tam-nguyệt* = Ba tháng, nói cái thời-kỳ nghe nhạc mà khế-hợp hâm-mộ lâu. Hoặc có nghĩa là ngài học nhạc trong ba tháng. *Bất tri nhục vị* = Quên đi không biết đến mùi thịt, ý là chuyên tâm về việc nhạc mà quên đi vậy. *Chí-ư tư* = Đến như bậc ấy, trở về cái hay của nhạc Thiều tận-thiện tận-mĩ, không nhạc nào bằng, đó là cái lời nghe rồi mà cảm-khích than khen.

XIV

子又曰。賢何入諸。衛冉
不何求人人曰。吾君有
爲怨。仁也。也。伯將乎。曰。
也。出而曰。曰。夷問子夫
曰。得怨古叔之。貢子
夫仁。乎。之齊曰。爲

Dịch-âm.— *Nhiễm-Hữu viết : « Phu-tử vị Vệ quân hồ ? » Tử-Cống viết : « Nặc, ngô tương vấn chi ».*

Nhập viết : « Bá-Di, Thúc-Tề hà nhân dã ? » Viết : « Cổ chi hiền nhân dã ». Viết : « Oán hồ ? » Viết : « Cầu nhân nhi đắc nhân, hựu hà oán ». Xuất viết : « Phu-tử bất vị dã ».

Dịch-nghĩa. — Thầy Nhiễm-Hữu hỏi thầy Tử-Cống rằng : « Thầy ta có ý giúp vua nước Vệ chăng ? » Tử-Cống rằng : « Vâng, tôi sắp-sửa hỏi đây ».

Tử-Cống vào hỏi đức Khổng rằng : « Ông Bá-Di ông Thúc-Tề là người bậc nào vậy ? » Đức Khổng nói rằng : « Là bậc hiền-nhân đời xưa vậy ». Tử-Cống hỏi rằng : « Trong lòng có oán-hối gì không ? » Đức Khổng nói rằng : « Cầu điều nhân mà được điều nhân, trong lòng còn oán-hối gì nữa ». Tử-Cống trở ra bảo Nhiễm-Hữu rằng : « Thầy ta chẳng giúp vua nước Vệ vậy ».

Chú-giải. — *Vị* = Vì, ý là giúp hộ. *Vệ-quân* = Vua nước Vệ, tức là Xuất-công Chiếp 輒. Trước kia vua Vệ là Linh-công đuổi thế-tử Khoái-Hội đi. Đến khi Linh-công mất, người nước Vệ cho rằng thế-tử đã là kẻ có tội, mà con thế-tử là Chiếp là đích-tôn nên lập, mới lập Chiếp lên làm vua nước Vệ. Rồi thì thế-tử lại nhờ sức nước Tấn đưa trở về nước, nhưng Chiếp cự-tuyệt không cho về, thế là cha con tranh nhau nước. Khi ấy đức Khổng ở nước Vệ cho nên Nhiễm-Hữu ngờ mà hỏi xem ngài có ý cho Chiếp làm phải mà bênh-vị không ? *Bá-Di, Thúc-Tề* = Tên hai con vua nước Cô-trúc. Khi vua cha gần mất, di-mệnh lập Thúc-Tề, Thúc-Tề nhường Bá-Di, anh em cùng nhường nước cho nhau, rồi cùng bỏ nước mà đi. Sau Di, Tề có can Vũ-vương đừng đi đánh nhà Thương ; chẳng thèm ăn lộc nhà Châu, đi ẩn ở núi Thủ-dương mà chết đói. *Oán* = Oán-hối, trong tâm ăn-năn, chẳng lấy sự mình sở-hành làm thỏa. *Nhân* = Tức là lẽ chính-đáng trong thiên-lý nhân-tâm. Bá-Di lấy mệnh cha làm tôn mà không nhận làm vua, Thúc-Tề lấy thiên-luân làm trọng mà nhường nước đi ẩn, đều là hợp về lẽ chính-đáng cả.

Đây là đem sự anh em nhường nước, để phản-chiếu với sự cha con tranh nước, thì biết một đàng thì là nhân, một đàng là bất-nhân, đó cũng là câu hỏi bóng mà biết rằng Khổng-tử chẳng binh vị gì Vệ-quân vậy.

XV

雲。於而中樂肱食子
我富矣。亦而飲曰。
如且不在枕水。飯
浮貴。義其之。曲疏

Dịch âm.— *Tử viết : « Phạn sơ tự ẩm thủy, khúc quăng nhi trầm chi, lạc diệc tại kỳ trung hĩ. Bất nghĩa nhi phú thả quí, ư ngã như phù vân ».*

DỊCH-NGHĨA. Đức Khổng nói rằng : « Ăn cơm thô, uống nước lã, cong cánh tay mà gối đầu, cái vui cũng vẫn ở trong đó vậy. Kia như bất-nghĩa mà giàu và sang, ở ta coi như mây nổi ».

Chú giải. — *Phạn* = Ăn. *Sơ* = Thô, gạo thô tức là tấm gạo xay chưa giã. *Khúc* = Cong *Quăng* = Cánh tay, ý là cong cánh tay lại để làm gối mà gối đầu, cái tâm đấng thánh-nhân hồn-nhiên thiên-lý dẫu xử cảnh khốn-cực mà vẫn vui.

Đây là tả ra cái chân-lạc của mình, không buồn bực về cảnh khốn-cùng, mà những sự phú-quí phi-nghĩa cũng coi thoảng qua như không vậy.

XVI

矣。大以易。以五數加子
過無可學十年。我曰。

Dịch-âm. — *Tử viết : « Gia ngã số niên, ngũ thập dĩ học* Dịch, *khả dĩ vô đại quả hĩ ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Ước gì trời thêm cho ta vài tuổi nữa, để trọn cái công-phu học kinh *Dịch*, thì ta khả-dĩ không điều lỗi lớn vậy ».

Chú-giải.—*Gia* 加 = Có bản là chữ *giả* 假, nghĩa là mượn thêm. *Ngũ-thập* 五十 = Hai chữ *ngũ thập* giống như hình chữ *tốt* 卒 mà viết sai ra. Nghĩa là trọn vẹn. *Dịch* = Tên một kinh nói về triết-lý, phát-minh cái lẽ cát-hung tiêu-trưởng của thiên-thời, và cái đạo tiến-thoái tồn-vong của nhân-sự. Học kinh *Dịch* càng tinh-thâm thì cũng xét biết được đạo trời và việc người, cho nên ít điều lầm-lỗ.

Đây là đức Khổng đã thấy rõ đạo kinh *Dịch* vô cùng, mà nói muốn học thêm để khuyên người nên học, mà học cũng không phải là dễ vậy.

XVII

言皆執詩雅子
也。雅禮。書言。所

Dịch-âm.— *Tử sở nhã ngôn, Thi, Thư, chấp lễ, giai nhã ngôn dã ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng hằng ngày thường nói dạy người là những lời kinh *Thi* kinh *Thư* và lễ-nghi nên giữ, đều thường nói vậy.

Chú-giải. — *Nhã* = Thường, *Thi* = Những lời thơ phong, nhã, tụng, tập đọc để sửa-sang tính-tình. *Thư* = Một sách sử đời cổ bàn nói về chính-trị. *Lễ* = Lễ-văn nghi-tiết. *Chấp* = Giữ, cần-thủ giữ theo lễ tiết. *Giai* = Đều. Những Thi Thư lễ tiết ấy đều thiết về sự thực trong hằng ngày ứng-dụng, cho nên thường nói.

Đây là nói đức Khổng lấy kinh học dạy người, đều thiết-thực về sự nhật-dụng cả.

XVIII

將憂。忘爲女不於葉
至不食。人奚對。子公
云知樂也。卜路。問
爾。老以發曰。子子孔
之忘憤其曰。路子

Dịch âm.— *Diệp công vấn Khổng-tử ư Tử-Lộ, Tử-Lộ bất đối.*

Tử viết : « Nhữ hề bất viết : Kỳ vi nhân dã, phát phẫn vong thực, lạc dĩ vong ưu, bất tri lão chi tương chí vân nhĩ ».

DỊCH-NGHĨA. — Diệp-công hỏi ở thầy Tử-Lộ rằng, ông Khổng là người thế nào? Tử-Lộ chẳng đáp.

Đức Khổng nói rằng : « Ngươi sao chẳng đáp rằng : « Ta là người vốn chăm học, khi học chưa hiểu được lẽ thì phát-phẫn quên cả ăn, học đã hiểu thông được lẽ gì thì vui lòng quên cả lo, hằng ngày chăm-chỉ về sự học, chẳng biết cái già nó sắp đến nơi đó mà thôi ».

Chú-giải. — *Diệp-công* = Chức huyện-doãn ở Diệp-huyện nước Sở,

tên là Thẩm Chư-Lương 沈諸梁, tiếm hiệu xưng tước công. *Bất đối* = Chẳng đáp, là ý cho rằng cái đức của thánh-nhân cao rộng, chưa dễ kể ra mà đáp lại được.

Đây là ngài nói rõ cái tâm hiếu-học chẳng chán của mình để bảo cho người biết, muốn cho ai nấy đều nên dốc lòng mà học.

XIX

也。之以古者。知生我子
者求敏好之而非曰。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Ngã phi sinh nhi tri chi giả ; hiếu cổ mẫn dĩ cầu chi giả dã ».*

Dịch-nghĩa. Đức Khổng nói rằng : « Ta chẳng phải là sinh ra mà biết ngay đạo-lý đâu, chỉ là ham-mến cổ-học cần-mẫn để giảng-cầu lấy đạo-lý đấy vậy ».

Chú-giải. — *Sinh-tri* = Sinh ra biết ngay. Là bậc khí chất thông-minh, nghĩa-lý thông-hiểu. Song phải biết rằng tuy là bậc thánh sinh-tri, về đường nghĩa-lý, cũng đã thông-hiểu, nhưng còn những lễ-nhạc danh-vật, cổ-kim sự-biến cũng còn cần đến học-tri mới nghiệm biết được.

Đây là ngài nói ai cũng phải cần học mới biết được, mà trọng ở học-tri, để khuyến-miễn người phải chăm ở việc học.

XX

神。力語。子
亂怪不

Dịch-âm.— *Tử bất ngữ : Quái, lực, loạn, thần.*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng chẳng nói sự quái-dị, sự dũng-lực, sự bội-loạn, sự qui-thần.

Chú-giải. — *Quái* = Quái-dị, trỏ về những sự hoang-đường quái-lạ vô bằng-cứ, hay làm cho người ta kinh-hãi mê-hoặc. *Lực* = Dũng-lực, cậy sức mạnh lấn kẻ yếu, chỉ hăng-hái huyết-khí mà làm trái cả nghĩa-lý. *Loạn* = Bội-loạn, trỏ về những sự hành vi của kẻ loạn-thần tặc-tử là sự đại-biến trong nhân-đạo. Ba việc trên này đều không phải là chính-lý nên không nói đến. *Thần* = Quỉ thần, trỏ về những sự trông chẳng thấy, nghe chẳng biết, mà cái lẽ u-huyền của tạo-hóa tựa có tựa không, khó suy lường được, nên cũng chẳng thường nói.

Đây là kể ra thánh-nhân chỉ nói sự thường mà chẳng nói sự quái, nói điều đức mà chẳng nói điều lực, nói sự trị mà chẳng nói sự loạn, nói sự người mà chẳng nói sự thần.

XXI

而不從善焉。有人子
改善之。者擇我行。曰。
之。者其而其師必三

Dịch-âm. — *Tử viết : « Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên. Trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Trong bọn ba người cùng đi, tất có thầy ta ở đó vậy. Lựa chọn người thiện mà theo, người chẳng thiện thì mình răn đổi đi mà chẳng theo. »

Chú-giải. — *Tam nhân hành* = Ba người cùng đi, một người là mình, còn hai người nữa là người thiện với người ác, mình khéo lựa chọn người thiện thì mình bắt chước đã đành, người ác thì mình lấy làm răn mà chừa đi, thế thì hai người kia đều là thầy mình cả.

Đây là bảo người cái phép sửa mình nên tự mình khéo lựa, người thiện thì giúp sự hay cho mình, người bất-thiện thì răn điều dở cho mình, đều là thầy có tư-ích cả.

XXII

何。如魋子。德天子
子其桓於生曰。

Dịch-âm. — *Tử viết : « Thiên sinh đức ư dư, Hoàn-Ngôi kỳ như dư hà ! »*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Trời đã phú cái đức cho ta, ngươi Hoàn-Ngôi trái thế nào được trời mà làm hại ta ! »

Chú-giải. — *Hoàn-Ngôi* = Quan Tư-mã nước Tống, tức là Hướng-Ngôi 向魋. Khi ấy đức Khổng sang nước Tống, giảng dạy việc lễ-nghi. Hướng-Ngôi đem lòng ghen-ghét mà muốn hại ngài, học-trò sợ-hãi, nên ngài nói để hiểu bảo cho học-trò. *Đức* = Trỏ về thánh-đức ; trời sinh bậc thánh-nhân, thì cái đức của trời phú-thác cho mình là đức thánh.

Đây là tỏ ra cái tâm tự-tín ở trời mà chẳng sợ hoạn nạn.

XXIII

子曰。二三子。以我無隱乎爾。吾無行而不與。是丘也。

Dịch-âm. — *Tử viết : « Nhị tam tử dĩ ngã vi ẩn hồ ? Ngô vô ẩn hồ nhĩ, ngô vô hành nhi bất dữ nhị tam-tử giả, thị Khưu dã ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Hai ba gã ngờ ta là còn bí-ẩn mà chẳng dạy bảo hết đấy ư ? Ta không giấu gì các ngươi, ta không làm điều gì mà chẳng bảo cho hai ba gã biết đấy, ấy là sự dạy của Khưu này vậy ».

Chú-giải. — *Hành* = Hành-vi, trỏ về những sự trong khi động tĩnh, hoặc nói-năng hoặc nín-lặng, đều là rõ-rệt để dạy người. *Dữ* = Bảo rõ.

Đây là đức Khổng-tử hiện-thân thuyết-pháp, để tỏ ra rằng người dạy học-trò không có giấu điều gì, chớ nghĩ rằng đạo thầy cao-xa mà nản lòng su-hướng.

XXIV

子四教。以文行忠信。

Dịch-âm. — *Tử dĩ tứ giáo : Văn, hạnh, trung, tín.*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng lấy bốn điều dạy học-trò : Văn-nghệ, đức-hạnh, điều trung, điều tín.

Chú-giải. — *Văn* = Văn-chương lục-nghệ, ghi-chép ở sách-vở. *Hạnh* = Nết-na, giữ theo đạo luân-thường. *Trung* = Hết lòng thực-thà. *Tín* = Giữ đạo tín-thực.

Đây là ghi chép những điều cốt-yếu về sự lập-giáo trong cửa Khổng.

ĐÔNG-CHÂU và TÙNG-VÂN

QUỐC-ÂM THI-VĂN TÙNG-THOẠI

VI

Quốc-văn của ta, nhiều câu rèn đúc, có lịch-sử, có văn-chương, đọc đến nghe kêu lắm, khiến người nhớ mãi được, như câu :

Hưu Hàm cốc xảy nên trắc-trở, một trời hoa cỏ ngậm-ngùi xuân ;
Yến A-phòng luống để bơ - vơ, chín khúc nước non ngao-ngán phận.

Câu này là câu trong bài Tần-cung phụ-nữ oán Bái-công hoàn Bá-thượng của Cống Chỉnh. Nguyên lúc ấy chúa Tây-sơn ra Bắc, rồi lại bỏ mà về Nam, cho nên Chỉnh mới làm bài này, tỉ như Bái-công vào Quan-trung vậy. Câu nào cũng trên tả ra là đất Quan-trung, dưới thì câu nào cũng kể đến sự cung-oán, rất là kích-thiết, ai đọc đến cũng biết là lời phụ-nữ Tần-cung oán Bái-công cả.

Lại như câu :

Trọc tóc hóa nên dài tóc, đầu đội ơn công-đức vô-cùng ;
Trắng răng đổi lại đen răng, miệng chúc tụng thái-bình hữu-tượng.

Câu này là câu hịch của Lê Duy-Mật khởi-binh đánh Trịnh kể công-đức vua Lê Thái-tổ để hiệu-triệu thiên-hạ. Nguyên ta lúc xưa thì cạo tóc, sau vua Thái-tổ nổi lên mới bắt để tóc cho có phong-thái (đời xưa gọi như thế là tục tốt). Tục ta nhuộm răng, giặc Minh sang bắt ta phải để răng trắng, vua Lê khôi-phục lại nước mới cho nhuộm răng lại, cho nên kể ra như vậy.

Bài thơ « dại khôn » có người cho là thơ của ông Tú-Xương, nên trong tập *Vị-xuyên thi-văn*, tôi đã có chép vào, nhưng sau tôi xem một tập thơ rất cổ, đã có bài thơ ấy, mà từ-điệu lại hay hơn nhiều, thơ rằng :

Láo-Láo đua nhau nói dại khôn,
Biết ai là dại biết ai khôn ;
Khôn trong tửu-sắc khôn là dại,
Dại đám công-danh dại thật khôn ;
Một đứa nói khôn là đứa dại,
Mình thằng nói dại thật thằng khôn ;
Việc đời chớ quản rằng khôn dại,
Bố thử nào ai biết dại khôn.

Trong một bài thơ, chỉ có hai chữ dại khôn, mà nói đủ mọi lẽ, thế-thái nhân-tình, như tả ra hết, thơ như vậy cũng là thần-diệu thật.

Xưa nay những người số-phận không may hay là nhân-duyên trắc-trở, đến nỗi phải lấy làm lẽ. Nữ-lưu ta xưa, như bà Nguyễn Thị-Điểm là bậc người tài-sắc, nổi tiếng cả thiên-hạ, thế mà sau phải làm Á thất ông Nguyễn Kiều 阮嶠, xem thế đủ biết người sinh ra trên đời, chẳng qua một là duyên, hai là phận, chưa chắc người làm vợ thứ đã là người hèn, mà người làm vợ đích, đã là người tốt vậy, chỉ tùy theo người thôi.

Ông Tú Vị-xuyên có bài thơ lấy lẽ rằng :

Cha kiếp sinh ra phận má hồng,
Khó thay một nỗi lấy chồng chung ;
Mười đêm chỉ giữ mười đêm cả,
Suốt tháng em nằm suất tháng không ;
Hầu hạ đã cam phần cát-lũy,
Nhặt khoan còn ỏi tiếng Hà đông ;
Ai về nhắn bảo đàn em nhỏ,
Có ế thì tu chớ lấy chồng.

Người xưa cũng có một bài vịnh trắc-thất rằng :

Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh-lùng,
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung ;
Năm thời mười họa chăng mà chớ,
Một tháng hai lần có bằng không ;

Cố đấm ăn xôi xôi lại hầm,
Đàm đầu ở mướn mướn không công.
Thân này vì biết đường này nhé,
Thà trước thôi đành ở vậy xong.

Bài này so với bài của ông Vị-xuyên có phần thanh-cao hơn, bài Vị-xuyên thì có ý trách người vợ đích, mà bài thơ xưa thì chỉ oán cái kiếp mình không may, duyên phận đến như thế

Thơ vịnh hát tuồng xưa nay cũng có nhiều bài, mà nhất là bài của ông Tú Quì, sẽ thuật ở sau, lời nói tuy là lời nói thật, mà có ý trào-phúng ở trong. Còn như bài của ông Vị-xuyên là bài chỉ tả thật đấy thôi, nhưng đọc ra nghe cũng có ý-vị, là vì câu thứ ba, xem có tứ hay lắm.

Thơ rằng :

Nào có ra chi một lũ tuồng,
Cũng hò cũng hét cũng y-nông ;
Dầu rằng đối được đàn con trẻ,
Cái mặt bôi vôi cũng thật buồn.

Cuộc thi-cử ngày xưa, có nhiều câu chuyện vui, và cũng có nhiều bài thơ trào-phúng có ý-tứ, như mấy câu thơ của ông Vị-xuyên, đọc nghe cũng hay lắm.

Thơ rằng :

Tiến-sĩ khoa này đỗ mấy người !
Xem chừng hay chữ có ông thôi ;
Nghe văn mà gớm cho văn mãi,
Cờ biển vua ban cũng lạ đời !

Lại bài thơ rằng :

Hai đứa dằng nhau cái thủ-khoa,
Đứa khoe văn hoạt đứa văn già ;
Năm nay đỗ rặt phường hay chữ,
Kia bác Lê kia cũng thứ ba.

Bài này câu thứ ba khen rằng đỗ rặt người hay chữ, mà đến câu thứ tư thấn thêm cái ý trên, thì có một chữ « cũng » mà ý tứ vô-cùng, rất là thần tình.

Ông Tú-Quì (秀 葵) người Quảng-nam có tiếng hay thơ, thơ ông có giọng trào-phúng, làm thơ lại rất lanh.

Lúc ông Nguyễn Duy-Hiệu (阮 惟 毅) khởi-nghĩa ở Quảng-nam, lấy quan-tước lung-lạc bọn đồng chí, nhiều người đương tú-tài hay là học trò, được lên làm quan lớn ; ông có một bài vịnh hát bội rằng :

Nhỏ mà không học lớn mà hoang,
Trống đánh ba hồi đã thấy quan ;
Ra rạp ngồi trên ba đứa hiệu,
Vào buồng đứng dưới mấy ông làng ;
Mượn mầu son-phấn ông kia nọ,
Cởi lốt cân-đai đứa điếm-đàng ;
Tuy chẳng ra chi nhưng cũng sướng,
Đã từng trọn mắt lại phùng mang.

Ông Hiệu nghe đọc bài ấy, nổi giận lên đòi ông vào dinh bảo làm một bài thơ, chỉ con dế duổi bên đèn mà mệnh đề, và bảo rằng : Ông hay thơ lắm, thử đọc lên một bài, ông Quì ứng-khẩu đọc :

Kiến chẳng phải kiến voi chẳng voi !
Trời sinh dế duổi cũng choi-choi ;
Ngẩn cánh lên trời bay chẳng thấu,
Co tay vạch đất cũng khoe tài ;
Mưa sa nước chảy lên cao ở,
Lửa đỏ dầu sôi chẳng tới chơi ;
Quân-tử có thương xin chớ phụ,
Lăm xăm bay nhảy để mà coi.

Rồi hai bên lại cùng nhau rượu trà trò chuyện giờ lâu ra về. Ông Quì có một ông bạn là Trần Đĩnh 陳 挺 cũng đỗ tú-tài làm bang-biện quân-thứ, có danh-tiếng trong đám nghĩa-hội lúc bấy giờ, mời ông Quì đến uống rượu say, ông Đĩnh nói : « Bảo anh làm không chịu làm, người ta làm thì ở nhà thơ từ chế-nhạo, anh nay phải tặng tôi một bài, nếu cạn chén chưa xong, thì tôi trọng-phạt ». Ông Quì vâng mệnh làm ngay, mới đọc được hai câu rằng :

Đề binh khiển tướng thiếu chi người,
Ngẫm lại anh-hùng có một ngươi.

Ông Đĩnh nói : Đã lại xỏ, thôi xin anh đừng đọc nữa, vì ông Đĩnh chỉ có một mắt.

Cụ Phan Thanh-Giản (潘 清 簡) đỗ tiến-sĩ, làm quan đến Hiệp-biện là một vị đại-thần có tài đức mà cũng là

một nhà văn-học có tiếng nhất trong Nam-kỳ, ông có một bài quốc-âm như sau này :

Từ thủa vương xe mối chỉ hồng,
Lòng này ghi tạc có non sông ;
Đàng mây cưỡi tớ ham giong-ruổi,
Trướng liễu thương ai chịu lạnh lùng;
Ơn nước nợ trời đành nỗi bận,
Cha già nhà khó cậy nhau cùng ;
Mấy lời dặn bảo cơn lâm-biệt,
Rằng nhớ rằng quên lòng hỏi lòng.

Bài thơ trên này là khi ngài đi làm quan xa gửi về cho vợ, cố - nhiên cái cảm-tình đối với nước với nhà với cha với mình, cũng lại càng thêm nặng nữa, cái giọng thơ ấy, đời bây giờ cũng khó mà tìm ra được.

Thơ quốc-âm mà dụng rặt tiếng ta, không dụng chữ Tàu, không dụng điển, không phải là điều dễ-dàng đâu, thử trích một bài thơ xưa, như bài « tự-thuật » của cụ Trần Chỉ-Tín (陳 止 信) rằng :

Tuổi tác nay đà ngoại sáu-mươi,
Hơn ai không dám dám thua ai ;
Hai bàn tay trắng làm nên nổi.
Một tấm lòng son ở với đời ;
Lấy phúc mà đong lo cũng mệt,
Có duyên thì gặp dễ như chơi ;
Xưa nay con tạo xây vần thế,
Hết đó rồi đây cũng thánh-thơi.

Bài thơ này thuần-túy là một bài thơ quốc-văn, đáng làm mô-phạm cho những khách học làm thơ. Ông Vị-xuyên cũng có nhiều bài thơ dụng toàn quốc-âm như vậy, như bài « Túy ngâm » rằng :

Đời nay thật tỉnh những ai đây,
Ai tỉnh cho ta chịu tiếng say ;
Buồn ruột cho nên men phải nhắp,
Dở mồm nào biết giọng là cay ;
Bạn cùng quỉ dẫy chi cho bận,
Vui với ma men thế cũng hay ;
Ngất ngưỡng hai tay vơ đũa chén,
Đố ai tránh được cái say này.

Xem hai bài thơ trên này, đủ biết cái tính tình của hai họ Trần ra thế nào.

Sở-cuồng

ĐƯỜNG THI DIỄN ÂM

III

春山月夜
于良史

Xuân sơn đa thắng sự,
春山多勝事
Thưởng ngoạn dạ vong qui ;
賞玩夜忘歸
Cúc thủy nguyệt tại thủ,
掬水月在手
Lộng hoa hương mãn y ;
弄花香滿衣
Hứng lai vô viễn cận,
興來無遠近
Dục khứ tích phương phi ;
欲去惜芳菲
Nam vọng chung minh xứ,
南望鐘鳴處
Lâu đài thâm thúy vi.
樓臺深翠微

Bút thần khôn vẽ nét xuân-san,
Đuốc đốt non sông mấy chén ràn ;
Trăng lộn trên mây lồng bóng nước,

Thơm lừng trước gió lẫn mùi lan;
Mảng vui bao quản đường kia nọ,
Mến cảnh còn say tiệc chửa chan ;
Thấp hoáng lân đài lồng vẻ biếc,
Chầy kinh khua lộn lúc canh tàn.

草
白居易

Ly ly nguyên thượng thảo,
離離原上草
Nhất tuế nhất khô vinh ;
一歲一枯榮
Dã hỏa thiêu bất tận,
野火燒不盡
Xuân phong xuy hựu sinh ;
春風吹又生
Viễn phương xâm cổ đạo,
遠方侵古道
Tình thúy tiếp hoang thành ;
晴翠接荒城
Hựu tống Vương-tôn khứ,
又送王孫去
Thê thê ly biệt tình.
萋萋離別情

Đồi cỏ rờn-rờn lộn bóng hôm,
Một năm mắt khách một lần nom ;
Nắng phơi đồng nọ mầu vàng nhuộm,
Gió thổi xuân kia vẻ biếc om ;
Ngảnh lại thơm lừng bên lối lấp,
Trông lên xanh ngắt lớp thành chùm;
Ngang đường lơ lửng như chào khách,
Hiu hắt chiều xuân cỏ mấy chòm.

從軍行
楊炯

Phong hỏa chiếu Tây-kinh,
烽火照西京
Tâm trung tự bất bình ;
心中自不平
Nha-chương tứ phượng khuyết,
牙璋辭鳳闕
Thiết kỵ nhiễu thu thành ;
鐵騎繞秋城
Tuyết ám mê kỳ-họa,
雪暗迷旗畫
Phong đa tạp cổ thanh ;
風多雜鼓聲
Ninh vi bách-phu-trưởng,
寧爲百夫長
Thắng tác nhất thư-sinh.
勝作一書生

Non tây thấp-thoáng lửa nhấp-nhô,
Áy-náy lòng ai biết mấy đo ;
Vâng mệnh ân-cần từ cửa phượng,
Lên yên giong ruổi đến thành Hồ
Sương in khói trắng đuôi cờ nhỏ,
Gió lộn cây xanh tiếng trống to ;
Cầm giáo thà làm trăm kẻ trước,
Còn hơn múa mép một anh đồ.

送杜少府之任蜀州

Thành-khuyết phụ Tam-Tần,
城闕輔三秦
Phong-yên vọng ngũ tân ;
風煙望五津
Dữ quân ly biệt ý,
與君離別意
Đồng thị hoạn-du nhân ;
同是宦遊人
Hải-nội tồn tri-kỷ,
海內存知己
Thiên-nhai nhược tỵ-lân.
天涯若比鄰
Vô vi tại kỳ lộ,
無爲在岐路
Nhi nữ cộng chiêm cân.
兒女共沾巾

Thục-thành quanh-quất cửa Tam-Tần
Khói tỏa trông ra cách suối gần ;
Thơ rượu lưng bầu chàng nhẹ bước,
Gươm đàn nửa gánh khách đưa chân ;
Dưới trăng đâu cũng là tri-kỷ,
Trước gió ai là chẳng cố-nhân ;
Nào phải bên đường làm thói trẻ,
Lệ rơi lai-láng vẻ đai cân.

任獄聞蟬
駱賓王

Tây-lục thiền thanh xướng,
西陸蟬聲唱
Nam-quan khách-tứ thâm;
南冠客思深
Bất kham huyền-mấn ảnh,
不堪玄鬢影
Lai đối bạch-đầu ngâm;
來對白頭吟
Lộ trọng phi nan tiến,
露重飛難進
Phong da hưởng dị trầm;
風多響易沉
Vô nhân tín cao khiết,
無人信高潔
Thùy vị biểu dư tâm.
誰爲表予心

Tiếng ve đương rộn bóng thu qua,
Nghĩ nỗi nam-quan cũng thiết-tha;
Đen tóc chưa nên soi bóng rạng,
Bạc đầu từng lúc nhớ ngâm nga;
Dẫu bay sương nặng nào hay đến,
Muốn nói gió nhiều dễ thấu xa;
Ai biết cái ve ăn ở sạch,
Mà đem trinh-bạch dãi long ta.

晚次樂鄉縣
陳子昂

Cố hương diểu vô tế,
故鄉杳無際
Nhật mộ thả cô chinh;
日暮且孤征
Xuyên nguyên mê cựu quốc,
川原迷舊國
Đạo lộ nhập biên thành;
道路入邊城
Dã thú hoang yên đoạn,
野戍荒烟斷
Thâm sơn cổ mộc bình;
深山古木平
Như hà thử thời hận,
如何此時恨
Kiểu kiểu dạ viên thanh.
嘵嘵夜猿聲

Làng xưa khuất nẻo biết là đâu,
Một bước càng thêm bỡ-ngỡ đầu;
Nước cũ nhầm theo dòng biếc thẳm,
Đường xa lần lối góc thành sâu;
Khói tuôn đồng quạnh chia đôi vẻ,
Núi vắng cây xanh dứt một mầu;
Dạ ấy cảnh này đang thắc-mắc,
Vượn đâu veo-véo gẫy cơn sầu

春夜別故人

Ngân chúc thổ thanh yên,
銀燭吐青烟
Kim tôn đối ỷ diên;
金樽對綺筵
Ly đường tư cầm sắt,
離堂思琴瑟
Biệt lộ nhiễu sơn xuyên;
別路繞山川
Minh nguyệt ẩn cao thụ,
明月隱高樹
Tràng hà một hiểu thiên;
長河沒曉天
Du du Lạc-dương khứ,
悠悠洛陽去
Thủ hội tại hà niên.
此會在何年

Đêm xuân đuốc ngọc khói bay ngang,
Ngồi trước rèm the rót chén vàng;
Một tiếng tơ đồng lòng luống những,
Nghìn tầng núi nước dạ như vương;
Đầu cành thấp-thoáng chênh vầng thỏ,
Dòng Hán tờ-mờ nhạt vẻ sương;
Hãy tạm buổi này vào đất Lạc,
Rồi ra lại chúc chén quỳnh-tương.

春日登九華館

Bạch ngọc tiên đài cổ,
白玉仙臺古
Ban-khâu biệt vọng diểu;
丹丘別望遙
Sơn xuyên loạn vân nhật,
山川亂雲日

Lâu tạ nhập yên tiêu ;
樓榭入烟霄
Hạc vũ thiên niên thụ,
鶴舞千年樹
Hồng phi bách xích kiều ;
虹飛百尺橋
Hoàn phùng Xích-tùng-tử,
還逢赤松子
Thiên lộ tọa tương yêu.
天路坐相邀

Đền tiên thềm ngọc buổi xuân chơi,
Lần-thần xa trông mắt tuyệt vời ;
Núi nọ lô-xô mây lộn nước,
Lầu kia thấp-thoáng khói lưng trời ;
Nghìn trăm chim hạc chòm cây cổ,
Trăm thước cầu vồng lộng vẻ tươi ;
Nào biết ông tiên đâu đó nhỉ ?
Đường mây gặp gỡ để mời ai.

蓬萊三殿侍宴奉敕
詠終南山
杜審言

Bắc-đẩu quải thành biên,
北斗掛城邊
Nam-sơn ỷ điện tiền ;
南山倚殿前
Vân tiêu kim khuyết quýnh,
雲標金闕迥
Thụ diểu ngọc đường huyền ;
樹杪玉堂懸
Bán lĩnh thông giai khí,
半嶺通佳氣
Trung phong nhiễu thụy yên ;
中峯繞瑞烟
Tiểu thần trì hiến thọ,
小臣持獻壽
Trường thử đái Nghiêu-thiên.
長此戴堯天

Chuôi sao Bắc-đẩu gác bên thành,
Thấp-thoáng Nam-sơn lần trước mành;
Tuyết ráo cửa vàng lồng vẻ thắm,
Cây cao thềm ngọc lộng màu xanh ;
Lưng chừng phơi-phới hơi dương đượm,
Giữa đám đùn-đùn khói biếc quanh ;
Chầu chực thánh-hoàng dâng chén thọ,
Sử xanh chép để lúc thanh-bình.

秋夜宴臨津
鄭明府宅

Hành chỉ giai vô địa,
行止皆無地
Chiêu tầm độc hữu quân ;
招尋獨有君
Tửu-trung kham lũy nguyệt,
酒中堪累月
Thân ngoại tức phù-vân ;
身外即浮雲
Sương bạch tiêu chung triệt,
霜白宵鐘徹
Phong thanh hiểu lậu vân ;
風聲曉漏聞
Tọa huề dư hứng vãng,
坐攜餘興往
Hoàn tự vị ly quần.
還似未離羣

Đi lại bao nhiêu thủa,
Thăm tìm chỉ một ngươi ;
Tỉnh say đầy tháng loét,
Giàu có đám mây tươi ;
Sương nhạt chầy kinh chậm,
Hiu đưa giọt lậu vơi ;
Dẫu đi chưa hết tứ,
Phảng-phất nghĩ còn ngồi.

夏日過七山齋

Cộng hữu tôn trung hảo,
共有樽中好
Ngôn tầm cốc khẩu lai ;
言尋谷口來
Tiết la sơn kính nhập,
薛蘿山徑入
Hà kỹ thủy đình khai ;
荷芰水亭開
Nhật khí hàm tàn vũ,
日氣含殘雨
Vân âm tống vãn lôi ;
雲陰送晚雷

Lạc dương chung cổ chi,
洛陽鐘鼓至
Xa mã hệ tri hồi.
車馬繫遲迴

Cũng có rượu bầu tốt,
Lại tìm cửa đồng chơi ;
Dây leo đường đá lấp,
Súng nổi mặt hồ tươi ;
Mưa ướt chiều trời rạng,
Mây đưa tiếng sét rơi ;
Lạc-dương hồi trống sớm,
Xe ngựa rắp còn ngồi.

聖泉宴
王勃

Phi khâm thừa thạch đẳng,
披襟乘石磴
Liệt tịch phủ xuân tuyền ;
列席俯春泉
Các khí huân sơn chước,
菊氣薰山酌
Tùng thanh vận dã huyền ;
松聲韻野絃
Ảnh phiêu thùy diệp ngoại,
影飄垂葉外
Hương độ lạc hoa tiền ;
香度落花前
Hứng hợp lâm đường vãn,
興洽林塘晚
Trùng nham khởi tịch yên.
重岩起夕烟

Phất-phơ tràng áo bước lên non,
Ngảnh lại bên đình lạch suối con ;
Bầu sánh cúc pha vài chén cạn,
Vần lây tùng thét mấy cung dồn ;
Lơ-thơ bóng rủ ngoài cành lộn,
Ngào-ngạt hoa bay trước gió tuôn ;
Rừng vắng tà-tà say ngắm cảnh,
Lô-sô làn đá khói đùn-đùn.

野望
王績

Đông-cao bạc mộ vọng,
東皋薄暮望
Ý tỉ dục hà y ;
倚徙欲何依
Thụ thụ giai thu-sắc,
樹樹皆秋色
Sơn sơn duy lạc huy ;
山山惟落暉
Mục-đồng khu độc phản,
牧童驅犢返
Liệp-mã đái cầm qui ;
獵馬帶禽歸
Tương cố vô tương thức,
相顧無相識
Trường ca hoài thái vi.
長歌懷采薇

Bóng lộn ngàn cao buổi tối trông,
Một mình chưa dễ đứng ngồi xong ;
Cây lồng sắc chiếu màu thu tía,
Non ánh tà-dương lòng vẻ hồng ;
Trẻ mục đuổi trâu lừa cái nghé,
Người săn cưỡi ngựa xách con hồng
Cùng trông lại biết ai hay tá ?
Tưởng hái rau vi những ngại-ngùng.

旅游傷春
李昌符

Tửu tỉnh hương quan viễn,
酒醒鄉關遠
Thiều-thiều thính lậu-chung ;
迢迢聽漏鐘
Thự phân lâm-ảnh ngoại,
曙分林影外
Xuân tận thủy thanh trung ;
春盡水聲中
Điểu quyện giang thôn lộ,
鳥倦江村路
Hoa tàn dã ngạn phong ;
花殘野岸風
Thập niên thành đề-sự,
十年成底事
Luy mã yểm tây đông.
羸馬厭西東

Mơ giấc hương-quan rượu vẫn còn,
Giọt đồng thánh-thót nhấp chưa ngon

Nhấp-nhô sáng hé chân trời tỏ,
Lác-đác xanh rờn vẻ liễu non ;
Cái yến đậu cành phờ cánh trắng,
Bóng hoa rợp đất điểm mầu son ;
Bấy lâu thơ-thần mai cùng tuyết,
Giong-ruổi non sông vó ngựa chồn.

除夜宿石頭驛
戴敬倫

Lữ quán thủy tương vấn,
旅館誰相問
Hàn đăng độc khả thân ;
寒燈獨可親
Nhất niên tương tận dạ,
一年將盡夜
Vạn lý vị qui nhân ;
萬里未歸人
Liêu lạc bi tiền sự,
寥落悲前事
Chi ly tiếu thử thân ;
支離笑此身
Sầu ban dữ suy mấn,
愁斑與衰鬢
Minh-nhật hựu phùng xuân.
明日又逢春

Thâu canh ai nấy lọ chào mời,
Nửa ngọn đèn xanh với bóng ai ;
Muôn dặm trông về muôn mối vấn,
Một năm dồn lại một đêm dài ;
Từng phen tươi nhạt hoa thay vẻ,
Mấy độ đầy vơi nước chảy xuôi ;
Hai mái gương soi phơ tóc bạc,
Một năm một tuổi cũng vui cười.

和康五望月有懷

Minh-nguyệt cao thu quỳnh,
明月高秋迥
Sầu-nhân độc dạ khan ;
愁人獨夜看
Tạm tương cung tịnh khúc,
暫將弓並曲
Phiên dữ phiến câu đoàn ;
翻與扇俱圓
Lộ trạc thanh huy khổ,
露濯清輝苦
Phong phiêu tố ảnh hàn ;
風飄素影寒
La y thử nhất giám,
羅衣此一鑒
Đốn sử biệt ly nan.
頓使別離難

Trăng sáng vẻ thu trong,
Kia ai lần-thần trông ;
Vừa như cung uốn khúc,
Phút đã quạt tròn vòng ;
Suốt sáng sương trong đạm,
Thâu đêm bóng trắng không ;
Đem soi lần áo mỏng,
Khiến dạ biết bao cùng.

同王微君洞庭有懷
謂

Bát nguyệt Động-đình thu.
八月洞庭秋
Tiêu-tương thủy bắc lưu ;
瀟湘水北流
Hoàn gia thiên lý mộng,
還家千里夢
Vi khách ngũ canh sầu ;
爲客五更愁
Bất dụng khai thư chát,
不用開書帙
Thiên nghi thướng tửu lâu ;
偏宜上酒樓
Cố-nhân Kinh-lạc mãn,
故人京洛滿
Hà nhật phục đồng du.
何日復同游

Nước sắc hơi thu nhuộm một mầu,
Tiêu, Tương đôi dải chảy về đâu ;
Năm canh dạ khách sầu như giục,
Muôn dặm lòng quê mộng vẫn thâu ;
Ngang dọc quyển vàng đành góc dá,
Đầy vơi chén ngọc gượng lên lầu ;
Tấc gang hương-quốc người tri-kỷ,
Thấm-thoát ngày thu những ước-ao.

Sở-cuồng *biên-tập*

HÁT CHÈO

BÍCH-CÂU KỲ-NGỘ

(Truyện Tú-Uyên)

CHƯƠNG-TRÌNH

Cảnh thứ I. — Chùa Bà-Ngô

Xưa đời Lê Hồng-đức, phía tây thành Hà-nội, làng Bích-câu ở phố Khâm-thiên có Trần Tú-Uyên là con quan Trần Huyện-doãn, học trò quan trạng Lương lên mười tuổi, hay thơ, cha mẹ mất sớm, nhà nghèo, hay dạo chơi sơn-thủy, lên xem hội chùa Ngọc-hồ, tức là chùa Bà-Ngô, ở phố Sinh-từ, bỗng gặp Tiên-châu Dáng-kiều đem A-hoàn xuống xem hội, hai bên cùng mất tính, vất lá đề thơ, trêu hoa cợt liễu, hình như có duyên kiếp hẹn-hò, chàng theo mãi đến Văn-đình, là vườn hoa cửa nam mới trở lại.

Cảnh thứ II. — Ngồi Bích câu

Khi Tú-Uyên về nhà ngồi ngắm cảnh Bích-câu, rồi thành bệnh tương-tư. Bạn là Hà-sinh đến hỏi thăm, Tú-Uyên kể chuyện gặp tiên, Hà-sinh cũng lấy làm lạ, khuyên Tú-Uyên đi xin thẻ, và ăn chay nằm mộng, xem có gặp được tiên-nữ không.

Cảnh thứ III. — Đền Bạch-mã

Tú-Uyên lên đền Bạch-mã ở phố Hàng Buồm xin thẻ, và ăn chay nằm mộng, thấy thần bảo sớm mai ra bến sông Tô-lịch, phố Cầu-đông, tức là phố hàng Đường rồi gặp.

Cảnh thứ IV.—Phố Cầu-đông và nhà

Sớm mai Tú-Uyên ra phố Cầu-đông chẳng thấy gì, mãi đến chiều mới gặp một người bán bức tranh tố-nữ, tức là đức Phật-bà hiện ra bà cụ bán tranh, Tú-Uyên nhận rõ là hình ảnh người gặp hôm nọ, mua về treo ở vách nhà học để ngắm nghía, một hôm đi học về, thấy cơm rượu đề sẵn đợi mình, lấy làm lạ, hôm sau về sớm nấp xem thì thấy người trong tranh hiện ra, toan đi làm cơm thì Tú-Uyên bắt gặp, từ đó kết làm vợ chồng, rút trâm hóa phép gọi con hầu, và dựng nên nhà cửa.

Cảnh thứ V. — Nhà giàu

Khi đó Tú-Uyên đã giàu có, bèn tùng chí uống say-sưa quá. Dáng-Kiều can ngăn không nghe, lại mắng đuổi đi, Dáng-kiều biến về cõi tiên mất, Tú-Uyên mới hối lại, đi tìm không thấy, lại sinh bệnh, Hà-sinh sang thăm, can bảo cũng không nghe, sau toan tự-vẫn mà chết thì Dáng-kiều lại về, vợ chồng lại hòa-hợp, Tú-Uyên xin chừa hết tính ma-men cũ.

Cảnh thứ VI. — Vườn hoa

Khi đó Tú-Uyên lấy Dáng-kiều đã sinh được Trần Ngư lên chín mười tuổi, một hôm Dáng-kiều cùng chồng con làm tiệc chơi vườn hoa, bỗng thấy lá rụng gió bay, có thư ở động tiên gọi về, bèn từ giã lên trời, Tú-Uyên cũng đòi lên, chốc có hai hạc xuống đón, cùng cưỡi hạc lên trời.

Các vai trò

Dáng-kiều. — Bốn a-hoàn — Ba khách tiểu-thư — Bà cụ bán tranh —

Bé con hàng xóm — Tú-Uyên — Đồng — Hà-sinh — Hai khách công-tử — Sư — Tiều — Thầy đoán thẻ — Thầy cúng — Thần báo mộng — Trần Ngư — Hai con hạc. Cả thảy mười đào, mười-ba kép.

∴

Cảnh thứ I. — Chùa Bà Ngô Phông sơn-thủy

Tiên-châu Dáng-kiều từ trên không sa xuống, lửng-lơ nửa vời, đứng nói lối xưng danh.

Tiên-châu là hiệu ; tên gọi Dáng-kiều. Nước non tiên mây sớm mưa chiều ; phong-cảnh bụt sương gieo gió đụng. Phất-phơ nghành lá rụng ; lác-đác cánh hoa bay. Hội Vô-giá nô-nức vui thay ; cùng tiên-nữ xum-vầy dạo cảnh.

Gọi :

A-hoàn, sắm áo-xiêm hồ điệp xuống trần ; xem phong-thú Ngọc-hồ cõi Phật.

2 A-hoàn cùng sa tự trên không xuống múa hồ-điệp.

A-hoàn thứ một ca bài lưu-thủy điệu đàn tàu lối mới :

Thay xinh thay là gái gái động-đào, giao quỳnh giao, rào ngăn rào, cùng vin hoa mỉm chào.

A-hoàn thứ hai ca tiếp :

Mùi hoa thơm ngát thơm ngạt-ngào, hoa tìm hoa, đào vin đào, bướm yên hoa yêu mến, mến hoa dường nào.

2 người cùng ca đồng-thanh :

Hoa say hoa vì cánh, cánh điệp-hồ, ban cùng ban, đùa cùng đùa, cùng ai đó hẹn-hò, ngàn đua chơi nước non ngọc-hồ, hoa vần hoa, vò tơ vò, dường với ai ai đó đó đấy cười đùa.

Lại 2 a-hoàn nữa từ trên không sa xuống múa.

A-hoàn thứ ba ca bài lưu-thủy điệu đàn tàu.

Hoa mê hoa là bướm, bướm liệng vành, chơi cùng chơi, đành cũng đành cười cho nghiêng đồ thành.

A-hoàn thứ bốn ca tiếp :

Vì hoa tươi tốt, tươi đầu ngành.

2 người cùng ca đồng-thanh :

Bướm yêu hoa cùng ngắm, ngắm nụ cười, tiên thì tiên, trời thì trời, vì hoa khéo mỉm cười, cùng nô chơi lả-lơi nghịch hoài, vin cùng vin, cài cùng cài, mình với ta như bướm, bướm hoa cợt cười.

4 a-hoàn cùng múa cùng ca đồng-thanh lại suốt cả bốn bài trên.

Dáng-Kiều đứng giữa là chúa tiên, múa và ca một bài lưu-thủy đàn tàu điệu khác.

Cùng a cùng nô-nức, nức tin à xuân, cùng a cùng nô-nức, nức tin à xuân, ông hóa-công nầy ta xuống, xuống a xuống trần, xuống trần khéo mà mong xuân, ngày nay tới cùng ai kết thân, hoa lê ý y xế gần.

Bốn a-hoàn cùng ca đồng-thanh tiếp :

Non thần lửng-lơ, phất-phơ mong chờ xa liếc, ngần tiếc ơ-hờ, thơ hồng vin lá đề thơ, nhỏn-nhơ nhỏn-nhơ hồ-điệp, hồ-điệp duyên ưa.

Dáng-kiều nói lối :

A a-hoàn, mau tới cảnh Ngọc-hồ ; đặng chơi miền bích-thủy.

(Các hạ).

Tú Uyên ra nói đếm :

Tôi trần công-tử ; tên gọi Tú-Uyên. Tuổi xanh đà khuất bóng xuân-huyên ; ngày bạc thử dạo miền sơn-thủy. *Tán :* Hừ như tôi thử nghĩ, trước cha làm tri-huyện, mà thầy đỗ trạng-nguyên. Đó như mình cốt cách thần tiên, nên chẳng muốn đùa chen trần-tục. Khi mười tuổi thơ tiên từng súc ; trải bao năm rượu thánh lừng bầu. Cảnh um tùm hoa cỏ Bích-câu ; nhà thanh-đạm một màu bạch-thủy. À nay đi giải trí ; qua dạo cảnh Ngọc-hồ. Thử chơi chùa hỏi tích Bà-Ngô ; sẽ tiện vách đề thơ cụ Đỗ, chứ.

Ngâm :

Trải xem phong-cảnh hữu tình,
Lâm-tuyền pha lẫn thị-thành mà ưa.

Gọi :

A đồng, ra đi chơi hội chùa Bà-Ngô với cậu đây.

Đồng nói :

Dạ thưa cậu, cậu gọi con ra đi chơi chùa Bà-Ngô, người ta bảo trẻ chơi nhà, già chơi chùa, như cậu cháu mình còn trai-trẻ như thế này mà đi chơi chùa, thì còn có cái thú gì nữa, a cậu ?

Tú-Uyên nói :

Chơi chùa có nhiều cái thú lắm chứ, mày không biết a đồng.

Đồng hát đếm :

Nay chùa Bà-Ngô, nay chùa Bà-Ngô, nhiều cô hàng xứ, lắm cô lịch sự, tới nơi tình-tự, công-tử đa-tình, tình tình tình tình, quá lới nọ rồi tình tình tang (1 dịp). Cậu vốn người sang, cậu vốn người sang, cả làng cùng biết, trêu hoa ghẹo nguyệt, dù có thú tuyệt, nhưng thiệt người cười, tình tình tình cười, quá lới nọ người cười con quan (2 dịp). Cậu hãy khoan-khoan, cậu hãy khoan-khoan, hãy bàn cho kỹ, thằng đồng bé tị, song nhìn các chị, thú-vị tình quèo, tình-tình-tình quèo, quá lới nọ tôi quèo cả hai tay (giơ tay làm bộ quèo).

Đồng nói :

Dạ thưa cậu, hội chùa Bà-Ngô, có nhiều cô hàng xứ lịch-sự lắm, nhưng cậu là con quan, mà đi ghẹo gái thì họ cười chết. Đến như con mới bằng một tị này, mà hễ con nhìn thấy các cô ấy con cũng thú-vị tình, muốn quèo cả hai tay nữa cậu.

Tú-Uyên nói :

Chi thằng, mày bằng cái nắm chắt này đã biết gì, thôi hãy đi với cậu.

Cùng hát sa lệch đi :

Cõi (ới) cõi Ngọc-hồ (tình-bằng) ngắn nước nước ối trăng, (chứ đề tình) nức-nô cảnh phật (y ối y mà đề có) tưng-bừng (mấy) tưng-bừng hội xuân ; (y y) dập (ới) dập-dìu (tình-bằng) tài-tử mà giai-nhân. Dập (ới) dập-dìu (tình bằng) tài-tử mà giai-nhân ; (chứ đề tình) ngổn-ngang mỹ-tích (y ối y, mà đề có) xa trần (mấy) xa trần thiếu ai ; (y y) thưởng (ới) thưởng xuân (tình-bằng) mình cũng cũng đi chơi. Thưởng (ới) xuân (tình-bằng) mình cũng cũng đi chơi, (chứ đề tình) thơ lưng lưng-lửng túi (y ối y mà đề có) rượu vơi (mấy) rượu vơi vơi bầu ; (y y) mảng (ới) mảng xem (tình-bằng) hoa cỏ cỏ nhuốm mầu.

(Các hạ)

Hai người khách tiểu-thư đi xem hội ra gặp nhau.

Cô thứ 1 nói lối :

A này chị ! Nay có hội vô-giá ; bạn đàn bà đi lễ. Nay chiều trời tạnh-tễ ; cùng em chị đi chơi.

Cô thứ 2 nói tiếp :

Tôi na-mô lạy Phật lạy trời ; ta cùng tới dâng hoa dâng quả, a chị.

Cùng hát lửng đi :

Mảng xem tình hoa cỏ nhuốm mầu, nước non (có bên) góp lại (mấy) một bầu xinh-xao ; (song) đua chen thu cúc (mà) thu cúc xuân đào. Đua chen (tình) thu cúc xuân đào, lựu phun (có bên) lửa hạ (mấy) mai chào gió đông ; xanh xanh (kìa) dẫy liễu (mà) dẫy liễu ngàn hồng. Xanh-xanh (tình) dẫy liễu ngàn hồng, phất-phơ (có bên gió trúc (mấy) não-nùng mưa hoa ; nhất vui thay là hội hội vô-giá.

(Các hạ)

Hai cậu khách công-tử đi xem hội ra gặp nhau.

Cậu thứ 1 nói lối :

A này anh ! Nay hội chùa Bà Ngô ; có lắm cô hàng xứ. Chúng mình đã nức danh công-tử ; nên dạo tìm các nữ vương tôn chứ.

Cậu thứ 2 nói lối tiếp :

Ừ ừ anh nói ra mà tôi đã lìa hồn ; tôi xin bác kíp đi dồn dảo bước. Nay xem hội mà mình nếu đi sau kém bước ; có món hời là người ta phỗng trước ay trên. Ở đời là cuộc đua chen, thấy ái thì ai chẳng thích, a bác.

Cậu thứ 1 nói :

Ta hãy hát thi nhau giọng nồi-niêu ào-nháo chơi đã, a anh.

Vỉa : Lạ cho phong-cảnh bồ Bồ-đề. Gió chiều lay bóng hoa lê rà-rà.

Cậu thứ 2 nói :

Anh vỉa thế không nghe được, lặng lề tôi vỉa cho mà nghe :

Vỉa : Lạ cho phong-cảnh Bồ-đề.
Ngọn gió chiều lay động bóng hoa lê rà-rà.

Cậu thứ 1 nói :

Thế cũng học đòi mà bẻ người ta, lặng để mình vỉa hát giọng nồi-niêu bát nháo cho mà nghe :

Vỉa lại : Lạ cho phong-cảnh Bồ-đề.
Ngọn gió chiều lay động bóng hoa lê rà-rà.

Hát : Anh tiếc thay các cô dì mình sắc đẹp như hoa, như hoa như hoa như hoa, sắc đẹp nhưng (tình chung) chồng con chưa có (y ý y chứ) hay là có chưa ? Anh yêu cô dì mình một mỉm trăm ưa. Trăm ưa trăm ưa trăm ưa, khi mây ban sớm (y ý y) mấy khi mưa bay chiều ; có một liều (tình-bằng) 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 anh cũng liều. Cũng liều cũng liều cũng liều, anh say (tình-chung em sắc đẹp, sắc đẹp (y ý y) mĩ-miều lại sẵn xu ; chết chúng anh (tình-chung) vẫn tình lu-bù. Lu-bù lu-bù lu-bù, thôi em đừng giận thân cắt tóc (y ý y) mà tu cho nữa hoài ; chứ chúng anh chơi rõ đồ trời. Đồ trời đồ trời đồ trời, nghiêng thành (tình - chung) nghiêng nước (y ý y) vẫn ngần tiếc con người chai-lơ, vờ vờ vơ vờ vợ vơ vờ.

Cậu thứ hai nói :

Anh hát thế vẫn là không đúng giọng nồi-niêu, để tôi hát cho mà nghe :

Hát : Cái duyên cô dì mình (tình-chung) đã xác đã xác như vờ, gặp chúng anh tình bằng công-tử bột (y ý y) lại như cờ lông-công ; anh quyết sắm cho em bộ cánh nâu sồng. Nâu sồng nâu sồng nâu sồng, quần lĩnh thâm (tình) vài ba chiếc (y ý y) để ta quyết đèo bòng với nhau ; kể từ khi em mười-bốn mười-lăm mười-sáu mười-bảy mười-tám coi nó hãng còn mầu. Còn mầu còn mầu còn mầu, anh đi (tình-chung) lấy đá (y ý y) để gieo cầu sông Ngân ; đên hoa tàn (tình chung) nhị rữa hết xuân. Hết xuân hết xuân hết xuân, chứ chúng anh (tình-chung) công-tử bột (y ý y) có lẽ xót thân con vờ ; vờ vờ vơ vờ vợ vơ vờ.

Nói : Thôi, thế đi xem hội kẻo chậm bước thì còn nước gì.

(*Các hạ*)

Thay phông cảnh chùa

Sư và tiểu ra ngồi tụng kinh niệm Phật :

Na-mô Phật, na-mô Pháp, na-mô Tăng, na-mô cứu khổ cứu nạn quan-thế-âm bồ-tát, úm ma sa hạ, tát-ma ha tát.

Phục dĩ :

Thế-giới tam thiên, đo không không nhi sắc sắc ; doanh-hoàn cửu vạn, toàn sắc sắc nhi không không.

Duy tự :

Trần kiếp luân-hồi, nghiệt oan trầm-nịch ; tình-thiên phiếu-diêu, dục hắc hôn-minh.

Thùy kỳ huy tuệ-kiếm nhi đoạn sầu-thành, việt-siêu khổ-hải ; thùy-kỳ khấu hồng-chung nhi tỉnh mộng-giới, điểm phá mê-tân.

Duy vọng :

Hiệu-đăng từ-vân ; phi-đương pháp-vũ

Tiêu-sái dương-chi chi thủy, tẩy tuyệt ngoan-phong ; ba-lan bối-diệp chi kinh, tĩnh thanh tục-lự.

Hôn-cù chúc chiếu ; giác-lộ quang khai,

Sở hữu chân-ngôn cần đương tri-tụng.

Na-mô đại-từ đại-bi quan-thế-âm bồ-tát, úm ma sa hạ tát, ma ha tát.

Hai tiểu-thư vào vái niệm Phật :

Na-mô A-di-đà-phật. . .

Hai công-tử cùng vào vái rồi liếc trông chỉ trỏ :

Coi tình đấy anh nhỉ, xộp lắm xộp lắm.

Hai tiểu-thư xấu hổ cùng rủ nhau về.

(Các hạ)

Tú-Uyên cùng đến vào vái rồi ra ngắm cảnh. Đồng ngồi ngoài tảng ngủ gật hát đếm.

Tôi lên trên chùa, mắc bùa sư cụ, đầu trọc long-lóc, đầu trụi lui-lụi, râu ria râu ria không có, tay cầm dùi mõ, tay gõ tiêu cùng, trứng tôm trứng, tôm trứng tôm trứng, củng củng củng, tùng. boong, tôi niệm na-mô A-di-đà-phật, tôi ngồi ngủ gật, tôi vật bươu đầu, tình tình tình đầu, quá lới nọ đầu tôi bươu.

Tú-Uyên mắng :

Chi thằng ! mày làm bộ gì thế ? thôi dậy đi về.

Ra đến cửa chùa thì gặp tiên.

Dáng-Kiều đứng vỉa bồng-mạc sa-mạc :

Này ới ai ơi, hừ hừ, giá đành trong nguyệt trên mây, uốn nét trăng cong trạnh vẽ mày ; thân liễu yếu, vóc mai gầy, nay giọt sương bay, mai cơn gió dụng, nay chiếc hoa bay, mai nhành lá rụng, so loan sánh phụng, loan loan phụng phụng biết xum vầy với ai !

Sa mạc :

Mây mưa non nước còn dài,
Lá hồng mượn gió gửi bài thơ tiên.

Nói ngoài :

Hừ dạo cảnh Ngọc-hồ, bỗng gặp khách văn-nhân coi cũng nhã, âu mình hãy rút cái trâm vạch bài thơ vào chiếc lá này, mà nhắn gió gửi tình xem sao.

Cầm lá vạch thơ ném ra.

Tú-Uyên trông thấy vội nhặt lấy chiếc lá rồi trông lên nói lối :

Ô lạ thật, mà may sao ! bỗng gió đâu bay lá thơ đào, xa trông tỏ dường hao nét liễu.

Nói tán :

Âu có lẽ tiên sa cho mình chiếc lá này chắc.

Ngâm :

Tơ-hồng lá thắm là duyên,
Ấy ai nhắn gió gửi tin thơ đề ?

Hỉ-đồng chạy đến hỏi :

Chứ cậu bắt được cái gì thế hử cậu?

Tú-Uyên nói :

À đồng, cậu bắt được lá rụng, trong lại có thơ đề, của người đẹp đàng kia, nên cậu xem đó hử.

Đồng nói :

Thơ với thẩn thì tôi có biết chữ cóc gì, tôi chỉ thấy cái lá úa nó rụng, mà cậu quí ngay như được vàng này, cậu bảo của người đẹp, nào đâu đâu tôi trông chẳng thấy cóc ai cả, hay là cậu nói mê ?

Tú-Uyên nói :

Người đẹp kia kia, ở ngoài mái tam-quan kia kia, ba bốn người con gái bé, theo hầu kia kia.

Đồng ngẩng trông nói :

Đâu đâu ? tôi chẳng thấy ma mèo nào cả, hay là cậu mê say choáng mắt ra thế nào, mà cứ ngẩn người ra thế ? người đẹp đâu, con gái be bé đâu ?

Tú-Uyên nói :

Có dễ mắt mày mù, hay là gái đẹp tiên sa, mà mày mặt trần mắt thịt, không trông thấy chăng, thôi mày chạy vào kia mà nấp, để cậu ngâm họa lại bài thơ này, xem người đẹp có ngâm họa lại không, mày khắc nghe biết.

Đồng nói :

Vâng, thế để tôi chạy vào kia tôi nấp nghe. Nếu có người đẹp ngâm-họa với cậu, thì cậu để cho tôi những cô be bé ấy nhé. (*Chạy đi nấp*).

Tú Uyên cầm lá thơ ngâm :

Trời tây bảng-lảng bóng hoa lê,
Mượn lá hồng bay thích chữ đề ;
Nhắn nhủ tin oanh đành gửi gió,
Vầng trăng ghi tạc mảnh gương thề.

Nói :

Hừ người đẹp như kia, mà thơ hay như thế, chắc có lẽ là tiên sa hạ-giới, mình toan họa lại bài thơ này, mà người đã xa lắc, âu mình thử đến gần, mình ngâm mấy câu chơi, xem sao ?

Lại gần ngâm sa-mạc :

Mình toan trở gót ra về,
Kìa ai vất lá thơ đề nẻo xa.
Xa nhìn nét liễu mày hoa,
Cá chìm ngấn nước nhạn sa lưng trời.
Gần xem vẻ mặt thêm tươi,
Mùi hương thoang-thoảng thơm rơi ít nhiều,

Dáng-Kiều ra đứng liếc trông nói lối :

Hừ, nẫy mình mới đề thơ gửi lá ; mà ai đã mảng nguyệt mê hoa. Vả đây là hội Vô-giá, không lẽ trao lời hữu-ý. Song nếu mình làm thinh thì thương ai tình lụy ; nên lựa lời ý-vị mà khuyên kẻ lòng siêu, đó chăng.

Ngâm tiếp sa-mạc :

Khéo sao hỡi khách Lam-kiều,
Cửa chiền nguyệt ghẹo hoa trêu cũng kỳ!
Gió đưa những tiếng thị-phi,
Chót lầm thôi có trách gì đến ai !

Tú-Uyên lóng nghe nói lối :

Ô lạ thiệt ! Ấy còn ngơ-ngẩn ; oanh nói mỉa-mai. Tình này một chút chưa phai ; ngâm nối vài lời đáp lại.

Ngâm tiếp sa-mạc :

Giọng kiều nghe lọt bên tai,
Đã gần bể sắc khôn vơi sóng tình.
Ví chăng duyên nợ ba-sinh,
Đèn Từ soi đến tấm thành cho chăng ?

Dáng-Kiều ngâm tiếp :

Ở đây về đạo Kim-thằng,
Phong-hoa sao khéo nói-năng những lời.

Tú-Uyên ngâm tiếp :

Than ơi sắc nước gương trời,
Hãy đem thuyền giác độ người bến mê.

Dáng-Kiều ngâm tiếp :

Ngán cho bên cỗi bồ-đề,
Phải đường ong-bướm đi về nữa sao ?

Nói :

A A-hoàn, mau dảo tới vườn giao ; kẻo e chầy gót ngọc.

Các hạ. Chớp đèn.

Tú-Uyên đứng ngẩn người ra ngâm :

Văn-đình trăng đã lững cao,
Ghé theo tiên bỗng về ao Giao-trì

Đồng chạy ra hỏi :

Người đẹp đâu cả rồi hử cậu ?

Tú-Uyên nói :

Mày có nghe thấy tiếng người đẹp ngâm họa với cậu không a đồng ? Hay tai mày điếc ?

Đồng nói :

Có, tôi chỉ nghe thấy tiếng véo-von văng-vẳng, nhưng tôi nấp trông những người đẹp đáo-để a cậu, nhất những cô be bé mới thú-vị tinh chứ, nhưng đi đâu cả rồi hử cậu.

Tú-Uyên nói :

Họ biến đi đàng nào mất cả rồi ấy, có lẽ là tiên sa chắc, cậu trông theo mãi đến Văn-đình là vườn hoa cửa Nam thì mất, giờ cậu thương tiếc quá a đồng !

Đồng nói :

Có lẽ hay họ là ma, sao lại biến-hiện được ? Bây giờ trăng đã cao, đêm đã vắng, thôi đi về cậu, cậu cứ phải lòng ma, tôi ghê lắm, chớ tôi thì nếu người đẹp, có cho tôi mấy ả ma con be bé ấy,

tôi cũng vái cả nón, vì tôi dát ma lắm cậu ạ.

Tú-Uyên nói:

Cậu ngần tiếc quá, cậu chưa về.

Ngâm:

Người đâu gặp-gỡ làm chi,
Những trông trăng chị gió dì ngẩn-ngơ.

Đồng can về ca hành-vân:

Hẹn duyên vờ, hẹn duyên vờ, chi bận bận lòng thơ, lòng mây nước, gang thước ngẩn-ngơ, vẩn vơ nguyệt dạ; lòng tôi thích, song mà ghê, chỉ sợ hồn mê, về đi về xin đừng bảng-lảng. Trời kia định, nợ hay duyên, thiệt sẵn tiền, không phiền muộn vợ, đẹp bằng tiên bằng tiên. Kìa ai đó thiệt mà kinh, tôi thằng đồng dù nết mà lanh, dầu mà vui thích, cũng xin vái ả dầu xanh.

Nói:

Thôi đi về thôi cậu.

Tú-Uyên ngâm mắng:

Thằng đồng rõ thói trẻ ranh,
Gặp tiên lại sợ biến hình ra ma.

Đồng bảo Tú-Uyên không chịu về, khóc óa lên kéo tay về bảo:

Cậu cứ phải lòng ma, tôi kinh lắm, ơi trời ơi!

(*Hạ màn*)

Cảnh thứ II. — Ngòi Bích-câu phông đường đi

Hà-sinh ra nói đếm:

Chốn đông song liền xóm; tôi tên gọi Hà-sinh. Cùng Tú-Uyên nghiên-bút học-hành; nay dạo tới thư-bình trò-chuyện,

Tán: Hử mình lâu nay bận việc, không sang chơi với anh Tú-Uyên được, nay thư rỗi, thử sang chơi chút nào.

Hát cách đi:

Non nước hắt-hiu, (song) một vùng non nước hắt-hiu, phất-phơ (bây giờ) gió trúc (chứ đã) rập rìu mưa hoa; trời hôm (song) giục bóng dâu tà, (y ối y). Giục bóng dâu tà, (song) trời hôm giục bóng dâu tà, nhớ tình (bây giờ) bạn cũ chứ đã lân-la chơi bời; bấy lâu (tình) vắng khách thư-trai, (y ối y). Vắng khách thư trai, song bấy lâu vắng khách thư-trai, Tây-hồ (bây giờ) tiên-tích chứ đã mấy nơi (phẩm-bình); bấy lâu nay một chữ tình, (y ối y).

Thay phông cảnh nhà học

Tú-Uyên ra ngồi tuan sử:

Thương ôi, mình từ lúc Ngọc-hồ đạo cảnh, trở ra về mà mắc bệnh Tề Tuyên. Về cõi phàm bỗng gặp người tiên, thơ hồng-điệp gửi lời nguyền non nước! Xui lòng khách lìa hồn trở bước, chốn động-đào gang thước cách bao xa. Dẫy non xanh khuất nẻo yên-hà, dòng nước biếc những chờ hoa mà đợi nguyệt. Khi ôm đàn ngâm câu thơ bạch-tuyết, lúc ôm bầu mê-mệt rượu hoàng-hoa. Sực nhớ ai mặt ngọc da ngà, buồn ngắm cảnh mưa sa mà tuyết nặng. Ngao-ngán nhẽ tơ sầu giằng-dẳng, gánh tương-tư ai chất nặng bên mình! Gượng làm khuây ngồi tựa thư-bình, khôn vẫy bút tả tình nên bức họa! Vậy tôi có câu thơ rằng:

Chùa tiên ai vẽ là thơ đề,
Hỡi khách chung-tình cũng éo-le;
Nửa gánh tương-tư ngày nặng chĩu,
Tơ loan trùng phiếm bút hồ se.

Tơ loan trùng phiếm bút hồ se,
Cái bệnh lìa hồn nghĩ khắt-khe;
Sực tỉnh chiêm-bao ngồi ngắm cảnh,
Quanh làn nước biếc cỏ xanh lè.

Đồng chạy ra nói ngoài:

Hử nghĩ như cậu tôi rõ chán quá, đi xem hội chùa phải lòng ma, rồi giờ về ốm tương-tư tương-cả, thơ với thần, cơm chẳng ăn, nước chẳng uống, đàn bỏ trùng, bút để se, chỉ gầy xác như ve, không khéo lỡ ra ốm chết, thì rõ

ra ma thật, tôi phải vào tôi hỏi bệnh, rồi tôi đi lấy thuốc cho mới được, kẻo lỡ ra thì khốn, lại bảo là bệnh ma làm.

Vào hát trống-quân :

Cậu ơi cậu ốm tương cà, hay là cậu phải lòng ma thế nào; ma làm nên bệnh làm sao, tôi tìm đồng-nữ cho vào thuốc thang; ngày rầy nghe lắm thầy lang, bệnh tình hoa-liễu mở hàng sang đắt tiền; bây giờ cậu mắc bệnh tiên, cậu hãy đưa tiền tôi lấy thuốc ma; kẻo mà lỡ lại oan-gia, mai ngày cậu chết ra ma nữa hoài; tương cà là bệnh gái trai, dùng phương thục-địa gia nhất ô-mai gì còn gì!

Tú-Uyên nói :

Chi thằng, bệnh cậu không phải uống thuốc, vì không có thuốc nào chữa được bệnh cậu, chỉ có thuốc tiên, họa là chữa được chăng.

Ngâm :

Tương-tư chứng bệnh rất kỳ,
Khi say khi tỉnh khi thì nhẹ không.
Có chăng ngọc-nữ kim-đồng,
Họa may chữa được nỗi lòng tương-tư.

Hà-sinh vào gõ cửa. Đồng chạy ra
Hà-sinh hỏi :

Chứ cậu có ở nhà không?

Đồng nói :

Bẩm có; thưa bác cậu tôi ốm tương cà đấy!

Hà-sinh hỏi :

Chi thằng! cậu ốm tương cà với ai?

Đồng nói :

Bẩm: cậu tôi phải lòng ma đấy ạ.

Hà-sinh nói :

Chi thằng, thế nào cậu lại phải lòng ma? Mày chỉ nói nhăng. (*Cùng bước vào*)

Tú-Uyên ra chào, mời ngồi.
Hà-sinh nói đếm :

Dạ thưa bác kể từ thuở sánh đôi đàn sách, bỗng lâu ngày trở cách vân-san. Chẳng hay là ngọc-thể có an-nhàn, xin với bạn kim-lan bày tỏ. Vả học-hành dễ chăng tiến-bộ, mà văn thơ so cũ chừng hơn. Hãy xin nói hết nguồn cơn, may được lắng nghe giai-thoại.

Tán : Sao lâu nay em mới sang chơi, mà xem bác kém tươi làm vậy, a bác?

Ngâm :

Cớ sao mặt ủ mày chau,
Trông chừng ngẩn ngán như mầu nhớ ai?

Tú-Uyên nói đếm :

Dạ thưa bác, tình bè bạn nói giấu gì với bác; đường nhân-duyên chếch-mác nghĩ buồn em. Cảnh Ngọc-hồ bữa trước qua xem, gặp tiên-nữ trời đêm ném lá. Dù thơ đó em chưa kịp họa, mà tình kia lơi-lả như khêu. Trở về coi phong-cảnh đìu-hiu; xui nên bệnh sớm chiều phiền-não.

Tán : Từ khi xem hội chùa Bà-Ngô, bỗng gặp tiên-nữ, đem năm ba a-hoàn xuống xem hội, rồi thấy trận gió thổi nhành lá rụng, trong có đề bài thơ tình đưa đến cho, em chưa kịp họa lại, nhưng có ngâm đáp mấy câu, thì xem tình người kia cũng lả lơi lắm rồi biến mất, từ đó em về mắc bệnh đó, ấ bác.

Ngâm :

Song thì tình chẳng riêng ai,
Bệnh tương-tư có nhắp mùi mới hay.

Hà-sinh nói :

Quả như thế thì lạ thật, xưa nay truyện thần tiên vẫn có, chứ có phải là sự hoang-đường đâu, vậy nghe đền Bạch-mã anh-linh lắm, bác thử đến mà xin thẻ, và ăn chay nằm mộng họa may sau có gặp được tiên-nữ nữa chăng, a bác.

Ngâm :

Dẫu rằng cách-trở đông tây,
Dù xa xa mấy cũng ngày gần nơi.

Ca hành-vân :

Sự duyên kỳ, sự duyên kỳ, hỡi bạn bạn đừng nghi, tình mây nước, sau

trước phân-ly, từ xưa kia rất lạ. Người xa cách nơi trần-gian, bỗng gặp người tiên, nguyền phỉ nguyền, phỉ nguyền ước hẹn. Đàng tao-nghộ nọ Lưu-lang, gặp tiên nàng, hoa đào đang độ nức mùi nhang mùi nhang.

Nói :

Này bác hãy nghe tôi, may ra như Lưu-lang vào Thiên-thai gặp tiên-nữ thì biết đâu.

Tú-Uyên nói :

Vâng tôi cũng nghe bác, đi xin thẻ, và ăn chay nằm mộng xem sao.

Ca tiếp hành-vân :

Đề thơ lá, lạ thay lòng, vương sợi tơ hồng, nặng tình chung tình chung. Nỗi tơ lòng dãi tỏ gương trong, qua đền Bạch-mã, tơ sầu may có gỡ xong.

Nói lối :

Dạ thưa bác, bác dã lòng khuyên nhủ, em xin quyết vâng lời.

Ngâm :

Bâng-khuâng một lối viễn-hoài,
Sẽ đi cầu khẩn bụt trời họa may.

Hà-sinh nói lối từ về :

Vậy xin bác ngồi chơi ; đề em từ trở lại.

Ngâm :

Hãy đi nằm mộng ăn chay.
Khuyên ai gượng bệnh kẻo gầy vóc sương.

Chào lui.

Tú-Uyên gọi đồng ra bảo nói đếm :

A đồng, nay cậu nghe bạn hiền khuyên nhủ ; chắc duyên kia kỳ-ngộ không sai. Cậu quyết đi cầu khẩn bụt trời, may lại gặp thấy người tiên-nữ, đó a đồng.

Tán : Vậy mày đi lên đền Bạch-mã với cậu, đề cậu xin quẻ thẻ và ăn chay nằm mộng, may có gặp được cô tiên bữa nọ chăng ?

Ngâm :

Tới đền Bạch-mã dâng nhang,
Vả xem giấc mộng cầu hoàng có nên.

Đồng nói :

Dạ thưa cậu, giờ cậu bảo con lên đền Bạch-mã với cậu, đề cậu xin quẻ thẻ, và ăn chay nằm mộng, xem có gặp cô tiên ở chùa Bà-Ngô ngày nọ nữa không, con thiết-tưởng đời nào chứ đời này còn làm gì có tiên, chỉ những cô biến hình giả dạng và những cậu giở trò ma thì nhiều. Thôi cậu đừng mơ-tưởng chi nữa, biết có gặp tiên không, hay lại chỉ gặp ma.

Ngâm :

Cõi trần sao gặp người tiên,
Chỉ ma tình với ma men là nhiều.

Ca kim-tiền :

Khéo trêu ghẹo mà trêu, cõi thế ma-lanh thiệt rõ nhiều, mà ma thiệt rõ nhiều, khéo là trêu, khéo là ma trêu, chi yêu chiều, chi mê-mẩn, chi đi liều chừ tôi muốn can ngăn cậu, sao cậu hay liều, sao cậu chơi liều ?

Nói :

Này cậu, cái cô tiên ngày xưa, sao cô ta biến-hiện được, tôi sợ là ma mãnh thế nào ấy, tôi can cậu đừng mê-tưởng nữa.

Tú-Uyên nói :

Chi thằng ! Mày đừng có nói gàn mà can gián cậu, rõ cô tiên thật, chứ ma nào mà sợ.

Ca tiếp kim-tiền :

Thôi đồng can-gián làm chi, thôi thôi đồng can-gián làm chi, cứ đi không sợ, cậu lấy vợ lấy vợ người tiên, lấy tiên làm vợ chi sợ.

Ngâm :

Thằng đồng mi chớ can liều,
Ma men nào sợ ma trêu quỉ hờn.

Bảo nhau cùng đi.

(Các hạ)

(Còn nữa)

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

TÌNH XƯA (1)

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

(*N uyên Pháp văn* EURY ICE)

Khi mới ra làm việc ở nhà Giây-thép chánh Hà-nội, là nơi có nhiều thư-từ từ phương xa đưa lại, hằng ngày Lê Tâm vẫn thấy những phong thư trải qua tay chàng. Xem ngắm những con tem con dấu trên phong-bì, chàng thấy bày ra trước mắt những hình-ảnh chốn phồn-hoa đô-hội, cõi lạ phương xa, bày ra một cõi đời ngao-du mộng-tưởng. Rồi chàng thấy trong tâm dao-động bởi những mối ước-vọng ngông-cuồng mà rất là buồn-rầu vì chàng tự biết là không bao giờ được thỏa lòng ước-vọng.

Trước bàn viết thoảng có mùi mực lạt-lẽo, người hơi khòm vai bé nhỏ. Lê Tâm bấy giờ ngồi ngẩn ra, đôi con mắt mải lờ-đờ trong cõi mộng một hồi lâu mới chợt tỉnh lại mà trở về với cảnh thực quanh mình, chàng nói lấy « con dấu ngày » để ngay bên tay, ở trên tấm « tam bông » đen ngòm. Cái vật vô-tội nọ bấy giờ bỗng hung-hăng lên nện vào lưng các phong-bì chan-chát như một kẻ điên-cuồng thất-vọng đem đầu mà đập vào tường.

∴

Lê Tâm ra làm thư-ký cho Giây-thép thật là một việc không ngờ, không ngờ cho mọi người mà tự chàng, chàng cũng không ngờ nữa. Ai cũng nghĩ rằng chàng sẽ lên được một cái địa-vị cao hơn mà tự chàng, tuy trước kia cũng không bị lầm vì một cái mơ-mộng hão-huyền nào mặc dầu, chàng cũng không khỏi ôm một tấm lòng mong đợi, mong đợi những cái chi chi như hơi khác đời một chút mà nó hãy còn chưa đến cho chàng.

Mà nay Lê Tâm cũng đã không đợi chờ và không hi-vọng gì nữa. Sự đau đớn ê-chề như làm cho tê-tái mà cái hao mòn tiều-tụy đưa đến cho chàng rất chóng; còn đâu là vẻ một kẻ thanh-niên mơn-mởn và có một chút hơi ngông ngày xưa. Lê Tâm mới hai-mươi mốt tuổi. Mà trải qua hai năm ở trong sở Giây-thép chốn nhà quê miền mạn ngược, cái cảnh đã làm đổi hẳn con người, huống lại vương thêm có vợ con có gia-đình.

Bên gian phòng kề liền với phòng giấy, bạn trăm năm của Lê Tâm, một người đàn bà mộc-mạc thiệt-thà cho con bú, một đứa bé xanh-xao lẽo-khẽo, vì bệnh sốt rét ngã nước, mà trông cái vóc mình nặng-nề mệt nhọc của người thiếu-phụ, biết rằng sắp có kỳ sinh nở

(1) — Dịch bài đoản-thiên tiểu-thuyết Eurydice của Nguyễn Tiến-Lãng, tác-giả có cho phép. — Bài dịch văn này trước đã đăng ở *Phụ-nữ tân-văn* trong Nam. Vừa rồi sách Eurydice của ông Thượng-Uyển xuất-bản có nhắc đến và in cả bài bạt của tôi ở sau sách. Vì thế mà các bạn văn-chương ở Bắc có người quá yêu viết thơ về hỏi. Đáng lẽ thì không đăng nữa chi. Một là vì đã đăng rồi. Hai là hiện đã có bản dịch rất rõ-ràng của tác-giả, thì bài dịch văn của tôi có đăng hay không, việc ấy cũng không cần lắm ; vì tôi dịch bài tiểu-thuyết này bản-ý cốt là để làm việc giới-thiệu mà thôi. Nhưng chiều lòng bạn xa, bạn không thể đọc được ở báo *P. N. T. V.*, nên bài dịch văn này lại phải đăng ở *N-P.* vậy — Dịch-giả chí.

nữa. Theo cổ-tục nước Nam, người ta lấy vợ rất sớm để khi đến tuổi về già kẻ làm cha mẹ khỏi phải buồn rầu, buồn rầu vì tưởng-tượng ra cái cảnh sau khi từ-giã cõi đời phải chịu hương tàn khói lạnh. « Cổ-tục còn muốn nhiều điều khác nữa! » Lê Tâm thường ngỏ ra tiếng thở dài.

Ôm cái mộng làm hiếu-tử, rồi chàng cũng bị lừa vì cái bả hiếu-đạo. Giữa cuộc đời điên-đảo này, cuộc lay động làm rối-loạn tâm-hồn, chàng trông khắp các bạn trẻ đồng-thời đều bị đắm-đuối như chẳng rõ lối để đi, thì chàng nghĩ như chỉ có một cái chủ-nghĩa không hai là cái chủ-nghĩa gia-đình theo quan-niệm đạo Khổng, cho đó mới là cái tinh-thần căn-bản chắc-chắn không lầm. Vốn vẫn là người đa-cảm, cho nên chàng hành-động theo lý-tưởng thì ít, mà hành-động theo những cái hình-ảnh mơ-mộng thì nhiều. Khi còn ngồi ở ghế nhà trường tiểu-học, chàng đã được thầy giáo kể lại cho nghe chuyện một người Ấn-độ MAITRAYANKA, tên người Ấn-độ, bỏ mặc bà mẹ thương khóc mà xuống một chiếc tầu vượt biển ra đi. Chuyến đi ấy, tầu đắm. Chết xuống Âm-phủ, cảnh âm-phủ theo nhà Phật, MAITRAYANKA gặp một người đội cái vành sắt lửa đỏ và khóc nước mắt ra máu, bèn hỏi: — Hỡi vong-hồn đau-khổ kia ơi, ở dương-gian người đã làm nên tội-tình gì?

— Tôi đã làm cho mẹ tôi phải thương khóc.

— Than ôi! tôi cũng thế!

Tức thì cái vành sắt lửa đỏ dời sang, trồng lên đầu MAITRAYANKA và nước mắt chàng ta cũng chảy ra máu.

Cái hình-ảnh đó đã làm cho phiêu-động cái trí tưởng-tượng ngây-thơ non nớt của Lê Tâm; mà rồi sau này, nó lại có ảnh-hưởng đến cả trong những lúc phải đoán-định về những việc quan-hệ, trong những lúc đặt tâm-hồn vào giữa cuộc xung-đột không tránh khỏi của cái tư-tưởng phục-tòng cổ-tục và cái tiếng kêu gọi thiêng-liêng huyền-bí ở chốn cõi lạ phương xa; cũng vì cái hình-ảnh đó mà Lê Tâm đành phải để cho cái tư-tưởng phục-tòng cổ-tục thắng-lợi. Cuộc thắng-lợi ấy ban đầu chỉ là tạm thắng ở các việc bề ngoài, nhưng sau rồi thì thắng hẳn, đến chiếm hết cả tâm-hồn chỉ khi «Phụ mẫu tại, bất khả viễn du» lời đức Khổng-tử nói như thế. Chàng bèn thôi không nghĩ gì đến sự thoát-ly, có lúc gặp dịp được tháo cũi xổ lồng, có khi thấy được cơ-hội bay nhảy mà chàng cũng phó mặc như chẳng cầu. Ban đầu tưởng là lần-lữa cho qua để chờ cơ-hội; chung qui, những cái phận sự vì cổ-tục đã giam hãm chàng trong một đám rối beng, chung quanh bao bọc ngăn cấm hết cả chẳng cho nghĩ đến những cảnh xa xôi đã từng băn khoăn thắc-thỏm lúc thanh-niên.

Rồi nữa, chàng lấy vợ. Nhưng đối với tân-nhân, lòng chàng tình không có một chút ái-tình gì cả. Lễ cưới rất là long-trọng linh-đình, cũng là cổ-tục đấy, nhưng mà hôm sau thì đã chẳng còn đâu nữa. Ngày hôm sau thì nợ đã réo tí-mũi vì không có cuộc long-trọng nào mà không đắt giá. Món nợ trong nhà lâu nay, bấy giờ lại gia-tăng thêm món nợ vay để dọn đám cưới cho đứa con một. Các việc đó cũng là cổ-tục cả đấy! Lê Tâm khi ấy mười-tám tuổi...

Bây giờ chàng quăng mình vào trong chốn rừng bụi quê mùa, chàng có xoay-sở thế nào để gỡ cho xong món nợ ấy hay không? — Trăm phương ngàn kế rồi, chàng chỉ làm cho mẹ chàng thương khóc mà thôi. Lê Tâm ngỏ ra tiếng thở dài: « Khốc-hại thay đạo hiếu! Ôi! có lẽ nó chỉ là hư-ảo, trong buổi đời có hai phái: nhiều tuổi và ít tuổi xung-đột nhau, mà mỗi bên một tư-tưởng khác hẳn nhau. » Mẹ chàng đã khóc, khi chàng đổi lên mạn-ngược,

rồi mẹ chàng lại khóc khi thấy vợ chàng không sinh cho bà đứa cháu trai mà bà vẫn mong mỏi lâu nay, lại sinh chi đứa cháu gái mà cổ-tục nước Nam không coi nó vào đâu.

⁂

Những bức tranh thuở dĩ-vãng vơ-vẩn mãi bên khối óc; Lê Tâm cố gác bỏ đi không nghĩ đến nó nữa. Chung quanh đồi núi; gió cuốn ngàn lau xào-xạt, khắp trong lũng đều một tiếng du-dương hiu-quạnh. Đầy trời sương tỏa mịt-mù, buổi sáng sớm hãy còn đặc nghịt, bây giờ thì đã tan thưa tản-mác dần dần để lộ ra mấy cái ngọn cây và mấy cái chỏm đá trên đồi. Mái nhà bao phủ giọt sương, trông như cái tổ con chim lênh-đênh trên biển bạc.

Trước nhà một cái cây chụi lá giơ chà, có lẽ nó chỉ còn sống được một mùa thu này nữa, đứng dãi với sương mù, vẽ ra một bức tranh phá-bút lối Tàu: cái thân cây già chết khô trên tờ giấy bạch; trong cảnh tiêu-điều cô-tịch này, duy chỉ có cái cây kia là bạn...

Bản-Hẻo, bởi vậy, đối với Lê Tâm thật là một chốn vô-liêu-chi-cực, dầu là chàng ở đó đã được hai năm rồi và nếu muốn giao-thiệp, thì cũng đã có thể tìm được bạn bè chơi. Một giải đất phủ-sa chật hẹp, hai bên xan-xát gò đống cây cối um-tùm, là những gò chắn ngăn giải ven sông Nhị-hà ra vô-số những thung-lũng nhỏ. Người Mèo họ che lều che túp ở treo-leo trên sườn núi. Người Nam ít lắm. Cái trở-lực lớn cho sự di-dân ở đồng bằng lên đây, là ở đấy có cái khí lam-chướng giết người, Tuy-nhiên cũng vẫn có một đôi người họ chịu đựng nổi với khí-hậu lên đây khai-khẩn làm ăn, và ở thành gốc rễ.

Nhưng, lẽ tự-nhiên là không phải vì sự nhu dụng cho đám người kia mà dựng nên cái nhà Giây-thép chỗ Lê Tâm ở. Mà cốt là vì vài cái đồn lính khố xanh, vài Châu-lý, vài sở Kiểm-lâm, vài sở buôn lâm-sản ở rải-rắc mọi nơi, và vài bốn cái đồn-điền lại với một sở mỏ ở chót vót trên đỉnh đồi, cao ngàn rưởi thước. Những cảnh xung quanh đó thế nào cũng mặc, nó cũng chẳng quan-hệ gì với Lê Tâm cho lắm. Chàng đã liều nhắm mắt đưa chân miễn sao lần hồi mà những cái sầu-não, sầu-não vì gia-đình nó ở tận xa đưa lại, thời nhờ đường xa mà dễ nguôi-ngoai. Nhưng mà chàng cũng vẫn muốn, trong ít lâu đây được trở về chốn « chôn rau cắt rốn » vì vợ con chàng đã phải bệnh sốt rét ngã nước, ngày càng đau yếu hao mòn.

⁂

Người phu trạm đem thơ hôm ấy về. Thay cho cái túi thơ, một cái gói giấy lép-kẹp, Lê Tâm bốc giấy thì năm sáu cái thơ rơi tóe ra, mà chàng đã thường nhận quen các địa-chỉ: này ông «Đồn», ông chủ đồn-điền, quan Tri-châu, ông chủ Mỏ, ông chủ Mỏ nữa...

Một cái thơ sau cùng, còn nằm dưới nếp giấy gập, chàng đưa tay ra rút cái thơ một cách ngẩn-ngơ lười-biếng, mắt không ngó vào đó mà trông ra cửa «ghi-sê», công việc sắp xong trong mình cũng đã thấy nhẹ-nhàng, tâm-hồn tiêu-dao ở thế-giới ngoài kia, sương mù ban sớm đã tan rồi, trông rõ hết cả chân-cảnh.

Do con đường đá sỏi trên núi đổ dốc xuống, hai bên đường có mấy túp lều và những lùm gai gốc bám đầy bụi đất vàng; người Mèo họ xuống tỉnh-lỵ bán lợn. trầy qua đó, cái chỏm tóc ngộ-nghĩnh rối bù trên đỉnh đầu cạo nhẵn, cái bụng bày thịt ở giữa khoảng cái cạp quần nhuộm chàm và cái gấu áo ngắn lỡn-cỡn, mà những con vật thì chạy lăng-nhăng đàng trước, vì thỉnh-thoảng họ lại lấy cây roi sậy cầm tay mà nẹt cho đen-đét. Họ hát. Hát như tiếng kêu the-thé... một giọng điệu

kéo dài ra, gần dứt câu thì cất bổng lên véo-von réo rắt. Thỉnh thoảng bên kia họ ngừng tiếng hát thì bên này trong nhà, Lê Tâm nghe lọt tấm vách ngăn, tiếng vợ chàng ho.

Ấy một ngày vô-vị trong chốn nhà quê như muôn ngàn những ngày vô-vị khác.

Ngày lại ngày, ngày nào Lê Tâm cũng nếm thấy cái mùi lạt-lẽo có lẫn mùi cay đắng, nhưng mà vì quen dần rồi, cũng lấy làm thường. Ngày ấy cũng như ngày khác mà mọi nỗi buồn rầu tê-tái đã thâm-nhập vào trong cõi tâm-hồn. Tuyệt-nhiên, không có gì báo trước cho chàng rằng hôm nay sẽ có đưa đến cho cuộc đời vô-liệu của chàng một chút gì mới-mẻ.

Nhưng mà..., mắt vừa nhìn thấy bức thơ cuối cùng mới đến rồi kia, chàng đã nhận được, phải chăng là nét chữ... chợt thoáng qua một cái, cái vẻ dịu-dàng êm-ái và cái vẻ tỉnh-tươi rực-rỡ lòe sáng trong cõi lòng, khiến chàng không ngăn được ngọn sóng cảm-động dạt dào; cuộc đời nồng-nàn âu-yếm lại thấy lai-láng cảm-tình mà cái thanh-xuân hớn-hở năm xưa ngỡ là đã chết mất rồi; nay hãy còn tìm thấy lại.

* *

Bức thơ không phải gửi cho Lê Tâm. Thơ ấy gửi cho một người Tây đi qua chơi trong đồn-điền. Nhưng trên phong-bì giấy «vê lanh» màu ngà, chàng nhận ra nét chữ. Nét chữ dịu dàng mà cứng-cáp, nếu không biết trước thì đố ai đoán biết được là ở tay một người con gái viết ra? Cái bàn tay nhỏ nhắn mà trắng nõn nà, ngón tay búp măng dịu-dàng xinh-xắn. Bàn tay ấy đã đưa ra cho chàng nắm một đôi lần. Trong buổi thanh-niên, một cuộc kỳ-ngộ ngắn-ngủi mà êm đềm đã kêu gọi cho chàng mơ tưởng đến những cảnh mây gió chốn xa xôi mà cái bàn tay kia hình như đưa dắt chàng đi đến được. Bàn tay kia nay đã chẳng còn đâu nữa. Than ôi! chuyện đời có như thế ư?

Nhưng bây giờ muốn bắt lại những ý muốn trước và muốn phá đổ những tình ươn hèn nay đã thành một khối nặng nề, cũng chưa phải là đã muộn. Muôn ngàn tư-tưởng, muôn ngàn ước-vọng tua-tủa cháy bùng lên trong lòng chàng như một áng hào-quang lồ-lộ sáng-sủa tươi cười. Rồi chàng tự cảm thấy trong mình thảnh-thơi vui sướng lạ thường như cảm thấy cái lòng ước ao vơ-vẩn của khách lãng-mạn, cái nhớ thương bát-ngát của kẻ tha-hương, cái ái-tình lồng-lộng sáng sủa của các nhà thi-sĩ thường nói đến mà Lê Tâm chưa từng biết. Sự đâu kích-thích! nỗi đâu giục-giã! Ôi! trong vũ-trụ còn biết bao là cảnh khác, biết bao là nơi cao-thượng, biết bao là chốn xa xôi! Bay lên! Đứng lên! đứng lên mà đi, đi... Trước hãng cắt đứt với cái đời an-nhàn lừa dối nó đã bó buộc mình trong muôn ngàn manh mối, mà đều là muôn ngàn cái không đâu, vô-ý-nghĩa, và dần dần nó đã thành một vật để giữ mình trong vòng lao-lung nô-lệ. Nhớ có một lần chàng đi qua một chỗ hải-cảng, cái cảng tồi-tàn chật hẹp của xứ Bắc-kỳ mà nó cũng khêu gợi lên được nhiều mối say mê trong lòng chàng, tấm lòng khao-khát một cuộc viễn-trình, nay chàng sẽ lại xuống chỗ hải-cảng đó. Hãy ra đi, đi bằng cách nào cũng được, dầu cho phải mượn một chiếc thuyền mảnh xám xịt, mũi thuyền vẽ con mắt đỏ đen, cánh buồm rách nát, tự trong thuyền có mùi nước-mắm xông lên lẫn với khí-vị thanh-tân man-mác chốn biển khơi. Rồi trải qua những cuộc phiêu-lưu (sẽ có sự lịch-duyệt rộng thay, những cuộc phiêu-lưu đó há lại không làm giàu thêm cho sự-nghiệp văn-chương mai-hậu hay sao?) khiến cho tìm thấy lại người xưa, và khi tìm

thấy được người xưa rồi bấy giờ sẽ có đủ cả những đức hay tính tốt làm cho thỏa mọi cái sở-vọng, tất cả các điều sở-vọng, đến những cái rất là cao xa cũng sẽ đạt được.

Tâm-hồn khích-động một cách chưa từng thấy, khiến cho Lê Tâm tưởng cả vũ-trụ này như một cái đồ chơi để tự ý cho chàng hí-lộng. Cái phong-bì động đậy luôn trên bàn tay run lẩy-bẩy.

Thôi! kể chi những nỗi trong đời dĩ-vãng? Lạ thay, cớ sao ta đã chịu đựng cho đến được ngày nay một cuộc đời tù-túng ngạt hơi như thế? Vì sao ta lại không «cách-mệnh» mà đánh đổ nó đi? Thôi bây giờ phải sống cho ra sống, sống cho được thảnh-thơi vui-thích! Bỏ phăng đi, bỏ phăng những cái thỏa-thích tầm-thường, ở cuộc đời tầm-thường, trong những cái phận-sự rất là tầm-thường vô-lý. Cuộc đời vốn là thiên-hình vạn-trạng, dẫu trong cái cuộc đời mới mà ta sẽ lấy làm cuộc đời cho ta đó, có bấp-bông có nguy-biến nữa, nào quản chi, miễn là cái sự-nghiệp văn-chương bấy nay mộng tưởng và bây giờ lại mộng-tưởng nó có cơ xây đắp được cho thành.

Thôi! hãy qua cho chóng đi! cái tấn trò chơi mà ngày nay ta hãy còn đang múa dối, múa dối với mọi người, và tự mình múa dối với mình. Hãy đón lấy ta; cuộc đời treo-leo mạo-hiểm kia! Càng đau nỗi nguy-nàn, càng tỏ cái cảnh chênh vênh không chắc-chắn, ấy mới lại càng xui ta biết sống là vui, là đáng say mê. Ngày mai ta sẽ đoạn-tuyệt với cuộc đời dĩ-vãng; ta sẽ ra đi. Ngày mai...

∴

Chàng lật cái phong-bì lại, theo một điệu-bộ quen của nhà nghề, vì còn phải đóng dấu ở sau phong-bì. Mắt chàng bỗng nhìn thấy hai hàng chữ, cùng một nét chữ ở trước, chỗ đề tên người gởi thơ.

Thôi! không có gì là bí-mật cả. Tên người gửi thơ và địa-chỉ đã rõ ràng ra đó. Ô hay! là tên của một người đàn ông, tên của một người khác... Mắt chàng bỗng quáng lòa. Trời ơi! có chuyện chữ ai mà lại giống chữ người bạn ta xưa như thế này được ư? Chàng bèn nhìn kỹ từng nét chữ trên phong-bì, cái phong-bì giấy «vê-lanh» màu ngà. Ừ phải rồi, vẫn có chỗ khác nhau kia mà. Thực không phải là nàng vậy. Than ôi! không phải là nàng người bạn tình thuở trước, mà cũng không phải là chàng một kẻ thanh-niên mơn-mởn và có một chút hơi ngông ngày xưa. Lê Tâm đã bị một sự sai lầm nó chế nhạo rồi. Thăm-thẳm cõi đời dĩ-vãng, còn lâu dấu vết ngư-nhàn. Cuộc dĩ-vãng đã đành thôi tuyệt-tích!

Thôi! thôi đừng thương khóc nữa chi, đừng thương khóc chi người bạn tiên-nga thuở ấy mà duyên kỳ-ngộ đã hò hẹn cho một cuộc đời hoa-lệ khác phàm, đã cho nếm trước cái thần-tiên phong-vị. Cũng đừng thương khóc chi cái tâm-hồn bông-lông mà thanh-thú ngày xưa, nay nó cũng đã tiêu-tán rồi mình nay còn cớ được nó nữa đâu và không bao giờ cho có được...

Đôi cái vai bé nhỏ lại cúi khòm trên bàn viết, thầy thơ-ký Lê Tâm nữa không còn ngửi thấy cớ cái mùi mực lạt-lẽo nữa. Chàng với «lấy con dấu ngày» trên tấm «tam bông» đen, rồi cái vật vô-tội nọ lại nện xuống phong-bì chan-chát như cái đầu đem đập vào tường một cách điên cuồng thất-vọng.

Nguyên Pháp-văn của

THƯỢNG-UYỂN, NGUYỄN TIẾN-LÃNG

ĐÔNG-HỒ *dịch*

Lời bạt của dịch-giả

Theo chuyện thần-tiên Hi-lạp thì EURYDICE *là vợ của* ORPHÉE. ORPHÉE *có chỗ truyền là con của* ŒRACE *vua xứ* Thrace *còn có chỗ truyền là con của thần* APOLLON *và nữ-thần* CALLIOPE, *là một nhà đại-âm-nhạc đời cổ. Mỗi khi* ORPHÉE *gảy lên khúc nhạc thì bao những ác-thú đều chạy theo mà nghe, quên hết cả tính hung-dữ. Ngay bữa cưới,* EURYDICE *phải một con rắn cắn chết.* ORPHÉE *buồn-rầu thương-nhớ lắm, xuống âm-phủ tìm nàng; các thần-tiên dưới ấy đều mê-mẩn vì cái cung-điệu thâm-trầm êm-ái của chàng, bèn cho vợ chàng sống lại, và dặn khi lên khỏi cõi âm-phủ thì mới được ngảnh đầu trông lại.*

Khi ra về, chàng vì thương nhớ EURYDICE *quá, không giữ được lời dặn, ngảnh lại nhìn vợ, tức thì* EURYDICE *ngã dùng ra chết.*

Từ đó chàng rất lấy làm buồn rầu đau-đớn và không yêu thích người đàn bà con gái nào cả.

. . .

Chuyện cổ là thế, vậy thủ nghĩa như thế nào mà tác-giả lấy nhan thiên tiểu-thuyết là EURYDICE? *Tác-giả nguyên tả một cái cảm-tình của người chủ-động trong truyện, Lê Tâm, cùng với người yêu hò-hẹn một cuộc kỳ-ngộ chốn mây gió xa-xôi, rồi mà ước-vọng không thành. Mang một tấm lòng buồn rầu thất-vọng, thất-vọng nhưng không sao khuây khỏa được, cái cảm-tình xưa bao giờ cũng vẫn dào-dạt bên lòng, rồi một hôm, cái hình ảnh êm-đềm buổi trước chợt hiện ra trước mắt, giấc mộng năm xưa mới lại thấy bây giờ, lòng thấy nhẹ nhàng sung-sướng thỏa-thích chứa-chan, đưa tay ra toan vồ lấy, lắt lấy; chợt một cái, than ôi! cảnh mộng vẫn chiêm-bao, mà tấm lòng đang nồng nàn vui-sướng, lại-láng cảm tình bỗng thấy lạnh ngắt như tro tàn; và từ đó rồi, mang một tấm lòng băng-giá đối với cuộc đời vô-liêu vắng-vẻ, thì cái cảm tình của Lê Tâm đối với cái hình-ảnh êm-đềm thanh-thú của cuộc kỳ-ngộ mơ-màng đó, lại lần thất-vọng, đã có khác nào cái cảm-tình của* ORPHÉE *đối với* EURYDICE *trong cổ-truyện Hi lạp.*

. . .

Tôi dịch thiên tiểu-thuyết này thực là một việc bất-ngờ. Bất ngờ vì tôi không nghĩ là tôi dịch được nổi một bài Pháp-văn lại là một bài danh-văn như thế. Nhưng vì cảm-tình đối với bài văn kia nhiều phen kích-thích, và thời thường có thơ Nguyễn-quân bạn văn-chương tri-kỷ thúc-giục luôn mà mới đánh bạo quả-quyết cầm bút thảo dịch vậy.

Dự cuộc thi đoản-thiên tiểu-thuyết tây của báo Indochine ở Sài-gòn, EURYDICE *giật giải nhất, chẳng những riêng vinh-hạnh cho tác-giả mà thực là vinh-hạnh lây cho tân-học giới nước nhà vậy. Tôi xin không dám nói đến văn-chương trong truyện mà chỉ nói về cái cốt truyện. Đọc xong* EURYDICE *tôi thấy trong lòng bàn-hoàn sinh ra một mối cảm buồn rầu vơ vẩn, cảm thấy người chủ-động trong truyện với mình cũng chung một tâm-sự, cùng chung một nỗi thương đau chua xót. Tuổi thanh-niên, than ôi! thời-kỳ hớn-hở tươi cười như trăng mới lên như hoa mới nở, mơ-màng ước-vọng những truyện cao xa, chí hăng-hái tiến-thủ như cánh buồm giăng trước gió chực vượt qua muôn trùng biển bạc mà phải đem giam hãm trong vòng phận-sự chật hẹp tầm-thường, đem cái thông-minh tuấn-tú của tuổi thanh-niên mà làm nô-lệ cho cái cổ-tục hủ-lậu tồi-tàn vô nghĩa-lý, kết-quả đến thành một người ngẩn-ngơ thất-vọng, lạnh-lẽo với hết cả mọi việc đời, dành sống tạm cho qua ngày, cái ngày vô-vị cái « ngày mà mọi nỗi buồn rầu tẻ-tái đã thâm-nhập vào trong cõi tâm-hồn » thì thực là một mối thảm-sầu ân-hận suốt đời.*

Tác-giả thực đã khéo vẽ ra cái cảnh khốc-hại tàn-ác của hủ-tục nó là mưa gió nặng-nề đã làm cho tan nát âu-sầu bao nhiêu những tuổi xuân hớn-hở của bạn thanh-niên, và đã làm ngăn trở bao nhiêu bước đường tiến-thủ trong sự-nghiệp tương-lai của bạn trẻ.

Ở trong cảnh khổ-tâm kia, bạn trẻ, há chỉ có một Lê Tâm trong truyện đó mà thôi ư? Ngoài truyện, há lại không còn bao nhiêu người đang ở trong cảnh-ngộ éo-le như Lê Tâm nữa ư? Dịch-giả xin đáp: dịch-giả đây là một! Âu đó cũng là một cái vấn-đề lớn mà khó giải-quyết ở xã-hội ta ngày nay, chẳng những là cái tư-tưởng riêng của Lê Tâm trái với cái quan-niệm của gia-đình mà là cái tư-tưởng chung của xã-hội mới đối với cái quan-niệm của phong-tục cũ vậy.

Chỉ trong mấy nét bút đơn-sơ, tác-giả đã vẽ ra cái tình-trạng nguy-nan khốn-khổ của xã-hội ta vì hủ-tục:

« Người hoi khòm, vai bé nhỏ » ấy xã-hội ta ngày nay phần nhiều là như thế! « Một đứa bé xanh-xao lẽo-khẽo » ấy lũ con trẻ của xã-hội ta ngày nay phần nhiều là như thế. « Một người đàn bà mộc-mạc thực-thà cho con bú... mà trông cái vóc mình nặng-nề mệt-nhọc của người thiếu-phụ biết rằng sắp có kỳ sinh nở nữa... nghe lọt tiếng vách ngăn, tiếng vợ chồng ho... » Ấy bọn phụ-nữ của xã-hội ta ngày nay phần nhiều là như thế! Một xã-hội mà người thanh-niên, lũ con trẻ, bọn phụ-nữ đều là người yếu đau bệnh-hoạn cả như thế thì còn mong cạnh-tranh được với ai mà nói đến việc sinh-tồn!

Đó là cái cảm-tình của tôi đối với bài văn; lại còn một cái cảm-tình nữa là cái cảm-tình đối với tác-giả. Tác-giả nếu chỉ là một người viết văn tây giỏi, giỏi mười mươi nữa, bạn văn-chương dầu có lòng phục mà thực là không có lòng yêu kính vậy. Đối với các bạn « tân-học trong » tôi xin thú thực là có lòng ấy. Ai có đọc An-nam tạp-chí *tất thấy ông Thượng-Uyển là một người bạn rất hữu-tâm với văn-chương nước nhà là một người tri-kỷ của quốc-văn vậy. « Nghĩa-vụ bạn tân-học đối với quốc-văn » ông cho là một cái trách-nhiệm lớn; « Đối với việc làm quốc-văn có lời-lẽ lề lối mới, càng những người thuộc tân-học càng cẩn-trọng mà hiểu rằng: Nghĩa-vụ cần nhất là nghĩa-vụ khảo-cứu « học cho hi-thánh hi-hiền » theo lời cổ-nhân dạy, để thêm tài thêm sức mà gánh vác trách-nhiệm với quốc-văn... Đem tư-tưởng mới vào văn nước nhà, thu tình-cảm mới vào văn nước nhà, là hai cái nghĩa-vụ mà bạn tân-học ta từ nay đã có thể gánh vác ngay » (Lời của tác-giả.* An-nam tạp-chí *số 35)*

Nước nhà mong cậy, nòi giống đợi chờ bạn tân-học, chính là mong cậy đợi chờ những bạn tân-học như thế. Ông Thượng-Uyển phải đâu là người chỉ giỏi Pháp-văn mà thôi!

Đó vì hai cái cảm-tình tự như trên mà tôi đánh bạo dịch bài này, biết là còn kém lắm, để giới-thiệu với các bạn Quốc-văn một áng văn Tây do người bạn tân-học viết, và để giới-thiệu với các bạn Pháp-văn một áng văn Tây do người bạn yêu quốc-văn viết. Từng nghe có bạn tân-học nói: « Những người họ bảo rằng: họ yêu quốc-văn họ học-hành tập-luyện quốc-văn đó là họ đốt chữ Tây, họ có biết gì là văn Tây. »

Ông Thượng-Uyển há phải là người đốt chữ Tây đấy ư?

Nay dịch xong bài này, hoy hèn thế nào cũng xin trân-trọng trước kính tặng tác-giả Thượng-Uyển Nguyễn tiên-sinh, và sau xin kính tặng Trọng-Toàn Nguyễn hiền-hữu, bạn tri-kỷ văn-chương, thời thường có thơ khuyến-miễn trong việc bút-nghiên học-tập.

Phương-thành ngày mùa hạ, năm nhâm-thân (31 5-1932)

ĐÔNG-HỒ

VĂN-UYỂN

Ngũ thập lục tự-thuật

(Làm năm canh-ngọ đưa cho bạn đồng-canh)

Năm-mươi sáu tuổi tuổi chưa già,
Mấy kẻ đồng-canh ta với ta ;
Mạch máu vốn chung nòi giống mạnh,
Đầu râu chi để tuyết sương pha ;
Bước đường danh-lợi chân dù nản,
Ngọn bút bình-chương mắt chửa lòa ;
Vui thú gia-đình còn lắm vẻ,
Kìa xem đàn trẻ lũ năm ba.

ĐÔNG-CHÂU

Họa nguyên-vận

I

Cũng già mà kể cũng chưa già,
Ngất-ngưởng trên đời dễ mấy ta !
Sống mãi thành ba ông Thái-tổ,
Chơi hào được mấy cụ Đông-pha ?
Non xanh ít kẻ lòng chân ẩn,
Yếm thắm nhiều anh mắt giả lòa ;
Đồng-học đồng-niên đồng cả chí,
Một đời may họa có hai ba.

TỪ-LONG

II

Nước bốn nghìn năm cũng chửa già,
Mới năm mươi sáu huống chi ta ;
Vườn đào gió gọi hồn thơ tỉnh,
Dàn cúc hương nồng chén rượu pha ;
Ngọc chuốt Côn-sơn mầu mới nhuận,
Trăng soi Cầu-hải bóng chưa lòa ;
Cùng chung mạch máu sinh cùng tuổi,
Một bức tinh-thần rạng vẻ ba.

CÁT-THÀNH

III

Nhìn trông chềnh-chện mấy ông già,
Đọ tuổi mà xem cũng tuổi ta ;
Non nước vẫn in lòng tưởng-mến,
Phong-trần đã trải bước xông-pha ;
Nghe chuông cảnh-tỉnh tai hồ điếc,
Nhìn đuốc văn-minh mắt chửa lòa ;
Năm sáu còn ai chung tuổi nữa,
Mà đây chỉ thấy một hai ba.

HƯƠNG SƠN

. . .

Lục-thập tự-thuật

I

Bấy lâu sinh-trưởng chốn phồn-hoa,
Lối hủ làng nho vẫn thực-thà ;
Lều-chiếu bông-lông buôn-bán lỗ,
Ruộng vườn chềnh-mảng họ-hàng xa ;
Năm châu khéo nhỉ đời đương trẻ,
Một giáp ờ hay tớ chửa già ;
Có lẽ còn phen may-mắn nữa,
Ngồi rồi thử vẽ bức tam-đa.

HÀ-THANH

II

Năm giáp nay thêm một giáp chồng,
Thẹn-thùng tuổi-tác với non sông ;
Sung-quan tóc hói trơ đầu bạc,
Giai-ẩn nhà lây cả má hồng ;
Sự trái mười phần tai cũng thuận,
Người đầy bốn bể mắt dường không
Hỡi ôi thời-thế ôi thời-thế,
Nhắn cậy sau này lũ trẻ-trung.

VÂN-BIỀU

. . .

Hồi-hưu lưu-giản

Dầu-dãi tinh-thần với nước non,
Tới lui may cũng được vuông tròn ;
Ba mươi năm ấy coi già-dặn,
Sáu chục xuân mà vẫn trẻ con ;
Tranh-cạnh những gì nên tóc bạc,
Ái-ưu khôn nỗi tỏ lòng son

Nay về nghỉ mát trên non Đầu,
Ngắm cảnh Đồ-sơn lớp sóng dồn.

Tổng-sơn Vũ Đình-Khôi

Họa nguyên-vận

I

Chim hôm xào-xạc trở về non,
Tuổi hạc vừa hay sáu chục tròn ;
Ơn nước hả-hê còn bồng lão,
Việc đời gánh-vác để phần con ;
Mặt trò ngắm lại phờ râu bạc,
Miếu tổ trông vời dãi tấm son ;
Núi Đầu còn kia còn quỉ đó,
Thơ tiên đắc-ý cứ ngâm dồn.

Đông-Châu

II

Tấm lòng yêu nước vẫn còn non,
Sáu chục năm quanh quả đất tròn;
Bể hoạn vượt qua làn sóng cả,
Thuyền Tô nhẹ thả mái chèo con ;
Tiếc ai cửa miệng còn rây mực,
Thẹn tớ trên đầu chửa chấm son ;
Lối cúc đi về ta đủng-đỉnh,
Mặc ai xe ngựa vó câu dồn.

Ngọc-Đường

. . .

Khuyên an-thường thủ-phận

Đất Việt-Nam trọng mầu sắc đẹp,
Cõi Á-Đông chung họ da vàng;
Rành-rành một góc giang-san,
Mười-lăm bộ cũ bốn ngàn năm dư.
Nước Văn-lang thuở xưa tên gọi,
Giống Lạc-Long truyền dõi đến nay;
Đinh Lê Trần Lý đổi thay,
Ra tay Thang Vũ, mở ngày Thuấn Nghiêu.
Bản-đồ rầy dựng treo bờ cõi,
Dân-sự yên vui hội thăng-bình ;
Trong ngoài Nam Bắc đôi Kinh,
Dân thuần chất-phác quan thanh thận cần.
Đạo ngũ-luân xa gần giữ mực,
Nghĩa tứ-đoan chứa chật lòng son;
Bao năm trong cuộc vuông tròn
Cây già chửa cỗi mầm non đã chồi.
Trong ngoài vẫn yêu nòi yêu giống,
Lớn nhỏ cùng tương-trọng tương-thân ;
Phú-nguy tế-cấp ân-cần,
Có lòng ái-chúng có phần thân-nhân.
Trên dưới vẫn quây-quần giữ đạo,
Giàu sang không kiêu-ngạo tấm lòng;
Bốn dân đâu đấy thông-đồng,
Sĩ thương yên nghiệp, nông công vui nghề.
Kẻ tiên-giác đề-huề hậu-giác,
Người tiền-nhân khai-thác hậu-nhân;
Cha truyền con nối dần dần,
Một niềm thủ-phận mười phần kính thiên.
Xưa nay vẫn dân yên nước trị,
Công tư đều truy-thủy thận-chung;
Thịnh suy biến cải lạ lùng,
Quốc-phong đổi mới dân-phong khác thường.
Sĩ khuây-khỏa những đường liêm-tiết,
Dân hồ-đồ nào biết đạo dân;
Đảo-điên trong đạo di-luân,
Cúi đầu xuống đất vắt chân lên trời.
Cha mẹ coi như người hành-lộ,
Vợ con xem bằng lỗ vàng tinh;
Chen nhau vào đám lợi-danh,
Hại người cũng mặc ích mình là hơn.
Trai tráng-sĩ ăn trơn mặc chuốt,
Gái thuyền-quyên sáp vuốt gương soi;
Đua nhau xe ngựa giong chơi,
Quan-viên cờ bạc, cậu-bồi gió trăng.
Tiền khó-nhọc coi bằng dơ rác,
Sự kiệm cần lại nhác thờ-ơ;
Lợi-quyền tranh-cạnh tóc tơ,
Lọc lừa của chúng vét-vơ vào mình.
Mỡ người nhắm không tanh lỗ miệng,
Mọt dân kia đã nghiến rầm tai;
Nào ai còn có thương ai
Trùng trong đục gốc chim ngoài tìm sâu.
Lửa đã cháy đổ dầu thêm mãi,
Đóm lần theo chỉ mải ăn tàn;
Văn-minh cửa miệng làm-nhàm,
Bản minh đề-tiện mua sang hão-huyền.
Sự lập-thân chẳng nhìn sau trước,
Đạo tề-gia trị-quốc nào hay;

Buồn tênh nông-nổi thế này !
Đổi thay thế ấy vần xoay thế nào?
Ta nên phải soi vào phế-phủ,
Xét nỗi mình nghĩa-vụ phải chăng;
Á Âu đương hội đồng-văn,
Phong-trào đưa lại bao năm lạ-lùng.
Đã tai mắt đứng trong trời đất,
Đạo hiếu-trung dìu-dắt lấy nhau;
Nhân-luân giữ lấy làm đầu,
Đem lòng thân-ái bắc cầu văn-minh.
Công-nghệ phải chuyên tinh cơ-xảo,
Học-hành nên thấu-đáo kinh-luân;
Liệu mà hoán-cựu tòng-tân,
Chớ theo điều dở phải cần sự hay.
Sự hay bởi hàng ngày tu-tỉnh,
Sự dở là quen tính xa-hoa;
Thân ta ta giữ kẻo mà,
Một mình kiếm-chác cả nhà ăn tiêu;
Tháng tính được bao nhiêu số nhập,
Ngày tiêu đi số xuất phải hay;
Kiếm nhiều tiêu ít là may,
Tiêu nhiều kiếm ít có ngày khó-khăn.
Khó-khăn bởi chẳng cần không kiệm,
Giàu-sang vì tần-tiện mới nên;
Ai ơi! nghĩ lại mà xem,
Có tu-tỉnh mới được nên thân người.
Bớt những cách ăn chơi cờ-bạc,
Bớt những tiền hành-lạc xướng-ca;
Ra gì cái thói trăng hoa,
Say-sưa tổn trí, thiết-tha tổn tiền.
Công tư phải giữ-gìn sau trước,
Quê chợ đều kiệm-ước chi tiêu;
Dần-dà chứa ít nên nhiều,
Sẵn tiền dư-dật lắm chiều phong-lưu.
Muốn lên cao phải từ dưới thấp,
Muốn thành non phải đắp từng gơ;
Thức-thời ai đã biết chưa?
Chớ khinh nhỏ mọn mà lơ tiêu dùng.
Sách có chữ: « công sùng duy chí »,
Xin anh em phải qui nhẫn-kiên;
Dở hay cũng vị đồng tiền,
Có kho vô-tận có quyền tự-do.
Cánh chưa đủ dễ hồ bay bổng,
Đường còn xa đi chóng được nào;
Dám khuyên chớ vội trèo cao,
Phòng khi nhỡ bước làm sao bấy giờ.
Chớ nông-nổi mập-mờ tấc dạ,
Mà đem lòng nghiêng ngả bông-lông;
Dòng ta ta giữ lấy dòng,
Cây ta ta phải vun trồng lấy cây.
Mầm Hồng Lạc xưa nay vẫn tốt,
Tài-bồi sao cho ngát cho thơm;
Chữ rằng: « Ẩm thủy tư nguồn »,
Chân-tình xin dãi niềm đơn mấy lời.

PHẠM XUÂN-PHÁI

Cảnh chùa Non-nước (Ninh-bình)

Cảnh này đủ cả nước cùng non,
Chùa ở ven sông đá một hòn;
Nước dẫu trải bao lần biến đổi,
Non còn giữ mãi dáng chon-von;
Bàn câu trơ đó người xưa vắng,
Hương cúc xa đưa nét bút còn;
Xếp đặt đã đành tay Tạo-hóa,
Vì ai tiếng trẻ mãi không mòn.

Cảm-tưởng về tết Trung-thu

Cũng thì cảnh đấy cũng người đây,
Cái tết Trung-thu vẫn thế này;
Bánh giẻo còn in khuôn khổ cũ,
Đèn cù vẫn chạy tít vòng quay;
Mảnh gương bao thủa còn trong mãi,
Lòng khách năm đà thấy đổi thay;
Ngắm bóng còn mơ vòng tuổi trẻ,
Trò vè đã sẵn lũ thơ ngây.

Giàu làm chị, khó làm em

Cuộc thế ngày xem một chán thêm,
Giàu thì làm chị, khó làm em;
Kim-tiền gác bỏ bàn tay trắng,
Danh-lợi thờ-ơ khúc ruột mềm;
Luân-lý đã không người thích đọc,
Lễ-nghi còn mấy kẻ buồn xem;
Lòng vàng ai chớ khoe ai nữa,
Mới bén hơi đồng đã nhọ-nhem.

Bài hát

Gửi thăm anh em bạn Na-cham

Ngồi buồn nhớ Na-xâm cảnh cũ, cùng anh em vui thú những ngày, chợt ngảnh đi chốc đã năm chày, chừng

non nước với ai đây còn tưởng mến. Thư hồng nhắn hỏi người biên-viễn, non biếc còn in cảnh sắc xưa; kể từ khi cách mặt đến giờ, ngồi nghĩ chuyện vẩn-vơ mà tiếc nhớ. Nhớ những lúc hơi men chan chứa, xếp túi thơ mà giở ngón đàn; khi tổ-tôm, khi chắn đặt, khi tài-bàn, lúc cao-hứng dẫu có ngàn chi sá kể. Lại có lúc chầu xuyên ca-kỹ, ngón phong-lưu thanh lịch dễ nhường ai? chùa Tam-thanh, non Tô-thị, cửa quan-ải, dặng non Cai; cũng xe ngựa chơi bời cho phỉ chí. Thú đường ngược bấy lâu là thế thế, nay Long-thành, tri-kỷ những ai ai? Bâng-khuâng nhớ cảnh, nhớ người.

DƯƠNG THIỆU-CƯƠNG

. . .

Nhớ buổi chơi núi Từ-trầm

(Vào một ngày tháng sáu năm 1924)

Núi Từ-trầm (1) cây xanh cỏ biếc,
Thú hữu-tình ai biết chăng ai?
Xinh thay cảnh-trí thợ trời,
Làm cho trần-thế lắm người say mê.
Ngồi nhớ buổi ta về chơi đó,
Bề cùng ai dãi tỏ tấm-tình;
Cảnh xưa tuy vẫn là xinh.
Mà sao hôm ấy lại thanh gấp mười!
Vì có ai là người thục-nữ,
Sánh vai cùng du-tử đến chơi;
Bình như hoa cỏ tươi cười,
Bức tranh thiên-tạo điểm người tương-
Vào trong chùa kính dâng lễ-vật, [thân.
Rồi nàng qui niệm Phật na-mô;
Bấy giờ như đứa trẻ thơ,
Lại gần ta cũng na-mô với nàng.
Kìa trên đài khói hương nghi-ngút,
Tấm lòng này trời bụt thấu chăng?
Nguyện rằng thanh-khí lẽ hằng,
Trăm năm như tuyết, kim-bằng thám-
Trong lòng ta xiết bao ngơ-ngẩn, [giao.
Mà nàng thời thơ thẩn thẩn-thơ;
Cùng nhau nối gót bước ra
Cùng trông non nước cỏ hoa bao tình!
Nàng hỏi ta: « Cảnh xinh chăng tá? »
Ta bảo rằng: « Bút tả khôn nên »;
Cùng nhau vào động dạo xem,
Tưởng chừng thân đã lên tiên bao giờ.
Nàng lúc ấy như mơ như tỉnh,
Mà ta thời dạ tỉnh hồn mơ;
Trong hang ánh sáng tờ-mờ,
Xa nhau mấy bước ta chờ đợi nhau.
Rồi nối gót vào sau hang thẳm,
Ta cùng nàng xem ngắm giờ lâu;
Ồ-rồng, lạch nước những đâu,
Ngẩn-ngơ nàng nói mấy câu bất-tình.
« Ước sao cho chúng mình muôn kiếp,
Thoát được vòng chướng-nghiệp ở
Vui cùng non nước cỏ cây. [đây;
Cho thân cởi thoát được dây luân-hồi! »
Ta bảo rằng: « Than ôi! ảo-mộng! »
Nàng cười rằng: « Thực cũng khó
Nói xong vừa trở gót giầy, [thay! »
Tâm-hồn dường gửi lại đây ít nhiều.
Lối trong hang thấp cao khó tới,
Ta vô-tình lỡ trượt bước chân;
Bùn pha lẫn sắc áo quần,
Hay là động đã riêng phần thù ta.
Vì chẳng ở để mà tri-kỷ,
Vì nỡ lòng vó ký vội xa;
Cùng nhau thơ-thẩn bước ra.
Gió bay hiu-hắt, cỏ hoa một mầu.
Nàng mới hỏi: « Đi đâu giờ nhỉ? »
Ta đáp rằng: « Đã chi trèo non;
Thì lên tuyệt đỉnh chon-von,
Mà trông trời đất tưởng còn chi hơn. »
Nào có quản đến cơn nhọc-nhã,
Bên vin cành rẽ lá mà leo;
Nàng dừng ta cũng dừng theo,
Mấp-mô tảng đá xanh rêu một từng.
Xem những lúc ra chừng khó-nhọc,
Chạnh thương nàng sức vóc đào tơ;
Hoặc nàng hơi lỡ bước sa,
Đôi phen dường để cho ta giật mình
Đàn chim hót trên cành ríu-rít,
Dế sườn non tha-thiết bên tai;
Vui buồn đủ cả hòa hai,

(1) Núi này thuộc huyện Chương-mĩ tỉnh Hà-đông, trong núi có chùa gọi là chùa Trầm, và có động gọi là động Long-châu.

Lòng ta có khác cảnh ngoài chút nao.
Cùng xum họp đến bao giờ nhỉ?
Hay sau này thiên-lý đôi nơi?
Ngậm-ngùi hạt lệ muốn rơi,
Gượng cầm kẻo để phiền người tri-âm.
Nay đôi chữ đồng-tâm đã kết,
Tấm lòng vàng ta biết với ta;
Thấu chăng họa có trăng già,
Mây ngàn hạc nội nghĩ mà buồn thay!
Hồn vơ-vẩn dường bay theo gió,
Trong bấy giờ nàng có biết không?
Treo-leo quanh-quất mấy tầng,
Lên cao lúc ấy định chừng nghỉ-ngơi.
Trên tảng đá ta ngồi trò-chuyện
Đọc Quan-thư chẳng thẹn-thùng thay;
Đoái nhìn nam, bắc, đông, tây,
Đã mê vì cảnh lại say vì tình.
Nàng bảo ta: « Cảnh xinh lắm nhỉ? »
Ta bảo rằng: « Cảnh-trí thiên-nhiên;
Vì dù chẳng được như nguyền,
Xin cùng hóa đá ở trên non này! »
Nàng tần-ngần vin cây vặt lá,
Ta thần thơ bẻ đóa hoa chơi;
Xem hoa lại nghĩ đến người,
Hồng-nhan bạc-mệnh một đời thương
Kìa hoa nở mấy ngày đã rụng? [thay!
Tuổi xuân người thôi cũng thế thôi!
Đời hoa ngắn lắm hoa ơi!
Một mai tàn-héo ai người tiếc thương!
Nàng với ta cùng đang vơ vẩn,
Vầng Kim-ô đã lần đỉnh đầu;
Thần-thơ bước xuống cùng nhau,
Gửi cây ghi đá mấy câu ân-tình.
Ta trở gót như hình ngần-ngại,
Vì nỗi lòng chưa dãi cùng ai;
Nói ra lời chẳng hết lời,
Muôn tình muôn nghĩa với người tương-
Lối quanh-quất non kỳ lặng-lẽ, [tri.
Nhìn lại nàng trăm vẻ nên thơ;
Khác nào một đóa đào tơ,
Gió đông thoang-thoảng phất-phơ trên [cành.
Nàng bảo ta: « Lợi-danh đường ấy,
Cũng gập-ghềnh cũng thấy chông gai;
Lắm khi chán ngán sự đời,
Muốn đem thân mọn làm người thiền-gia.
Mặc thế-sự bôn-ba danh-lợi,
Cửa từ-bi ta lại với ta;
Bạn cùng non nước cỏ hoa,
Vui trong mầu đạo cũng qua một đời. »
Ta bảo rằng: « Luân-hồi là nghiệp,
Đã làm người muôn kiếp hóa sinh;
Đua nhau tranh lợi tham danh,
Chẳng qua một mảy phù-sinh thôi mà.
Nghĩ đến đời lòng ta đau-đớn,
Một bức tranh hơn được kém thua;
Tìm vui trong chốn cỏ hoa,
Ấy là tinh-tinh của ta hơn người. »
Trong thoáng-chốc đến nơi chân núi,
Gặp một vùng cây cối xanh tươi;
Khen ai từ-thiện thương đời,
Đá kê làm ghế cho người nghỉ chân.
Trông chốn ấy có phần thanh-thú,
Mới cùng nhau vào đó nghỉ-ngơi;
Đương khi nóng bức chiều trời,
Dưới hoa mát mẻ tưởng người Bồng-lai.
Cảnh như vẽ hà hoài chẳng hưởng,
Bảo người nhà đem thưởng-tâm ra;
Nào cơm, nào rượu, nào trà,
Cùng nhau chuốc chén bao là tình thân.
Kìa rượu thánh thơ thần ai đó,
Vui dường này, hay có hơn đây?
Ái-ân cốc cạn lại đầy,
Một đời hồ-dễ thế này mấy khi?
Nhìn xem đám hoa kia cỏ nọ,
Tưởng chừng như cũng có thâm tình;
Càng nhìn cảnh-vật càng xinh,
Nàng bèn cất giọng thanh-thanh dịu- [dàng.
Như oanh hót trên ngàn mai-mỉa,
Như hành-vân lưu-thủy khoan mau;
Nghe thôi ta lại sinh sầu,
Tri-âm này biết mai sau thế nào?
Truyện dan-díu bóng chiều đã xế,
Trách vầng ô cũng tệ lắm thay!
Vội-vàng giã cỏ giã cây,
Giã non, giã nước, giã ngày bi-hoan.
Vào sân chùa hái lan mấy đóa,
Nàng hỏi ta: « Hoa có thơm chăng? »
Tay đưa mấy cánh mà rằng:
« Hoa này tươi tốt xin đừng phụ hoa. »
Đỉnh non tây là-tà bóng ngả,

Vội gửi lời thư-thả chào tăng ;
Bước ra luống những dùng-dằng.
Ngày vui thật rõ không bằng gang tay !
Đoái nhìn lại cỏ cây rầu-rĩ,
Non tiên người tri-kỷ buồn tênh !
Tà-dương ngả bóng chung-tình,
Con đường quanh quất ta mình sánh vai.
Lời dặn lời đứt thôi lại nối,
Không nỡ lòng mà vội xa nhau ;
Gió chiều như gợi cơn sầu,
Cỏ cây hiu-hắt như mầu khơi trêu.
Nàng với ta tình nhiều nói ít,
Khôn cùng nhau dãi hết nỗi lòng ;
Đành rằng quyết-biệt cho xong,
Ngồi trên cật ngựa mình không vững-[vàng.
Hỡi những khách đi đường qua đó,
Xin gửi lời nhắn cỏ nhắn cây ;
Nhắn chim nhắn đá nhắn mây,
Hồng-nhan khách ấy ngày nay lỡ vời.
Bấy lâu đã bèo trôi mây giạt,
Thân nổi chìm hải-giác thiên-nhai ;
Cũng vì lỡ một lầm hai,
Tưởng rằng cân-quắc sánh vai anh-hùng.....
Thôi, thôi thế là xong cuộc thế,
Đời bơ-vơ xiết kể đìu-hiu ;
Nào khi gió núi trăng chiều,
Nào khi biển biếc nhìn theo cánh buồm.
Đâu là chốn cố-hương thủa nhỏ ?
Đâu là người kỳ-ngộ ngày xưa ?
Đời nàng vinh-nhục giấc mơ,
Cỏ, cây, mây, núi có ngờ thế chăng ? »

Ng. K. C. (*Hà-đông*)

PHONG-DAO CỔ

Phong dao tỉnh Tuyên-quang

Muốn ăn cơm trắng nước trong,
Em lên phố Cát Đại-đồng cùng anh.
Ai lên phố Cát Đại-đồng,
Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa ?
Có chồng năm ngoái năm xưa,
Năm nay chồng bỏ như chưa có chồng.

Phố Đại-đồng thuộc phủ An-bình có người con gái gọi là cô Tú, là người gái đẹp, mà bị chồng bỏ, nên người xứ ấy làm ra câu này để cợt-giễu.

Tháng chín thì quýt đỏ tròn,
Tháng hai ngái mọc cái con tìm về.

Ngái là thứ lá độc ; hoặc nói là thứ đất dun đùn ở trong rừng, khi mưa lũ chảy ra nước thành độc, khi ấy người ở mạn ngược sợ nước độc phải về.

Phong dao tỉnh Lạng-sơn

Thứ nhất thì bầu Chi-lăng,
Thứ hai cây khế Đồng-đăng Kỳ-lừa.
Đồng-đăng có phố Kỳ-lừa,
Có nàng Tô-thị có chùa Tam-thanh.
Em lên xứ Lạng cùng anh,
Tiếc công bác mẹ sinh-thành ra em.
Tay cầm bầu rượu nắm nem,
Mảng vui quên hết lời em dặn-dò.
Gánh vàng đi đò sông Ngô,
Đêm nằm mơ-tưởng đi mò sông Thương.
Vào chùa thắp một tuần hương,
Khấn cùng trời bụt bốn phương chùa [này.
Tôi đi tìm bạn tôi đây,
Bạn rầy thấy khó bạn nay không chào.
Chắp tay bái lạy con sào,
Nông sâu đã biết thấp cao đã từng.
Chân đi ba bước lại dừng,
Thương em còn bé chưa từng đi buôn.
Đi buôn có dạng đi buôn,
Đi buôn cau héo có buồn cùng chăng.
Cá buồn cá lượn thung-thăng,
Người buồn người biết dãi-đằng cùng ai ?
Phương đông chưa mọc sao Mai,
Đồng-hồ chưa cạn biết ai bạn cùng.

Lên chơi phong-cảnh tỉnh Lạng-sơn, sực nhớ cha mẹ. Kịp khi gặp bạn, bạn lại không chào, nên trách bạn vô-tình mà thương cho người cùng đi với mình ; sầu dài đêm vắng, nỗi mình biết ngỏ cùng ai,

Phong dao tỉnh Sơn tây

Chim khôn đậu nóc tam quan,
Trai khôn tìm vợ gái ngoan tìm chồng.
Xưa nay những bạn má hồng,
Thà hầu quân-tử hơn chồng tiểu-nhân.

Con chim khôn còn biết tìm nóc tam-quan mà đậu, huống-chi người trai lành chả nên kén vợ, người gái tốt chả nên kén chồng ru? Mà sự kén chọn ấy, thà làm nàng-hầu làm vợ lẽ người quân-tử còn hơn là làm vợ cả đứa tiểu-nhân.

Nhất cao là núi Tản-viên,
Thanh-nhàn vô-sự là tiên trên đời.
Tiếng ai như tiếng xứ Đoài,
Ăn cơm thì ít, ăn khoai thì nhiều.
Mừng nay có chúa Thuấn Nghiêu,
Gió nhân mưa huệ chảy đều muôn dân.
Sông Lư một giải trong ngần,
Thảnh-thơi ta rũ bụi trần cũng nên.
Sông Thao nước đục người đen,
Ai lên phố Yên cũng quên đường về.

Núi Tản-viên ở vào hạt huyện Bất-bạt, huyện Tùng-thiện, dân xứ ấy gặp lúc thái-bình, dân vui có vua hiền chúa đức, nên lấy núi Tản-viên cao để ví với người an-nhàn vô-sự, phố Vũ-yên ở huyện Thanh-ba, là nơi thuyền bè xum-họp, buôn-bán vui-vẻ, nên ai đi đến đấy cũng mải vui mà không muốn về.

Đói thì ăn đậu ăn khoai,
Chớ thấy lúa giỗ tháng hai mà mừng.

Lúa giỗ tháng hai thì mất mùa, nên dẫu ăn đậu ăn khoai, mà không mong lúa giỗ sớm.

Bao giờ đến tháng giêng, hai,
Trồng bông, trồng đậu, trồng khoai, kịp thời.

Nói chăm-chỉ về việc làm ruộng.

Trời mưa thì mặc trời mưa,
Chồng tôi đi bừa đã có áo tơi.

Câu này là lời mong mưa.

Nhất trong, nhất ngọt là nước giếng Hồi,
Nhất béo nhất bùi là cá rô câu.

Ở làng Tây-đằng, huyện Tiên-phong có cái giếng gọi là giếng Hồi, nước trong và ngọt, người làng ấy câu được cá vừa béo vừa bùi, nên làm ra câu này, để tỏ ra rằng nước giếng ngon và cá béo.

Chẳng nên cơm cháo gì đâu,
Ta về đất bãi hái dâu chăn tằm.
Mẹ em buôn chỉ bán tơ,
Buôn ngọn sông Bờ, bán cuối sông Thao.
Nước sông Thao biết bao giờ cạn,
Núi Ba-vì biết vạn nào cây.
Nào nhà anh Tú đâu đây?

Câu này là người con gái kể nghề-nghiệp nhà mình với người con trai, lấy núi Tản-viên không biết bao nhiêu cây, để ví với người tình-nhân của mình, không biết nhà ở đâu, bảng-khuâng thấy cảnh nhớ người, hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

Anh về xẻ ván cho dầy,
Đóng thuyền đợi bến rước thầy mẹ sang.
Thuyền lớn quan bắt chở lương,
Còn chiếc thuyền bé cùng nàng qua sông.
Đợi nàng anh đứng anh trông.

Hai câu trên lấy cha mẹ làm trọng, hai câu dưới lấy việc quan làm trước, dẫu là lời trai gái nói chuyện với nhau, nhưng biết hiếu với cha mẹ, biết trọng về việc quan, có tình mà vẫn có lễ-nghĩa.

Dủ nhau lên núi Ba-vì,
Lấy bốn hòn đá về kê chân giường.
Kẻo chân giường lệch, kẻo lệch chân giường,
Kẻo còn đi nhớ về thương.

Câu này là lời người con trai, bảo người con gái.

Sáng ngày cắp nón ra đi,
Gặp một thằng đỏ hỏi dì đi đâu?
Dì rằng mang bị hái dâu,
Gặp thầy thằng đỏ ngồi câu bên đường.
Thấy dì lòng nó cũng thương.

Người đàn-bà đi hái dâu, đi đường gặp chồng, trong lòng vui vẻ làm ra câu này.

Ăn trầu chọn lấy cau khô,
Trèo lên Ba-đội cô cô bán hàng
Cô bán hàng lòng cô buồn-bã,
Bóng xế chiều bóng ngả về tây,
Đợi cô ba bẩy hai mươi mốt năm nay.

Câu này là lời người trai gái cùng say-mến nhau ; ở hạt phủ ấy có ba đống gò, tục gọi là ba quả chuông.

Mông một sư lên chơi chùa,
Có cô khăn trắng bỏ bùa cho sư.
Sư về sư ốm tương-tư,
Ốm lăn ốm lóc cho sư trọc đầu.

Con gái hạt ấy lấy vải trắng vấn khăn để đi hội hát, mà trong miền ấy hay có sư dâm, đi ve-vãn vợ con người ta ; nên người ta làm ra câu này để chê giễu.

Gặp nhau từ bến Phú-nhi,
Chẳng đi thì nhớ đi thì luống công.
Gặp nhau từ phố Đại-đồng,
Quên nhau hay đã có chồng mà quên.

Bến đò Phú-nhi là nơi thuyền bè sum-họp, người con trai con gái gặp nhau mà hát câu này, câu dưới là người con trai trách người con gái.

Cờ-bạc nó đã quấy anh,
Áo quần mất hết một manh chẳng còn.
Gió đông-nam chui vào đống rạ.
Hở mông ra cho quạ nó lôi.
Anh còn cờ-bạc nữa thôi ?

Câu này là lời người vợ răn chồng cờ-bạc, mà mong rằng chồng biết hối lại mà chừa đi.

Hoàng-cương ăn ít chẳng no,
Đông-viên có lúa bán cho kẻ Hoàng.

Làng Hoàng-cương làng Đông-viên cùng thuộc về huyện Tiên-phong, làng Hoàng-cương thì nghèo, mà làng Đông-viên thì giàu, nên làng Hoàng-cương vẫn thường phải sang làng Đông-viên để đong thóc về xay-giã mà kiếm cái lợi nắm tấm nắm cám.

Canh một thiếp còn dọn nhà,
Canh hai dệt cửi, canh ba đi nằm,
Canh tư sang đầu canh năm.
Trình anh dậy học còn nằm làm chi,
Một mai chúa mở khoa thi,
Bảng vàng choi-chói kìa đề tên anh.
Bố công cha mẹ sắm-sanh,
Tiền lưng gạo túi cho anh vào trường.
Nghi-vệ đông hai bên đường,
Ngựa anh đi trước võng nàng đi sau.
Kẻ chiêng người trống đua nhau,
Tiếng khoan rộn-rịp tiếng mau rập-rình.
Rước vinh-qui về nhà bái tổ,
Ngả trâu bò làm lễ tế-thần.
Để cho bảy huyện nhân-dân.
Say no được đội hoàng-ân từ rầy.

Đây là lời người vợ canh khuya coi-sóc việc nhà đến sang canh ba mới đi nằm, mà đến đầu canh năm đã khuyên chồng trở dậy học, và mong chồng được bảng vàng bia đá, phu qui phụ vinh cho bố công cha mẹ, nuôi con đi học, người đàn bà ấy cũng đáng khen thay.

Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.
Kìa ai đọc sách thánh-hiền,
Lắng tai nghe lấy cho chuyên ân-cần.

Lấy lẽ qua sông phải bắc cầu, để ví với sự vì con nên phải rước thầy dạy học, dân xứ ấy lấy việc học làm trọng, những nhà hào-phú tranh nhau rước thầy để dạy con học, nên làm câu này để khuyên nhau.

Một năm được mấy tháng xuân,
Gái kia hỏ dễ mấy lần đưa dâu.
Chẳng tham ruộng cả ao sâu,
Tham vì anh Tú tốt râu mà lành.

Dân xứ ấy trọng về lễ-nghĩa và văn-học, con gái lấy sự gả chồng hai lần làm xấu, nên lấy một năm không hai mùa xuân, để ví mình không lấy hai lần chồng, mà lấy chồng thì chẳng tham ruộng cả ao liền, chỉ ham người học trò hiền-lành thôi.

Bao giờ mang-hiện tới ngày,
Cầy bừa cho chín mạ này đem gieo.

Mong đến tiết mang-chủng sao tùa-đua mọc để đemgieo mạ cho sớm kịp thời.

Thuyền đã đến bến anh ơi !
Sao anh chẳng bắc cầu nơi lên cùng.

Thuyền đến bến thì phải bắc cầu để lên trên bờ, vì với người đi học đương lúc tấn tới thì phải gia công học tập, để được đến nơi đến chốn.

Chẳng vui cũng thể hội Thầy,
Chẳng trong cũng thể hồ Tây xứ Đoài.
Rửa chân đi hán đi bài,
Rửa chân đi đất chớ hoài rửa chân.

Lấy hội chùa Thầy vui, để vì với nước hồ Tây trong, mà tiếc cho nước hồ Tây trong nỡ để cho những kẻ ngu hèn rửa chân đi đất.

Chẳng tham ruộng cả ao liền,
Tham về cái bút cái nghiên anh đồ.
Túi vóc cho lẫn quần hồng,
Têm trầu cánh quế cho chồng đi thi

Ruộng cả ao liền cũng chẳng đủ bợn lòng, mà chỉ say vì cái nghiên cái bút, sắm sửa đồ vật để chồng đi thi, sự tập-thượng xứ ấy cũng đáng khen thay.

Bơi Đầm, rước Giả, hội Thầy.
Vui thì vui vậy, chẳng tầy giã La.

Làng La-khê thuộc huyện Từ-liêm, lệ thờ thần làng ấy, cứ năm nào cũng hát một bài, hát suốt cả ngày, gọi là bài hát Lạc-thanh (樂成), hát xong bài ấy thì tắt đèn đi, con trai con gái ôm nhau cợt-bỡn làm vui.

Thầy thiếp là thầy thiếp ơi !
Nay chuông mai trống cho tôi cực lòng.
Chín con tôi bỏ cho chồng,
Tôi theo thầy thiếp cực lòng tôi thay !

Những người phù-thủy hay lấy phù-chú dỗ vợ con người ta, thậm-chí cả người đàn-bà đã có chồng có con rồi, mà cũng bỏ con đi theo hắn, về sau người đàn-bà ấy hối lại biết mình là dại, nên làm ra câu này.

Lên chùa lạy phật Thích-ca,
Lạy ông Tam-thế vua cha Ngọc-hoàng.
Trở ra kết nghĩa cùng nàng,
Túi anh có nhẫn cho nàng đeo tay.

Dù ai bấm chí cồ tay,
Thì em giữ lấy nhẫn này cho anh.

Dân xứ ấy chuộng thờ đạo phật, đến tháng giêng, hai, thì con trai con gái, quần lành áo tốt, vào chùa lễ Phật, rồi trở ra hát-xướng cợt bỡn làm vui, câu này là người con trai nói cợt-bỡn người con gái.

Cá bống còn ở trong hang,
Cái rau tập-tàng còn ở ruộng dâu.
Ta về ta sắm cần câu,
Câu lấy cá bống nấu rau tập-tàng.

Các thứ rau lẫn-lộn với nhau, gọi là rau tập-tàng, lấy con cá bống vì với người con gái, mà lấy rau tập-tường vì vào mình, câu này là người con trai trông thấy người con gái đang hái dâu, hát câu này để cợt bỡn.

Công anh chẻ nửa dan bồ,
Con chị đi mất anh vồ con em.
Công anh lọc lá gói nem,
Con chị đi mất, con em lộn chồng.

Câu này là chê-cười những người con gái dâm-bôn, bỏ chồng theo trai ; ở vùng làng Tu-hoàng làng Đại-phùng, hay hát câu này.

Tháng sáu gọi cấy lao-xao,
Tháng mười lúa chín mỗ rao cấm đồng.

Những kẻ dân nghèo, thân đi làm mướn, trong vụ tháng sáu mà cấy, thì những nhà có ruộng tranh nhau gọi mướn, kịp đến tháng mười lúa chín, thì lại mỗ rao cấm không được ra đến đồng mót lúa, không nhớ đến người cấy vừa rồi ; nên người dân nghèo làm câu này để chê.

Kẻ Thau có quán đình-thanh,
Kẻ Hạc lại có ba đình ba voi.
Mười tam kéo thuyền xuống bơi,
Mười chín dâm bánh hai mươi rước thần.

Nói việc thờ thần thánh-kinh.

Chợ ta ngày chín, ngày tư,
Có một tháng tám lại dư phiên rằm.
Ai ơi nhớ lấy kẻo lầm,
Đi mua hoa quả chơi rằm trung-thu.

Chợ là chợ làng Tuân-lộ huyện Bạch-hạc ; câu này là lời ghi phiên chợ

Xuống thuyền dịp bảy dịp ba,
Trách cô hàng trứng ở ra hai lòng;
Một sông nước chảy đôi dòng,
Một đèn đôi ngọn em trông ngọn nào?

Ở huyện Yên-lạc, nhiều người nuôi vịt, con gái bán trứng đi đò qua sông, những con trai cùng đò trông thấy, có lòng say mến, nên lấy cái trứng hai lòng mà trách người con gái hai lòng ; lại lấy con sông hai dòng, ngọn đèn hai ngọn, để ví với người con gái không nhất-tâm.

Em rằng em muốn đi buôn,
Anh về kiếm chốn nha-môn ngồi tuần.
Dù em buôn bán xa gần,
Làm sao cho khỏi cửa tuần anh đây.

Sơn-bình chợ Duối chẳng xa,
Cách một cái quán với ba quãng đồng.
Chẳng tin đứng lại mà trông,
Bên tây có miếu bên đông có chùa.
Ở trong lại có đình thờ,
Anh còn kén chọn bán mua chốn nào?

Câu này là lời con trai con gái say mến nhau, trước kể nhà ở không xa, sau kể phong cảnh xứ ấy.

Rủ nhau đánh cá đồng Lâm.
Cá kia chẳng được âm-thầm cùng anh;
Cây vàng lá rụng chung quanh,
Rủ nhau đánh cá đồng nay,
Cá kia chẳng được một ngày đến trưa;
Sầu em nước mắt như mưa!

Đồng Lâm là đồng làng Đức-lạp, câu này là lời người con gái bảo người con trai.

Anh chê thuyền thúng chẳng đi,
Anh đi thuyền ván có khi gập-ghềnh;
Ba chìm bảy nổi lênh-đênh.
Em chê thuyền ván chẳng đi,
Em đi thuyền thúng có khi chông-chành.
Có khi đổ ngả đổ nghiêng.

Ba câu trên là người con gái lái-đò, ngồi trong thuyền nan trông thấy con trai thuyền buôn bèn làm ra câu này để ghẹo, ba câu dưới là lời người con trai trả lời.

Chê đây lấy đó sao đành,
Em chê cam ngọt lấy cành quít chua.
Quít chua bán một đồng mười,
Cam ba đồng một, quít ngồi trơ trơ.
Nào khi gánh nặng anh chờ,
Qua cầu anh đỡ bây giờ quên anh?

Ở hạt huyện Yên-lạc, người ta trồng nhiều cam, quít, câu này là lời người con trai trách người con gái phụ-tình, không nhớ đến cái ân-tình hai bên yêu mến thân-mật thủa xưa, mà nỡ cam lòng đi lấy người khác, vả lại lấy người ngu-hèn, không được bằng mình.

Cái cò, cái vạc, cái nông,
Cùng ăn một đồng nói chuyện giăng-ca.
Mắm muối đồ ruột con gà,
Mẹ mình không xót bằng ta xót mình.

Câu này là lời người con trai say-mến người con gái nên mượn vật để nói rõ lòng mình

Tay tiên nưng chén rượu đào,
Chẳng uống thì tiếc uống vào thì say.
Chẳng chê chẳng chén sao say,
Chẳng thương chẳng nhớ sao hay đi tìm.
Tìm em như thể tìm chim,
Chim ăn bãi bắc, đi tìm bãi đông.

Làm trai lấy vợ Sơn-đông,
Thịt xôi cơ ít tiền trông như non.

Tục lấy vợ gả chồng ở làng Sơn-đông ăn uống thì ít, mà lấy tiền nhiều, những nhà giàu có lấy đến năm sáu trăm quan tiền, mà nhà trung-thường cũng lấy đến ba bốn trăm quan, nên những người tri-thức làm câu hát này để chê.

Đồn rằng kẻ Sốm vui thay,
Đi ba bốn ngày cơm đã luống công.
Bên dưới có sông, bên trên có chợ,
Anh lấy em về làm vợ nên chăng?
Tre già đề gọc cho măng.

Người con trai gặp người con gái làng Sơn-đông ở chợ hát câu này để ve-vãn.

Ba đồng một lá trầu cay,
Sao anh chẳng bỏ những ngày còn không!

Bây giờ em đã có chồng.
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thủa nào ra.

Người con gái đã có chồng, ra đường gặp một người con trai nói đùa nói bỡn, nên người con gái tiết-liệt ấy lấy câu này mà cự lại.

Mồng chín tháng chín có mưa,
Thì con đi sớm về trưa mặc lòng.
Mồng chín tháng chín không mưa,
Thì con bán cả cầy bừa mà ăn.

Những nhà làm ruộng, thường nghiệm tiết trời, nếu ngày mồng chín tháng chín có mưa, thì lúa chiêm được, mà ngày hôm ấy không mưa, thì lúa chiêm hỏng.

Mồng tám tháng tư không mưa,
Phải bỏ cày bừa mà đi tra lúa;
Bao giờ cho đến tháng mười,
Thóc lúa bời-bời nhà đủ người no.

Ngày mồng tám tháng tư không mưa thì chưa có nước gieo mạ, những nhà làm ruộng, thường lo không có nước gieo mạ mùa, và mong rằng tháng mười lúa tốt cho được no đủ.

Chẳng chua cũng thể là chanh,
Chẳng ngọt cũng thể cam sành chín cây.
Muốn cho có đó cùng đây,
Sơn-lâm chưa để một cây nên rừng.

Mượn quả chanh quả cam mà nói, lại lấy một cây làm chả nên rừng, để ví với người ta phải nên cùng nhau một lòng một dạ.

Mụ già mang bị hồ-tiêu,
Mụ bao nhiêu tuổi nhiều điều đắng cay.
Đời người bằng một gang tay,
Ai hay ngủ ngày mới được nửa gang.

Người ta trông thấy mụ già mang bị hồ-tiêu, bèn hỏi rằng: Mụ đã tuổi già, sao còn đeo bồng những vị tân-khổ như vậy? Mụ đáp lại rằng làm người phải tiếc thi-giờ, không nên nề những việc tân-khổ.

Gần chùa phong-cảnh mọi đường,
Ở gần thợ nhuộm vẻ-vang mọi bề.
Tay cầm cái chỉ cái kim,
Tay cầm thước vải đi tìm thợ may

Lấy cảnh chùa ví với người thợ nhuộm, để chê những người đàn-bà không biết đường kim mũi chỉ.

Hai bên tranh lấy quả cầu,
Dân yên bình-thái, sống lâu vững bền.

Tục thờ thần ở làng Diêu-lương thuộc phủ Lâm-thao, cứ đến mồng bốn tháng giêng, rước thần ra nơi đàn ngoài đồng, để một quả cầu ở trước đàn, người già người trẻ đứng hai bên, rồi một ông già vào trong đàn la to lên rằng: Hai bên lại mà tranh lấy, bên nào được đem về bên ấy, tục gọi là « hội tranh quả cầu ».

Chẳng chèo thì thuyền chẳng đi,
Thuyền thì đã nát, ván thì long đanh.
Đôi ta gắng-gỏi trên ghềnh.
Em ra đứng mũi để anh chịu sào.
Sông Đà, sông Mã, sông Thao,
Ba ngọn sông ấy đổ vào sông Ngâm.

Trên nói nên hết lòng gìn-giữ con thuyền cho được vững-vàng, sau kể các con sông chảy.

Thuyền ngược anh bỏ lái xuôi,
Khúc sông bỏ vắng, có người sầu riêng.

Người con trai người con gái, vừa đứng đầu thuyền cợt-bỡn, kịp lúc thuyền đi, người con trai hát câu này, ý nói người con gái những tơ-tưởng một mình.

Rủ nhau lên núi hái trà,
Hai năm ba lá xuống khe ta ngồi;
Xuống khe tắm mát thảnh-thơi.

Người con trai người con gái cùng đi hái trà, hát câu này làm vui. Xem câu hát ấy đủ biết cái thú dật-lạc, cái cảnh thung-dung, mà không bợn chút gì bó-buộc.

Tiếc cho cây quế trong rừng,
Để cho thằng Man thằng Nùng nó leo.
Đất cưng trồng cây khẳng-kheo,
Những người thô-tục nói điều phàm-phu.

Lấy cái cây trồng nơi đất xấu, để ví với lời nói của những người thô-bỉ, mà kiết ý câu trên.

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống ruộng cả hái nụ tầm-xuân.
Nụ tầm xuân nở ra cánh biếc,
Em đã có chồng anh tiếc em thay.

Nói vụ tầm-xuân bản là sắc đỏ, mà nay biến ra sắc biếc, vì như lòng mình say-mến người con gái ấy, mà người ấy đã đổi lòng đi lấy người khác, câu này là lời người con trai nói với người con gái, mà tiếc rằng người ấy đã có chồng rồi.

Tỏ trăng mười bốn được tằm,
Tỏ trăng hôm rằm thì được lúa chiêm.

Xem mặt trăng tối hôm mười bốn tối hôm rằm tháng tám thì nghiệm biết tằm và lúa được hay hỏng.

Tháng giêng là tháng ăn chơi,
Tháng hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà.
Tháng ba thì đậu đã già,
Ta đi ta hái về nhà phơi khô.
Tháng tư đi tậu trâu bò,
Để cho ta lại làm mùa tháng năm.
Sớm ngày đong lúa ra ngâm,
Bao giờ mọc mầm ta sẽ vớt ra.
Gánh đi ta ném ruộng ta,
Đến khi nên mạ thì ta dồ về.
Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê,
Cấy xong rồi mới trở về nghỉ-ngơi.
Cỏ lúa làm đã sạch rồi,
Nước ruộng vơi mười còn độ một hai.
Cao thì đong một gầu giai,
Chỗ thấp thì lại đong hai gầu sòng.
Bao giờ lúa có đòng-đòng,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.
Bao giờ cho đến tháng mười,
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.
Gặt hái gánh đem về nhà,
Phơi khô quạt sạch ấy là xong công.

Câu này kể hết công-việc cày cấy trồng-trọt hàng ngày của những nhà nông-gia.

Văn, thơ, phú, lục chẳng hay,
Đi về làng nước học cày cho xong.

Nhất sĩ nhì nông, không học được trở về làm ruộng.

Sớm ngày vác cuốc thăm đồng,
Hết nước em lấy gầu sòng đong lên.
Hết mạ thì em quẩy thêm,
Hết lúa em lại lấy tiền đi đong.
Nửa mai lúa chín đầy đồng,
Đem về đập, đạp bỗ công-phu làm.

Một người đàn bà chăm-chỉ về việc làm ruộng.

Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục lại vần than rơm.
Tiếc thay cây gỗ lim chìm,
Đem làm cọc giậu cho bìm nó leo.

Câu này là người đàn ông, người đàn-bà cùng tiếc lẫn cho nhau, vì không gặp được người vừa đôi phải lứa.

Cát bay vàng lại ra vàng,
Những người quân-tử lòng càng đinh-ninh.
Đinh-ninh anh để dạ này,
Có công mài sắt, có ngày nên kim.
Muốn ăn mận nồi mơ chìm,
Anh cũng lặn suối đi tìm của chua.

Người con gái giãi tỏ tấm lòng mong nhớ của mình với người con trai, nên người con trai đáp lại khuyên rằng nên một lòng với nhau, và lại nói đùa rằng nếu em đã có thai mà thèm của chua, thì ta cũng hết lòng tìm cho

Mưa từ trong núi mưa ra,
Mưa khắp thiên-hạ, mưa qua chùa Thầy.
Đôi ta đã gặp nhau đây,
Như con bò gầy gặp bãi cỏ non.

Câu này là lời người con trai người con gái cùng thích nhau, đến lúc gặp nhau cùng tỏ cái lòng ao-ước.

Ngỡ rằng nước chảy đá mòn,
Chẳng là nước chảy đá còn trơ trơ.
Chờ cho nước cạn phơi bờ,
Xem con người ấy nương nhờ vào đâu?

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Nội-các nước Pháp

Về trung-tuần tháng này, trong khi nghị-viện bàn về việc hoàn trái-khoản Hoa-kỳ về kỳ-hạn ngày 15 Décembre, tòa Nội-các HERRIOT xướng vấn-đề tín-nhiệm được 187 vé tán-thành, phải 402 vé phản-đối, đã từ-chức.

Quan giám-quốc LEBRUN bắt đầu hỏi ý-kiến các ông lĩnh-tụ chính-đảng về việc lập tòa Nội-các mới.

Sau cùng quan Giám-quốc cử ông CHAUTEMPS lập tòa Nội-các. Ông CHAUTEMPS đã nhận lời điều-đình.

Tòa Nội-các nước Pháp đã thành-lập như sau này :

Các chức Tổng-trưởng:

Tổng-lý Nội-các kiêm bộ Ngoại-giao: M. Paul BONCOUR.
Tư-pháp : M. Abel GARDEY.
Tài-chính : M. CHERON.
Công-tác . M. Georges BONNET.
Nội-vụ : M. CHAUTEMPS
Chiến-tranh : M. DALADIER.
Hàng-không : M. PAINLEVÉ.
Hải-quân : M. LEYGUES.
Nông-phố : M. QUEUELLE.
Trợ-cấp : M. MIELLET.
Giáo-dục : M. de MONZIE.
Thuộc-địa : M. ALBERT SARRAUT.
Lao-động : M. DALIMIER.
Thương-thuyền : M. Léon MEYER.
Vệ-sinh : M. DANIELOU.
Thương-mại : M. Julien DURAND.
Bưu-điện : M Laurent EYNAC.

Các chức Thứ-trưởng:

Tại bộ Tổng-lý nội-các : M. FROT.
Ngoại-giao : M. Pierre COT.
Nông-phố : M. JAUBERT.
Chiến-tranh : M. GUY la CHAMBRE
Kinh-tế : M. PATENÔTRE.
Nội-vụ : M. ISRAEL.
Hàng-không : M. BERNIER.
Thuộc-địa : M. CANDACE.
Thể-thao : M. MARCOMBES.
Học chuyên-môn : M. DUCOS
Mỹ-nghệ : M. MISTLER.
Lao-động : M. TESSAN

Ý-kiến ông Lloyd George đối với hội Quốc liên và vấn-đề Trung-Nhật

Đến 5 Décembre này, thì Hội Quốc-liên sẽ đem vấn-đề Trung-Nhật ra xét xử. Xem cuộc tranh-biện của Cố Duy-Quân đại-biểu Tàu, và Tùng-Cương đại-biểu Nhật ở *Genève* vừa rồi, ta đã thấy chỗ bất-lực của cái hội có tiếng mà không có miếng ấy rồi. Nhân dịp này chúng tôi muốn đem cái ý-kiến của một nhà đại-chính-trị Anh ra đây, để cho mỗi người đều được trông thấy cái mặt thực của vấn-đề rắc rối nhất hiện-thời : chúng tôi muốn nói ông LLOYD GEORGE, cựu-thủ-tướng nước Anh.

LLOYD GEORGE từ khi về ẩn-sĩ qui-điền đến giờ không muốn cho ai nhắc đến tên tuổi mình làm gì, nhưng thỉnh-thoảng nếu gặp được một vấn-đề nào làm cho mình « ngứa cổ » thì cũng nhảy ra cầm bút tranh-luận như hồi mình còn trai-trẻ hăng-hái vậy.

Vừa rồi nhân vụ Nhật Hoa xung-đột, ông có viết một bài thời-bình ở tạp-chí « *Le Mois* » kể để gỡ cái mặt... của hội Quốc-liên xướng, chúng tôi trích-dịch một vài đoạn sau này:

« Đối với hội Quốc-liên vụ này là một sự thất-bại vậy. Cái mục-đích của hội Quốc-liên là ngăn-cản giặc-giã và cho các nước vào hội một cái đảm-bảo

để chống lại với sự giặc-giã nghĩa là làm cho các nước ra tay hộ-trợ nước nào bị đánh thình-lình. Thế mà Nhật-bản cử binh xâm lấn đất nước Tàu không thấy hội Quốc-liên ngăn trở chút nào, sự đó đủ chỉ cho thế-giới thấy rằng hiện ta đương ở vào một cái thời-đại, trước Âu-chiến, trước hội Quốc-liên lập thành, nước nào nước nấy đến khi ngộ-biến chỉ biết trông cậy lấy mình mà thôi, vì sờ-sờ trước mắt ta đó; nếu có một nước mạnh mà là hội-viên của hội Quốc-liên đem binh đánh kẻ ở gần với mình, thì các nước khác kiếm thế-thần để mở các lời giao-kết của mình khi xưa và viện đủ lý lẽ để ngồi yên một chỗ không muốn can-thiệp làm gì.

Nước bị đánh hoặc tự mình cứu chữa lấy mình hay là để cho chúng vầy đạp cấu xé làm năm làm bảy ra. Tự-nhiên họ phải trông cậy vào binh-khí của họ và trông cậy vào các nước có ký điều-ước về binh-bị với họ, cái vấn-đề tài-binh vì đó mà bị một «cú» nặng nề gần chết vậy.

Đối với Mĩ và Âu, cái kết-quả của vụ này có lẽ lại còn khốn-nạn hơn nữa. Chỉ vì tại sự bất-lực của ta không thể cứu giúp Tàu được, và không nâng đỡ họ trong việc phản-đối cử-chỉ của Nhật được, nên uy-quyền của ta còn có gì đâu! Về phương-diện thương-mại lại còn thấy nhiều sự lất-lôi gấp mấy.

Nước Tàu là cái thị-trường khổng-lồ có đến 400 triệu dân-số, chỗ tiêu-thụ hàng-hóa biết bao nhiêu mà kể, còn nước Nhật là một kẻ nghịch vô-kỹ-nghệ ở bờ biển Thái-bình-dương, nghịch với các xưởng chế-tạo của Hoa-kỳ và các nước Âu-châu. Gây cái cảm-tình với nước Tàu tiện-lợi biết chừng nào, nhưng bây giờ đây vì thái-độ thờ-ơ của ta, ta còn có quyền gì nữa!»

Đọc hết đoạn này chắc độc-giả sẽ nhận ra rằng ở *Genève* muốn giải-quyết một vấn-đề gì, dù nhỏ dù lớn chi cũng vậy, người ta phải đứng trong vòng quyền-lợi trước nhất, chớ chẳng phải trong vòng nhân-đạo như mình, thường lầm tưởng đâu. Một đoạn sau, LLOYD GEORGE vạch cái tim đen của Nhật-bản như thế này:

«Nhật lăm-le điều gì? Dân-số của họ đông-đúc; công nghệ của họ đương thịnh-phát, lẽ tự-nhiên họ phải dòm chung quanh để kiếm thị-trường mới, để tìm chỗ vận lương mới, để tìm những chỗ thực-dân, giao về cho dân số dư-thặng của họ.

Những điều ao-ước ấy, họ đạt thành được ở Mãn-châu. Nhưng ta nên chú-ý điều này; dẫu rằng người Nhật có thể đem bọn thực-dân của mình mà rải rác dần, và cuộc thương-mại của mình mà mở rộng ra đã lâu năm rồi, song chẳng có bao nhiêu người Nhật hưởng cái sự lợi ấy, trái lại họ để chỗ cho bọn Cao-Iy, và cho một số đông người Tàu càng ngày càng kéo nhau lên phương bắc làm ăn mãi. Cái địa-vị về thương-mại của người Nhật không lấn-lướt mấy, sau này nếu họ có lo đến, tất để làm «kỳ đà cản mũi» không cho các nước khác léo hánh đến đó chớ gì. Cái «cửa mở» của Mãn-châu đã có điều-ước 9 nước ký tên đảm-nhận rồi, nhưng sự đó có thể ngăn cản không cho Nhật đạt thành những điều nguyện-vọng của mình chăng?»

Không cho các nước khác léo hánh đến, tuy LLOYD GEORGE không nói rõ ra, nhưng ai cũng biết không cho nước Nga trước nhất. Nga tức là cây đinh đóng trong con mắt Nhật, mà Nhật là cái cây can đâm họng của Nga.

Các nước ở thế-giới bây giờ, muốn đứng vững với nhau, họ cần phải có kẻ kình chống với nhau, để cho các nước rảnh tay kia lo bôn-tẩu, hoạt-động tự-do mà thủ lợi.

Hội Quốc-liên sở-dĩ dần-dà không dám xử-quyết cũng vì lẽ ấy. Tờ phúc-bẩm *Lytton* tuy có giúp đỡ kiến-văn

cho họ nhiều, nhưng theo ý chúng tôi tưởng: phúc-bẩm mà chi; công-lý mà chi, quyền-lợi trước nhất mà! Tàu phen này quyết bảo chữa quyền-lợi mình, ta nên thề theo ông LLOYD GEORGE mà mong cho họ sẽ là nước vì có đức tin nên sẽ có một cái tương-lai đẹp đẽ sau này. Mong mỏi như thế có quá đáng chăng?

(*Báo Trung-Lập*)

Phương-châm ngoại-giao của Nhật-bản sẽ biến-cải chăng?

(*Nhật Nga biến-hóa*)

Người Nhật chiếm Mãn-châu, không những một mặt võ-lực hùng-cường, mà thủ-đoạn ngoại-giao cũng đáo-để lắm:

Gần đây nhân vấn-đề Mãn-châu, nếu Quốc-liên nhất trí ủng-hộ điều ước phi-chiến thì Nhật không khỏi cô-lập. Người Nhật nghĩ thế, nên một mặt thì cực-lực thân Nga, định cùng kết điều-ước bất-xâm-lược, chưa biết người Nga nghĩ thế nào; còn một mặt nữa thì bao nhiêu đại-sứ ở ngoại-quốc đều thay đổi cả.

Theo tin Đông-kinh, ngoại-tướng Nội-điền đương chăm lo về sự chọn quan ngoại-giao. Điều quan-hệ nhất là có điện mời đại-sứ trú Nga Quảng-điền Hoàng-nghị về nước, công chúng rất lấy làm chú-ý là vì lẽ này:

Từ cuộc Mãn-châu phát-sinh, Nhật vẫn giữ cái chủ-nghĩa «thỏa hợp với Nga mà đối-kháng với Mĩ». Trong lúc kịch-chiến ở Thượng-hải Ngô-tùng, sự giao-thiệp giữa Nhật Nga, không khi nào dứt đoạn. Cho đến vấn-đề rắc-rối lâu năm như chuyện «đánh cá ở miền Bắc-dương» người Nhật cũng nhượng-bộ, gần đây vấn-đề Thạch-du hợp-định cũng tấn-hành một cách thuận-lợi, hai bên không điều gì ngần ngại cả. Thế mà từ tờ bá-cáo của ban Ủy-viên điều-tra Quốc-liên tuyên-bố ra, người Nga đối với cái chánh-sách xâm Mãn của người Nhật, có chiều đề-xúc, gia-dĩ thái-độ người Mĩ tỏ ý cường-ngạnh, người Pháp cũng đổi thái-độ trước mà tuyên-bố ủng-hộ Quốc-liên, người Nhật tự biết trong trường ngoại-giao, mình đã làm cái đích cho muôn ngàn mũi tên. Từ đó người Nhật, một bên thì chia phái đại-biểu đi sơ-thông các nước có chân trong hội Quốc-liên, một bên thì triệu đại-sứ trú Nga về để nghiên-cứu cho rõ chân-tướng người Nga đối Nhật thế nào mà quyết-định một chính-sách mới để đối Nga vậy.

Cái án «Nga Nhật Mãn ba nước bất-xâm-phạm điều-ước» năm ngoái vào khoảng đại-biểu Phương-trạch về nước, có ghé Nga, đã đề-khởi, song bên Nga nhất-định chia việc «điều-ước bất-xâm-phạm» với «thừa-nhận nước Mãn-châu» làm hai việc mà không chịu nhập chung làm một trật, thành ra gác lại. Còn bên Nhật thì đối với «điều-ước Nhật-Nga bất-xâm-phạm» cũng có hai phái: Một phái thì phản-đối, cho điều-ước phi-chiến, Liệt-cường thế-giới đã công-nhận, nay không cần phải thêm một cuộc bộ nữa. Huống chủ-nghĩa xích-hóa của Nga rất trái với tình-thế đế-quốc «muôn đời một dòng», nay cùng một nước chủ-nghĩa bất-đồng mà đính-ước, dầu hiện-thời có cái cơ xoay chuyển mà về việc quốc-phòng sẽ có cái ảnh-hưởng không tốt; như vậy chỉ giúp cơ-hội cho Tô-Nga được cái nhịp tốt khuếch-trương quân-bị theo kế-hoạch năm năm mà thôi.

Một phái phản-đối thuyết trên nói rằng quốc-dân Nhật-bản có cái khuynh-hướng trọng-thị điều-ước quốc-tế so với Trung-hoa xem điều-ước là thần-thánh đã thành quá-độ rồi, nghĩa là đối với điều-ước quốc-tế chỉ xem như lời nói trống, tờ giấy loại so với Trung-hoa xem điều-ước như khuôn vàng

thước ngọc, rất là khác nhau. Sự đề-phòng xích-hóa, Nhật-bản đã chú-ý lâu rồi, không phải vì đính-ước này mà thỏa lòng, hiện nay các nước đính-ước với Tô-Nga như Ý đại-lợi, Thổ-nhĩ-kỳ, Ba lan, Phần-lan, không thấy nước nào bị chủ-nghĩa xích-hóa xâm lấn. Xem thế thì rõ xích-hóa sở-dĩ truyền-bá vào được trong nước nào nội-lực khiếm-khuyết kia, chớ trong nước nào mà tổ-chức hoàn-thiện, chế-độ chính-trị được kiện-toàn thì không tài nào tuyên-truyền tư-tưởng ấy vào được. Còn nói kế-hoạch năm năm, người Nga khuếch-trương quân-bị thì không đính-ước với Nhật, họ cũng cứ một mực khuếch-trương kia. Thế thì Nhật Nga Mãn bất-xâm-phạm điều ước, kiểm-xét cho kỹ-càng, tưởng không phải là vấn-đề không thực-hiện được.

Hiện người Nhật đương tranh về hai thuyết ấy, nên mời trú Nga đại-sứ về đặng bàn-bạc cho châu đáo, xét chân-tướng người Nga đối Nhật thế nào mà quyết-định sự đề-kết ấy. Đồng-thời lại xui Tạ Giới-Thạch (ngoại-giao nước Mãn) cùng Tổng lãnh-sự Nga ở Phụng-thiên, Mạnh Tự-Cơ và Quang-Điền (đại-sứ Nhật ở Nga) đồng hội tại Đông-kinh đặng cùng nhau thương-xác...

Cái mối quan-hệ Nhật Nga rõ-rệt như thế, vấn-đề Mãn-châu trong cái màn ngoại-giao Nga Nhật, thế nào cũng có cái vẻ đổi mới. Nếu điều-ước này thành, người Nhật khỏi cái mối lo đường sau lưng tất-nhiên đối với Quốc-liên và Mĩ, sẽ có cái khuynh-hướng khác, e rằng trong kỳ hội Quốc-liên ở Nội-ngoa tới đây, mà gươm mới dao lưỡi chống nhau, tức là cái điềm đạn rơi súng nổ ở trên biển Thái-bình-dương chớ chẳng chơi.

Chúng ta chờ xem.

KHÁCH-QUAN

Trận hải-chiến tương-lai ở Thái-bình-dương

(Thực-lực hải-quân Anh, Mĩ, Nhật)

Từ vấn-đề Mãn-châu Thượng hải phát-sinh, người Nhật có lòng kinh-kỵ với nước Mĩ : một mặt thì lo làm cho hoãn-hòa không-khí quốc-tế ; một mặt thì thực-hành chính-sách xâm-lược đại-lục. Về sự phòng-bị chiến-tranh với Nga và Mĩ, tích-cực tấn-hành, như diễn-tập không-quân, thao-diễn hải-quân, cùng chọn phái đại-biểu sơ-thông các nước, bố-trí đâu đó sẵn-sàng, xem như chuyện mai chiều đã đến vậy.

Một phái thiếu-tráng quân-nhân, không kể dư-luận quốc-tế là gì, một mực cổ-động mặt võ-lực giải-quyết. Trong vài tháng nay về câu chuyện : « Nhật-Nga chiến-tranh » « Nhật Mĩ chiến-tranh » và « Thái-bình-dương chiến-tranh » làm ra sách vở, công-nhiên xuất-bản đến trên 30, 40 thứ. Dã-tâm hiếu-chiến của người Nhật không thèm giấu-giếm che đậy gì hết. Nước Mĩ vì nhiều cớ quan-hệ, tuy bị người Nhật hăm dọa, vẫn có ý-tức, song còn đương ngầm-ngầm nín thinh, chưa lộ ý gì. Tuy vậy, cái tình-thế hai bên đối-kháng, chất chứa một ngày một nhiều, ngòi lửa đã sẵn, châm vào thì có thể bùng ra ngay. Vậy lược trích đại-lược trong vài tờ báo Nhật-bản bàn về vấn-đề « Thái-bình-dương hải-chiến » như dưới cho độc-giả cùng xem :

« Thái bình-dương xưa nay chưa có cuộc chiến-tranh, nhưng sau này có giữ được yên lặng cùng không, đó là một điều khó định trước ; vì xem tình-hình quốc-tế ngày nay, e không khỏi gây ra cuộc chiến tranh.

Nhật-bản chịu cái tiếng xấu « nước đi xâm-lược » của người Mĩ gia cho, trong quốc-giao hai nước gần như rút gươm dương súng, động thì choảng nhau ngay. Nếu như một mai khai-

chiến thì ta phải liều quốc-vận mà đánh bạc với họ; gia-dĩ quốc-dân Nhật đã giác-ngộ, nhất-định vật với trời một keo để nghiệm xem quốc-vận tiêu-trưởng thế nào. Có một điều tin chắc là thế nào cũng không thua, vì sức phòng-ngự ta vẫn có thừa kia.

Chúng ta (Nhật tự nói) không phải là quốc-dân ham sự chiến-tranh, song gặp đến cái tình-cảnh « muốn tránh không được» (tức là lúc phương-pháp ngoại-giao không đạt mục-đích mình, dân-khí trong nước sôi-nổi), thì cái thủ-đoạn cuối cùng chỉ tỏ cùng võ-lực chớ chẳng có gì khác hơn nữa. Nếu như cuộc chiến-tranh mở ra thì kẻ địch với ta không phải một nước, mà quân-bị Nhật-bản chú-nhận vào nơi phòng-ngự, giữ cái thái-độ tự-thủ để chực đánh với nước cừu-địch. Tra địa-thế Nhật-bản, bắc từ Thiên-đảo, nam đến Đài-loan, khoảng giữa có xen bao nhiêu hòn đảo nho nhỏ, sẽ vạch một đường chiến-thuyền, đặt sẵn máy bay tàu chiến mà quyết-chiến với liệt-cường thế-giới một trận cuối cùng.

Trận đại-chiến này, không giống với trận Âu-chiến kéo dài đến 4 năm trời, vì Nhật Mĩ đánh nhau, chỉ đánh trên biển, mà đánh bằng hải-quân thì hơn thua chỉ quyết-định trong một thời-gian ngắn-ngủi mà thôi. Chỉ ngại khi Nhật Mĩ khai-chiến, có nước nào tham-gia thì hải-quân Nhật có tất hơn được không? Hãy đem thực-lực hải-quân Anh Nhật và Mĩ mà so nhau xem:

Chủ-lực-hạm			
Nhật	10	chiếc	390.084 tấn
Mĩ	17	»	520.038
Anh	18	»	550.059
Tuần-dương-hạm			
Nhật	38	chiếc	290.900 tấn
Mĩ	32	»	320.034
Anh	53	»	337.000
Tiềm-đĩnh			
Nhật	80	chiếc	80.095 tấn
Mĩ	122	»	807.000
Anh	84	chiếc	60.012 tấn
Hàng-không mẫu-hạm			
Nhật	5	chiếc	87.000
Mĩ	7	»	120.096
Anh	8	»	120.077

Sau nói cách chiến-thuật cùng cái lối chế-ngự nhau, nên đánh nơi nào, nên giữ nơi nào, cùng cái cơ thủ-thắng này nọ, nói rất rõ-ràng, rồi rút cuộc nói Nhật không kém gì Anh Mĩ.

Dã-tâm người Nhật phát lộ như thế, một mặt là hăm-dọa thế-giới, một mặt là cổ-lệ quốc-dân. Dụng-tâm cũng khôn lắm!

K. Q.
(*Báo Tiếng-Dân*)

Thời-cục nước Tàu

Trung-ương chính-phủ. — *Ngày 15 Décembre chính-phủ Nam-kinh có cuộc hội-đồng-trung-ương-hành-chính và kiểm-đốc của quốc-dân-đảng, nên Tưởng Giới-Thạch đã tự Hán-khẩu đến Nam-kinh. Tôn-Khoa và các hội-viên quốc-dân-đảng ở Quảng-châu, Thượng-hải cũng đều đến dự hội.*

Có tin rằng Ngô Trĩ-Huy chủ-tịch viện kiểm-soát, chủ-tọa buổi hội-nghị khai-mạc các hội-đồng trung-ương của quốc-dân-đảng, có tuyên-ngôn rằng việc lập lại cuộc giao-tế Trung Nga thì bảo-vệ được cuộc bình-an ở Viễn-đông. Sau ông hô-hào trong đảng nên đồng-tâm để bồi-đắp thế-lực cho Chính-phủ.

Người ta nói các hội-viên hợp ý nhau phản-đối việc tăng quyền cho Tưởng Giới-Thạch.

Tưởng Giới-Thạch đệ trình chính-phủ Quốc-dân một bản bá-cáo về công việc tuần-tiễu giặc Cộng-sản ở trung-bộ Trung-hoa, do Tưởng thân-hành cầm quân, Tưởng nói công-việc ấy được thắng-lợi, vừa nhờ về đường chính-trị lẫn đường binh-vụ, nay cần theo đuổi để gây sự hạnh-phúc cho quốc-dân.

Quan Tổng-trưởng bộ tài-chính Tống Tử-Văn có tuyên-bố tại đại-hội-đồng trung-ương quốc-dân-đảng rằng sổ chi thu về năm vừa qua tuy gặp buổi kinh-tế khó-khăn, giá bạc sụt xuống, mất khoản thu-nhập về Mãn-châu, phải cứu-trợ cho dân bị lụt, tảo-trừ giặc Cộng-sản và chống lại quân Nhật ở Thượng-hải, vậy không phải mộ thải mới, mà sổ chi-thu cũng được quân-bình, đó là nhờ về mọi sự tiết-kiệm của Chính-phủ, và về cách thu thuế và việc tính toán lại các trái-khoản cũ vậy.

La Văn-Cán, tổng-trưởng bộ ngoại-giao, có tuyên-bố tại cuộc hội-nghị quốc-dân-đảng về mọi việc khó khăn Trung Nhật trong năm vừa qua: chiến-sự ở Thượng-hải, chiến-sự ở Mãn-châu, việc lôi-thôi ở Thiên-tân, song Chính-phủ Trung-hoa không bao giờ chịu để giải-quyết cái vấn-đề một cách trái với cái tôn-chỉ trong bản hiệp-ước Genève *và các hiệp-ước quốc tế khác*

Tống Tử-Khanh và Tôn-Khoa có đệ lời thỉnh-cầu trình cuộc hội-nghị Nam-kinh, có xin chính-phủ hành-động tụ-tập quân-lính ở Nhiệt-hà, để-chế các sản-vật của địch quốc, và tán-thành cho quân nghĩa-dũng ở Mãn-châu. Ở Thượng-hải bình phẩm lời thỉnh-cầu ấy cho có ý xin Hội Vạn-quốc đối-phó với Nhật-bản.

Uông Tinh-Vệ, chủ-tịch viện hành-chính, hiện phục thuốc ở nước Đức, có điện cho Tống Tử-Văn tổng-trưởng bộ tài-chính, quyền-chức chủ-tịch viện hành-chính, xin gia hạn nghỉ.

Tống phúc lại rằng Uông cần phải về giữ chức, thì độ mùa xuân Tống cũng phải đi Âu-châu để dự cuộc hội-nghị kinh-tế thế-giới.

Trung Nga phục-giao. — *Kể từ ngày 12 Décembre do viện ngoại-giao ủy-viên-trưởng nước Nga cùng đại-biểu Trung-quốc là Nhan Huệ-Khánh ở* Genève *đã chính-thức trao đổi các văn-kiện, khôi-phục việc bang-giao.*

Ngày 13 chính-phủ Nam-kinh đã tuyên-bố khôi-phục việc bang-giao của hai nước.

Chính-phủ Nhật đối với việc Trung Nga phục-giao rất không bằng lòng, cho rằng đó không khác gì hai cái thế-lực lớn làm hại nền hòa-bình của thế-giới lại bắt tay nhau. Cái địa-vị của Nhật-bản trái hẳn với cục-diện ấy, Liệt-cường có dung cho cái thế-lực phá-hoại ấy bành-trướng ở Viễn-đông không, hay là cần cho cái thế-lực hòa-bình vững-vàng, đó là một vấn-đề cấp-bách hiện ở trước mắt của Liệt-cường. Vấn-đề Mãn-châu còn là vấn đề trọng-yếu thứ hai.

Sau khi đã khôi-phục việc bang-giao, Chính-phủ Nga định trước hết khôi-phục nhà Viễn-đông ngân-hàng. Chính-phủ Nga lại muốn tỏ ngay ý thân thiện với chính-phủ quốc-dân, nên định tự dời sứ-quán xuống Nam-kinh trước.

Tin tức Ngoại-giao-giới ở Nam-kinh nói rằng: sau khi hai nước Trung Nga đã phục-giao, hình-thế quốc-tế rõ-ràng có biến đổi. Về việc phân-tranh của hai nước Trung Nhật, hội Quốc-liên cũng cần thay đổi phương-sách, vì hội ủy-viên 19 nước vốn định mời hai nước Nga Mĩ dự vào hội ủy-viên hòa giải hai nước Trung Nhật, nhưng hai nước ấy vì cái thái-độ hiện-thời của hội Quốc-liên không hợp với tình-thế của hai nước, không chịu dự vào. Người ta liệu rằng hội Quốc-liên đối với bản báo-cáo của đoàn điều-tra và việc không thừa-nhận chính-phủ Mãn-châu, không có điều quyết-nghị rõ-ràng, hai nước Mĩ Nga sẽ cự tuyệt hẳn, mà hội Quốc-liên cũng sẽ hãm vào cảnh khốn-nạn không có cách gì giải-quyết vậy.

Việc phân-tranh Trung Nhật tại Hội Vạn-quốc. — *Ngày 8 Décembre đại hội-đồng đã khai. Ông* Hymans *trình bày*

công việc của Hội Vạn-quốc đối với việc phân-tranh Trung-Nhật.

Đoạn ông đại-biểu của Trung-hoa trình bày về cái lý thuyết của Trung-hoa. Ông kết-luận xin đại hội-đồng chuẩn các lẽ trong tờ trình của ban hội đồng điều tra Lytton, mà tuyên bố rằng Nhật-bản đã phạm vào điều-ước của Hội Vạn-quốc ký ở Paris và bản hiệp-ước của chín nước.

Ông xin đại hội-đồng theo như những lời đã quyết-nghị trước mà yêu-cầu Nhật-bản rút hết quân lính ra khỏi nội-bộ Mãn-châu và đem đến đóng ở miền hỏa xa, để sau này sẽ rút khỏi cả miền ấy nữa. Ông xin bãi chính-phủ Mãn-châu-quốc, và xin đại-hội-đồng tuyên-bố rằng, Hội Vạn-quốc không công-nhận cho nước ấy và không giao-thiệp với chính-phủ ấy. Sau cùng xin Hội Vạn-quốc kíp công-bố cho biết hội xử việc phân-tranh Trung Nhật ra làm sao. Song Trung-hoa cũng ưng-thuận trước khi xử việc ấy, đại-hội-đồng thử tìm cách hòa-giải một lần nữa xem có được không.

Sau đến ông đại-biểu Nhật-bản trình bày cái lý-thuyết của Nhật-bản. Ông công-nhận rằng nhờ có Hội Vạn-quốc can-thiệp vào, đã ngăn cản được nạn chiến-tranh, nhưng tình-thế ở đông-phương biến-đổi luôn, Hội Vạn-quốc cũng không thể giúp được hơn nữa, trừ ra nếu Hội Vạn-quốc đứng lên đảm-nhận thi-hành một cái chương-trình, khiến cho bảo-vệ được cuộc bình-an ở Viễn-đông và dẹp yên được sự rối-loạn ở Trung-hoa thì không kể.

Trong khi bàn-bạc về bản báo-cáo Lytton, M. Madariaga có nói cái nghĩa-vụ của đại-hội đồng là phải làm cho Liệt-quốc công-nhận cái quyền-thế của Hội Vạn-quốc và công-bố các tôn-chỉ của Hội. Các đại-biểu của Tây-ban-nha biểu-đồng-tình về tất cả mọi lẽ trong tờ báo-cáo Lytton, vì cường-quyền phải theo về công-lý.

Ông đại-biểu nước Ái-nhĩ-lan xin đại-hội đồng ưng-chuẩn bản báo-cáo Lytton và tuyên-bố không công-nhận Mãn-châu-quốc để giữ gìn cho không phạm đến hiệp ước của Hội Vạn-quốc.

M. Benès thì chỉ-nghị mọi việc bài-ngoại của Trung-hoa, nhất là việc đề-chế Nhật-hóa, nhưng lại nói nước Nhật đã phạm những điều rất là trái với hiệp-ước, vì vậy nên Trung Nhật không điều-đình được với nhau, thì Hội Vạn-quốc phải xử-trí một cách cương quyết, để bảo-hộ cho các giao-ước quốc-tế sau này.

Cứ như lời lẽ bàn bạc của các đại-biểu những nước không trực-tiếp lợi-hại về việc Viễn-đông, thì sự mâu-thuẫn của Nhật-bản đối với Hội Vạn-quốc lại nguy-kịch hơn là sự mâu-thuẫn của Trung-hoa đối với Nhật-bản.

M. Benès tuyên-bố mọi lẽ rồi có nói mấy lời làm cho đại-hội-đồng cảm-động, ông có nói: phải làm làm sao cho thiên-hạ biết Hội Vạn-quốc có hay là không.

M. Von Neurath, đại-biểu nước Đức nói Hội Vạn-quốc không nên xét việc này theo các tôn-chỉ trừu-tượng. Hội Vạn-quốc phải làm làm sao cho không phải dùng đến võ-lực nữa. M. Von Neurath nói: Nếu ta muốn cho những sự phân-tranh sau này, không phải dùng đến võ-lực, nếu ta muốn bồi-đắp cho cái thế-lực của Hội Vạn-quốc, thì ta phải làm làm sao cho binh-số của các nước được ngang sức với nhau. M. Von Neurath biểu-đồng-tình với Sir John Simon bàn nên trù-tính cho nước Hoa-kỳ và nước Nga cũng hiệp-tác với Hội Vạn-quốc trong công cuộc hòa giải cho các nước.

Sau ông hội-trưởng Hội Vạn-quốc có nói ông tiếp được hai bản dự-án khởi-nghị. Bản thứ nhất của Tây-ban-nha và Thụy-điển đề-xướng, nói rằng mọi việc dụng-binh và trú-binh xảy

ra ở Mãn-châu trong tháng Septembre 1932, không thể cho là một việc vệ-phòng đích-đáng được. Trong bản án-văn ấy lại nói công nhận cho Mãn-châu-quốc, thì trái với các giao-ước quốc-tế.

Bản dự-án khởi-nghị thứ hai do nước Thụy-sĩ đệ trình. Trong bản án-văn ấy bản xin giao cho hội-đồng 19 viên dự soạn các điều khoản để giải-quyết việc phân-tranh ấy.

M. MATSUOK, đại-biểu Nhật-bản kêu rằng lời lẽ bản dự-án thứ nhất có vẻ tố-cáo nước Nhật, và xin bãi bản án-văn ấy đi. Ông nói nếu đại-biểu hội-đồng xét bản dự-án ấy, thì có thể gây nên lắm nỗi khó-khăn, làm cho hội-đồng rất là náo-động.

Đại-biểu nước Nhật có nói với các báo rằng đương lúc nhiều nước đương tìm cách giải hòa, mà lại đệ trình bản án-văn thứ nhất ấy thì thật là dụng-tâm công kích nước Nhật và thóa-mạ nước Nhật vậy.

Đến sau đại hội-đồng lại bàn về bản báo cáo Lytton, thì ông đại-biểu nước Thổ tỏ ý xin Hội Vạn-quốc theo đúng như hiệp-ước. Ông mong rằng việc phân tranh sẽ giải-quyết theo cái tôn-chỉ trong hiệp-ước, và được lợi cho cả hai bên.

Sau khi M. MATSUOKA phản-đối mọi lẽ, thì ông đại-biểu Gia-nã-đại tỏ ý biểu-đồng-tình với Nhật về việc giải-thích hiệp-ước. Ông mong rằng Hội Vạn quốc sẽ dùng hết phương-sách giải-hòa cho hai nước.

Ông đại-biểu nước Panama cũng biểu-đồng-tình với các đại-biểu mà lập một ban hội-đồng hòa-giải riêng.

Ông đại-biểu nước Hung-gia-lỵ thì xin giải-quyết việc phân tranh một cách công-bằng, và tiện-lợi.

Ông đại biểu nước Chili thì nói Hội Vạn quốc phải dùng hết các phương-sách trong hiệp-ước đã định.

Ông đại-biểu Lỗ-mã-ni nhất-định xin theo các tôn-chỉ trong hiệp-ước, nhưng cũng ưng tìm các phương-sách hòa-giải.

Ông đại-biểu Úc-đại-lỵ-á thì biểu-đồng tình với SIM JOHN SIMON.

Đại-hội đồng lại nghe ông đại-biểu Trung-hoa, ông nói đại-biểu các nước đều công-nhận tờ báo-cáo Lytton chỉ-nghị nước Nhật là đích-đáng. Rồi ông lại nhắc lại cái lý-thuyết của Trung-hoa.

Tình-thế Mãn-châu. — *Tin Bắc-bình nói : Nước Nhật tiến hành đổi Mãn-châu làm đế-quốc, bắt Phổ-Nghi xưng Hoàng-đế, hiện đã sai bọn yếu-nhân Hán-Mãn tôn đội Phổ-Nghi lên. Phùng Hiền Thanh ở Nhật, đón người Nhật sang Mãn-châu sang các chức pháp quan.*

Từ ngày quân Nhật chiếm-cứ Mãn-châu, dân - chúng không chịu khuất-phục, tổ - chức đội - ngũ thành quân nghĩa-dũng, chống cự với quân Nhật cho tới ngày nay ; theo như bản thống-kê của một cơ-quan nước Mãn-châu, thuộc quyền Mã Chiếm-Sơn chỉ-huy có chừng mười vạn người, thuộc quyền Tô Bỉnh-Văn, Chương Điện-Cửu chừng một vạn rưởi người, thuộc quyền Đinh Siêu chừng hai vạn người, thuộc-quyền Lý Đỗ chừng ba vạn người, thuộc quyền Vương Đức-Lâm chừng hai vạn người, thuộc quyền Dương Diêu-Quân chừng hai vạn người, còn ra cũng có đến vài nghìn người thủ-lĩnh, mỗi một người thủ-lĩnh nhiều thì thống-suất hơn vạn quân, ít cũng vài nghìn, ít nữa cũng tám chín trăm trở lên, kể cả các nơi, có tới năm-mươi đội ; tổng-cộng số quân đến bốn-mươi vạn. Song lương-phạn y-phục, khí - giới của các đội quân này, hễ ở huyện nào thì nhân-dân bản-xứ chịu, cũng có tiền quyên của nhân-dân ở những tỉnh khác quyên

cho, chớ chánh-phủ Trung-ương không hề biết tới.

Kể ra quân nghĩa-dũng các nơi kháng-chiến với quân Nhật đã đến hơn một năm rồi, việc chiến-tranh lan-man chưa biết đến bao giờ. Tuy nói quân Nghĩa-dũng đánh với quân Nhật, mà kỳ-thực là người Tàu đánh với người Tàu và người Cao-ly. Vì sau khi lấy Mãn-châu rồi, người Nhật lợi-dụng người Tàu lập thành chánh-phủ Mãn-châu, nên quân đội của nước Mãn-châu là người Tàu, như đạo quân của Trương Hải-Bằng mà do tướng Nhật chỉ-huy.

Toàn-cảnh Mãn-châu bị tàn-phá rất nhiều, trừ Thẩm-dương, Trường-xuân Cát-lâm, Long-sa, Cáp-nhĩ-tân ra, hầu không một nơi nào là chẳng tường đổ ngói tan, đất hoang cỏ rậm, mà miền Bắc-Mãn sau khi bị thủy-tai lại càng rối-loạn, không sao nói viết, các thành-thị lớn như Song-thành, A-thành, An-đạt, Khánh-thành, Y-lan, Phú-cầm, Ba-ngạn, Bái toàn, Khắc-sơn, Hải luân, Tuy-hóa, Hô-lan không nơi nào là không bị bao nhiêu lần đạn lửa. Gần đây quân Nhật lại họp trọng-binh đánh nhau với quân Nghĩa-dũng Liêu-tây, đã 5 ngày đêm rất hăng hái, hai bên chết và bị thương rất nhiều. Khu đánh nhau từ ga Tiền-sở ngoài Sơn-hải quan, phía tây đến Cẩm-châu, Nghĩa-huyện, phía bắc đến biên-cảnh Nhiệt-hà, chu-vi hơn 400 dặm, đánh nhau dữ-dội nhất là khoảng giữa Cẩm-tây và Tuy-trung. Quân Nghĩa-dũng ứng-chiến là chín bộ của bọn Trịnh Quế-Lâm, Lý Tích-Như, Đỗ Phương-Châu.

Quân Nhật lại đại-cử đánh Tô Bỉnh-Văn, vì quân Nhật mấy lần cầu hòa với Tô Bỉnh-Văn đều bị cự-tuyệt, cho là cuộc giao-thiệp đã tuyệt-vọng. Quân bộ Quan-đông Nhật lại dùng cách võ-lực áp-bách, hạ lệnh tổng-công-kích quân Tô.

Tô Bỉnh-Văn thông điện đến Bắc-bình đại-ý nói quyết một lòng đem thân cứu nước, đánh nhau với quân Nhật bấy lâu, nhưng vì hiện nay đạn hết viện tuyệt, phải lui về ga Mãn-châu-lý, rồi sang nước Nga.

Tô Bỉnh-Văn sau khi thất-bại chạy sang Nga, được Chính-phủ Nga bênh-vực, không bắt giao cho Nhật, chỉ thu khí-giới của toán quân tùy-tùng mà thôi. Hiện Tô đã đến Moscou, có điện về Bắc-bình nói ở đó một tuần rồi sang Đức chuyển sang Genève, sẽ lập-tức về nước để lại cùng quân Nhật quyết sống mái.

Mã Chiếm-Sơn thông-điện đi các nơi nói đã từ một nơi kia về đến Nộn-giang, thu-biên tàn-quân của Tô Bỉnh-Văn gần vạn người, hiện tạm chia đóng ở một dải Bố-tây, Nộn-giang, nghỉ sức ít lâu, lập tức tiến đánh quân địch, quyết không để cho quân Nhật tung-hoành ở Bắc-Mãn.

Các lính-tụ quân nghĩa-dũng ngoài Tô, Mã ra cũng nhiều người tướng giỏi, xem như Đường Tụ-Ngũ cự-tuyệt lời dụ hàng của người Nhật, mà ra sức chống đánh. Đinh Siêu thì lấy lại được Phú-cầm, viên tư-lệnh Nhật phải bị thương. Bộc Bỉnh-San liên-lạc với quân Mã, mà lấy lại được Võ-khuê. Độc quân đại-đao đánh úp quân Nhật ở đường Thẩm-an ; quân Lý Đỗ đánh thắng được Vu Thẩm-Trừng ở A-mục viên, mà đuổi lui quân Nhật, xem thế thì quân nghĩa-dũng vẫn còn hăng-hái, nhưng chỉ tiếc rằng về phần cứu-viện thì không còn trông cậy vào chính-phủ Trung-ương được nữa, chẳng hay có đứng vững mà chống mãi với quân tinh-nhuệ của Nhật được không? Nghe gần đây quân Nhật lại tập đại-binh tiến đánh Nhiệt-hà và Sơn-hải-quan, thì mặt đông-bắc có cơ nguy-cấp lắm.

Kế-hoạch của Nhật tiêu-diệt quân nghĩa-dũng.— Ngày 20 đại-biểu quân nghĩa-dũng đến Nam-kinh báo-cáo cái kế-hoạch của quân Nhật tiêu-diệt quân

nghĩa-dũng có 7 điều sau này: 1) Giải-quyết tàn-bộ Tô Bình-văn; 2) chẹn đứt đường liên lạc của quân Đinh Siêu, Lý Đỗ, Vương Đức-Lâm; 3) 4) đánh Nhiệt-hà; 5) do Triều-tiên xuất quân tiêu-diệt quân Vương Đức-Lâm; 6) đánh quân Đường Tụ-Ngũ; 7) cắt đứt đường liên-lạc Liêu-ninh Cát-lâm.

Cuộc nội-chiến ở Tứ-xuyên, Qui-châu, Hồ-nam. — *Cái mầm nội-chiến phen này lại rục-rịch muốn xảy ra. Hàn Phục-Cừ, Lưu Trân-Niên đánh nhau ở Sơn-đông vừa mới hòa-giải xong, thì kế ngay đến Lưu Tương và Lưu Văn-Huy đánh nhau ở Tứ-xuyên, trận kịch-chiến 4 ngày đêm chết và bị thương 2 vạn người. Vương Gia-Liệt, Mao Văn-Tường đánh nhau ở Qui-châu. Hai tỉnh ấy còn đang lung-tung, chính-phủ Nam-kinh chưa ngăn ngừa được, thì nay lại có tin ở Hồ-nam không khéo lại xảy ra cuộc nội-chiến, vì chủ-tịch tỉnh ấy là Hà Kiện không cho Trần Cừ-Trân đóng quân ở Hồng giang mà Trần quyết dự-bị binh-mã để đánh nhau với Hà một trận.*

Dân Trung-hoa hồi này thực là gặp hồi kiếp-vận, chưa xong cuộc ngoại-chiến, lại đến cuộc nội-tranh, kể ra tính-mệnh tài-sản thiệt-hại rất nhiều.

Cục xã-hội Thượng-hải báo-cáo số thiệt-hại của nước Tàu về cuộc chiến-tranh ở Thượng-hải vào khoảng tháng giêng năm nay, cứ như lời báo-cáo của các đoàn-thể công tư, ước tính 20 vạn vạn đồng. Lại cứ lời báo-cáo của các gia-thuộc, thương-điếm, công-xưởng và 25 cơ-quan chính-phủ, những lương-dân vô tội bị hại là 1739 người, mất tích 719 người.

Sứ-bộ Trung-hoa ở Londres *có một bài tuyên-bố rằng cứ theo như biểu tổng-kê của chính-phủ thì kể từ ngày 18 Septembre 1931 đến giờ, số người Trung-hoa bị quân lính, hoặc lính cảnh-sát Nhật-bản giết cộng là 58.248 người, trong số ấy có 12.928 người tư-dân. Đó là không kể quân lính về đạo quân thứ 19, bị hại trong khi giữ thành Thượng-hải. Xem thế thì cái vạ chiến-tranh rất thảm-hại lắm thay!*

Nước Nhật dự-bị chiến tranh rất khẩn-cấp. — *Có tin Đông-kinh nói: Bộ lục-quân Nhật lấy số hơn một trăm vạn học-sinh ở trong các sở thanh-niên huấn-luyện làm quân quốc-phòng thứ hai, từ sau khi đã chiếm được Thẩm-dương huấn luyện lại càng nghiêm lắm. Ngày 11 Décembre vừa rồi có mở cuộc thao-luyện ở Đa-ma-xuyên thuộc Đông-kinh, toán Đông-quân 1100 người do trung-tá Cao Kiều chỉ-huy, toán Tây-quân 1130 người do thiếu-tá Giã-Thôn chỉ-huy, chia đóng ở hai bên bờ sông, dùng súng cối xay nặng và nhẹ để diễn-tập; Không-quân do Cập-Xuyên phái 2 chiếc máy bay trợ-chiến. Tập trong 6 giờ thì giải-tán.*

Lại có tin rằng: Cuộc hội-nghị của các hiệu-trưởng các trường cao-đẳng nữ-học ở Đông-kinh đã quyết-nghị lấy 35000 nữ-học-sinh ở các trường của chính-phủ hay của nhân-dân lập ra trong thành Đông-kinh đều theo võ-trang, do bộ lục-quân phái những quân quan đã thoái-ngũ theo cách nghiêm rèn-tập quân-sự. Bộ lục-quân cũng tán-thành việc ấy, đã phát cho 35000 cây súng trường và súng lục, mặt nạ phòng hơi độc cùng các tài-liệu vệ-sinh. Mùa xuân sang năm sẽ bắt đầu huấn-luyện.

Xem thế thì cái luồng không-khí chiến-tranh đã bồng-bột ngạt lên, cơn sóng gió ở Thái-bình-dương cũng khó mong được chiều yên lặng.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 31 tháng 12 năm 1932)

Hội-đồng xét việc đúc tiền đồng. — Mới rồi Hội-đồng Dân-biểu Bắc-kỳ có đơn thỉnh-cầu Chính-phủ đúc thứ tiền đồng, đáng giá một phần sáu hay là một phần bốn của đồng xu, để tiện cho dân tiêu. Vậy quan Thống-sứ đã cử một hội-đồng nghiên-cứu về việc đúc tiền ấy. Hội-đồng họp hai ba lần bàn-bạc kỹ-lưỡng rồi quyết-định dùng thứ đồng lá nguyên-chất mua tự bên Pháp mà đúc thứ tiền đáng giá là một phần tư của đồng xu, nghĩa là 4 đồng mới bằng giá một xu. Khung-khổ thứ tiền ấy giống như đồng chinh Khải-định bây giờ mà hơi nhỏ kém, không có đường chỉ ở vành ngoài, trọng-lượng có một phân rưỡi tây (1 gr. 5) thôi. Danh-hiệu của đồng tiền mới ấy đặt tên là «*Bảo-đại thông-bảo* 保大通寶».

Việc đúc tiền Hội-đồng quyết-định giao cho trường Kỹ-nghệ thực-hành Hải-phòng làm, độ năm tháng thì xong. Vậy đến tháng 5 năm 1933 thì tiền mới ấy sẽ lưu-thông được.

Đại-hội-nghị Kinh-tế và lý-tài Đông-dương. — Hồi 9 giờ sáng ngày 2 tháng 12 1932, tại trường Đại-học đường *Bobillot* Hà-nội, Đại-hội-nghị Đông-dương đã bắt đầu họp, do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tọa. Đến dự có quan Thống-soái BILLOTTE, quan Thống-sứ PAGÈS và các quan Giám-đốc các công-sở.

Quan Toàn-quyền đọc bài diễn-văn khai-mạc nói về cái tình-thế kinh-tế xứ Đông-dương cùng là thuật những công-việc đã làm trong năm vừa qua.

Buổi chiều Đại-hội-nghị lại họp để bầu ban Trị-sự.

Ông CHENU trúng-cử nghị-trưởng. Ông CHAMPEIX và ông Bùi QUANG-CHIÊU trúng-cử phó-nghị-trưởng. Ông PHILIP và ông TRẦN BÁ-VINH trúng-cử thư-ký.

Rồi Hội-nghị chia các ban để làm việc. Có hai ban là ban xét sổ dự-toán và ban tài-chính với các việc linh-tinh. Hai ban làm việc luôn từ sáng mồng 3 đến chiều 21 thì Đại-hội-nghị bế-mạc.

Hội-đồng Bảo-hộ. — Hồi 9 giờ sáng ngày 3 tháng 12, Hội-đồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội, do quan Thống-sứ PAGÈS chủ-tọa.

Thái-tử Lào về qua Hà-nội. — Thái-tử Lào là S. A. R. SAVANG VATHAMA du-học ở Pháp về, đáp tầu *Claude Chappe* ở Sài-gòn đã ra tới Hải-phòng. Quan Đốc-lý Hải-phòng ra bến đón tiếp. Quan Toàn-quyền cử quan cai-trị VALMARY xuống Hải-phòng đón Thái-tử lên Hà-nội.

Khách du-lịch tới Huế. — Khách du-lịch của đoàn *Touring club de France* đã tới Huế, ngày mồng 5 đi xem đàn Nam-giao, lăng Minh-mệnh, và vào xem trong Đại-nội. Mồng 6 đến xem viện Bảo-tàng Khải-định, và đi thăm các tôn-lăng. Mồng 7, đoàn du-lịch chia làm hai toán, một toán do quan nguyên-soái ANDLAUER quản-đốc đi ô-tô ra Hà-nội, còn một toán do ông CHAIX quản-đốc thì chiều mồng 8 vào Đà-nẵng rồi đi du-lịch miền Nam.

Quan Khâm-sứ mới ở Cao-miên. — Ngày 7 tháng 12 có sắc-lệnh bổ quan Thống-sứ SILNESTRE lĩnh chức Khâm-sứ Cao-miên thay quan Khâm-sứ LAVIT về hưu.

Các quan chức Tàu sang thăm Hà-nội và Huế. — Nhân dịp Hội-chợ năm nay, quan Toàn-quyền có mời quan chủ-tịch Quảng-tây HOÀNG UC-SƠ tức HOÀNG THIỆU-HÙNG, quan giám-đốc Không-quân Quảng-tây LƯU VỊ-THÀNH, quan đốc-biện Long-châu LÝ PHẨM-THIÊN. Buổi tối ngày 11 tháng 12, mấy vị quan ấy cùng các quan tùy-tùng đã đáp xe lửa từ Lạng-sơn tới Hà-nội, có quan Giám-đốc chính-trị MARTY thay mặt quan Toàn-quyền, cùng quan Thống-sứ PAGÈS nghênh-tiếp. Sáng ngày 12, hai quan HOÀNG ÚC-SƠ và LÝ PHẨM-THIÊN đi thăm quan Toàn-quyền, quan Thống-soái BILLOTTE và quan Thống-sứ; buổi chiều

các quan Tàu đi xem Hội-chợ. Ngày 13, đi thăm trường máy bay Bạch-mai. Ngày 14, đi Bắc-giang xem cuộc tập trận lớn. Ngày 15, xuống thăm Hải-phòng. Ngày 16, các quan Tàu đáp xe lửa vào Huế, duy quan Giám-đốc không-quân LƯU VỊ-THÀNH đi bằng máy bay. Ngày 17, vào Đại-nội yết-kiến đức Bảo-đại tại điện Quang-minh; buổi tối quan Đốc-lý và quan Thượng-thư bộ Lễ thay mặt quan Thủ-tướng làm lễ gắn bội-tinh và huy-chương cho các quan Tàu. Ngày 18, đi thăm các tôn-lăng và viện Bảo-tàng Khải-định rồi ra ga Huế lên xe lửa về Hà-nội. Ngày 20 các quan Tàu từ-biệt Hà-nội về Long-châu.

Một đạo mới ở Trung-kỳ. — Ngày 12 tháng 12 năm 1932, có Chỉ chuẩn hạt Trà-cu thuộc tỉnh Kum-tum đất rộng dân đông, cho biệt-thiết làm một đạo, đặt tên là đạo « Gia-lai » (Pleiku), quan-chức thì có một Quản-đạo, một Kinh-lịch, ba Thừa-phái, một đội-lệ và mười tên lính.

Nam-triều thải bớt mấy chức quan võ. — Đức Bảo-đại xét đến bộ Binh, có định cho những quan Đô-thống, Thống-chế, Đô-úy và Đề-đốc đều về hưu, vì bây giờ không dùng gì đến những chức quan ấy nữa.

Cuộc tập trận ở Bắc-giang. — Ngày 14, nhà binh đã bắt đầu mở cuộc tập trận ở tỉnh Bắc-giang. Quan Thống-soái đóng đại-binh ở Bố-hạ.

Dự xem cuộc tập trận này có quan chủ-tịch tỉnh Quảng-tây bên Tàu cùng các quan tùy-tùng, và quan Lãnh-sự Pháp ở Long-châu.

Hội-đồng Chính-phủ. — Hồi 9 giờ sáng ngày 17 tháng 12 này, Hội-đồng Chính-phủ đã khai-mạc kỳ hội-đồng thường-niên tại phủ Toàn-quyền Hà-nội, do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tọa.

Luật mới ở Trung-kỳ. — Quan Cố-vấn Luật-sư COLLET đã tu-soạn xong bộ luật mới cho xứ Trung-kỳ. Ngày 17 tháng 12 này, viện Cơ-mật đã làm phiến tâu xin chuẩn-y đặt Hội-đồng khảo-dịch những điều luật mới ấy.

Thi Thế-giới-ngữ. — Ngày 18 tháng 12 năm 1932, hội Thế-giới-ngữ Bắc-kỳ đã mở kỳ thi lần thứ nhất ở Hà-nội. Kết-quả có 44 người trúng tuyển lấy bằng « Sơ-học Thế-giới-ngữ » (*Alesto pri Lernado*).

Cu-ly sở cao-su Michelin làm reo. — Vì ngày 15 tháng 12 này, người coi sở cao-su *Michelin* Dầu-tiếng (thuộc hạt *Thudaumot*) yết-thị rút bớt lương của cu-ly trong sở ấy một phần tư, nên bọn cu-ly nhân ngày 16 là ngày nghỉ rủ nhau đến kêu nài ông chủ sở, không được tiếp, nên định rủ nhau kéo đi Thủ-dầu-một hay Sài-gòn để kêu quan Thanh-tra lao-động, đi đến Dầu-tiếng thì 12 giờ đêm, gặp bọn lính đồn theo tin báo của ông chủ sở cao-su ra chặn đường không cho đi, bắt phải giải-tán, nhưng bọn không nghe, lính bắn súng, cu-ly chết mất 3 người, bị-thương 4 người, bấy giờ mới giải-tán.

Số tiền bán vé vào cửa Hội-chợ Hà-nội năm nay. — Hội-chợ năm nay là kỳ thứ 11, tiền bán vé vào cửa được 120.170 đồng. So với hai kỳ trước, thì kỳ thứ 9 (1928) được 100.142 đồng và kỳ thứ 10 (1929) được 92.309 đồng.

Ủy-viên của Chính-phủ Nam-kinh tới Sài-gòn. — Vì dân Hoa-kiều ở Nam-kỳ có phái đại-biểu về Nam-kinh tỏ bày tình-thế dân Hoa-kiều ở Nam-kỳ và xin thi-hành bản hiệp-ước Hoa-Pháp ngày 16 Mai 1930, vậy bộ Ngoại-giao Nam-kinh cử một ủy-viên là CHÂU HẠC-TƯỜNG đi khảo-sát tình-hình dân Hoa-kiều ở Đông-dương, Nam-dương, Úc-châu, Xiêm-la và Diến-điện. Ngày 10 tháng 12 này, CHÂU HẠC-TƯỜNG đã tới Sài-gòn, có diễn-thuyết cho dân Hoa-kiều về việc đặt lãnh-sự Tàu ở Đông-dương và sự giảm bớt quan-thuế. TƯỜNG có yết-kiến quan Thống-đốc Nam-kỳ KRAUTHEIMER, quan Thống-đốc hứa rằng ngài ra Hà-nội dự Hội-đồng Chính-phủ sẽ thương-thuyết với quan Toàn-quyền PASQUIER về bản hiệp-ước ấy.

Đức Bảo-đại đối với việc cải-cách. — Mới đây đức Bảo-đại xuống chỉ cho các quan

Thượng-thư các Bộ mỗi vị phải làm một bản dự-thảo nói về những việc nên cải-cách thuộc bộ mình, để đệ lên Ngự xét.

Đức Bảo-đại đối với dư-luận của báo-giới. — Đức Bảo-đại muốn xem xét những dư-luận các báo-chí, nên mới xuống chỉ cho phòng Bí-thư phải lược-trích những dư-luận các báo Pháp và quốc-văn để dâng Ngự lãm.

Một tờ thông-tư của quan Toàn-quyền về việc dán tem vào các đơn. — Ngày 23 Novembre 1932, quan Toàn-quyền gửi cho các quan Thủ-hiến, các quan Chánh các công-sở một tờ thông-tư nói rõ về việc dán tem vào các đơn.

Vậy những đơn kể sau đây đều phải dán đủ 15 xu tem: đơn xin làm nhà, chữa nhà, chặt cây, vay tiền, xin phẩm-hàm, xin tiền hưu-trí, xin nhà Bưu-điện đời máy điện-thoại, xin vay trước tiền thầu, xin ứng-thí, xin thi xe máy, xin gia hạn giấy thông-hành, xin học-bổng, xin xuất-cảng gửi cho nhà Đoan. Những đơn này đều không được quá 0m2044. Nếu ai không làm cho đúng lệ sẽ phải phạt 6$25.

Cũng có điều thừa trừ là những lá đơn gửi lần thứ hai vẫn xin về một việc thì phải dán tem. Có một vài thứ đơn đã nói trong điều 180 trong nghị-định ngày 6 Novembre 1919 thuộc về việc y-tế, tư-pháp, bảo-trợ, xin tiền tuất-cô hay là đơn xin về các việc không quá số 40 đồng bạc.

Đơn dán tem này không những chỉ là đơn gửi cho các quan-chức thuộc phủ Toàn-quyền Thống-sứ, cả các thứ đơn gửi cho các quan An-Nam cũng vậy.

Dùng tem và giấy tín-chỉ. — Theo nghị-định ngày 17 tháng 12 bắt đầu từ ngày 1 tháng giêng năm 1933 trở đi, tem và giấy tín-chỉ phải theo như giá sau này:

Giấy tín-chỉ nhỏ, diện-tích	0m2044	giá	0$30
Hạng trung «	0,088	«	0,60
Hạng lớn «	0,126	«	0,90
Hạng nhỏ để làm đơn	0,044	«	0,18

Các trái-đơn. — Tiền thuế tem các giấy đòi tiền hàng, giấy nhượng nợ trong việc buôn bán, vân-vân, thì trước mỗi trăm đồng 0$10 nay tăng lên 0$12

Tem ngân-phiếu nhà băng. — Tem ngân-phiếu nhà băng (chèque) thì vẫn để nguyên 0$08

Tem biên-lai. — Tem dán các giấy biên-lai thì định như sau này:

Từ trên 10 $	đến	50$	thì	0$06
Từ 50.01	đến	100.	thì	0.12
Từ 100.01	đến	500.	thì	0.18
Từ 500.01	đến	1000.	thì	0.24
Từ 1000.01	đến	5000.	thì	0.36
Từ trên 5000$	trở	lên	thì	0.60

Tem yết-thị. — Yết-thị giấy chữ in hay chữ viết thì định như sau này:

Từ 40dm2 trở xuống: 0$06

Trên 4 dm2: 0$12.

Sau nữa, giấy biên-lai của các sở xe lửa cấp cho những người gửi hàng thì phải dán tem 0$10.

Giá rượu mới từ đầu năm 1933. — Ngày 27 Décembre vừa rồi, quan Toàn-quyền đã ký nghị-định định lại giá các thứ rượu sen, cúc, ích-thọ-tửu, ngũ-gia-bì như sau đây:

Ở các tỉnh Hà-đông, Hải-dương, Nam-định, Hưng-yên, Bắc-ninh, Thái-bình Bắc-giang, Bắc-kạn, (trừ miền Chợ Điền) Hà-nam, Phú-thọ, Sơn-tây, Kiến-an, Vĩnh-yên, Quảng-yên, Ninh-bình, Phúc-yên, Thái-nguyên, Hòa-bình, Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh và trong các tỉnh-lỵ Hà-nội, Hải-dương, Nam-định, Hải-phòng và Thanh-hóa giá các thứ rượu 50 độ và 35 độ bán cho các ty lớn nhỏ và các người mua lẻ từ 1er Janvier 1933 định như sau đây:

Các ty lớn: Rượu 50 độ hạng nhất: 100 chai 01 75 giá 33$80, hạng thứ 14 giá 31$20, 100 chai 01,50 hạng nhất giá 23$35, hạng thứ 14 giá 21$65, rượu 35 độ, 100 chai hạng nhất 01, 75 giá 24$65, hạng thứ 14 giá 22$15, 100 chai 01,50 giá 16$85 hạng thứ 14 giá 15$15.

Giá bán cho các ty nhỏ và bán lẻ:

Rượu 50 độ bán cho ty nhỏ chai 01, 75 giá 0$ 35, chai 01, 50 giá 0 $ 2375, bán lẻ chai 01, 75 giá 0$ 37, chai 01, 50 giá 0$ 25. Rượu 35 độ chai 01, 75 bán cho ty 0$ 2550, cho người mua lẻ 0p 27, chai 01, 50 bán cho ty 0 $ 1775, bán lẻ 0 $ 19.

Ở phía bắc Trung-kỳ những rượu 50 độ, Ích-thọ-tửu, Hou-Kou Mou-khoa và Ban-Koue-Lo 25 độ với Vệ-sinh Mễ-tửu 18 độ bán cho người uống : chai rượu 50 độ: 01,75 giá 0 $ 57, chai 01,50 giá 0 $ 39, chai 01,25 giá 0 $ 24.

Ích-thọ tửu, Hou Kou Mou Khoa và Ban Koue Lo bán lẻ chai 01,50 giá 0 $ 29 chai 01,25 giá 0 $ 20.

Vệ-sinh Mễ-tửu chai 01,50 giá 0$ 28, chai 01,25 giá 0 $ 19.

Giá vỏ chai 01,75 thì 0$ 10, chai 01,50 thì 0 $ 07, chai 01,25 thì 0 $ 06.

Chấm thi vẽ kiểu đài kỷ-niệm Triệu-tổ chữ quốc-ngữ. — Hồi 5 giờ chiều ngày 28 tháng 12 này, Hội-đồng dựng đài kỷ-niệm đã họp tại hội-quán Hội Khai-trí tiến-đức Hà-nội để chấm các kiểu thi vẽ đài kỷ-niệm.

Bãi bỏ mấy sở công. — Nghị-định quan Toàn-quyền ngày 29 tháng 12 năm 1932, kể từ ngày mồng 1 tháng giêng năm 1933 sẽ bãi bỏ sở Giám-đốc Khoáng-chất và Kỹ-nghệ (*Inspection Générale des Mines et de l'Industrie* và sở Giám-đốc Nông-lâm mục-súc (*Inspection Générale de l'Agriculture de l'Elevage et des Forêts*).

Các sở thuộc về sở Khoáng-chất và Kỹ-nghệ thì sẽ sáp-nhập với sở Công-chính. Còn sở Nông-lâm và Mục-súc thì sáp-nhập vào sở Kinh-tế.

Bãi mấy chức phó tri-châu. — Nay có nghị-định bãi những chức phó tri-châu ở năm châu như sau này: Lương-sơn, Lạc-sơn, Kỳ-sơn, Đà-bắc và Mai-châu. Những viên hiện-chức phó tri-châu ở năm châu ấy thì đều thải-hồi.

Quan phó Toàn-quyền Graffeuil ở Pháp đã sang Đông-dương. — Quan phó Toàn-quyền Graffeuil đi chiếc tầu «*d'Artagnan*» ở Pháp sang tới Sài-gòn ngày 27 tháng 12 này. Ngày 29 ngài đáp tầu «*Claude Chappe*» ra Hà-nội.

Ân-xá về dịp đức Bảo-đại hồi-loan. — Mới đây quan Thống-sứ Bắc-kỳ có thông-tư cho các quan Công-sứ các tỉnh, các quan coi các đạo quan binh, các quan Đốc-lý Hà-nội Hải-phòng và viên Chánh nhà pha Hỏa-lò Hà-nội hai đạo công-văn nói về ân-xá, đại-lược như sau này :

Đạo thứ I

Nhân dịp lên cầm quyền-chính, đức Bảo-đại đã ý hợp cùng chính-phủ Bảo-hộ, ra lệnh ân-xá cho ít nhiều các tội-nhân về chính-trị-phạm hay thường-phạm do các tòa Nam-án Trung-kỳ đã kết-nghĩ.

Sau khi đã hỏi ý-kiến quan Toàn-quyền, muốn cho công-bằng, tôi xem ra cũng nên thi-hành lệnh ân-xá tương-đương cho các tội-nhân ở Bắc-kỳ, đã phạm tội ở Bắc-kỳ, mà do các tòa Tây-án hay Nam-án khép tội.

Vậy các ngài xét xem trong các tội-nhân hiện giam ở các ngục-thất thuộc quyền các ngài, xem người nào được hưởng cái thể-lệ ân-xá ấy — ân-xá, giảm tội, tạm-tha — trong dịp đức Bảo-đại hồi-loan, mà những tội phạm ấy phải là những tội phạm trước khi đức Bảo-đại hồi-loan, nghĩa là trước ngày 10 septembre 1932.

Chỉ những tội-nhân nào xét ra đã biết hối-hận và đã biết tu-tỉnh lại thì mới được tư cho tạm tha, giảm tội hay ân-xá và phải nói rõ rằng việc ân-xá ấy là do dịp đức Bảo-đại hồi-loan.

Về các chính-trị-phạm thì quan Thống-sứ nhắc cho các quan Công-sứ các tỉnh ở Bắc-kỳ biết rằng ở Trung-kỳ chỉ có cho tạm-tha, đổi tội chung-thân ra tội có kỳ-hạn và giảm tội mà thôi.

Những tội-nhân được tạm-tha thì phải là những người đã có chịu tội như luật đã định mới được.

Đạo thứ II

Tiếp theo với tờ thông-tư trước về việc ân-xá dự-định trong dịp đức Bảo-đại lên cầm quyền-chính, nay bản-chức ân-cần nhờ các ngài lưu-ý về sự lợi-ích đối với việc ân-xá ấy, là tha cho nhiều người mà vẫn giữ được sự công-an, để cho việc ân-xá này vừa có ý-nghĩa mà lại có ảnh-hưởng nữa.

Chúng ta chẳng những mong về đường tinh-thần thôi đâu, lại nên mong điều kết-quả này nữa, cũng rất nên chú-ý, là các ngục-thất ở Bắc-kỳ, hiện nay phần nhiều chứa các tội-nhân quá cái số định, thì nên làm cho các ngục-thất ấy vợi bớt người đi.

Bởi vậy các ngài nên vì cái ý-nghĩa đó mà tư xin ân-xá, giảm tội, lên bản-chức xét, và nhất là nên tìm trong bọn khả-dĩ ân-giảm những người nào tính-hạnh khá-khá để khi được tạm tha, có thể biết hối-hận và chóng phục-hồi với xã-hội được.

Nếu có những lẽ đích-đáng mà các ngài tư xin ân-xá, như là người phạm tội đã cao tuổi, hoặc là chăm-chỉ làm việc, hoặc là tính-hạnh ngoan-ngoãn, dù quốc-sự-phạm cũng được, thì bản-chức cũng sẵn lòng xét đến. Còn như giảm tội, thì nên ban cho những tội-nhân nào thái-độ tử-tế mà không được tư tạm tha.

Những tội-nhân dưới 21 tuổi và trên 50 tuổi thì các ngài nên rộng lòng xét đến cả. Sau nữa, phàm những người chỉ còn sáu tháng trở xuống được mãn-hạn mà hạnh-kiểm không có điều gì khả-trách thì nên tư xin ân-xá hay tạm tha hết.

Xứ Trung-kỳ trong dịp này, cũng chẳng ngại gì mà đã ân-xá hoặc giảm tội cho tới 3000 người, nghĩa là ba phần tư cái số tội-nhân giam tại các ngục-thất. Đó là một sự đại-lượng chắc có ảnh-hưởng rất hay mà ở Bắc-kỳ cũng nên để ý đến, nhất là các giấy tư xin của các ngài lại làm được cẩn-thận và các ngài điều-đình với sở Mật-thám để-phòng mọi cách trông nom cho những người mãn-tội trở về nguyên-quán, quản-thúc họ và gìn-giữ cho sự công-an trong xứ.

Cho được khỏi chậm-trễ thì bản-chức nhờ các ngài đệ thẳng về bản-chức những giấy kê-khai riêng từng tội-nhân và đừng gửi qua về Chưởng-lý-cục, để bản-phủ xét tờ tư của các ngài xong sẽ tư-hỏi ý-kiến quan Chưởng-lý. Vậy chức-trách các ngài là chỉ có việc tư ân-giảm cho các tội-nhân thôi, và nếu có cần thì nên hỏi ý quan Công-sứ tỉnh đã kết-án các tội-nhân trước, nhưng các ngài nên tư cho họ một cách rất quảng-đại. Quan Công-sứ tỉnh kết-án trước, khi phê ý-kiến thế nào rồi sẽ đệ giấy tư của các ngài thẳng về bản-phủ.

Các ngài nhờ đệ các bản tổng-kê cùng với giấy tư riêng từng người về bản-phủ, nếu tội-nhân do tòa Tây-án kết-nghị thì đệ về tòa nhất, và do tòa Nam-án kết-nghĩ thì đệ về Tòa nhì.

Những giấy tư ân-giảm ấy, nhờ các ngài đệ về trước ngày 20 décembre. Những giấy tư trước, phần nhiều làm không hợp với đại-ý trong tờ thông-tư này thì bản-chức gửi lại trả các ngài.

(Trích báo Trung-bắc

Tù vượt ngục nhà thương. — Đêm ngày 24 tháng 12 này, 7 người tù chính-trị-phạm nằm chữa bệnh ở nhà thương bảo-hộ Hà-nội, dùng cưa thép cưa song sắt mà ra trốn thoát khỏi nhà thương. Bảy người tù ấy nguyên bị kết án như sau :

Bùi Xuân-Mẫn	20 năm cấm-cố.
Nguyễn Trọng-Đàm	20 năm cấm-cố
Nguyễn Tài	20 năm cấm-cố.
Nguyễn Lương-Bằng	20 năm khổ-sai.
Phạm Quang-Lịch	20 năm khổ-sai.
Lê Đình-Tuyền	15 năm cấm-cố.
Vũ Duy-Cương	10 năm khổ-sai.

Một tạp-chí mới. – Bản-chí mới tiếp được số thứ nhất *Tân-Á tạp-chí* là tạp-chí của *Société Franco Asiatique d'édition et de publicité* ở Sài-gòn đường *Mac-Mahon* số 89 mới xuất-bản. Chủ-nhiệm là ông Đoàn Trung. Còn giá bán mỗi số 0 $ 30, sáu số 1 $ 60, 12 số 3 $ 00.

Bản-chí kính mừng bạn đồng-nghiệp mới.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tục-ngữ ca-dao. PHẠM QUỲNH soạn và tập. — giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. - Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp : 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp.
   Quyển thứ I 4 hào.
   Quyển thứ II 5 hào.
6. Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan.
   (In lần thứ hai). 5 hào.
11. — La Poésie annamite. 4hào.

Sắp xuất-bản :

12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hòa-lạc.

Giới-thiệu sách mới

Truyện cổ nước Nam. — Quyển nhất, của ông Ôn-như Nguyễn Văn-Ngọc soạn. Ông có tính hâm-mộ, luyến-ái riêng với những « truyện cổ » hơn là bao nhiêu cái cổ khác. Nên đã lâu năm ông tìm-tòi truyện cổ, góp nhặt truyện cổ, thu-xếp truyện cổ, nghe-ngóng, kể-lể truyện cổ, mua-chuộc, giữ-gìn truyện cổ, mới hay ghi-chép được nhiều truyện cổ, mà ông dám quyết rằng thuần là truyện cổ nước Nam. Lời mào đầu ông nói : « Những truyện cổ sưu-tập ra đây, chúng tôi dám quyết rằng thật là của riêng của nước Nam, tự người Nam sáng-tác, xuất-sản ra, chớ không phải đi vay, đi mượn, nhờ vả vào ai mà được. Một chứng-cớ rõ-ràng : Hơn 120 truyện trong sách, không có mấy truyện là không hàm một đôi câu thành-ngữ, hay sáo-ngữ, ca hát hay phong-dao, bằng tiếng Nam, nghĩa là một thứ tiếng riêng nó làm cho nước Nam mới thật là nước Nam vậy. Gián-hoặc có một đôi truyện, phảng-phất tương-tự giống như truyện Tàu, thì chẳng qua cũng chỉ là bất-kỳ ngẫu-nhiên mà thôi. Còn bảo có nhiều truyện tất đã chịu một cái ảnh-hưởng xa-xôi tự ngoài đem vào, thì cái ảnh-hưởng đó chắc là do tự đạo Phật bên Ấn-độ tràn sang, hơn là do từ của đạo Khổng bên Chi-na đưa lại. — Vả chăng đã là người, dù ở phương đông hay phương tây, dù phân da trắng hay da vàng, cũng là thuộc về một nhân-loại, cũng cùng chung một tư-tưởng như nhau được. Vậy người nước Nam cũng là người có một cái óc, cái tâm-tính như người, thì há lại không tự nghĩ-ngợi, phát-minh nên được một cái gì giống như người hay sao ?

« Quyển sách này đề nhan là « *Truyện cổ nước Nam* » là có ý muốn phô-trương tỏ rõ rằng nước Nam ta cổ là ở đó, xưa văn-minh sớm hơn người ở như đó, và nay già-cỗi chậm hơn người có nhẽ cũng vì đó.

« Trong truyện đại-khái chia phác ra làm năm mục như sau :

1° Những truyện thuộc về cái lối cổ-tích hoặc dã-sử ; cha mẹ hay ông bà tối-tối thường kể cho con cháu nghe ;

2° Những truyện mà kết-cục đã thành câu phương-ngôn, lý-ngữ, hoặc trái lại, xuất-xứ từ những câu lý-ngữ phương-ngôn ấy ra ;

3° Những truyện thuần về văn-chương trong có những câu ca, bài hát nôm-na mà vui thú, giản-dị mà tự-nhiên, xưa kia đâu đó vẫn thường truyền-tụng ;

4° Những truyện trong ngụ một cái ý cao-xa thuộc về triết-lý ; may ra so bì được với Bách-tử bên Trung-quốc, và sau này có đem vào môn học cổ-điển của nước nhà ;

5° Những truyện vui chơi cười đùa có lý-thú, để tiêu-sầu khiển-muộn, nhưng chưa quá thuộc về cái thể gọi là « Tiếu-lâm ».

Song cách xếp-đặt lại tùy-liệu mà gián-đoạn đi, như sau một vài truyện hoang-đường quá ư cổ, lại để một truyện ngụ-ngôn cổ mà kim ; trước một truyện khuyến-thiện, thuộc về tôn-giáo, lại xen năm ba chuyện câu văn bóng-bẩy, thú-vị, hay nhởi-nhẽ bông-lơn vui-cười, thỏa-thích. »

Cách xếp đặt như thế ai xem cũng có hứng-thú mà lấy làm vui.

Truyện-cổ nước Nam ta xưa nay truyền lại cũng nhiều, mà phần nhiều là lối truyền-khẩu cả, không mấy ai biên-chép lại thành tập.

Đồ sứ của Tàu thì nhiều người mua chuốc lấy, chứ câu truyện cổ của ta thì ít kẻ tìm-tòi ghi giữ lại, lâu ngày tất xao-nhãng quên đi mà mất đi dần.

Nay ông Ôn-như dụng công sưu-tập sửa-soạn in ra thành sách, thực là giữ lấy được một kho vàng vô-giá của ông cha để lại làm vốn rất quí cho con cháu được nhờ. Các nhà văn-sĩ bây giờ có thể nhân đấy, biến-hóa, bày đặt ra nhiều lối văn mới khác, mà không phải cứ ép mình, cúi đầu, đi mượn cốt-cách, điển-tích của người ngoài.

Giữa lúc cổ, kim xung-đột, kim có thế mạnh, như muốn nuốt cổ, mà ta cố lựa-lọc giữ được một vài phần hay trong những cái cổ của ta, nó khiến ta bao giờ cũng phải nhớ ta là ta, không phải là ai, thì cái công việc biên-tập sách này không phải là vô-ích

Phàm làm người Nam ai chẳng nên biết truyện cổ nước Nam, vậy bản-chí vui lòng giới-thiệu cùng chư độc-giả. Sách dầy 264 trang, bán tại hiệu Vĩnh-hưng-long thư-quán số 49-51, phố hàng Đường Hà-nội. Giá sáu hào.